



GIÁ BÁN TOÀN-QUỐC { 1 số (tư-nhân) 12\$
 1 số (công-sở) 24\$

GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN
 Nghị-định số 332 Cab/Sg.
 ngày 5-5-1952

In tại nhà in
 BÌNH-MINH
 149, Đ. Yên-Đỗ — Saigon

VĂN-HÓA

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

MỤC-LỤC TRÍCH-YẾU

- ★ Theo dấu Từ-Thức. TÂN-VIỆT-ĐIỀU
- ☆ Nguyễn-công-Trứ. NGUYỄN-CÔNG-HUẤN
- ★ Hoa thu. ĐOÀN-THÊM
- ☆ Khảo luận về Cung-oán ngâm-khúc. . PHẠM-VĂN-DIỀU
- ★ Hồ Tĩnh-tâm. BỬU-CẨM
- ☆ Trương-tiến-Bảo. NGUYỄN-TRIỆU
- ★ Tạ nhó (Thơ). TRẦN-TUẤN-KHAI
- ☆ Vấn-đề quốc-ngữ Trung-Hoa. . L.M. NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN
- ★ Cánh đồng (Thơ). VŨ-ĐỨC-TRINH
- ☆ Đọo-đức-kinh quốc-văn giải-thích. . NGHIỆM TOÀN
- ★ Công-nghiệp giáo-dục
của Khổng Phu-Tử. ĐẶNG-MỘNG-LÂN
- ☆ Trường-hạp ca.
(chú-giải). YÃ-HẠC
và TRINH-NGUYỄN

VÀ CÁC MỤC THƯỜNG - XUYỀN

Xem mục-lục đầy-đủ nơi trang trong

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

LOẠI MỚI - SỐ 44 THÁNG 9 NĂM 1959

ĐÍNH-CHÍNH

| Trang | Dòng | In là : | Xin đọc là: |
|-------|-----------|-------------|-------------|
| 1050b | cuối cùng | chấn | châu |
| 1073 | 11 | ngùn | nùng |
| — | 16 | chưa | chữa |
| — | cuối cùng | trước | trúc |
| 1074 | 4 | thiên-nhiên | thanh thiên |
| 1075 | 3 | trăng | giờng |
| — | 4 | mạng | mộng |
| 1194 | cuối cùng | YÃ-MẠC | YÃ-HẠC |

VĂN-HÓA

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

LOẠI MỚI - SỐ 44 THÁNG 9 NĂM 1959

MỤC - LỤC

I. — VĂN-HÓA VIỆT-NAM

| | <i>Số trang</i> |
|--|-----------------------|
| — Theo dấu Từ-Thức. | TÂN-VIỆT-ĐIỀU 1039 |
| — Thân-thế và sự-nghiệp của Nguyễn-công-Trứ (tiếp theo và hết). | NGUYỄN-CÔNG-HUÂN 1056 |
| — Khảo-luận về Cung-Oán ngâm-khúc. | PHẠM-VĂN-ĐIỀU 1078 |
| — Hoa thu. | ĐOÀN-THÊM 1088 |
| — Long-vân-hầu Trương-tiến-Bảo. | NGUYỄN-TRIỆU 1092 |
| — Một giả-thuyết về truyện Tám Cám (tiếp theo và hết). | NGUYỄN-KHẮC-NGŨ 1100 |
| — Qui hạc là gì ? (tiếp theo và hết). | TU-TRAI 1105 |
| — Doãn-Uần (tiếp theo). | TÔ-NAM 1111 |
| — Hồ Tịnh-Tâm. | BỬU-CẨM 1118 |
| — Cuộc Nam-tiến của dân-tộc Việt-Nam (tiếp theo và hết). | TU-NGUYỄN 1132 |
| — Thi ca: Ta nhớ. | TRẦN-TUẤN-KHẢI 1122 |
| — Tám gương chí-sĩ. | NGUYỄN-VĂN-HẦU 1124 |
| — Đà-lạt hữu-cảm. | THÙY-THIÊN 1126 |
| — My-nương Trương-Chi. | HỒNG-THIÊN nữ-sĩ 1127 |

| | | | |
|---|-------------------|----------|------|
| — Trung-thu vọng-nguyệt. | ĐÀO-THỊ VĂN-KHANH | Số trang | 1129 |
| — Chơi quê. | ĐÔNG-XUYỀN | | 1129 |
| — Cảnh đồng (Thơ Việt và bản dịch Anh-văn). | VŨ-ĐỨC-TRINH | | 1130 |

II.— VĂN-HÓA THẾ-GIỚI

| | | | |
|--|------------------------|--|------|
| — Đạo-đức.kinh quốc-văn giải-thích. (tiếp theo). | NGHIÊM TOÀN | | 1145 |
| — Văn-đề quốc-ngữ Trung-Hoa (tiếp theo và hết). | L. M. NG-KH-XUYỀN | | 1150 |
| — Công-nghiệp giáo-dục của Khổng-Phu-Tử (tiếp theo). | ĐẶNG-MỘNG-LÂN | | 1156 |
| — Tương-lai của giáo-dục tráng-niên. (tiếp theo và hết). | THIỆN-PHƯỚC | | 1164 |
| — Khoa-học với vấn-đề « Sóng và Chết ». | THÙY-NHÂN | | 1173 |
| — Trường-hận ca. | YÃ-HẠC và TRỊNH-NGUYỄN | | 1184 |
| | chú-giải | | 1194 |

III.— TIN-TỨC VĂN-HÓA

| | | | |
|-------------------|--|--|------|
| — Tin trong nước. | | | 1195 |
| — Tin ngoài nước. | | | 1203 |

TRANH-ẢNH TRONG SỐ NÀY

- Hành-trình của Từ-Thức theo Truyền-kỳ mạn-lục
- Ba bản-đồ về Thanh-Hóa thừa-tuyên, Kinh-Bắc thừa-tuyên và Trung-đô Thăng-Long thành.
- Bài-vị thờ Trương-tiến-Bảo.
- Bản-đồ cuộc Nam-tiến của dân-tộc Việt-Nam.
- Bản-đồ Việt-Nam qua các thời-đại.



THÔNG-ĐIỆP CỦA

TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

NHÂN DỊP LỄ KỶ-NIỆM THÁNH-ĐẢN ĐỨC KHÔNG-TỬ

*(do Bộ Quốc-Gia Giáo-dục tổ-chức tại Tòa Đố-Sảnh Sài-gòn,
ngày 28-9-1959)*

Đồng-bào thân mến

Hôm nay là ngày Thánh-Đản Đức KHÔNG PHU TỬ. Chúng ta hãy cùng nhau vui mừng và tha-thiết biêu-lộ lòng tôn-kính đối với Vị Thầy vạn. thế của các dân-tộc Á-Đông chúng ta và đồng-thời cùng nhau tưởng niệm lại những lời giáo-huấn vàng ngọc của Ngài, những lời giáo-huấn đã từng nuôi dưỡng tâm hồn đạo-đức của ông cha chúng ta, từ mấy ngàn năm nay.

Sở dĩ tôi gọi Ngài là Vị Thầy vạn thế, bởi vì đạo-lý của Ngài, bất cứ ở thời-đại nào, cũng rất phù-hợp với khát vọng tinh-thần sâu xa nhất của tâm hồn nhân loại.

Riêng xã-hội Việt-Nam chúng ta, trải qua bao nhiêu cuộc hưng vong, biến đổi về chính-trị, qua bao nhiêu xáo-trộn và lo lắng về kinh-tế, vẫn giữ được cái nề-nếp kỷ-cương của nó, vẫn bảo-tồn được tấm lòng tôn-trọng tinh-thần và sự giữ-gìn lễ nghĩa của nó, há chẳng phải vì tâm hồn dân-

tộc chúng ta đã từng thắm-nhuần sâu xa cái quan-niệm về liêm-sĩ, tiết-nghĩa mà Khổng-Học đã truyền-thụ cho ông cha chúng ta sao ?

Ngày nay, làn sóng duy-vật vô-thần bắt đầu tràn lan trên thế-giới. Nó cũng khởi sự len vào cửa ngõ của đất nước chúng ta. Nó muốn phá đổ mọi nền móng tinh-thần xưa cũ của Ông cha ta để lại, nó muốn cắt đứt hết mọi mối dây liên-lạc tình-nghĩa giữa tổ-tiên và con cháu, giữa cha mẹ và con cái, giữa vợ chồng và anh chị em với nhau. Nó muốn đưa chúng ta đến một thế-giới không linh-hồn, không tình-nghĩa, không liêm-sĩ. Nó muốn biến chúng ta thành những con vật sản-xuất mà không còn biết đến nguồn gốc, cứu cánh của mình nữa.

Nhưng bình-tĩnh mà xét, thử hỏi, trừ những tâm hồn bệnh tật, trừ những óc não thiên-lệch hoặc cuồng tín do những xáo-trộn của thời đại gây ra, người Việt-Nam nào lại không muốn duy-trì và củng-cố những điều nhân, nghĩa, tiết, liệt ?

Vậy thiết tưởng muốn xây dựng một xã-hội Việt-Nam tốt đẹp, một xã-hội phù hợp với khát vọng chính đáng của mọi người, chúng ta đều phải cùng nhau góp phần vào công cuộc chặn đứng làn sóng duy-vật tàn hại kia, cùng nhau ra sức bảo-vệ những giá-trị luân-lý cổ-truyền do ông cha để lại, bảo-vệ phẩm giá linh-thiêng của con người.

Song cái nền tảng thiết-yếu của một nền luân-lý tôn trọng phẩm-giá linh-thiêng của con người, chính là lòng tịn-tưởng và thành kính đối với một Đấng Thượng-Đế linh-thiêng tạo dựng và an bài vũ-trụ.

Đạo-lý của Đức KHÔNG-TỬ đã từng dạy ông cha chúng ta biết đến lòng thành kính đối với Đấng Thượng-Đế ấy, khiến chúng ta vì Ngài mà biết ăn ở cho xứng đáng đạo làm người. Ngài nói : « Bất tri thiên mệnh vô dĩ vi quân tử giả ». (*Không biết mệnh Trời thì không phải là quân-tử*). Vậy trên đường phục-hưng dân-tộc, chúng ta cùng nhau tưởng niệm và bảo tồn lấy niềm tin-tưởng thành-kính đó, cùng nhau trở về nguồn mạch Khổng-Học để múc lấy những luồng sinh-lực dồi-dào đã từng bồi-dưỡng tâm hồn ông cha chúng ta ngày trước.

Lòng tin ở Thượng-Đế trong Nho-giáo lại đưa tới lòng tin khác nữa : đó là tin phẩm-giá linh-thiêng của tâm hồn nhân-loại. Nhân linh ư vạn vật : con người linh-thiêng hơn hết mọi loài. Bởi vì con người là con cái Thượng-Đế, là Đấng linh-thiêng bất tử. Bởi vì là con cái của Thượng-Đế, con người biết Nhân là tình yêu, biết Nghĩa là biết phân biệt phải trái. Cho nên Khổng-Giáo dạy ta tin ở sự tồn tại của linh-hồn sau khi đã chết. Lòng tin này biểu-lộ trong sự thờ kính tổ-tiên ? Sách Lễ-Ký chép :

« Chết không phải là hết. Chỉ hết cái hình hài mà thôi, còn cái tinh anh tức là tinh-thần thì lại về chỗ sáng rõ trong vũ-trụ » (Tủ tất quy thổ, cốt nhục tậ ư hạ, âm vi dã thổ, kỳ khí phát dương ư thượng vi chiêu minh).

Vi thế, Đức KHÔNG-TỬ mới dạy phải thờ phụng tổ-tiên cha mẹ lúc chết rồi cũng như khi còn sống. Tất nhiên sự thờ phụng không cốt tại sự cúng dâng những lễ-vật thực-phẩm, nhưng cốt ở tấm lòng kính nhớ, luôn luôn muốn noi gương sáng-láng của các Ngài mà ăn ở cho xứng đạo làm người, làm sao cho rạng danh tiên-tổ Sau nữa, lòng

thành kính tồ-tiên cũng là dịp nhắc-nhủ cho chúng ta biết rằng sau này đến lượt chúng ta chết đi cũng không phải là hết cả. Cái linh-hồn thiêng-liêng của chúng ta sẽ còn tồn-tại. Vậy chúng ta phải ăn ở làm sao để linh-hồn ấy sẽ được tiêu dao nơi cõi phúc. Như vậy, cả một mối liên-lạc tinh-thần nối liền người chết, kẻ sống, quá khứ, hiện tại và vị lai trong một vũ-trụ tâm linh thần diệu. Chính mối liên-lạc ấy là lực-lượng vô song, gìn giữ gia-đình và tồ-quốc

Đồng bào thân mến,

Trong cuộc cách mạng vĩ đại đang làm chấn-động các nước kém mở mang. một cuộc cách mạng mà các dân-tộc Á-Phi không muốn cắt đứt với cái giá trị chân-chính và vĩnh-viễn của truyền-thống Á-Phi, thiết tưởng nên suy-niệm lại mấy điểm chính-yếu trong học-thuyết của Đức KHÔNG PHU TỬ. Chúng ta nhận thấy rằng học-thuyết đó rất quý giá và phù-hợp với quan-niệm nhân-bản duy-linh của chúng ta hiện nay. Theo quan-niệm này, chúng ta biết trên thì tôn Thượng-Đế, kính nhớ Tồ-Tiên, dưới thì lấy Nhân, Lễ, Nghĩa để giao-hào với anh em đồng loại. Như vậy, trong xã-hội mọi người biết sống đúng với địa-vị của mình, xứng đáng với phẩm-vị và thiên-chức của con người.

Hôm nay, tưởng niệm đến Đức KHÔNG-TỬ, chúng ta cùng nhau nguyện ước cố-gắng noi theo những điều giáo-huấn của Ngài, để cùng nhau góp phần vào công cuộc kiến-thiết xứ-sở, xây-dựng một dân-tộc biết tự-trọng, tự-cường, trong đó mọi người anh em công-dân đều được chung phần tự-do hạnh-phúc thật-sự và bền vững



DIỄN-VĂN KHAI-MẠC CỦA

VỊ ĐẠI-DIỆN BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

NHÂN DỊP LỄ KỶ-NIỆM THÁNH-ĐẢN ĐỨC KHÔNG-TỬ

(ngày 28-9-1959)

Kính thưa Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục,
Đại-diện Tổng-Thống,

Kính thưa Ông Chủ-tịch Quốc-Hội,

Kính thưa Quý Vị Bộ-Trưởng,

Thưa Ông Hội-Trưởng Hội Khổng-Học,

Thưa Quý Vị tân-khách,

Hàng năm, cứ đến ngày 28 tháng 9 dương - lịch, lễ Kỷ-niệm ngày Thánh-Đản Đức KHÔNG-TỬ được cử - hành tại Thủ-đô cũng như trên khắp lãnh-thổ Việt-Nam Cộng-Hòa.

Sáng nay, trong buổi lễ Kỷ-niệm bậc « Vạn thế sư biểu Đông-Phương », trước khi phát biểu ý-kiến, tôi kính cần nghiêng mình trước di-tượng Đức Đại-thành chí thánh KHÔNG PHU-TỬ. Tôi cũng trân-trọng kính đệ lời cảm ơn Vị Đại-diện Tổng-Thống và xin Vị Đại-diện Tổng-Thống đạo-đạt lòng tri ân của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục lên Tổng-Thống đã vui lòng đặt buổi lễ này dưới quyền chủ-tọa tối cao của Người.

Tôi lại xin cảm ơn Ông Chủ-Tịch Quốc-Hội, Quý Vị Bộ-Trưởng mà sự hiện-diện ở đây khởi sắc thêm cho buổi lễ đơn-giản nhưng chân-thành này. Đồng thời, tôi xin cảm tạ Ông Đô-Trưởng Đô-Thành Sài-gòn đã vui lòng đề ban Tồ-chức xử-dụng Phòng Khánh-Tiết sáng nay. Sau hết, tôi xin cảm ơn Quý Vị tân khách đã hưởng-ứng đồng đạo lời mời của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đến dự lễ Kỷ-niệm.

Trong các bức Thông-điệp nhân dịp Lễ Thánh-Đản Đức KHÔNG-TỬ trong mấy năm qua, Tổng-Thống đã từng nhắc đến đạo-lý vừa cao-siêu, vừa thiết-thực của Ngài, lấy con người làm căn-bản « Đạo bất viễn nhân, nhân chi vi đạo nhi viễn nhân, bất khả vi đạo » (Đạo không xa cái bản tính con người, nếu vì đạo mà xa cách bản tính con người, đạo không phải là đạo nữa), vi đạo tức là chân-lý ở trong lòng người, và hành đạo chỉ cốt làm rõ-tệ cái chân-lý đó. Đạo ở đây là đạo làm người có thể sánh với cửa ra vào trong nhà, ra khỏi nhà không thể không qua cửa được « Thủy năng xuất bất do hộ, hà mạc do tư đạo dã ».

Thưa Quý Liệt Vị,

Buổi lễ Kỷ-niệm hôm nay là để tỏ lòng thành kính đối với bậc Thánh-Triết có công đề-xướng ra một đạo-lý đã từng đóng góp vào công cuộc xây-dựng tài bồi nền văn-hóa và đạo-đức Đông-Phương.

Nhưng muốn tỏ lòng thành kính đó một cách cho thật xứng đáng, chúng ta nên có thái-độ như thế nào ?

Theo Hàn-Dũ thời Khổng-Học truyền cho Mạnh-Kha, Mạnh-Kha mất rồi yếu-nghĩa của Khổng-Học cũng thất-truyền theo.

Sự thực thời chính Hàn-Dũ đã phát-huy được một bộ-phận của Khổng-Học, và sau Hàn-Dũ có Vương-Dương-Minh lại cũng phát-huy được bộ-phận nữa : Dù sao, thê-hệ của Khổng-Học tới nay vẫn chưa được siêng dương hoàn toàn.

Đó là ở Trung-Quốc, nếu ta ngó qua lịch-sử Văn-học nước nhà, ta sẽ nhận thấy thời nào cũng có những vị túc-nho chân chính tỏ ra có một thái-độ sáng-suốt xây-dựng đối với Khổng-Học.

Chúng tôi chỉ xin trích-dẫn ra đây lời phê-bình đầy ý-nghĩa của Ngô-Sĩ-Liên trong *Đại-Việt Sử-Ký Toàn Thư* về Chu-An, tác-giả *Tứ-Thư Thuyết-Uớc* : « Sau muôn năm, nghe cái phong của tên-sinh, người ngoan ngoan cũng hóa ra liêm, kẻ vốn hèn cũng tự lập được. Làm tôn-phái nhà Nho của nước Việt ta mà đưa vào thờ ở Văn-Miếu là rất đáng vậy. »

Gần đây, chúng ta lại thấy rõ thái-độ sáng-suốt xây-dựng đối với Nho-giáo trong chính-sách giáo-dục và văn-hóa của Việt-Nam Cộng-Hòa.

Trong bài huấn-từ nhân dịp lễ Khánh-thành Viện Đại-Học Huế ngày 12-11-1957, Tổng-Thống có nói : « Một trong những diêm của công-cước cách-mạng Quốc-gia đã khởi-thủy từ non một thế-kỷ nay, chính là việc cải-cách nền giáo-dục để thực-hiện song song hai mục-tiêu chính : phát-triển giá-trị truyền-thống quốc-gia, đồng thời tiếp nhận những tiến-bộ từ ngoài du nhập ».

Trong năm 1958, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã cải-tổ toàn diện chương-trình Trung-Học, dựa trên ba nguyên-tắc Nhân-bản, Dân-tộc và Khai-phóng, nhằm mục-đích phát-huy những giá-trị cổ-truyền nhưng đồng thời mở rộng đón tiếp tinh-hoa của văn-hóa bốn phương cũng như những tiến-bộ của văn-minh khoa-học, hầu tạo cho thanh thiếu niên đủ điều-kiện hoàn thành sứ-mạng làm người của mình.

Vậy thiết tưởng đề tỏ lòng thành kính với Đức KHÔNG-TỬ mà chúng ta cử hành lễ Kỷ-Niệm Thánh-Đàn hôm nay, chúng ta không nên áp-dụng Khổng-giáo một cách câu-nệ và thụ-động, nhưng phải theo thời mà biến-đổi cho hợp thời, mới mong khỏi phân-bội cái tinh-thần chân-chính của Khổng-giáo.

26



THEO DẤU TỪ'-THỨC

☆ TÂN-VIỆT-ĐIỀU ☆

VƯỜN văn-học Việt-Nam vừa mới thêm một đóa hoa quý : hoa mẫu đơn. Chúng tôi muốn nói là thi-phần « Từ-Thức hay là kẻ tìm đường » của Đoàn-Thêm, do Vũ-Văn-Mẫu đề tựa và Thái-Văn-Kiểm chú-thích.

Thi-phần « Từ-Thức hay là kẻ, tìm đường » đã làm cho chúng tôi liên-tưởng đến cảnh hoa mẫu đơn, thứ hoa yêu quý của Dương Quý-Phi, thứ hoa trang trọng đã nở về mùa xuân trong một ngôi chùa cô-kính, thuộc Huyện Tiên-Du miền Kinh Bắc.

Cảnh mẫu đơn đã làm trung-gian cho một mối tình thăm-kín và lặng-lẽ, chỉ kết-tụ với thời gian, giữa Giáng-Hương và Từ-Thức. Nó không bộc-phát mê-ly như tiếng sáo của Trương-Chị, mãnh-liệt như tiếng chuông của Quassimodo và thúc-giục như tiếng trống của Muhomatsu, người phu-xe Nhật-Bản.

Dù sao, hầu hết những mối tình ly-kỳ tự cô chí kim, đều phải có trung-gian, dù trung-gian ấy là thảo-mộc, là loài vô tri vô giác. Vật trung-gian ấy có thể là bức tranh của Giáng-Kiều trong Bích-Câu Kỳ-Ngộ, cũng có thể là chiếc ngà voi của Công-Chúa Pala trong dã-sử Chiêm-Thành và cũng có thể là khúc sạn-hương của Thiên-Y Thánh Mẫu.

VĂN-HÓA — SỐ 44

1039

Cho nên, vạn nhất nếu cành mẫu đơn không bị đánh gãy thì mấy ai đã đề ý đến nàng Giáng-Hương! Và làm sao có đề-tài cho văn-nhân thi-sĩ thù dệt thành truyện ly-kỳ của chàng Từ-Thức!

Người đầu tiên đã mở đường cho ta thông-cảm với « chàng Từ-Thức » là Cụ Nguyễn-Dữ, tác-giả « Truyền-Kỳ Mạn-Lục » một bộ sách cổ xuất-hiện từ đầu thế-kỷ XVI, trong đó có chuyện Từ-Thức treo ấn từ quan, lên tiên kết bạn, sinh nở nhưng lại trở về cố-lý, rồi đâm ra chán nản mới đội nón khinh-cừ, vào núi Hoàng-Sơn biến đi đâu mất.

Từ ngày Từ-quân noi gương Lão-Tử cõi thanh-ngưu quá quan Hàm-Cốc, biến dạng về phương Tây, đến nay kể đã hơn bốn trăm năm, mà lòng người vẫn còn mơ ước được thiên tài nhưt thì đóng vai Từ-Thức; cho nên đã có nhiều văn-nhân thi-sĩ thỉnh thoảng lại đem đề-tài ấy ra làm thơ, viết truyện, gửi lại đây một ít tâm tình cho hậu thế.

Nay chúng ta hãy đón lấy một ít tâm tình ấy bằng cách xem lại những truyện đã có về Từ-Thức: theo Truyền-Kỳ Mạn-Lục, theo Đại-Nam Nhất Thống Chí, theo Nôm-Hải Di-Nhân của Phan-Kế-Bính và sau cùng theo thi-sĩ Đoàn-Thêm, ngõ hầu đối chiếu những điểm dị-đồng, tìm hiểu bối cảnh và tâm-trạng của những nhân-vật chính-yếu.

1.— CHUYỆN TỪ-THỨC THEO « TRUYỆN-KỶ MẠN-LỤC »

THEO « Truyền-Kỳ mạn-lục » của Nguyễn-Dữ (bản dịch của Trúc-Khê Ngô-Văn-Triệu — Tân-Việt xuất-bản, Sài-gòn 1952), thì chuyện Từ-Thức lấy vợ tiên có thể tóm-tắt sơ lược như sau:

Năm Quang-Thái đời Nhà Trần, có người ở Hóa-châu tên là Từ-Thức được bổ làm tri-huyện Tiên-Du. Bên cạnh huyện có ngôi chùa danh tiếng, trong chùa có trồng một cây mẫu đơn, đến kỳ hoa nở, người các nơi đến xem đông rộ-rịp thành một đám hội xem hoa rất tưng bừng.

Tháng hai năm Bính-tý, niên-hiệu Quang-Thái thứ 9, đời nhà Trần, có một cô gái tuổi độ 16, nhan-sắc xinh đẹp tuyệt vời đến hội xem hoa. Nàng vin một cành hoa, không may cành giòn bị gãy, nên người coi hoa giữ lại, bắt đền, đến tối cũng không ai đến nhận. Từ-Thức thấy vậy động lòng

thương, cởi áo gấm, đưa vào tầng phòng để chuộc lỗi cho người con gái. Mọi người đều khen quan huyện là người hiền đức.

Song Từ-Thức vốn tính tình phóng đảng, việc quan thường bê-trể, nên bị quan trên quở trách luôn, không muốn bị ràng-buộc bởi lợi-danh, Từ-Thức bèn cởi trả ấn-tín, bỏ quan mà về ở huyện Tống-Sơn. Từ đó, ngày ngày, ông cùng với tiểu-dồng, một bầu rượu, một túi thơ chu-du khắp chốn danh lam thắng cảnh, uống rượu và đề thơ.

Một hôm, Từ dậy sớm trông ra cửa bể Thần-Phù ở phía ngoài xa ngoài chực dặm, thấy có đám mây ngũ sắc, đùn đùn kết lại như một dóa sen mọc lên, vội chèo thuyền ra thì thấy một trái núi rất đẹp, vách cao vun-vút, sừng-sừng đứng thẳng, sẵn thi hứng chàng đề thơ.

Bỗng nhiên vách đá nứt ra thành một cái hang. Lấy làm lạ, Từ Thức chui vào vừa được mấy bước thì cửa hang đã đóng lại. Tự nghĩ không còn lối ra, sờ soạng lối rêu, lần mò theo khe núi mà trèo lên. Khi lên đến ngọn núi, trông vào thì thấy lâu đài nguy-nga, hoa thơm cỏ lạ, Từ tự nghĩ chắc là xóm của những người xa lánh cuộc đời, bèn tiến tới.

Chợt thấy hai người con gái áo xanh chạy ra mời vào Từ thấy cung điện thật nguy-nga tráng-lệ, ngoài cửa đề « Điện Quỳnh-Hư, Gác Dao-Quang ».

Cổn đang bỡ ngỡ thì một bà tiên áo trắng ngồi trên giường thất-bảo giảng-giải cho Từ sự lạc lối tới nơi và cho biết đây là núi Phù-Lai, một động tiên thứ sáu trong 36 động, bồng-bềnh ngoài bể cả, dưới không có bóm vùi, như hai núi La-Phù tan hợp theo gió mưa, như các ngọn Bồng-Lai co duỗi theo sóng dợn, mà bà chính là địa tiên ở Nam-Nhạc, tức là Ngụy phu-nhân. Chàng được mời đến đây là để trả ơn chàng khi trước đã cứu giúp người con gái bẻ gãy cành hoa tên là Giáng-Hương. Bà muốn cho chàng được kết-duyên cùng nàng đề báo đền ơn trước.

Lẽ dĩ-nhiên, Từ-Thức thỏa-thuận và hôn-lễ được cử-hành thật trọng-thề, thôi thì đủ cả thiên tiên, địa tiên bốn phương trời bay đến. Yến-tiệc có đủ mọi món ăn kỳ lạ, mâm bằng mã não, đĩa bằng ngọc thạch, rượu kim-tương, ngọc-lễ, dưới trần không bao giờ có. Lại có nhiều trẻ nhỏ chia ra từng bầy lớp lớp múa hát tưng bừng.

Từ-Thức vui mình sống trong tiên cảnh với Giáng-Hương thâm-thoát đã được một năm...

Nhưng, có những lúc sương sa, gió thổi, trông thấy trắng dòm cửa sổ, sáng tóe đầu giường, đối cảnh trạnh lòng, tiếng gọi quê-hương quấy nhiễu khiến không sao khuấy được nỗi buồn. Từ bầy tỏ nỗi lòng với Giáng-Hương đề được xin về thăm nhà.

Biết không thể giữ được, nàng thưa với phu-nhân. Phu-nhân than rằng, không ngờ chàng còn thắc-mắc với lòng trần như vậy, và cho chàng một chiếc xe cầm-vân đề cưỡi về. Riêng Giáng-Hương trao chàng một phong-thư và dặn chỉ mở ra khi về đến quê nhà.

Tới nhà, cảnh cũ không còn như xưa, vật đổi sao dời, thành-quách, nhân-dân, hết thay đều khác trước; duy cảnh núi sông là còn như thuở nọ mà thôi. Bèn đem tên họ mình mà hỏi thăm người già cả, thì có người nói: « Thuở bé, tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng cùng tên họ như ông, đi vào núi mất đến nay đã hơn 60 năm, nay đã là năm thứ 5 niên-hiệu Diên-Ninh là đời vua thứ ba của Triều Lê rồi ».

Chàng bấy giờ mới hậm-hực bùi-ngùi, muốn lại lên xe mây để về lối cũ, nhưng xe đã hóa làm một con chim loan bay đi mất. Mở thư ra đọc thấy có câu « kết lúca phượng ở trên mây, duyên xưa đã hết; tìm non tiên ở trên bề, dịp khác còn đâu », mới biết Giáng-Hương đã nói trước với mình những lời vịnh-biệt.

Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá, vào núi Hoàng-Sơn (1) rồi sau không biết đi đâu mất.

II- CHUYỆN TỪ-THỨC THEO «ĐẠI-NAM NHẤT THỐNG CHÍ»

TRONG bộ Đại-Nam Nhất Thống chí, quyển Thanh-Hóa, chúng ta thấy ghi rằng:

Ở Xã Trị-nội huyện Nga-sơn, phía hữu núi Thần-phù, có Bích-đào-dộng 碧桃洞 cũng gọi là Từ-thức động 徐式洞, trông trải rộng rãi mà lại thanh hư, cây cối xanh tốt, trong động có bàn đá, những viên đá nhỏ la-liệt hình như con

(1) Hoàng-Sơn: Ở thôn Nham-cát phía Đông-bắc huyện Nông-công, ngó xuống sông nhỏ, cùng núi Kiên-Sơn ở huyện Đông-Sơn, hình-thể tiếp tục nhau có hiểm thiên-nhiên, dưới chân núi có lũy cũ.

cò, có thạch-nhũ rủ xuống hình như trống chuông, khẽ đánh có tiếng kêu, lại có thứ: như bầu, ve, như màn trướng, như lọng dù, như hoàn thuốc trông thấy kỳ-xảo, cảnh-trí rất đẹp. Muốn vào trong hang động phải nổi đuốc mà đi, nhưng cũng chưa ai đi cùng đến đấy.

Tương truyền trong niên-hiệu Quang-Thái (1388-1398) đời nhà Trần có ông Từ-Thức là quan Tề huyện Tiên-du 仙遊縣, danh-sát (chùa) bên huyện có cây mẫu-đơn, mỗi khi nở hoa thì xe ngựa các nơi tụ-tập làm thăng-hội thưởng-hoa. Khi ấy có một cô gái tư sắc tuyệt vời tuổi độ 15, 16, đến xem hoa níu nhánh hoa, rúi bị gãy, người giữ hoa bắt lại, ngày đã chiều, Từ-Thức thấy động lòng thương xót, bèn cởi áo bạch-cầm-cừu đưa cho cô chuộc tội đề được ra về.

Chưa bao lâu Từ cởi trả ấn-thọ không làm quan nữa, Từ vẫn thích phong-cảnh Tống-sơn 宗山, nhân rảnh đến chơi, trông thấy cửa biển Thần-phù 神符海口 có đám mây ngũ-sắc kết lại hình như hoa sen bèn chống thuyền đến thì thấy hòn núi rất đẹp. Từ leo lên trông từng núi xanh tốt đứng thẳng như vách, trước có ngàn trượng, nhưng tự nơi mình không có lông cánh vị tấp lên đến cảnh ấy, nhân đề thơ rằng:

千章碧樹擁朝暉
花草迎人入洞門
傍澗已無僧採藥
臨流剩有客尋源
旅遊滋味琴三弄
釣艇生涯酒一樽
擬向武陵漁父問
前來遠近植桃村

PHIÊN ÂM:

Thiên chượng bích thụ quai triều đôn,
Hoa thảo nghinh nhân nhập động môn.
Bạng gián dĩ vô tăng thái dục,
Lâm lưu thịnh hữu khách tầm nguyên.
Lữ du tư vị cầm tam tấu.
Điếu đỉnh sinh nhai nhất tửu tôn.
Nghĩ hương Vũ-lăng ngư-phủ vấn,
Tiền lai viễn cận thực đào thôn.

TẠM DỊCH :

*Bóng triều-dương gác ngấn bích thụ,
Trước động-môn hoa cỏ rước người,
Vàng tăng (thầy tu) hái thuốc bên khơi,
Giữa dòng có khách tìm nơi nguyên-đầu.
Chiếc thuyền câu một bầu rượu lục,
Thú lữ-du mấy khúc cầm ca.
Vũ-lăng ngư-phủ kia à!
Đào thôn đi đến gần xa thế nào ?*

Từ đề xong bởi hồi trông ngó, thoạt thấy vách đá tách mở ra một chỗ tròn độ một thước. Từ vào chưa đầy vài bước, thì vách đá đóng kín lại, đi được vài dặm thấy sườn đá đứng cao như vách, lần leo lên mỗi bước thấy càng rộng, thăng đến chót núi thì ánh mặt trời chiếu sáng, nhìn quanh bốn phía thấy có lầu đài thiên-nhiên như vẽ, một lát thấy hai người thanh-y đồng-nữ bước ra bảo rằng : Phu-nhân tôi xin mời vào. Từ theo vào, thấy một Tiên-nga ngồi trên giường chạm thất-bửu, ở bên có đặt cái tháp nhỏ bằng đàn hương. Tiên-nga mời Từ ngồi, rồi thung-dung bảo rằng : « đây là hang động thứ 6 trong số 36 động ở núi Phù-lai 浮萊山. Thiếp đây là Ngụy phu-nhân địa-tiên Nam-nhạc 南岳地仙魏夫人, nghe nhà ngươi có cao nghĩa hay cứu sự khốn khổ cho người, nên mời phiến bước đến đây ». Nhân đó Phu-nhân gọi A-Nương đến. Từ liếc ngó nhận ra là người làm gầy hoa bữa trước. Tiên-nga chỉ A-nương mà bảo với Từ : « Đó là con ta tên là Giáng-Hương 絳香, khi trước nhờ người cứu việc làm gầy hoa, ơn ấy không quên, muốn kết làm giai-ngẫu đề trả ơn sâu ».

Trong đêm ấy truyền thắp đèn mờ phụng trái chiếu vũ rỗng, làm lễ giao-bái cùng nhau.

Ở giáp năm, Từ xin về, ước hẹn sẽ trở qua. Tiên-nga đưa cho một cỗ xe cầm-vân-xa, A-nương trao một phong thơ và dặn rằng : ngày sau mở thơ này xem chừng quên tình cũ.

Sau khi Từ lên xe đi trong nháy mắt đã đến nhà, tỉnh lại đã hơn

80 năm, sao đời vật đổi cả. Từ buồn bã muốn trở lại chỗ cũ, thì vân-xa đã hóa ra con tường-loan bay bằng rồi. Từ mở thơ ra xem thì thấy có câu : *kết loan-lữ ư dân trung, tiên duyên dĩ đoạn ; phông tiên-sơn ư hải thượng, hậu hội vô nhân* = kết bạn loan ở trong mây, duyên trước đã dứt ; tìm núi tiên ở trên biển, hội sau khôn cầu, (ý nói duyên trước kết đôi loan-phụng cùng nhau, nay đã đoạn-tuyệt rồi, ngày sau muốn tìm lại núi tiên cũng không được).

Từ bèn mặc áo khinh-cửu đội nón lá vào núi Hoàng-sơn rồi sau không ai biết đi đâu cả.

Lê Quí-Đôn 黎貴惇 có vịnh bài thơ :

海上羣仙事渺茫
碧桃洞口太荒涼
乾坤一榻窮徐式
雲水雙娥老絳香
石鼓有聲敲曉日
砂鹽無味涅秋霜
世人苦作天台夢
誰識天台亦戲場

PHIÊN ÂM :

Hải thượng quần tiên sự diệu mang,
Bích-đào động khẩu thái hoang lương.
Kiền khôn nhất cát cùng Từ-Thức,
Vân thủy song nga lão Giáng-Hương.
Thạch cổ hữu thanh xao hiêu nhật,
Sa diêm vô vị niết thu xương.
Thế nhân khổ tác Thiên-thai mộng,
Thùy thức Thiên-thai diệc hý trường.

TẠM DỊCH :

*Câu chuyện thần tiên rất khó lường,
Bích-đào động nọ đã hoang lương.*

*Ao bóng gió bụi : thân Từ-Thức,
Mây liễu xuân tàn : sắc Giáng-Hương.
Trống đã ngày qua nghe tiếng động,
Nhũ diêm sưng nhuộm mắt mũi thường.
Thiên-thai mộng tưởng cho thêm khổ,
Ai biết Thiên-thai cũng ký-trường!*

IV. — CHUYỆN TỪ-THỨC THEO « NAM-HẢI DỊ-NHÂN »

QUYỀN « Nam-Hải Dị-Nhân » của Phan-Kế-Bính có chép rằng : Từ-Thức người ở Hóa-Châu (Thanh-Hóa). Trong thời Quang-Thái, đời vua Thuận-Tông nhà Trần, nhân có chân âm-sinh, được làm Tri-Huyện Tiên-Du (Bắc-Ninh). Cảnh huyện có ngôi chùa to, trong chùa có một cây mẫu-đơn, mỗi khi mùa xuân hoa nở khách bốn phương đến chùa xem hoa đông như hội, nhân thế gọi là hội xem hoa.

Tháng hai năm Bính-Tị (1396), chính giữa hôm hội, có một cô ả nhan sắc mỹ-miêu, mới độ 15, 16 tuổi, phấn son diêm nhạt, mặt mũi tươi đôn. Đến xem hoa, nhờ tay vịn gây mất một cành, bị nhà chùa bắt giữ lại. Từ-Thức xây đi qua trông thấy, hỏi con có đầu đuôi, rồi cỡi áo cầm-bào chuộc cho cô ả ấy đi.

Từ bấy giờ ai cũng khen là quan huyện nhân đức, nhưng chỉ vì tính hay uống rượu ngâm thơ, từ bởi việc quan bỏ đọng cả lại, làm phen bị quan trên quở mắng.

Từ-Thức than rằng :

— Ta không thề nào vì vài đấu thóc lương mà buộc mình vào trong đám danh lợi được mãi, thôi thì một mái chèo bơi về tìm nơi nước biếc non xanh, cho thỏa chí ta còn hơn!

Lập tức cỡi ả giao trả quan trên rồi đi. Tính Từ-Thức ưa chơi những chốn khe động trong huyện Tống-Sơn, mới về làm nhà ở huyện ấy, mỗi khi nhân đi chơi, sai một thằng nhỏ đeo một bầu rượu, cắp một cái đàn và mang một quyển thơ. Đi đến chỗ nào thích ý, thì ngồi chơi đánh chén, hoặc gảy đàn.

Phạm chỗ nào có nước non lạ lung, như núi Chích-trợ, động Lục-Vân, sông Lái, cửa Nga, thì tất tìm đến chơi và có thơ đề vịnh.

Một khi dậy sớm, trông ra cửa Thần-Phù, cách vài mươi dặm, có khí mây năm về, kết lại như hình cái hoa sen. Mới sai bơi thuyền đến tận chỗ ấy thì thấy có núi rất đẹp. Đổ thuyền-trèo lên núi thì thấy khí núi xanh biếc, cao vời vời ước nghìn trượng.

Nhân đề một bài thơ rằng :

*Đầu cành thấp thoáng bóng kim-ô,
Hoa động vút mừng đón khách vô.
Cạnh suối nào là người hái thuốc ?
Quanh nguồn chỉ có gã bơi đò,
Xênh xang ghé mát cầm ba khúc,
Đứng đỉnh thuyền câu rượu một vò.
Uớm hỏi Vô-Lãng chàng đánh cá,
Làng Đào đâu đó cách chừng mô ?*

Đề xong bài thơ nhìn xem phong-cảnh một hồi, bỗng thấy trong sườn núi đá, có một cái hang, cửa hang tròn và rộng độ một trượng, thừ vào hang xem ra làm sao, vừa đi được vài bước, thì cửa hang bỗng dưng đóng sập lại, trong hang tối mù-mịt không còn biết đường nào mà đi. Từ-Thức chắc là chết ở chỗ ấy, nhưng cũng cứ đi liều xem ra làm sao, mới quờ tay theo sườn đá mà đi, trước còn loanh-quanh đi trong khe nhỏ, dần dần thấy có bóng sáng, trông lên thấy núi cao chót-vót, đá mọc lờm-chờm, mới cố leo vịn lên thì đường đi đã hơi rộng.

Khi lên đến đỉnh núi, thì lại thấy mặt giới sáng sủa, trông ra bốn bề, cùng có lầu đài cung điện, cửa nhà trang hoàng, cây cối tươi tốt, tựa hồ một cảnh chùa chiền.

Từ-Thức lấy làm lạ lung, ngắm nhìn phong cảnh, rồi thấy hai ả con gái nhỏ, mặc áo xanh, bảo vói nhau rằng : « Chú rề mới nhà ta đã đến kia kìa ! »

Nói thế đoạn, trở vào trong nhà báo tin, rồi lại ra bảo vói Từ-Thức rằng : « Phu-nhân cho chúng tôi ra mời người vào chơi ».

Từ-Thức theo hai người con gái đi vào, qua một dãy tường gấm, vào cửa sơn son, thấy đôi bên cung cấm, vàng bạc sáng ngời, có chữ đề rằng : « Quỳnh-hư chi điện, Giao-Quang chi các ». Khi trèo lên gác thì thấy

một bà tiên mặc áo lụa trắng, ngồi trên giường thất-bảo. Cảnh giường có đôi kỷ gỗ đàn hương; bà tiên mời Từ-Thức ngồi trên kỷ và bảo rằng :

— Ngươi vốn hay chơi cảnh lạ, có biết đây là chốn nào không ?
Từ-Thức thưa :

— Tôi tuy dong chơi giang-hồ đã nhiều, nhưng không biết ở đây lại có tiên cảnh, xin bảo cho tôi được rõ.

Bà tiên cười nói rằng : Ngươi biết đâu được chỗ này ! Đây tức là hang thứ 6 trong 36 động núi Phù-Lai ; núi ấy đi khắp các mặt bề, chân không bén đến đất, chỉ theo chiều gió mà hợp tan thôi. Ta tức là Địa-Tiên núi Nam-Nhạc, gọi là Ngụy phu-nhân đây. Vì thấy ngươi có cao nghĩa, cho nên mới đón đến chơi.

Nhân bảo con hầu gọi một người con gái ra. Từ-Thức trông ra thì là người con gái đánh gãy cành hoa mẫu đơn khi trước.

Bà tiên trở vào con gái bảo với Từ-Thức rằng :

— Con em tên nó là Giáng-Hương, khi trước xem hoa phải cái ách nạn, nhờ người cứu cho, ta vẫn còn hàm cái ân ấy, nay muốn cho nó kết-duyên với người để báo ân.

Lập tức đêm hôm ấy, truyền sai đốt đèn mơ phụng, giải chiếu vầy rồng, cho làm lễ thành thân.

Hôm sau các tiên đến ăn mừng, kẻ cưỡi li vàng (tựa rồng mà không sừng), người cưỡi câu dô (loài rồng) đến hội. Bà tiên mở tiệc trên gác Giao-Quang, nào là rèm-ngọc trướng điều, nào là đệm hoa ghế bạc. Các tiên ngồi riêng một bên tả, còn mẹ hữu thì Từ-Thức ngồi.

Trong khi ăn yến, đủ thứ sơn hào hải vị, chả phụng nem công, thơm, tho ngào ngọt, toàn những vị dưới trần không có bao giờ. Lại có đàn sáo bát âm rất là vui-vẻ.

Chiều tối tiệc tan, các tiên đầu về đây. Từ-Thức ở lại đây được một năm, có ý nhớ nhà, nhân một khi thông-thả bảo với nàng Giáng-Hương rằng :

— Tôi vốn đi chơi, xa xôi đã lâu, khó đẽ nên được bụng trần, lại trường nhớ đến quê cũ, xin cho tôi hãy về thăm nhà một chút.

Giáng-Hương có ý ngăn ngừa, không nỡ ly-biệt.

Từ-Thức lại nói rằng :

— Cho tôi về chơi ít ngày tháng, bảo với anh em cho biết, rồi sẽ lại lên đây.

Giáng-Hương khóc và nói :

— Thiếp không dám vị tình vợ chồng mà ngăn trở bụng quân-tử, chỉ vì coi trần bé nhỏ, ngày tháng ít ỏi, nếu có về chẳng nữa, chỉ sợ cây cối cửa nhà không được còn như trước nữa đâu.

Nàng trình với phu-nhân. Phu-nhân than rằng :

— Không ngờ gã ấy còn vương-viu trong đám bụi hồng làm chi mà phải ngâm-ngùi như thế ?

Phu-nhân mới cho một cỗ xe « cầm-vân », sai ngồi lên xe ấy mà về. Giáng-Hương cũng viết một phong-thư buộc kỷ đưa cho, dặn về nhà hãy mở ra mà xem.

Từ-Thức cáo-biệt ngồi lên trên xe, đi vừa chớp mắt đã đến nhà. Về đến nơi thì phong cảnh đã khác xưa, nhân-dân thành quách, không còn gì là giống khi trước, chỉ còn hai bên khe núi thì vẫn còn nguyên.

Từ-Thức đem họ tên mình, hỏi thăm các cụ già trong làng, thì có một người nói rằng :

— Tôi từ lúc còn nhỏ, có nghe Cụ tổ ba đời nhà tôi cũng tên họ như thế, sa vào hang núi đã hơn 60 năm rồi.

Từ-Thức buồn rầu lắm, muốn lại ngồi xe đi lên, thì xe đã hóa làm chim loan bay đi mất rồi. Mở bức thư ra xem, thì có câu rằng :

« Trong mây kết bạn loan hoàng, duyên xưa đã hết ; trên bề tìm người tiên-tử, hội khác khôn cầu ». Mới biết là lời ly-biệt.

Về sau, Từ-Thức mặc áo khinh cừu, đội nón nhỏ, vào núi Hoàng-Sơn ở Huyện Nông-Cống (Thanh-Hóa), không biết lên tiên hay là đi đâu mất.

IV. — CHUYỆN TỪ-THỨC THEO THI-SĨ ĐOÀN-THÊM

CẦN cứ phần nào vào cốt-truyện Từ-Thức của Nguyễn-Dữ, mà Đại-Nam nhất thống chí đã, thi vị hóa và Phan-kế-Bình đã toát-yếu, thi-sĩ Đoàn-Thêm đã sáng-tác một thi-phẩm trường thiên mang tên là « Từ-Thức hay là kẻ tìm đường » vừa mới xuất-bản tại Sài-gòn (1959).

Theo thi-sĩ Đoàn-Thêm thì Từ-Thức sinh-trưởng trong một gia-đình trung-lưu, phụ-thân là người ôm mộng vinh-hoa phú-quý nhưng không được toại-nguyện nên rất mong ước cho con hiền-đạt : một sự thường thấy ở xứ ta.

Từ-Thức thông minh, song tính tình phóng-khoáng, thích tiêu-diêu, chán công danh.

*Dòng thi-lễ, chí giang-hồ,
Lánh đường khoa-bảng, ghét trò cân-đai.*

Nhưng sau vì hoàn cảnh đành phải ứng-thí và xuất-chính. Tính vẫn ưa ngao-du, nhân ngày hội văn cảnh chùa gặp cô gái đánh gậy hoa bị bắt vạ : Thức cỡi áo cừu ra chuộc giúp.

Đương thời Trần-mạt, việc nước nhiều - nhưng, quan trên tham-nhũng, Thức gặp sự bất công, và lại bình-sinh không ưa hoạn-lộ, nên viện cố thụ-tang thân-mẫu mà treo ấn từ quan, dề theo gót Đào-Tiềm mà qui-hồi cố-lý.

Nhưng họ hàng lạnh-nhạt, cha mẹ lại mất rồi, vợ con không có, Thức chán-nản bỏ ra Đông-đô tìm đời sống yên vui ; nhưng lại gặp sự trái ý, bỏ về núi, nương-náu giữa xóm làng sơn-cước, hy-vọng rằng người rừng xanh núi đỏ thì hồn-nhiên thẳng-thích, nhưng được ít lâu lại thấy cảnh buồn và bỏ đi hái thuốc, mưu việc trường-sinh.

Hương-thôn, thành-thị, lâm-tuyền,

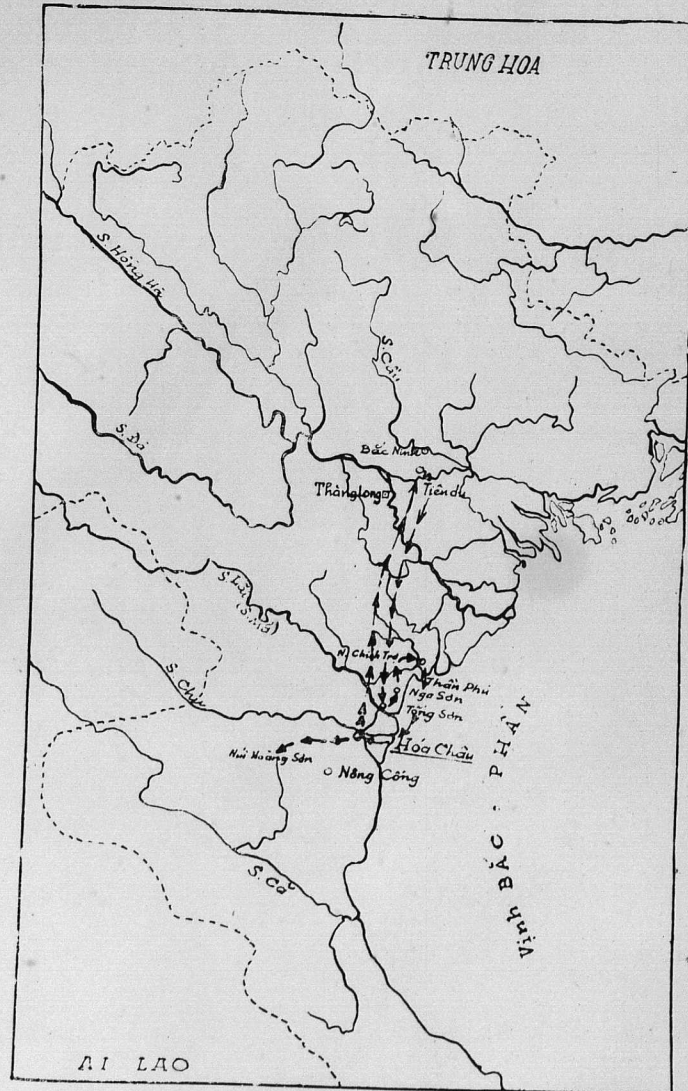
Sống đâu cũng chẳng phỉ nguyện Trang-Sinh.

Đi lang thang hết thâm-sơn, cùng-cốc, rồi một hôm chèo thuyền ngấm bề, gặp bão, dạt vào đảo vắng : «Bồng-Lai». Ở đó, Thức gặp Tây-Vương-Mẫu, và người con gái đánh gậy hoa ngày trước, tên gọi Giáng-Hương. Thức được kết-duyên với Giáng-Hương, và sống cuộc đời thần-tiên cực-lạc.

Hai người yêu nhau, song tính-tình không hợp, hay có chuyện bất hòa. Thức quen biết các tiên khác, những vị trước kia là người, nhưng đã thành tiên, thì thấy họ vẫn chưa dứt lòng trần.

Lên tên vẫn thấy tiên còn tục.

Rồi Thức gặp cảnh chiến-tranh, thấy phép lạ chỉ dề tàn-phá, nhân lúc chán-nản, gặp Hồ-Công cho vào xem bầu Hồ-Thiên, Thức nhận thấy



Hành-trình của Từ-Thức theo Truyền-Kỳ mạn-lục

trong trong một gia đình trung-
hưng không được toại nguyện
g thấy ở xứ ta.

khóang, thích tiêu-diêu, chán

in-dai.

hi và xuất-chính. Tình vẫn ra
đánh gãy hoa bị bắt vạ : Thúc

- nhưng, quan trên tham-
sinh không ưa hoạn-lộ, nên
n, để theo gót Đào-Tiến mà

mất rồi, vợ con không có,
yên vui ; nhưng lại gặp sự
son-cước, hy-vọng rằng người
ưng được ít lâu lại thấy cảnh
h.

n-luận.

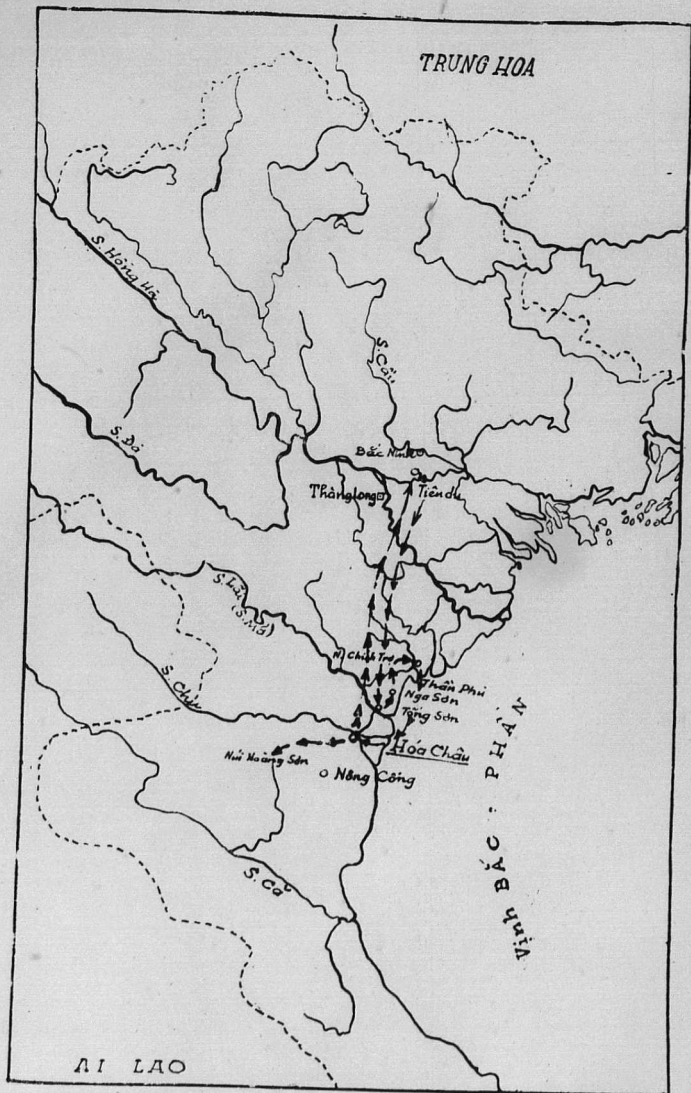
iền Trang Sinh.

rời mặt hôm, chèo thuyền ngầm
ở đó, Thúc gặp Tây-Vương-
trước, tên gọi Giáng-Hương.
sống cuộc đời thần-tiên cực-lạc.

không hợp, hay cô chuyên bắt
vi trước kia là người, nhưng
ong trần.

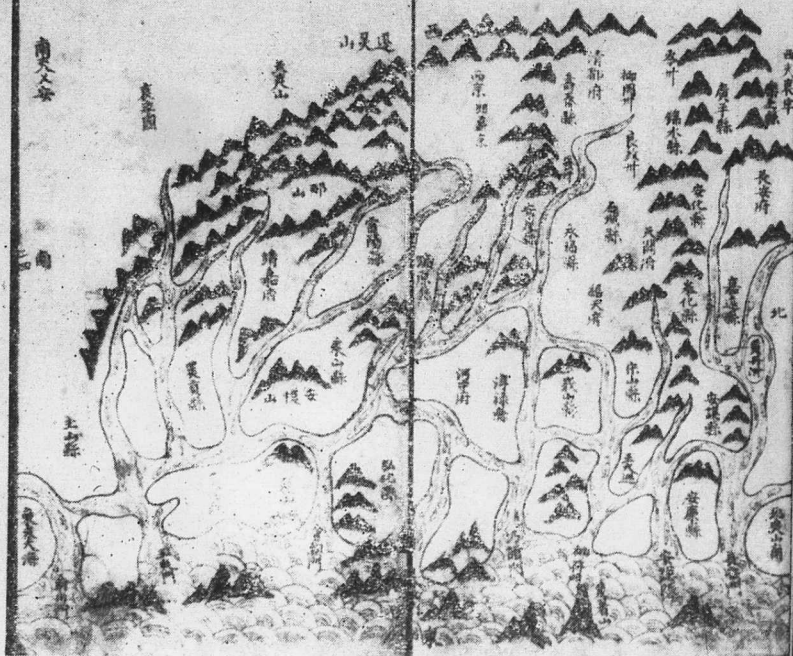
ôn lục.

ý pháp lạ chỉ để tàn-phá, nhân
bầu Hổ-Thần, Thúc nhận thấy

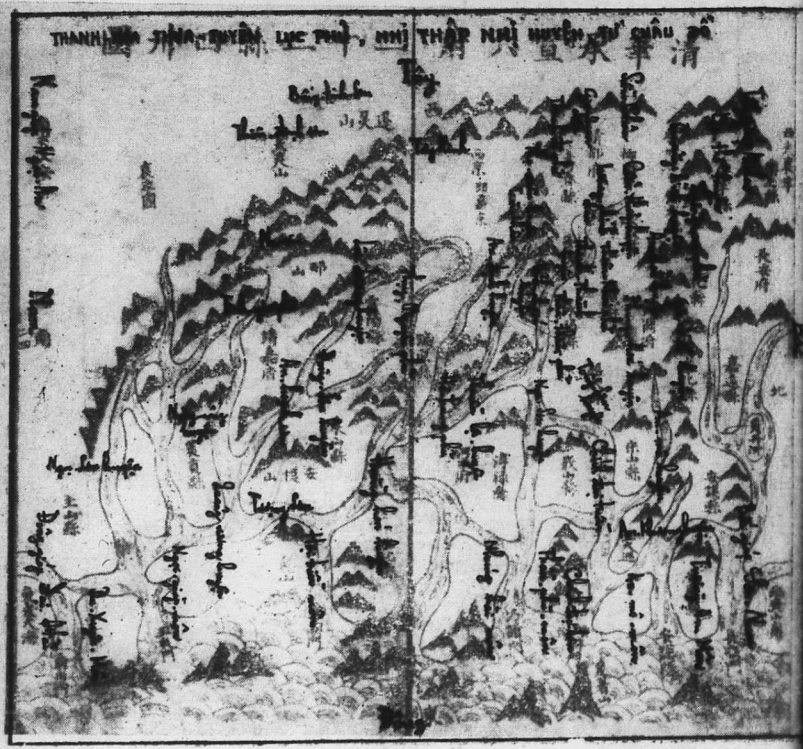


Hành-trình của Từ-Thúc theo Truyền-Kỳ mạn-lục

清 承 宣 六 府 二 十 二 縣 四 州 圖



Thanh-Hóa Thừa-Tuyên lục phủ nhị thập nhị huyện
 tứ chấn đồ — (Trích Giao-châu-chí)



Thanh-Hóa Thừa-Tuyên lục phủ nhị thập nhị huyện
 tứ chấn đồ — (Trích Giao-châu-chí)

cuộc tiến-hóa nhân-loại từ thuở khai thiên lập-địa, và thấy được ý - nghĩa nhân-sinh, cũng như sự cần-thiết giúp đỡ nhân-loại.

Nên mặc dầu đau khổ, Thức quyết bỏ cõi tiên mà về trần.

Về tới nơi thì nhà Hồ đã mất, quân Minh đã bị đánh đuổi, nhà Lê đã sáng-nghiệp. Thức tuy buồn vì nhớ tiếc Giáng-Hương, cũng cố hòa mình vào công cuộc xây-dựng đất nước và giúp đỡ đồng-bào để theo đã tiến-hóa mà Thức đã nhận thấy ở Bồng-Lai. Rút cuộc, và sau bao phen bỏ quê hương lang thang tìm kiếm, Thức lại về chốn cũ : chân-lý ở đó, lạc-hòa ở đó :

Đông-hải buông chèo quế,
Hoàng-giang đợi bóng nga.
Muôn năm vui cảnh cũ,
Trường tại với sơn-hà.

Tóm lại, Từ-Thức theo bạn Đoàn-Thêm là ai ?

Là một người trong giới trí-thức Việt-Nam chịu ảnh-hưởng của ba tư-trởng đã được song-song phát-triển trên đất nước này, qua bao triều-đại, hoặc đúng hơn là hỗn-hợp để hun-đúc thành một tâm-hồn đặc-biệt : Lão-Giáo, Phật-Giáo, Nho-giáo. Mỗi ảnh-hưởng đó, tùy theo thời-gian hay niên-tuế của cá-nhân mà thay đổi lẫn áp lẫn nhau. Lúc trẻ tuổi, ít chịu kỷ-cương, muốn được tự-do không-khoáng : ảnh-hưởng Lão-Trang ; lúc nghĩ tới khổ não trầm-luân, ngã về sự siêu-thoát của Phật ; lúc đứng tuổi, hoặc trong những trường-hợp xúc-động đặc-biệt, lại thấy tam cương ngũ thường là cần-thiết ; khi bị thất-vọng vì thế-sự, lại có ý thoái-ẩn trở về thiên-nhiên, nghĩa là lại hướng về Lão-Trang ; nhưng rút cuộc, Nho-giáo vẫn thắng, đề lôi cuốn trở lại gia-đình tồ-quốc, nhân-loại, song chỉ thắng với trợ-lực của tư-tượng tiến-hóa phương Tây.

Từ-Thức lúc thiếu thời, cũng là hạng lãng-mạn, ngênh ngang, cưỡng lại mọi hình-thức cương-toà của gia, hương, xã-hội ; nhưng cũng biết phục thiện, và vẫn thương yêu cha mẹ. Cha buồn mà mất, mẹ già phải báo-hiếu, nên buộc mình đi thi, làm quan ; và cũng liêm-chính thanh-cần ; nhưng gặp sự ngang trái, sĩ khí bùng-bùng, trả lại ấn-kiếm để về vườn cũ. Rồi sự giàu sang phú-quí nơi phồn-hoa cũng không quyến-rủ nổi để trở về hoạn-lộ ; tin tưởng ở một đời sống cao-thanh chỉ có ở trên tiên, Thức đã cố công tìm kiếm : khi được rồi, lại thấy không hợp với thiện-bản của con người, với cương thường của hạ-giới nên lại bỏ về mà sống đời thanh-khiết nhưng hữu-ích.

Từ-Thức là một kẻ đi tìm chân lý. Chân lý đó không thấy ở quanh mình, không thấy trong kinh-sử, nên ôm bụng hoài-nghi với bao nhiêu thắc-mắc trong hiu quạnh :

*Đi tìm sinh-thú một mình,
Ngàn trùng chỉ thấy lộ-trình vắng tanh.*

Thức ra đi, mỗi tình mỗi cảnh là một dịp cho Thức suy nghĩ để tìm ý nghĩa sự sống, mãi tới khi vào bầu hồ-thiên, mới trông thấy rõ cứu-cánh nhân-sinh, tiến-hóa từ vật-chất đến tinh-thần, vượt mọi trở-lực và qua bao đau khổ, để đi tới toàn-thiện, toàn-mỹ.

Tóm lại, từ một truyện hoang đường thần-thoại, bạn Đoàn-Thềm đã đi tới một ý-niệm mới mẻ về cuộc đời, nhất là về vai trò của người trí-thức trong quốc-gia và nhân-loại.

Hóa-công sinh bậc đại-thành,
Biết tròn nghĩa cả, biết dành phận chung.
Thủ thượng mới đạt cùng, thông,
Yên ngôi chánh-vị, thuận dòng nhân-sinh.
Trang dã-sử, khúc tâm-tình,
Nhìn đường trăm ngã, liệu mình về đâu ?

V. — BỐI CẢNH CỦA CHUYỆN TỪ-THỨC

CHUYỆN Từ-Thức đã tiếp diễn trong mấy nơi khác nhau là :

- 1^o) Tỉnh Thanh-Hóa
- 2^o) Huyện Tiên-Du
- 3^o) Đông-dô Thăng-Long
- 4^o) Non nước Thần-Phù

Vậy thiết tưởng, chúng ta cũng nên tìm hiểu vài nét chính về sử-địa của mấy nơi ấy, đã làm khung cảnh cho cuộc đời « ba chìm bảy nổi chín linh đình » của chàng Từ-Thức.

1^o) TỈNH THANH HÓA QUA CÁC THỜI ĐẠI

Từ-Thức quê quán Hóa-Châu, tức Thanh-Hóa, chứ không phải Châu-Hóa, tức phần lớn Thừa-Thiên bây giờ. Chúng ta quả quyết như vậy là vì

« Mạn-lục truyền-kỳ » bản chữ Hán của cụ Nguyễn-Dữ có chép : « Trần-Quang-Thái trung Hóa-châu Từ-Thức » dưới giải-nghĩa bằng chữ nôm rằng : « Đời Nhà Trần, trong năm Quang-Thái, người Hóa-Châu là người Từ-Thức. Lại chú thêm chữ Hán rằng : Quang-Thái Trần Thuận-Tông niên-hiệu, Hóa-châu, cổ Thanh-Hóa Châu dã 光泰陳順宗年號, 化州古清化州也. Quang-Thái là niên hiệu Trần Thuận-Tông, Hóa-Châu là châu Thanh-hóa lúc xưa vậy.

Theo « Đại-Nam nhất thống chí », của Cao-xuân-Dục (1842-1923) dưới đời Hùng-Vương (? - 258 tr. T.L.), tỉnh Thanh-Hóa thuộc bộ Cửu-chân 九真, đời Nhà Tần (221-206 tr. T.L.) thuộc Tượng-quận 象郡, đời Triệu làm quận Cửu-Chân, đời Lương-Hán (20 — tr. T.L. — 220 T.L.) vẫn giữ tên quận, thống thuộc Châu Giao-Chi 交趾, đời Ngô (221-265) hiệu Nguyễn-Hưng năm đầu chia 1 huyện trong quận Cửu-Chân đặt làm quận Cửu-Đức (quận Cửu-Chân thống trị 7 huyện : Tư-phố, Di-phong, Trạm-ngô, Thường-lạc, Kiến-sơ, Phò-lạc, Tông-Nguyên) ; đời Tấn (265-420), Tống (420-479) nhân y theo trước ; đời Nam-Tề (479-502), trong quận Cửu-chân đặt thêm huyện Cao-An, Quân-an và Đô-bàng làm 10 huyện, đời Lương (502-557) Vũ-Đế đem quận Cửu-chân đổi làm Ái-Châu, đầu đời Tùy (589-618) chỉ xưng là Ái-Châu, sau lại đổi làm Cửu-chân quận, thống trị 7 huyện (Cửu-Chân, Di-phong, Tư-phố, Long-An, An-thuận, Nhật-nam) ; đời Đường (618-907) gọi là Ái-châu Cửu-chân quận, thống trị 6 huyện (Cửu-chân, An-thuận, Sùng-bình, Quán-ninh, Nhật-nam, Trường-lâm).

Đời Đinh (968-980) chia làm đạo, Tiền-Lê (980-1009) đổi làm lộ, hiệu Thuận-Thiên nguyên niên đời Lý (1010-1028) cải làm trại, sau đến đời Lý Nhân-Tôn (1072-1128) cải làm Thanh-Hóa phủ (清化府) (tên Thanh-Hóa bắt đầu từ đó). Nhà Trần hiệu Thiên-ứng Chính-bình « 1232-1251 » năm thứ 11 định làm Thanh-hóa-lộ, hiệu Nguyên-Phong (1251-1258) năm thứ 3 đổi làm trại, trong niên-hiệu Thiệu-Hoàng (?) lại đổi làm lộ, sở thuộc có 3 phủ : Thanh-hóa, Cửu-Chân, Ái-châu, sau xưng làm Trấn, đời vua Thuận-Tôn (1388-1398) hiệu Quang-Thái thứ 10 đổi làm Thanh-Đô trấn (清都鎮). Họ Hồ cướp nhà Trần đổi làm phủ Thiên-Xương gồm Cửu-chân và Ái-châu làm Tam-Phụ 三輔 gọi là Tây-Đô 西都, khi thuộc nhà Minh làm phủ Thanh-Hóa 清化府. Đời Lê hiệu Thuận-Thiên nguyên niên (1428) thuộc đạo Hải-Tây 海西, hiệu Quang-Thuận (1460-1470) thứ

7 đặt làm Thanh-hóa Thừa-tuyên 清化承宣, năm thứ 10 (1469) đổi làm Thanh-Hoa Thừa-tuyên 清華承宣 (tên Thanh-Hoa đầu từ đây) lãnh 4 phủ, 16 huyện, 4 châu (1— phủ Hà-trung thống lãnh 4 huyện : Tống-giang, Hoàng-hóa, Thuận-hộ, Nga-Giang, 2— Phủ Thanh-minh thống lãnh 3 huyện : Nông-Cống, Ngọc-sơn, Quảng-xương, 3— Phủ Thanh-đô thống lãnh 1 huyện : Thọ-Xuân. Và 4 Châu : Gia-quan, Lương-chính, Tầm-châu, Sầm-châu, 4— Phủ Thiện-thiên thống lãnh 8 huyện : Lương-giang, Đông-sơn, Lôi-dương, An-định, Vinh-ninh, Cầm-thủy, Thạch-thành, Bình-giang).

Bản-đồ Lê Hồng-Đức (1470-1497) gọi Thanh-hóa xứ 清化處, sau trung-hưng gọi là Thanh-hoa nội-trấn. Năm Gia-Long nguyên niên (1802), gọi Thanh-hoa-trấn, đặt chức Đốc-trấn, Hiệp-trấn và Tham-hiệp, có 4 phủ 16 huyện, 3 châu. Năm Minh-mạng thứ 2 (1821) đổi phủ Thanh-đô làm phủ Thọ-xuân, năm thứ 7 (1826) chia huyện Lôi-dương của phủ Thiên-hóa (nguyên đời Gia-Long là phủ Thiện-thiên) đem thuộc vào Thọ-xuân. Năm thứ 9 (1828) tăng thiết phủ Trấn-Man 鎮蠻府 lãnh 3 Huyện : Trình-cổ 呈固, Man-duy 蠻維, Sầm-Na 岑椰. Năm thứ 12 (1831) phân hạt gọi là Thanh-hoa-tỉnh, đặt Tổng-đốc Thanh-Hoa và 2 ty Bổ-chính án-sát. Năm 16 (1835) chia 4 huyện : Vinh-lộc, Cầm-thủy, Thạch-thành, Quảng-tế thuộc phủ Thiện-hóa; đặt thêm phủ Quảng-hóa 廣化府; hiệp huyện Thọ-Xuân 壽春 cùng châu Lang-chính 琅政州 làm châu Lương-chính 良政州, hiệp Tầm-châu, 冀州 Quan-gia 閩柳 làm Châu Quan-hóa 閩化州 đặt thêm châu Thường-Xuân 常春州. Năm 18 (1837) đặt thêm huyện Mỹ-hóa 美化縣, lại đặt Hà-trung 河中 phân-phủ. Năm Thiệu-Trị nguyên-niên (1841) cải làm tỉnh Thanh-hóa 清化省. Năm Tự-Đức thứ 3 (1850) dịp bớt Hà-trung phân-phủ; lấy huyện Hoàng-hóa 弘化縣, kiêm-nhiếp huyện Mỹ-hóa. Lấy 3 huyện Thạch-thành 石城縣, Quảng-tế 廣濟, Quan-hóa 閩化 qui về phủ Quảng-hóa 廣化 kiêm-nhiếp, lấy 2 châu Thường-Xuân, Lương-chính qui về phủ Thọ-Xuân 壽春 kiêm-nhiếp. Năm Thành-Thái nguyên niên (1889) đặt lại Tri huyện Thạch-thành 石城縣, kiêm-nhiếp huyện Quảng-tế. Năm thứ 6 (1894) chia địa phận huyện Nông-cống 農貢, đặt châu Như-Xuân 如春. Năm thứ 12 (1900) đặt Tri-huyện Nga-sơn 峨山 nhưng thuộc phủ Hà-trung, lại chia địa phận huyện Thụy-nguyên 瑞原 đặt châu Ngọc-lạc 玉勒. Hiện nay lãnh 5 phủ, 16 huyện, 5 châu và 1 phủ, 3 huyện kỵ-mê :

— Phủ Hà-trung.

Huyện : Tống-sơn, Nga-sơn, Hậu-lộc, Hoàng-hóa, Mỹ-hóa.

— Phủ Thiện-Hóa.

Huyện : Thụy-nguyên, Đông-sơn, An-định.

— Phủ Tĩnh-gia.

Huyện : Ngọc-sơn, Quảng-xương, Nông-cống.

— Phủ Quảng-hóa.

Huyện : Vinh-lộc, Cầm-thủy, Thạch-thành, Quảng-tế.

— Phủ Thọ-xuân.

Huyện : Lôi-dương.

Châu : Thường-xuân, Lương-chính, Quan-hóa, Ngọc-lạc, Như-xuân.

— Phủ Trấn-man.

Huyện : Trình-cổ, Man-duy, Sầm-na.

Riêng về huyện Tống-Sơn là nơi mà Từ-Thức đã chọn để cư-ngự, sau khi treo ấn từ quan, là một vùng sơn-thanh thủy-tú danh tiếng xưa nay nhờ có nhiều khe động quanh co, cảnh trí mỹ-miền, tuy rằng nơi ấy vẫn có-liều tịch-mịch, thích hợp với tâm-trạng của những người nhàn tản lãng-du như Từ-Thức.

Theo Đại-Nam Nhất Thống Chí, huyện Tống-Sơn từ Đông sang Tây rộng 42 dặm, từ Nam đến Bắc dài 28 dặm, phía đông đến biển và huyện giới Nga-Sơn, phía tây đến giới-hạn 2 huyện : Thạch-thành, Vinh-lộc, phía Nam đến giới-hạn 2 huyện : Hậu-lộc, Mỹ-hóa, phía Bắc đến giới-hạn 2 huyện : An-mô, Phụng-hóa, về tỉnh Ninh-Bình.

Từ đời Trần về trước, tên là huyện Tống-Giang, đời Minh cũng vẫn giữ tên ấy, thuộc phủ Thanh-Hóa, xứ Ái-Châu. Đời Lê hiệu Quang-Thuận cải thuộc phủ Hà-Trung. Triều Nguyễn đổi tên là Tống-Sơn, nơi Nguyễn-triều khai-cơ phát-tích. Niên-hiệu Gia-Long thứ 3 (1804) đem Tống-sơn làm quí-huyện, Gia-Miêu ngoại-trang làm Quý-hương, thuộc phủ thống hạt. Năm Minh-Mệnh thứ 19 (1838) cải làm kiêm-lý, nguyên trước có 4 tổng, năm Thành-Thái thứ 12 (1900) trích tổng Phi-lai và tổng Đông-An của huyện Nga-sơn và năm Thành-Thái thứ 18 (1906) lại trích tổng Ngọc-xá ở huyện Vinh-Lộc đem thuộc về Tống-Sơn. Nay lãnh coi 7 tổng, 118 xã thôn.

Nói tóm lại, tỉnh Thanh ngày xưa có tên là Thanh-Hóa (清化) xuất-hiện từ đời Lý Nhân-Tôn (1072-1128), đến năm Quang-Thuận thứ 10 (1469) thì đổi làm Thanh-Hoa (清華), rồi sau cùng đến năm Thiệu-Trị nguyên-niên (1841) thì đổi hẳn lại là Thanh-Hóa (清化).

(xem tiếp theo trang 1061 trong số này)



THÂN-THÉ VÀ SỰ-NGHIỆP

NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

(Tiếp theo V.H.N.S. số 42)

NGUYỄN-CÔNG-HUÂN

RA BẮC-THÀNH ĐÁNH GIẶC PHAN-BÁ-VÀNH

Xong việc tang sự, đến cuối năm có chỉ vua bổ cụ lại ra làm Tham-Hiệp Thanh-Hóa. Nhưng đi được nửa đường chưa tới tỉnh-lỵ thì vì ở Bắc có giặc Phan-Bá-Vành và Nguyễn-Hanh thế rất to, nên Vua cho đem hỏa bài sai cụ Trú thăng ra Bắc, sung chức Tham-Tán Quân-Vụ, thăng hàm Hình-Bộ Thị-Lang, chánh tam phẩm, phụ-trách tào hình ở dinh Tổng-Trấn Bắc-thành.

Tháng giêng năm Đinh-hợi (1827) Minh-Mạng thứ 8, cụ Nguyễn-Công-Trú cùng quan Thống-Quản Phạm-Văn-Lý cầm quân rất khéo, đánh mấy trận rất hăng, dùng nghi-binh ne giặc vào tứ-địa, chúng thua rút về Trà-Lũ, thuộc phủ Xuân-Trường, tỉnh Nam-định. Cụ tiến quân hai mặt, dùng thuyền đò nước thủy-triều tiến lên cửa sông, dùng bộ đồn quân ba mặt, đào hầm tiến vây chặt lấy đồn giặc, bắt được Phan-Bá-Vành và 765 tên đồng đảng. Vua Minh-Mạng được tin báo, cả mừng xuống chiếu ban thưởng cho cụ một tòa bạch ngọc có chạm hình núi, một con ngựa mã-não và một kim khánh có khắc bốn chữ « Lạc năng khả tướng ».

1056

VĂN-HÓA — SỐ 44

BỒ LÀM DINH-ĐIỀN SỨ

Năm 1828, Minh-Mạng thứ 9, cụ được triệu về kinh và vì có công đánh giặc Phan-Bá-Vành được thăng Hình-Bộ Hữu-Tham-Chi, hàm tòng nhị phẩm, sung chức Dinh-điền Sứ, ra các hạt Nam-định Ninh-bình, Quảng-yên chiêu mộ dân đinh khai khẩn đất hoang tại các vùng bãi bồi duyên hải lập thành hai huyện Tiên-Hải Kim-Son, khẩn hoang được 46.000 mẫu đất, định cư được 12.000 người.

Năm Minh-Mạnh thứ 10, cụ được triệu về kinh làm Hữu-Tham-Tri Bộ Hình.

Năm sau vì việc cử Phí-quí Trại làm Huyện-Thừa huyện Tiên-Hải nên bị giáng bổ tri-huyện ở kinh, được một năm lại được thăng chức Lang-Trung nội-vụ. Sau bổ Bố-chánh Hải-dương.

Tháng 10 Minh-Mạng thứ 13, cụ được thăng chức hàm Binh-bộ Tham-tri và thụ Tổng-đốc Hải-An.

Năm Minh-Mạng thứ 15 (1834), cụ đánh được Nông-văn-Vân, nên được thăng binh-bộ Thượng-Thư. Năm Minh-Mạng thứ 17, vì có một tên tù trọng tội trốn nên Cụ bị giáng 4 cấp.

Năm Minh-Mạng thứ 21, cụ được thăng Đô-Sát-viện Tả-đô ngự-sử và phụng chỉ đi chú-khảo tràng thi Hà-nội.

Năm Thiệu-Trị nguyên-niên, nhân ở Trấn-Tây có giặc, cụ dâng sớ xin tòng chinh và được bổ-chức Tán-ly cơ-vụ. Vì có công đánh phá giặc được nhiều trận nên cụ được thưởng tước Quận-Công một bậc. Tháng ba năm ấy cụ được sung chức Tham-Tán Đại-thần.

Sau vì tình thế khó khăn, quân phải rút về An-Giang, cụ bị giáng làm Binh-bộ lang-trung. Cụ giết được tướng Phiêu-tăng nên được khai phục chức Binh-bộ Thị-Lang và giữ chức tuần-phủ An-Giang.

Năm Thiệu-Trị thứ 3, cụ được thăng Binh-Bộ Tham-tri. Tháng 10 năm ấy, cụ bị bạn đồng-liêu vu cáo nên bị nhà vua ghét và cụ bị cách tước và bị phát vãng làm lính thú ở Quảng-Ngãi.

Năm Triệu-Trị thứ 6 (1846), Cụ được bổ quyền An-Sát Quảng-Ngãi như có ý rửa cái nhục cho cụ đã phải làm lính thú ròng rã 8 tháng trời,

VĂN-HÓA — SỐ 44

1057

Chính nơi đây, cụ đã họa bức tranh thủy mặc « Cây thông » vào vạt áo nâu của cụ rồi đề mấy vần thơ :

*Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.
Giữa trời vách đá cheo leo,
Ai mà chịu rét xin trèo cây thông.*

Làm Ân-Sát Quảng-Ngãi 2 tháng thì cụ đổi về làm Phủ Thừa tại Thừa-Thiên.

Đến tháng hai Minh-Mệnh thứ 7 (1847), cụ được thăng bổ Thừa-Thiên Phủ-Doãn. Với cấp Phủ-Doãn, vua đã trả lại cụ 19 cấp kể từ lính thú tới Chánh Tam Phẩm Đại-thần.

Đến năm Thiệu-Trị thứ 7, (1847), cụ vừa đúng 70 tuổi, bèn dâng sớ xin về hưu, nhưng lúc ấy vua mến cụ, cần có cụ làm cố-vấn nên không cho.

THỜ LỜI TRÍ-SĨ

Sang năm sau, Tự-Đức nguyên-niên (1848), vua vẫn lưu cụ làm Phủ-Doãn Thừa-Thiên, nhưng cụ lại xin về trí sĩ. Vua Tự-Đức nghĩ tình cụ, một kẻ lão thần, công trạng nhiều, sự-nghiệp lớn, tuổi tác lại cao, nên chuẩn cho cụ về hưu và cho thực thụ làm Thừa-Thiên Phủ-Doãn.

Năm ấy cụ Nguyễn-công-Trứ vừa đúng 71 tuổi, cụ làm việc với 3 triều trong ngót 30 năm trời, từ 1819 đến năm 1848.

Cụ về quê nhà ở Uy-Viên, sửa soạn nhà cửa và từ-đường rồi nhất định gác bỏ mọi việc đề hưởng thú điền-viên, ngao du sơn thủy, phiêu-diêu ngoài vòng vật lụy.

Hàng ngày cụ thường mặc áo lụa xanh, quần đỏ, ngồi xe bò có mui vàng, bên cạnh là bầu rượu túi thơ, một trống châu, một điệu ống, theo sau đám ba tiểu-đồng, nghiêm nhiên đã hóa ra một người dã-tấu thôn ông đầy nho-phong khí-khái. Cụ dựng ba gian nhà tranh ở bờ sông Lam rồi ngày đêm ngâm thơ, thưởng nguyệt dưới hoa, sống cuộc đời ẩn-dật.

Năm Tự-Đức thứ 2 và thứ 3, Cụ vào ở chùa Đại-Nại trên núi Cẩm-Son, thuộc xã Đại-Nại, phủ Thạch-Hà, gần tỉnh lỵ Hà-tĩnh.

Cuối năm Tự-đức thứ 4, cụ ra Bắc-thành thăm bạn-hữu xưa, lên Thăng-Long, du-ngoạn Hồ Lãng-Bạc.

Năm sau (1852), dân làng hai huyện Tiền-Hải và Kim-Son lập ngôi đền Sinh-Tử để kỷ-niệm công-đức cụ trên nền nhà cũ mà cụ ở trong lúc buổi đầu khi đến khẩn hoang. Cụ ra Bắc-thành lần này là lần chót. Cụ đã 75 tuổi.

Đến năm Tự-Đức thứ 11, (1858), quân Tây-Phương sang đánh phá và chiếm các thành quách và sắp đổ bộ lên Đà-nẵng, các quan trong triều dâng sớ lên vua đề cử cụ Nguyễn-Công-Trứ ra đánh. Nhận được lệnh chỉ nhà vua, lúc ấy Cụ đã 82 tuổi mà Cụ vẫn khảng-khái dâng sớ xin đi đánh giặc, sớ rằng : « *Thần già này còn thờ ngày nào thì xin hiến thân cho dân, cho nước ngày ấy* ».

Nhưng sau vua Tự-Đức thấy cụ già yếu quá nên xuống chỉ cấm ơn cụ và không tâu phiên cụ nữa.

Đến ngày 7-12 dương-lịch 1858, tức là 14 tháng 11 năm Mậu-ngọ, Tự-Đức thứ 12, hồi 3 giờ sáng thì cụ mất tại Chánh quán làng Uy-Viên, không bệnh tật đau ốm gì, hưởng thọ 82 tuổi.

Được tin cụ mất vua và Triều-đình rất thương tiếc. Vua sai hai viên quan-vệ đem 100 viên binh về làng đưa đám, lại phúng dôi câu đối sau :

*Tom triều (hữu...?) thanh, tử hữu nghi văn, nghi võ,
Bát trật khê chung mạng, tử sinh danh tướng danh thần.*

Nghĩa nôm :

Tiếng nói ba triều, tử hữu tài văn tài võ.

Mệnh tròn tám chục, tử sinh danh tướng danh thần.

Qua tiêu-sứ và sự-nghiệp cụ Nguyễn-công-Trứ, ta phải nhận xét đây là tấm gương sáng chói lọi của một bậc hiền-triết, một vĩ-nhân, một anh-hùng cái thế của non sông đất nước Việt-Nam.

Cụ Nguyễn-công-Trứ đã treo tấm gương nghị-lực phi thường của một người dân hiếu-học, nhân-nại, siêng-năng, tận tụy với nghĩa-vụ, cố gắng trong sự khó khăn và đã sống trên đời với một quan-niệm triết-lý cao siêu, nhưng thiết-thực với bản ngã xã-hội và kỹ-thuật đối với bề trên, về quốc-gia, về vũ-trụ.

Cả một đời hoạt-động và hy-sinh cho nhà, cho nước, cho xã-hội, chịu đựng bao nỗi đắng cay, bực đái, cách giáng năm lần mà cụ vẫn giữ vững

ý-chí của con người hào-hiệp, khi làm quan to không lấy làm vinh, lúc trượt giáng làm lính thú cũng không cho là nhục, luôn luôn đề lên trên hết, quan-niệm cao cả là đã làm người thì phải lập nên công-nghiệp ích-quốc lợi-dân, đề lưu-danh hậu-thế, cụ Nguyễn-công-Trứ đã đạt chí-nguyện của cụ khi cụ đã nói lúc xưa :

Thông minh nhất nam tử,
Yếu vi thiên hạ kỳ.

Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông.

NGUYỄN-CÔNG-HUÂN



THẺ-LỆ MUA TẠP-CHÍ

Mỗi số (Tư-nhân) : 12\$ — 1 năm (10 số) : 120\$
Mỗi số (Công-sở) : 24\$ — 1 năm (10 số) : 240\$

Gửi bảo-đảm, mỗi số tính thêm 7\$00

Ở ngoại-quốc, xin gửi thêm cước-phí.

- * Mua dài hạn V.H.N.S., xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về **Ó. GIÁM-ĐỐC NHA VĂN-HÓA** (số 266, Đường Công-lý, Sài-gòn)
- * Bài soạn đăng tạp-chí, xin gửi về **Ó. CHỦ-BÚT VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN** (số 266, Đường Công-lý, Sài-gòn).
- * Bài của các bạn gửi đến tòa soạn, nếu không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.



THEO DẤU TỪ-THỨC

(Tiếp theo trang 1055 trong số này)

TÂN-VIỆT-ĐIỀU

20) TIÊN - DU THẮNG - TÍCH

Tiên-du là một huyện thuộc tỉnh Bắc-Ninh, một tỉnh đã có một lịch-sử khá dài và nhiều sự-tích ly-kỳ.

Thời Âu-Lạc, tỉnh Bắc-Ninh thuộc bộ Vũ-minh; đời nhà Hán, thuộc quận Giao-chí với tên Doanh-lâu và Long-Biên. Đời nhà Ngô, thuộc Giao-châu; đời Nam-Tề, có tên là Châu Vũ-Ninh; đời nhà Đường, có tên là Long-Châu và Dao-Châu.

Dưới đời nhà Đinh, có tên đạo Bắc-giang, sau đổi thành lộ dưới triều nhà Lê và Lý; dưới đời nhà Trần lại đổi thành lộ Kinh-Bắc, sau đổi thành trấn (1397).

Nhà Minh gọi là phủ Bắc-giang. Nhà Hậu-Lê gọi là Bắc-đạo; năm 1466 đổi ra thừa tuyên Bắc-giang; năm 1469 đổi tên là Kinh-Bắc, năm 1490 đổi thành xứ; trong niên hiệu Hồng-Thuận (1509-1516), đổi ra trấn.

Dưới thời nhà Mạc, lập ra phủ Thuận-An, thuộc Hải-dương. Nhà Lê phục-hưng tái-lập trấn Kinh-Bắc 1593, sáp-nhập với Bắc-thành. Nhà Nguyễn, năm 1822, gọi là Trấn Bắc-Ninh, đổi ra tỉnh năm 1831, dưới triều Minh-Mạng.

Bắc-Ninh có rất nhiều thắng-tích như cách huyện-ly Tiên-du 4 lý (chừng 2 cây số), có một hòn núi tên là *Tiên-du sơn* hay là *Lạc-kha sơn*

có nghĩa là « núi cán riu mục nát ». Có đường quanh co lên núi, hai bên lối đi có rỗng đá và nhiều giếng vật kỳ lạ bằng đá ; trên núi có đền « Vạn phúc » trên chóp núi có bàn thạch giống bàn cờ tiên. Người ta kể lại rằng ngày xưa có một tiều-phu tên là Vương-Chi, trèo lên núi chặt củi, không ngờ gặp nhiều vị tiên đang đánh cờ dưới bóng một cây thông xanh tươi. Người tiều-phu chổng riu xem say sưa, cho đến khi sực tỉnh muốn trở về thì than ôi, một giờ trên cõi tiên bằng một thế-kỷ dưới cõi trần — cái cán riu đã mục-nát với thời-gian mà người tiều-phu cũng đã răng long tóc bạc hồi nào không biết.

Tiên-du sơn là một ngọn núi danh tiếng lừng lẫy trong lịch-sử nước ta. Năm 210 trước Tây-lịch quân nhà Tần xâm-lăng lần đầu tiên nước ta, Triệu-Đà đóng binh trên ngọn núi ấy rồi tiến binh đánh bại Thục An-dương-vương. Năm 43, Mã-Viện cũng tập trung binh-sĩ nơi ấy nhưng bị quân cấm-tử của hai bà Trưng bao vây một thời-gian và hai bên đã đánh nhau một trận quyết-liệt ở Lăng-Bạc.

Tại Tiên-du-sơn, Cao-biên, tướng nhà Đường, có xây một ngôi chùa tên là Kim-ngưu tự là vì khi đào một cái giếng, Cao-biên có tìm được một con trâu bằng vàng.

Năm 1043, vua Lý Thái-Tông vào tu ở chùa Trọng-Thiên tự. năm 1066 vua Lý Thánh-Tông có xây một cái tháp và năm 1011, vua Lý Nhân-Tông lập chùa Vĩnh-phúc và năm 1121 lập thêm chùa Quang-giao.

Phía đông-nam Tiên-du sơn, Cao-biên ngày xưa có xây trên đồi Bát-vạn sơn một cái tháp cao vòi-vọi với tám vạn viên gạch từ các nơi mang đến.

3. — ĐÔNG-ĐÔ THĂNG-LONG THÀNH

Đông-Đô Thăng-Long là nơi mà, theo thi-sĩ Đoàn-Thêm, Từ-Thức đã tìm đến để khuây-khỏa nỗi buồn, sau khi bị bà con láng giềng khinh bạc vì không còn chức-tước quan quyền gì cả. Tại Đông-dô, Từ-Thức đã đóng vai một thầy giáo dạy con cháu Lê-Công, nhưng chẳng bao lâu Lê-Công muốn ép lấy vợ, nên Từ-Thức bèn rời bỏ Đông-dô trở về quê cũ.

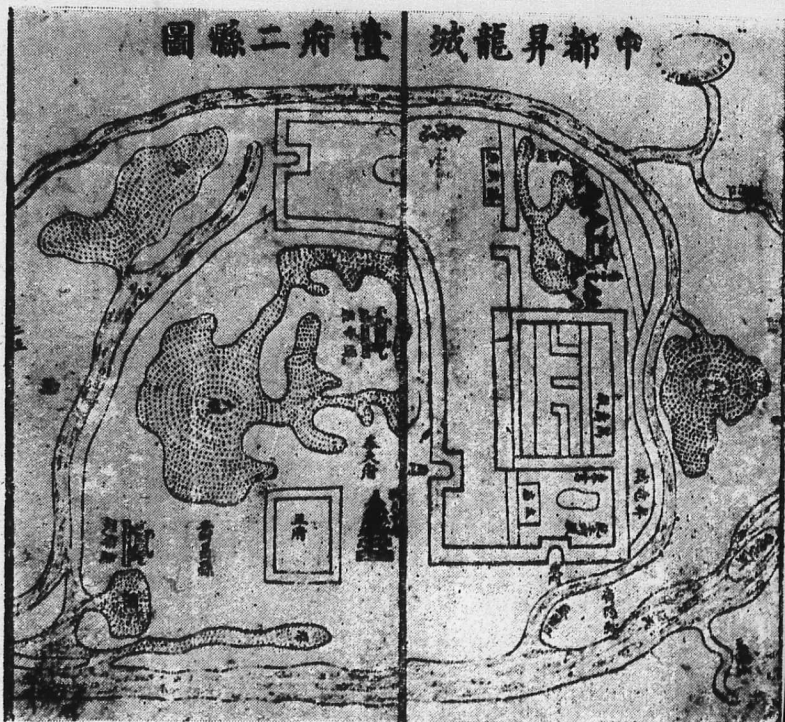
Hiện nay, chúng ta còn giữ bản đồ xưa nhất của Thăng-Long, tên là Trung-dô Thăng-Long thành nhất phủ nhị huyện đồ, trích trong Giao-châu

北京承宣四府十二縣圖



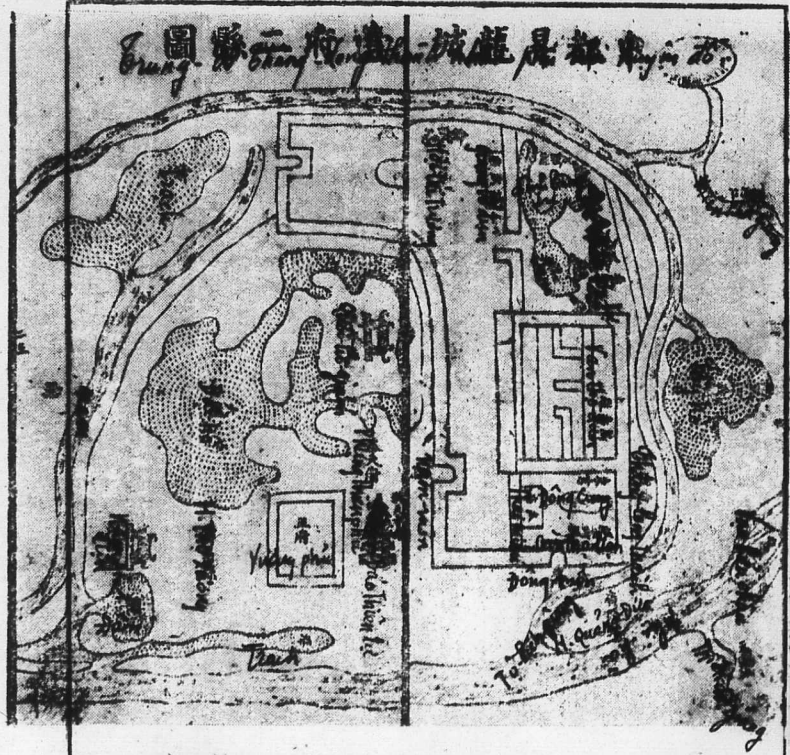
Kinh-Bắc Thừa-Tuyên tứ phủ nhị thập huyện đồ
 (trích Giao-châu chí)

圖縣二府壹 城龍昇都中



Trung-đô Thăng-Long Thành nhất phủ nhị huyện đồ
(trích Giao-châu chí)

東都長安城遺址圖



Trung-dô Thăng-Long Thành nhất phủ nhị huyện đồ
(trích Giao-châu chí)

Chí, do Trương-Phụ và Mộc-Thanh soạn ra trong niên-hiệu Vĩnh-Lạc đời Minh (1403-1424), sau khi đánh dẹp Hồ Quý-Ly, đề dâng về Triều.

4.— NON NƯỚC THẦN-PHÙ

Rời Trung-đô, Từ-Thức về Tống-Sơn rồi qua Nga-sơn lịch lâm phong cảnh, vừa gầy núi Thần-phù là nơi có nhiều động.

Núi Thần-Phù ở xã Thiết-giáp, phía đông-bắc huyện Nga-Sơn, từ núi Tam-diệp 三疊 đến, dài độ ba, bốn mươi dặm, giữa có con sông nhỏ chia rẽ sườn núi ra làm hai, ở phía Nam bờ sông là núi Thần-phù, ở phía Bắc bờ sông từ trang Mỹ-quan đến xã Trị-nội có 2 động: động Từ-Thức và động Bạch-nha. Qua khỏi 2 động ấy thì đến biển là hết núi, trông thấy nước, đá có tượng tranh hùng cùng nhau trông rất ngoạn mục. Từ đời Trần, nhiều sĩ-phu đề vịnh, như Nguyễn-trung-Ngạn (1289-1370), hiệu Giới-hiền, tự Bang-trực, người làng Thổ-hoàng, huyện Thiên-thị (nay là huyện Ân-thị Hưng-yên), đỗ Hoàng-giáp năm 16 tuổi (1304 Trần-Anh-Tôn, Hưng-long thứ 12) trải thờ ba đời vua (Minh-tôn, Hiến-tôn, Dụ-tôn), có dự vào việc đánh giặc ở đạo Đà-Giang (1379) và việc đánh Ai-lao (1334), làm quan đến Thượng-thư hữu-bật, trụ-quốc, tước Khai-luyện-bá.

神 投 港 口 晚 泊

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 波 | 搖 | 日 | 聊 | 散 | 霞 | 紅 |
| 無 | 限 | 漁 | 家 | 落 | 照 | 中 |
| 一 | 水 | 白 | 從 | 天 | 上 | 落 |
| 羣 | 山 | 青 | 到 | 海 | 門 | 空 |
| 龍 | 歸 | 洞 | 口 | 晴 | 生 | 霧 |
| 鯨 | 噴 | 潮 | 頭 | 暮 | 起 | 風 |
| 獨 | 泛 | 蘭 | 舟 | 觀 | 浩 | 蕩 |
| 忽 | 疑 | 身 | 在 | 欄 | 銀 | 宮 |

PHIÊN ÂM

THẦN ĐẦU CẢNG KHẨU VĂN BẠC

Ba dao nhật cước tán hà hồng,
Vô hạn ngư gia lạc chiếu trung.
Nhất thủy bạch tông thiên thượng lạc;
Quần sơn thanh đảo hải môn không.
Long qui động khẩu tinh sinh vụ;
Kinh phú triều đầu mộ khởi phong.
Độc phiếm lan chu quan hạo đấng,
Hốt nghi thân tại lạn ngân cung.

DỊCH LÀ :

ĐỒ THUYỀN BẾN THẦN ĐẦU BUỒI CHIỀU

Sóng lay bóng ác dáng lung-linh,
Mấy xóm thuyền chài bóng bạc quanh.
Nước đậu lưng trời rơi diêm trắng,
Non trào mặt bể lạt màu xanh.
Rõng mai về động mù che nắng,
Cá tốt ra khơi gió chuyền ghènh.
Cưỡi sóng thử buông thuyền một lá,
Thân này ở đứng cõi Bồng-doanh.

(Đình-văn-Chớp dịch)

Núi Thần-Phù chạy dài ra tới biển đến cửa bể Thần-phù là nơi sóng gió bập bùng, thuyền bè quá lại rất là nguy-hiêm, cho nên có câu ca-dao rằng :

Lênh-dênh qua cửa Thần-phù,
Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm.

Câu ca-dao này phải chăng để răn dạy và cảnh cáo những kẻ tham lam chỉ biết tiền-tài, danh-lợi, vinh-hoa phú-quý.

Câu ca-dao này có lẽ đã được truyền tụng từ khi Nguyễn-hữu-Chính tức Co-Thôn hầu, vợ vét vàng bạc của vua Lê, chở đầy 11 chiếc ghe, định tâm mang về quê là làng Châu-phúc, huyện Nghi-Lộc. Vừa đi ngang qua

cửa bể Thần-phù, sóng gió nổi lên làm đắm cả 11 chiếc ; riêng chiếc thuyền của Nguyễn-hữu-Chính được may mắn thoát nạn là vì :

Duy thâm giả hợn hải !

Ba đào vô nộ tái không chu.

(Nguyễn-Công-Trứ)

Bè hợn thật là sâu !

Nhưng sóng gió chẳng giật chiếc thuyền không.

Còn chiếc thuyền của Nguyễn-hữu-Chính chưa hẳn là chiếc thuyền không, nó chỉ là một chiếc thuyền nhẹ chứa đựng một ít ngọc ngà châu báu và rất nhiều tham vọng.

Chiếc thuyền của Từ-Thức mới thật là chiếc thuyền không. Cho nên Từ-Thức không những đã vượt qua sóng gió mà còn tìm đến nơi bằng-lai tiên-cảnh.

Về cửa biển Thần-phu, chúng ta thấy trong Đại-Nam nhất-thống-chí có ghi rằng :

Cửa biển Thần-phù 神符海口 (ở trang 49 cuốn 16 Thanh-Hóa thượng, Chính-đại), huyện Nga-Son (cựu danh là Thần-đầu tức là sông Thần-phù).

Theo «Úc-Trai địa-dư-chí» của Nguyễn-Trãi, ở Thần-đầu có con cá Nhân-hình (hình người) có đuôi, không vây. Có người nói núi Thanh-hóa nhiều thứ ác-thú, vì lưu-tinh của thú ấy, hóa ra con cá kỳ lạ mà ngày nay không thấy nữa. Dòng sông từ cửa quan Chính-đại chảy xuống, hai bên sườn núi chạy lằng quăng đến biển, làm một kỳ-quan sơn thủy.

Xưa vua Hùng-Vương nam-chinh đến cửa biển bị trở gió đi không được, có người đạo-sĩ tên là La-Viện xin chèo thuyền đi trước cho quân theo sau, thì khỏi bị sóng gió gì cả. Sau Viện mất, vua phong là Áp-lăng châu-nhân 壓浪真人, lập đền thờ nơi bến sông. Nguyễn Úc-Trai có thơ :

兩岸千峰排玉笋
中流一壑走青蛇
江流如昨英雄逝

今古無常事變多
四海已清塵已靜
如今海際帖鯨波

PHIÊN-ÂM :

Lưỡng ngạn thiên phong bài ngọc duãn,
Trung lưu nhất hác tâu thanh xà.
Giang lưu như tạc anh hùng thệ,
Kim cổ vô thường sự biến đa.
Tứ hải dĩ thanh trần dĩ tịnh.
Như kim hải tế thiếp kinh ba,

DỊCH NGHĨA :

Hai bên bờ sông có ngàn chót núi đứng bày lên như ngón tay ngọc,
Giữa dòng một đường nước chảy như con rắn xanh,
Dòng sông y như trước mà người anh-hùng đã qua đời rồi,
Còn nhiều sự biến đổi xưa nay không thường.
Ngày nay bốn biển đã thanh bình, chính trần đã lặng.
Vùng biển không nổi sóng kinh ngư.

Vua Lê Thánh-Tôn qua cửa biển có vịnh thơ :

穿雲躡徑一條紆
重駕征輶作遠遊
地浚江沱通上國
天將砥柱障橫流
胡王枉載填河石
羅援輒乘壓浪舟
此去海門三十九
計程何日到烏洲

PHIÊN-ÂM :

Xuyên vân nhiếp kính nhất điều vu,
Trung giúu chính thiêu tác viễn du.
Địa tuấn giang đà thông thượng-quốc,
Thiên tương đề trụ chương hoành lưu.
Hồ-Vương ưởng tải điền hà thạch,
La-Viện khinh thừa áp lãng chu.
Thử khứ hải môn tam thập cửu,
Kê trình hà nhật đáo Ô-châu.

DỊCH NGHĨA :

Đi tuôn trong mây nơi theo dấu mồn có đường quanh co.
Xa giá của ta đến đây là do có cuộc viễn du.
Đất mở dòng sông thông qua thượng-quốc (nước Tàu),
Trời trồng trụ đá đề ngăn dòng nước chảy tràn ngao.
Vua nhà Hồ ưởng công chở đá đem đến lấp.
La-Viện coi chiếc thuyền nhẹ mà đề chặn được sóng lớn.
Đây còn cách cửa biển ba mươi chín dặm.
Tính trình đờ ngày nào đến Ô-châu ? (1)

Cửa biển này cuối đời nhà Lê bị cát bồi lấp thành chỗ dân-cư. Ngày nay ở huyện Yên-Mỗ, có một tông tên Thần-phù.



Câu chuyện Từ-Thức mới nghe như là hoang đường, huyền-hoặc. Nhưng nếu có những sự thật mà chưa hẳn mà là đúng, thì cũng có những sự-kiện kỳ dị khó tin, nhưng mà chính là sự thực.

Trong câu chuyện Từ-Thức, nếu chúng ta chịu khó nghiên-cứu thật kỹ, thì chúng ta sẽ thấy rằng việc sống trên tiên một ngày cũng bằng sống dưới thế gian từ 20 ngày đến 60 ngày, là một sự-kiện đã được khoa-học chứng-minh rõ ràng.

VI.— TÍNH-CHẤT KHOA-HỌC TRONG CHUYỆN TỪ-THỨC

Cốt truyện Từ-Thức tuy có vẻ huyền-ào, bán hư bán thực, nhưng lạ thay nó không khởi phảng phất cái thuyết tối-tân của Einstein về « không-thời-gian » (continuum espace-temps).

Nếu thời nay không ai có cái may lạc vào tiên cảnh như Từ-Lang, thì ít ra cũng có những vi-phần-tử (méson) để chứng thực rằng thời gian quả có đã ngắn thót thường do tốc-độ (vitesse) và dẫn-lực (gravitation) gây nên !

Trong Tương-đối Giản-luận (Relativité restreinte) Einstein đã chứng-minh giá trị công-thức biến-cái của Lorentz (transformation de Lorentz), theo đó nếu có một kẻ xê-dịch đối với tốc-độ V thì thời gian của kẻ ấy sẽ dài hơn của ta theo

tỷ-lệ
$$\sqrt{\frac{1}{1 - \frac{V^2}{C^2}}}$$
 trong đó có C là tốc-độ bất-di bất-dịch của ánh-sáng

trong quăng không. (Par rapport à K , l'horloge est animée de la vitesse V ; par rapport à ce corps de référence, l'intervalle de temps qui sépare deux de ses battements successifs n'est pas une seconde mais $\sqrt{\frac{1}{1 - \frac{V^2}{C^2}}}$ de secondes, c'est-

à-dire un temps un peu plus long. Par suite de son mouvement, l'horloge marche plus lentement que lorsqu'elle est au repos...) (Extrait de la Théorie de la Relativité restreinte et générale par Albert Einstein — Traduction de l'allemand par Maurice Solovine — Edition Gauthier — Villars 1954 page 41).

Một trong những người truyền-bá học-thuyết Einstein nổi tiếng nhất là bác học Langevin đã đưa ra một thí dụ kỳ-thú giống như cốt truyện Từ-Thức : Một phi-công bằng mình trong không-gian với một tốc-độ ghê-gớm bằng 19.999/20.000 tốc-độ ánh-sáng. Ông ta chu-du 2 năm đến khi hạ cánh xuống thì ôi thôi, khung cảnh đã thay đổi, tất cả trên trái đất đã già đi 2 thế-kỷ ! Ông không còn tìm thấy con cháu nữa, vì ông đã nhảy một bước rất dài vào tương-lai, không còn hy-vọng nối lại quăng đời ông đương « sống dở-dang » trên mặt đất, nó đã lui xa một trăm lần vào dĩ-vãng !

Nhiều người không khỏi phân-vấn cho rằng tốc-độ chỉ có một giá-trị

tương-đối, như vậy nếu coi là trái đất đứng yên phi-công xê-dịch thì đời phi-công dài ra ; nhưng cũng lại có thể coi là phi-công đứng yên mà trái đất mới xê-dịch-tức là đời ở trái đất mới dài hơn !

Ông Paul Coudercq phủ-nhận tính-chất hổ-huệ ấy (réciprocité) vì có một sự sai biệt rất lớn giữa phi-công và trái đất : phi-công phải chịu đựng những sự gia-tốc (accélération) và giảm-tốc (freinage) ghê-gớm khi cất cánh và khi hạ cánh, còn người trên trái đất vẫn bình-thản trong cái hệ-thống « Galilée » của nó, tức là một hệ-thống không có sự vận-động gia-tốc.

Tiếp đến, tương-đối Thông-Luận (Relativité Générale) của Einstein lại đem dẫn-lực (gravitation) ra so sánh với vận-động gia-tốc (mouvement accéléré) để rồi phủ-nhận sự có thực của dẫn-lực. Thuyết ấy chỉ còn coi dẫn-lực là một trạng thái đặc-biệt gây ra do sự vận-động giá-tốc của hệ-thống. Mà đã nói đến vận-động tức là lại nói đến thời gian co giãn (le temps élastique) ! Kết-cuộc : Dẫn-lực cũng có ảnh-hưởng như tốc-độ nó làm thời gian dài ra (« Puisque les effets du mouvement (de rotation du plateau au bord duquel se trouve l'expérimentateur) sont analogues à ceux d'un champ, il devra conclure que les horloges retardent dans les champs de gravitation : La nature a confirmé cette prévision de la Relativité générale avec une netteté qui a stupéfié les astronomes. »

(Extrait de « La Relativité » par Paul Coudercq — Edition Presses universitaires de France — 1949, page 108).

Bất chấp sự khen chê của người đời, khoa-học chỉ biết có thực-nghiệm mà thực-nghiệm lại chứng tỏ là Einstein có lý .

Các hạt « méson » khi chuyển-dịch nhanh xấp xỉ ánh-sáng đã có một đời dài ra gấp gần hai chục lần khi nó đứng yên, nào có khác chi Từ-Thức khi ở cõi tiên !

Rồi đến ánh-sáng do các vật-chất phát ra tại những nơi có một dẫn-lực rất lớn như ở mặt trời hay sao trất (étoile naine), chúng đều giảm sút lần số mà dịch về màu đỏ trong những cuộc phân-tích quang phổ (analyse spectrale) chứng tỏ nhịp sống của sự vật ở đấy đều chậm lại, hay nói một cách khác, là thời gian đã dài ra !

Vậy cái cảnh tiên mà Từ-Thức lọt vào kia là một hệ-thống xê-dịch rất nhanh hay là nó có một dẫn-lực rất lớn ? Ta không được rõ vì Từ-Thức đã biến đi không để lại dấu vết !

Có chăng là sự kinh-ngạc của ta về sự thật kỳ-diệu tới nay mới phát-minh mà đã từng hé lộ trong câu truyện « truyền-kỳ mạn-lục » nói trên. Sau cùng nếu chúng ta xét cho kỹ thì thời gian là gì, nếu nó không là một quan-niệm trừu-tượng, phát sinh do sự kế-tiếp liên-tục của các biến-cố căn-bản ? Một khi các biến-cố đó dài ra thì còn có một quan-niệm thời gian nào đứng vững với một trị-giá khác ?

Nhà thơ Xuân-Diệu cũng đã từng viết :

... Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,

Nếu tuổi trẻ không hai lần thăm lại... .

Nếu tuổi trẻ luôn luôn thăm lại, thì không những xuân sẽ tuần hoàn mà con người cũng sẽ bất-diệt, sẽ mãi mãi tồn-tại trong một tuổi xanh không bao giờ phai nhạt !

VII. — GIÁ-TRỊ VĂN-CHƯƠNG CỦA THI-PHẨM TỪ-THỨC CỦA ĐOÀN-THÊM

Có người ngạc nhiên hỏi rằng tại sao Đoàn quân dám sửa đổi cốt truyện Từ-Thức của Nguyễn-Dữ. Chúng tôi xin trả lời rằng đó là quyền tuyệt đối của những người sáng-tác. Hơn nữa, Đoàn quân cũng đã được sự ưng-thuận mặc-nhiên của Nguyễn-Dữ, là vì :

Chính cụ Nguyễn-Dữ, tác-giả Truyền-Kỳ Mạn-Lục, và truyện Từ-Thức, có nói rằng :

« Than ôi, nói chuyện quái sợ loạn chuyện thường cho nên thánh hiền không nói. Nhưng việc Từ-Thức lấy vợ tiên, cho là thực không ư ? Chưa hẳn là không. Cho là có thực ư ? chưa hẳn là có. Có không lơ-mờ, câu chuyện tựa hồ quái đản. Nhưng có âm-đức thì có dương-báo, cũng là lẽ thường. Những bậc quân-tử sau này khi đề mắt đến, sẽ liệu mà thêm bớt bỏ chỗ quái mà đề chỗ thường thì phỏng có gì là hại ? ».

(Bản dịch của Trúc-Khê Ngô-văn-Triệu)

Ngay như truyện Kiều cũng không thoát khỏi cái định-lệ ấy, là vì như ta thấy :

« Truyện Thúy-Kiều không phải là một truyện tự tiên-sinh tưởng-tượng

mà đặt ra, tiên-sinh thấy có một bộ tiểu-thuyết của Thanh-Tâm tài-nhân, văn-chương thật là tầm-thường... Nhận bộ tiểu-thuyết tầm thường ấy mà làm thành một tập văn chương... »

(Trần-Trọng-Kim — Tựa truyện Kiều)

Về phần văn-chương, tác-giả trước sau vẫn là một nhà thơ mục-thước tiếp-tục theo nền-nếp của thi-văn xưa. Điều này thấy rõ nhất trong lối vận-dụng từ-ngữ, trong lối hành văn cô-kinh rất thích-hợp cho một truyện thơ luận đề như truyện Từ-Thức này.

Như đề tả một cảnh non thanh nước biếc nổi danh từ xưa về hần-tích tiên-thánh huyền ảo linh kỳ, tác-giả đã dụng tâm dùng lại những chữ cũ : nương dâu, sóng bạc, chập-chờn, yên-hà, từng thông mà truyền cho chúng một sinh-lực mới trong những câu thơ nhẹ nhàng, trang nhã và thanh cao.

Bề đông chìm nổi nương dâu,

Thần-Phù sóng bạc, cánh ô chập chờn.

Yên-hà phảng phất Tống-Sơn,

Không-trung giėjo-giắt sáo đờn Quỳnh-Dao...

Từng thông hợp bóng non cao,

Hóa-châu là lối ra vào cõi tiên...

Nói về phù-hoa chốn Đàng-dô xưa, tác-giả đã hạ những chữ chọn tọc thanh quý đọc lên như thấy vẻ vàng son của một thời nào xa cũ :

...Đông đô chen chúc hội quần anh

Tây-hồ lộng bóng làng phòng-nguyệt,

An-thái nồng hương bạn yến oanh.

Ngây ngất lầu xanh ly rượu cúc,

Nhật khoan gác tía khúc đàn tranh...

làm ta nhớ đến Nguyễn-Huy-Lượng trong đoạn u-hoài phần mở bài *Tụng Tây-hồ* phú xưa.

Xét chung về hành-văn thì giọng-điệu chính tề, lăm đoạn gò đúc mà vẫn nhẹ nhàng. Câu sau này gợi một hình ảnh hùng-tráng, xa-xăm như thấy trong giấc mộng :

VĂN-HÓA — SỐ 44

*Non kia có phải non Thần,
Cho ai mượn đám mây Tàn qua chơi.*

Tinh thần bay bướm diễm-tuyệt của Lão-Trắng cũng đã làm cho nhiều câu thơ thành trong sáng dịu dàng, ngại ngùng như những đám mây vô định :

*Sông Âm htu-hắt vì-lô,
Sông Lương bến vắng, con đò lặng thính.
Trên mây, dưới nước, giữa mình,
Hoàng-hôn gác mát, bình-minh nhẹ chèo.
Sông Chu uốn khúc trong veo,
Sông Cao lơ lửng bên đèo mờ sương.
Trào dâng bãi cát lạch Trường,
Gió đưa Diêm-phổ, buồm gương lạch Triều.*

Ta nên nhớ rằng dù sao thì đây vẫn là một chuyện nhuộm màu thần-tiên. Đề tả những hình-ảnh thần-ảo mà vẫn không hoàn-toàn xa sự thực, tác-giả đã khéo lựa chữ, sắp xếp nhịp điệu, tạo-thành những thế-giới trong sáng khinh khong :

*Tháp-thoáng vân yên mờ bạch lạp,
Bóng Dương-Đời ngọc-tháp nhấp nhô ;
Lầu Sở-Vương phấn điểm sơn tô,
Rung rinh ánh nước hồ Vân Mộng.*

Những chữ gây không khí mơ-hồ linh-ảo ở các câu trên, âm thanh kêu gọi về câu cuối diễn-tả đầy đủ cái linh-lung của sự-vật chấp-chờn...

Về cảnh đời trên thiên-tiên là cảnh một mùa xuân bất tận, sự-vật muôn năm mãi mãi thanh-bình, tác-giả đã có những lời thơ mà hình-ảnh cô đọng, bất-động, thanh-thản một cách lạ thường, nhiều khi lơ-lửng chơi-vơi :

*Mây vén màn bông trắng,
Cung Thiềm dịu bóng thanh,
Cửa trời theo gió mở,
Loan múa, hạc bay quanh.*

*Thỏ ngọc phơi lông tuyết,
Lãng quăng gặm cỏ xanh,
Sương chiều êm cõi mộng,
Hoa quế ngát muôn cành.*

Xét lối văn tả cảnh, truyện thơ này còn bao nhiêu cảnh đặc-sắc, đặc-sắc vì nó không Tàu mà cũng không Tây, nghĩa là bức tranh không quá đơn-giản như tranh Tàu, mà không rườm-rà như tranh Tây, nó có cái gì vừa vặn dễ ưa. Ví-dụ như đoạn tả một cảnh thiên-tiên êm-đềm trong sáng, dễ yêu :

*Cỏ non in bóng thanh-tùng,
Hạc co chân đứng, hoa ngàn hương bay.
Bạc đầu, lau mặc gió lay,
Yên lòng, suốt mặc ánh ngày lướt qua...*

Và đây là đoạn tả làng cũ ngày họ Từ trở lại trần-gian :

*Có phải đây làng cũ ?
Bia rêu, nét chưa mòn,
Bên sông tòa cổ miếu,
Mưa gió nhạt vòng son.
Vũng biển, phù-sa lấp,
Vi-phong gợn cỏ non,
Đảo xanh liền ruộng cá,
Nhẹ cánh lữ cò con...*

*Đất nước dư sinh-khí,
Sao vườn được héo hơn ?
Giậu xiêu, bìm rữ lá,
Ngõ trước, vết không còn.*

Đến như những vần thơ nói về cảnh đời thôn-trang, tre lúy rom đồng, chân cứng đá mềm, muôn năm giữ vững thanh-bình, nghe như vang lên niềm tin yêu bền-bỉ, tươi đẹp của mỗi tình cao cả :

Trường-sơn nhuộm sắc thiên-nhiên,
Nóng-thôn khói biếc, lư-rng-điền mạ xanh.
Chân đồi san sát mãi gianh,
Cửa sông pháp-phối bóng mảnh gần xa.
Lưng trâu, mục-tử hòa ca.
Đầu nương, bạch-lộ hay là ngọn dâu ...
Dập dờn quang gánh qua cầu,
Vai mềm, yếm thắm, vết trâu miệng tươi.
Lan khói thuốc, vắng tiếng cười,
Một mùa lúa chín gắp mười năm xưa.
Phù-sa vạch luống trâu bừa,
Cát khô rợp bóng khóm dừa, rặng thông.
Vùng lầy, tát cạn nên đồng,
Đê ngăn nước mặn, bê đống xa bờ.
Chấn tâm, dệt cửi, quay tơ,
Ngày mong quả chín, đêm chờ lưới quăng.

Về thể-loại tự-thuật, tác-giả đã lưu-ý tùy theo trường hợp mà ứng-dụng thể thơ thích nghi. Đó là một đặc-sắc nổi bật không cần phải biện-minh. Trong lối này, thơ ngũ-ngôn sử-dụng rất thanh-nhã, êm nhẹ chứng tỏ biệt-tài của tác-giả, mà lối thơ thất-ngôn cũng có lắm đoạn đã thành những nét hào hoa : bức thư Giáng-hương gởi Từ-Thức có thể xem là một tiêu-biểu :

Họ bút cảnh trường vịnh biệt nhau,
Mục hòa nước mắt, nén lòng đau,
Chữ không in nét, lời sai ý,
Bạch-lạp thương tâm rõ lộ sầu.

.....

Sửa túi hoa-tiên gửi mấy hàng,
Sắt cầm vắng vắng tiếng tình tang,
Bồng Doanh khói phủ, trăng tròn khuyết,
Hình bóng theo nhau giấc mộng vàng !

Tông chi, với Từ-Thức, tác-giả đã đặt được một cơ-sở vững-chãi trên con đường sáng-tác văn-chương của mình. Và nếu như về phương-diện ý-thức, Từ-Thức dẫn ta vào những ân-khúc, những băn-khoăn và cố gắng của con người thời-dại, thiết-tha đi tìm ý-nghĩa của sự sống, thì về phương diện văn-chương, tác-giả nó cũng đã sáng-tạo những vần thơ cô-kính, trác-luyện và chọn lọc, từng phen làm cho ta sung-sướng, cái sung-sướng được gặp những mạch-lạc thâm kín, những thanh-âm huyền-diệu của ý tình, của chữ, của tiếng vậ. Có thể nói rằng đến tập thơ Từ-Thức, thi-sĩ Đoàn-Thêm đã có những lời thanh-nhã và thanh-tân tuy rất cô-kính và cô-diễn đề nói lên mỗi tâm-sự và hoài-vọng của mình, đồng thời cũng đã gọi lên đầy đủ chỉ-hướng của một số người trí-thức thời-dại cố gắng xứng đáng với vai trò mà lịch-sử đang chờ mong.

CHỮ - THÍCH

(1) Hồi đó, một số dân miền duyên-hải huyện Quảng-Xương đi đánh cá ở vùng biển Sầm-Son thường vớt được những thỏi kim-khí bằng cái rặng bừa màu đen, mắc vào lưới. Họ không rõ là vật gì, nhưng cũng đem về nhà, vớt bỏ lẫn lóc trong các xô. Có một bác chài ngờ là cục chì nên mang mấy thỏi đến lò rèn nhờ đúc thành những hòn chài. Khi nấu chảy ra nước, mới biết đó là vàng thật. Từ đó lão thợ rèn và anh hàng chài phao truyền rằng những thỏi kim-khí kia là những cục chì, và bí-mật cho người mua về đem lên Tỉnh và đến các nhà giàu ở thôn quê đem bán,

Thấy có người mua thứ hàng đó, một số dân chài giỏi lặn đua nhau lao mình xuống biển mò của. Họ mò được khá nhiều, đem về đổi lấy mấy hạt gạo hoặc bán một vài hào bạc mỗi thỏi. Có vài nhà buôn ở tỉnh, lợi dụng cơ-hội, đã đổi hoặc mua được hàng trăm nén vàng.

Tiếng đồn đến huyện nha. Viên Huyện liền cho lính đi truy-nã những người đi mò của và những kẻ đã mua vàng Sầm-Son, và tịch-thâu

được một số. Có lẽ ông Huyện cũng đã giấu-giếm chút ít trước khi báo cáo lên cấp trên. Cho nên sau mới bị triệu-hồi Kinh.

Khi nhà cầm quyền Pháp biết rõ việc đã xảy ra, liền giao cho Trường Viễn-Đông Bác-Cổ phụ-trách khai-thác. Nam-Triều tranh nại, cho kho vàng đó nguyên chôn ở đất liền — của nước Việt-Nam. — Sau vì « tang-diễn biển vì thương hải » nên chôn vàng trước nay thành ra đáy biển. Trường Bác-Cổ không công-nhận luận-thuyết ấy, vì không đủ bằng chứng cụ thể, và cho rằng vàng ấy là của các đại-thương-gia Âu-Tây sang buôn bán ở Macao và ở các hải-cảng khác, nhập đi ngang Sầm-Sơn gặp gió bão làm đắm thuyền nên vàng chôn xuống đáy biển. Chỗ này, nguyên xưa cách bờ biển rất xa, nhưng sau vì « thương hải biển vì tang diễn » cho nên bây giờ mới thành gần như vậy.

Tin chắc rằng kho vàng ấy còn nhiều, chứ dân chài cũng chưa lấy được bao nhiêu, nên Trường Bác-cổ xin cho chuyển máy lặn ở bên Pháp sang để khai thác.

Một hôm, mò được một cây kiếm và một khẩu súng lệnh kiểu đại-bác xưa, dài độ hai gang tay, họ gửi biểu Nam-triều để làm kỷ-niệm. Hai báu-vật ấy được trưng bày ở Khải-Định Tàng-Cổ-Viện. Nhận thấy trên khẩu súng có khắc 3 chữ Hán « Cơ Tà Hậu 機村侯 » bằng vàng, Cổ-Học Viện liền cho tra-cứu. Các nhà khảo-cổ hồi đó là ông Đinh-Xuân-Hội và Nguyễn-Thọ-Dực bèn lục lại hết các sách Sử-địa Việt-Nam, không tìm thấy dấu-tích « Cơ Tà Hậu » ở đâu cả. Mãi sau, dò đến một quyển « Đại-Nam Nhất Thống Chí » (tỉnh Nghệ-An) sách cổ, chép bằng tay, liền xem mục Chợ búa, mới thấy ghi một hàng chữ : « Cơ-Thôn thị, tục danh là chợ Ông Cơ, ở huyện Chân-Lộc » ; lại tra sử-liệu thời biết rằng Nguyễn-Hữu-Chính là người ở Cơ-Thôn, được phong làm Cơ-Thôn Hậu 機村侯, vì ông đang thiết lập một cái chợ ở trong làng để cho dân-sự buôn bán làm ăn, nên tục gọi là chợ Ông Cơ, tức là Cơ-thôn thị.

Biết rõ Cơ-Thôn Hậu là Nguyễn-Hữu-Chính, các nhà khảo-cổ liền đem khẩu súng ra xem xét lại liền nhận thấy ba chữ vàng khắc trên đây đích là « Cơ Thôn Hậu 機村侯 » chứ không phải « Cơ Tà Hậu 機村侯 », vì bị cát đập sóng dờn lâu ngày nét chấm « . » của chữ thôn 村 bị nhòe ra như nét phẩy « , » nên khi mới trông thấy lần đầu, ai cũng tưởng là chữ tài 材.

Khi đã biết đích khẩu súng lặn trong đồng vàng Sầm-Sơn là của ai, thời tất nhiên phải đoán được chủ-nhân của kho vàng ấy. Nhưng vì lẽ gì kho vàng ấy lại nằm dưới đáy biển Sầm-Sơn ?

Các nhà khảo cổ nói trên đã tìm thấy một sử-liệu, câu chuyện đại khái như sau : Đời vua Lê Hiến-Tôn (Hậu Lê) Nguyễn-Hữu-Chính cùng quân Tây-Sơn ra diệt Trịnh và tịch thu nhiều kho tàng ở Bắc-Hà. Khi có việc phải trở về Nghệ-An, Chính vội đáp thuyền thoát trước, còn bao nhiêu của cải đã chiếm được truyền chất đầy 11 chiếc thuyền lớn cho quân-gia chở về sau. Lúc băng qua cửa Thần-Phù gặp sóng gió dữ toan nhưng các thuyền đều chở nặng vẫn giữ được quân binh không bị lật nhào ngay. Song vì sóng ập vào tràn đầy nên từ từ chìm đắm. Rồi, bởi cơn gió bắc thổi mạnh, dòng nước cuộn về hướng nam thúc đẩy những thuyền kia đến phía bắc Sầm-Sơn mới chịu vùi dập hẳn xuống đáy biển.

Tìm được một luận-cứ khá xác-đáng về nguyên-ủy của kho vàng Sầm-Sơn, các nhà khảo cổ đã làm một tờ phiến tự sự rất rành mạch kho tàng đáy biển ấy. Vịn vào tờ phiến đó, Nam-Triều lại đòi quyền sở-hữu kho vàng, và lần này « Chính-Phủ Bảo-Hộ » phải chấp-thuận : Một số vàng không rõ là mấy ngàn thỏi được đóng hòm chở về kho Nội-Vụ, rồi đưa ra bán đấu giá.

Kho vàng Sầm-Sơn tất phải quan trọng lắm vì đã chứa đầy 11 thuyền lớn. Nhưng đến khi vớt lên chưa hẳn đã vớt hết, và lại bị phân-tán đi nhiều ngả, lại lọt vào nhiều tay, cho nên không thể biết được số lượng là bao nhiêu.

Chỉ biết rằng, tất cả những nhân-vật và cơ-quan có dính líu đến vụ vàng Sầm-Sơn đều đã bị khốn-dốn rồi tiêu-tan như thân-thế cũng như sự-nghiệp của Chúa Trịnh, vua Lê và Cống. Chính vậy ! (Theo cuộc điều-tra — đã nói trên — của Nam-Triều thời kho vàng Sầm-Sơn là của Nguyễn-hữu-Chính. Nhưng theo những thuyết khác thì vàng ấy có thể là do Nguyễn-Huệ lấy ở kho tàng vua Lê, chúa Trịnh rồi sai chở vào Nam).

TÂN-VIỆT-ĐIỀU





KHẢO-LUẬN

VỀ

CUNG - OÁN NGÂM - KHÚC

Giáo-sư PHẠM VĂN ĐIỀU

I. — THÂN-THỂ VÀ TÁC-PHẨM (1)

Nguyễn Gia-Thiều 阮嘉璿 sinh năm tân-dậu (1741), là năm Cảnh-hung thứ ba đời Lê Hiên-tông, quán làng Liễu-ngạn 柳岸, tổng Liễu-lâm 柳林, huyện Siêu-loại 超類 (nay thuộc phủ Thuận-thành), trấn Kinh-bắc (tức Bắc-ninh bây giờ). Ông là con trưởng-nam của Đạt-vũ hầu Nguyễn Gia-Cư 阮嘉瑞 — có thuyết nói là Nguyễn Gia-Ngô — và Quỳnh-Liên Công-chúa 瓊蓮公主 húy Ngọc-Tuân 玉荀 là con gái chúa Hi-tô Nhân-vương Trịnh Cương 禧祖王仁鄭桐 (cầm quyền trong khoảng 1709-1729). Là cháu ngoại chúa Trịnh, nên từ lúc lên năm tuổi, ông được vào ở phủ chúa Trịnh Doanh học-tập việc văn-chương và cả nghề cung-kiếm. Năm mười hai tuổi, niên-hiệu Cảnh-hưng thứ mười ba (1753), chúa Trịnh Doanh 鄭楨 ban cho ông 10 mẫu ruộng thuộc xã Quang-biêu

(1) Theo *Nguyễn gia phả ký* 阮家譜記 của Thư-viện Học-viện Đông-phương Bắc-cô. Ông Lê Dư là người đầu-tiên dùng tài-liệu này mà tìm tác-giả của *Cung oán ngâm khúc* là Nguyễn Gia-Thiều.

huyện Việt-yên. Năm mười lăm tuổi, lại được ban-cấp thêm 10 mẫu ở xã Lâm-cương, cùng huyện. Đến năm mười chín tuổi là năm 1759, được phong Chi-huy Thiêm-sự chỉ-huy sứ-ti đổi sang Quản-thị-hậu trạch-hữu-thuyền.

Năm 1779, chúa ngự chơi nhà phong tặng cho ông danh-hiệu Sơn-thủy-nhân-hoa 山水人花, và ban cho một chiếc ngự y.

Năm 1780, ông được thăng Đô-chỉ-huy-sứ, và phụng-mệnh trông nom việc kiến-trúc tòa tháp ở chùa Thiên-tích, từng được chúa ban cho nhà ở Cửa-Nam. Thấy ông có tài kiến-trúc và trang-trí, chúa lại vời ông điều-khiển việc sửa sang cung-phủ. Nhà ông làm rất đẹp-đẽ, chúa Trịnh vẫn thường khen vào nhà ông giống ưnh vào chơi cảnh Đào-nguyên vậy.

Vào năm 1782, ông thăng Tổng-binh Đồng-tri Lưu-thủ xứ Hưng-hóa, được phong tước là Ôn-như hầu 溫如候. Lúc trấn giữ miền này, nhờ tài chính-trị và tài dụng-binh, ông đã giúp yên các đám giặc trong hạt, vãn-hồi lại an-ninh cho dân chúng. Sau khi chúa Trịnh Sâm thăng-hà, nhân sự binh biến tranh chấp giữa hai giòng trường thứ bảy giờ, rồi Đoan-nam vương Trịnh Khải sắc chỉ triệu ông về kinh nhân-dật trong mấy năm.

Tinh-thông nghề cung kiếm, nhưng từ thời phong hầu về sau, ông lại càng chuyên-tâm nghiên cứu luyện-tập văn-chương cùng là thiên-văn địa-lý; ông rất sành Thanh nghệ luật 聲藝律 (nghề làm thơ), say-sưa các thú cầm, kỳ, thi, tửu, và ham mê nghiên-cứu Phật-Lão học, hay giao-dư với các danh-sĩ đương thời kết làm bạn thơ bạn rượu mà cùng vui chơi. Một bạn ông có tặng ông câu vịnh về phong-thái hào-hùng và hào-hoa ấy:

Quần cư Nam-Việt Ức Tây-hồ,

Thi tửu ngang-tàng hảo trượng-phu.

Trong quãng đời làm quan, nhất là về giai-đoạn cuối, ông thường xin nghỉ về nhân-dưỡng ở nhà riêng tại Tây hồ 西湖 (Hà-nội), tự hiệu là Tâm-thi-viện-tử và Sưu-chân, lại còn xưng là Hi-tôn-tử 希孫子 và Như-ý-thiền 如意禪, chán ngán nông-nổi công-danh.

Thời vua Lê Chiêu-thống lên ngôi (1786), ông lại được nhà vua sắc cho làm Quản-nhị tượng-cờ đề lĩnh tứ-thành quân-vụ, chức Đô-đốc, rất có tín-nhiệm đối với bề trên, mấy phen lĩnh trọng-chức.

Kịp khi vua Lê Chiêu-thống bại vong, nhà Tây-sơn hưng-khởi, ông

bện đi ần ở Hưng-hóa là nơi xưa ông trị-nhậm. Tây-sơn cho tìm ông khắp nơi, và nhân bởi tình-thệ bức-bách phải trở về Thăng-long, ông bèn thác bệnh già, uống rượu giả cuồng để khỏi ra làm việc với tân-triều, và sống đời phóng-dãng tự thích mà thôi. Triều Tây-sơn biết chí không ép được, bắt đả dĩ phải cho ông về quê hương.

Ông mất ngày 9 tháng 5, năm mậu-ngọ (1798), ở quê nhà (Bắc-ninh), thọ 58 tuổi, cuối triều Cảnh-thịnh nhà Tây-sơn, tức là chết sau vua Quang-Trung 6 năm (1792). Tác-phẩm ông gồm :

Phần Hán-văn, có hai tập *Ôn-như thi-tập* 温如詩集 (tập thượng tập hạ), mỗi tập 500 bài thơ, nay thất truyền.

Về phần Quốc-văn, có *Tây-hồ thi-tập* 西湖詩集, *Tứ-trai tập* 四齋集, *Cung oán ngâm khúc* 宮怨吟曲. Trừ ngoại *Cung oán ngâm khúc* là tác-phẩm trọng-yếu, là một bản trường-ngâm danh tiếng được truyền đời, hai tập thơ quốc-âm kể trên nay chỉ rơi-rớt lại mấy bài thơ nhỏ còn chép trong *Chuyết thập tạp ký* 說拾雜記 của Lý Văn Phức 李文複 : *Sat tên Cam* (1), *Cảnh vườn bị mưa giông* (2), *Ngũ canh, Gớt tình-nhân* (3). Những bài thơ này, trên một chùng mực nào đó, còn thể ghi lại một đôi nét về phong-độ quý-phái, đài-các của nhà thơ vương-già. Ông từng sớ-trường về môn *ca tán*, và cũng đã sáng-chế ra các-diện sớ-từ và sơn-trung âm. Đây lại là một bằng chứng thêm càng xác-nhận con người nghệ-sĩ hào-hoa trọn vẹn ở Ôn-như hầu Nguyễn Gia-Thiều vậy.

II. — NGUYỄN GIA-THIỆU VÀ CUNG OÁN NGÂM KHÚC

A. — THỜI-ĐẠI RA ĐỜI

Về thời-đại ra đời của áng thơ *Cung oán ngâm khúc* thì trong các tài-liệu sách vở cũ không hề thấy ghi chú gì. Nhưng căn-cứ ở nội-dung khúc ngâm và đôi theo mối tâm-sự của người cung-nữ, ta nay vẫn có thể suy biết về nguồn-gốc sự biên-soạn áng văn mà trắc-định thời-đại áng văn ra đời.

1) *Văn-dân bảo-giám*, Quyền thứ hai, Nam-ký lần thứ ba, trang 12 ; Dương Quảng-Hàm, *Việt-văn giáo-khoa thư*, Hà-nội, 1952, trang 96 ; Trần Trọng-Kim, *Việt thi*, Tân-Việt, 1950, trang 77.

2) *Văn-dân bảo-giám*, Quyền thứ ba, Nam-ký in lần thứ hai, trang 55 ; *Việt-văn giáo-khoa thư*, Hà-nội, 1942, trang 97 ; Trần Trọng-Kim, *Việt thi*, Tân-Việt, 1950, trang 1027.

3) *Văn-dân bảo-giám*, Quyền thứ nhất, Nam-ký in lần thứ ba, trang 95 ; Trần Trọng-Kim, *Việt thi*, Tân-Việt, 1950, trang 132.

Trước *Cung oán ngâm khúc*, về đầu thời Cảnh-hưng, văn-học Việt-nam bỗng đứng nghe vang dậy một tiếng địch ni-non : ấy là khúc *Chinh-phụ ngâm diễm-ca* bài thơ diễm-lệ trang-trọng đượ-dàng của người chinh-phụ quý-phái vẫn khư-khư ôm niềm hy-vọng, vẫn còn ấp-ủ mộng-tưởng gác nguyệt lâu hoa hây còn đẹp đẽ êm-đềm như ánh sáng láng-dăng chiều thu trước cảnh cung - đài cô-kính của vua Lê chúa Trịnh. Nỗi buồn láng-dăng mơ-màng ấy, đến thời Ôn-như hầu đã thành mối quyết-liệt, làm-ly, tuyệt-vọng như tiếng kêu bi-thương của chim chiều giữa cảnh hoang vắng của những lâu-dài đồ-nát, vì bao nhiêu hạnh-phúc hoài-mong của giai-tăng quý-tộc vương-hầu thuở bấy giờ thấy đều bị chôn vùi theo cơ-nghiệp của chúa Trịnh vua Lê đã đến hồi đồ-nát. Vậy ta có thể tin chắc rằng khúc *Cung oán ngâm khúc* với nỗi buồn thảm lê-thê tuyệt-vọng đã được soạn ra chậm nhất là về khoảng đời Tây-sơn sắp đổ (nên nhớ là Nguyễn Gia-Thiều mất sau vua Quang-Trung những 6 năm, nghĩa là chẳng những ông đã chứng-kiến thời Lê-Trịnh tàn vong, sự hưng-thịnh chớp-nhoáng của nhà Nguyễn Tây-sơn, mà cả sự suy-vi mau chóng của họ vua này, cùng là sự phát-khởi của họ Nguyễn cũ ở Miền Nam), và sớm nhất là từ thời Ôn-như hầu 40 trở đi, nghĩa là kể bắt đầu hồi ông phong tước hầu, thời trước Tây-sơn tiến quân ra Bắc, Trịnh Khải bị bắt và tự tận (năm bính-ngọ 1786) về sau.

B. — ĐỜI CUNG-NỮ VÀ CHỦ-ĐỀ CUNG OÁN

Ở Á-đông, dưới chế-độ quân-chủ thần-quyền chuyên-chế xưa, chế-độ hậu-cung đời đời vẫn được các hoàng-triều duy-tri tổ-chức nghiêm-nhặt. Thêm vào đó là lòng hiếu-sắc vô-lượng và tình đa-nghi tận-độ của hàng vua chúa đã dày-vò, làm tan nát bao nhiêu ngọc-nhan diễm-tuyệt. Tàn Thủy-Hoàng từng chôn sống 3000 nghìn nhan-sắc yêu-kiều trong cung A-phòng... Tàn Võ-đế một mình hăng-lấy vào cung những bà hoàng, bà phi kẻ số nghìn, và hơn 10.000 ngàn phi-tần, mỹ-nữ dành riêng cho sự mình vui chơi. Trong số chu-thần phục-vụ đầu gối má kề cùng đấng quân-vương ấy, thành hoặc vẫn có một đôi người làm nghiêng nước nghiêng thành, nhưng đa-số toàn thị sống đời lây-lắt thương-tâm ; và phòng tiều, vách quế, gác phượng, lầu oanh đã là nấp chỗ sâu chấu-chứa biết bao ân-tình đay-đọa. Vì cái kiếp quốc-sắc thiên-hương từ thiên vận cổ vẫn là cái kiếp đa-đoan, bạc-mệnh : nào là những cảnh náo lòng « cá no mỗi nên khó dữ !... mà ngắn thay cái én ba nghìn, một cây cù mộc biết chen cành nào », nào những cảnh-tình

phai duyên úa, giấc mộng xuân chợt tàn là lòng đắng chí-tôn đã nghiêng về một nhan-sắc khác và lãng quên cái đêm hôm ấy đêm gì... nên xiết bao kẻ xấu số chỉ đành biết ai-oán nhìn bóng xuân xanh rơi chìm trong cô-đơn lạnh-lẽo... Ta nên nhớ rằng đời cung-nữ mà lê gót đến lãnh-cung là hoàn-toàn vắng thiếu tình yêu, là đi sâu vào cõi chết ; vì khi đã sung vào cung-khuyết là đành vĩnh-biệt mẹ cha, già từ quê hương xóm làng biệt-biệt ; và khi thất sủng là trọn đời âm-thầm đau khổ với sương gió trăng-hoa cung-cấm, và không còn thấy đầu tăm-hơi vờihỏi của bọn quan thị «hoạn quan» đưa đón tin xuân chốn gác phượng lầu oanh, sân rồng điện ngọc như một thời nào ái-ân xưa cũ. Chẳng thế mà nàng Tiết Linh-Vân đời Tùy, thời nàng được tuyển vào cung, đã khóc mãi như mưa gió, mà những giọt lệ thấm-thiết ấy đã hóa thành lệ huyết đỏ tươi. Nàng đã khóc thê-thiết thâm-thương, vì phòng tiêu vách quế là cảnh đời đọa-dày trong cô-đơn đau-khổ, là cảnh hận sinh-ly quyết-biệt tử-phần, nghìn đời không còn thấy lại mẹ cha, vì chốn sân rồng điện ngọc bàn-lai vẫn là nơi giam-hãm những mảnh quốc-sắc thiên-hương...

Từ ngàn xưa, đời cung-nhân đã là bao nỗi chất-chứa của các hương hoa bạc-mệnh, và cung oán là nỗi hờn của người cung-nữ lãnh-cung, làm xúc-động bao nhà thơ Trung hoa thường lấy đây làm đề-mục ngâm vịnh. Cung oán nguyên là một chủ-đề, là câu chuyện rất cũ, nội-dung quanh-quần vẫn lấy thuyết «hồng-nhan bạc-phận» làm cương-lĩnh chung cho toàn văn, vì từ cái ngày Tần Thủy-Hoàng cho xây dựng cung A-phòng nuôi-nấng ba nghìn cung-phi gom-góp trong thiên-hạ để làm trò tiêu-khiến riêng cho mình, vì từ cái ngày Tần Võ-đế tuyển-chọn 10.000 cung-nga thê-nữ hầu-hạ quanh mình, thì phát-sinh một nỗi đau-đớn âm-thầm vùi-dập trong bao nhiêu cung-viện tăm-tối mốc-meo «cái én ba nghìn mà một cây cù mộc», và «bóng cây thấp-thoảng bên mảnh mảy nổi, giữ sao cho được má hồng như xưa». Cái sự-thực phũ-phàng là vô-vân kiêu-nữ kéo dài cuộc đời tối-đời không công cho đến hết kiếp, đã làm tuôn chảy khá nhiều mực, và những danh-văn cung oán buồn nghẹnút ra đời. Từ câu chuyện lá thắm thi-vị gầy nên nghĩa vợ chồng đến những bài thơ xinh-xắn của Nguyễn Chấn, Đỗ Mục, Lưu Vũ-Tích, Vương Xương-Linh... đời Đường than-thở hộ cảnh một người cung-nữ về già tóc bạc sương mơ-màng tưởng lại một triều vua hoạn-lạc phù-hoa, hay kể lại nỗi lòng của một cung-phi thất sủng trong cái mùa thu bi-thương, hoặc nỗi lòng người cung-nữ chốn u-cung thức suốt đêm trắng để nghe tiếng cầm-ca một

cung-diện gần kề... Cùng đề-mục quen thuộc ấy, thực đã khơi nguồn cảm-hứng cho bao nhiêu nhà thơ Tàu trữ-danh lịch-đại, như Tư-Mã viết *Trường-môn phú*, Lý Bạch viết *Trường-môn oán*, Bạch đầu ngâm, Đỗ Mục viết *A-phòng cung phú*, Vương Tuấn có bài *Cung từ...*, Lưu Cơ viết bài *Ngọc-giai oán*, Tạ Triện-Chế với bài *Thu oán* ..

Trong thi-văn nôm của ta về đời Lê-mạt, văn-chương cung oán cũng rất phát-đạt. Trừ ngoại *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia-Thiều, còn có *Cung oán thi-tập* của Vũ Trinh, *Cung oán thi* của Nguyễn Huy-Lượng, *Cung oán thi* của Nguyễn Hữu-Chính, *Tần cung-nữ oán Bái-cống văn* của Đặng Trần-Thường, *Cung oán thi* của Bạch-liên-am Nguyễn. Ngoài ra, còn có vô-số bài thơ cung-oán vô-danh khác nữa đến nay hãy còn truyền (1). Đã có thể qui-luận rằng từ hồi văn-thời Lê-Trinh quả từng có một cao-trào văn-chương cung oán ; chính vị danh-nho kiêm danh-y đời bấy giờ là Lê Hữu-Trác viết tập du-ký *Thượng-kinh kỷ-sự* cũng đã xác-nhận điều này, và lại còn cho biết rằng ngay cả mình cũng từng họa thơ cung oán khi ở tại kính (2). Có điều nên trí-y là số lớn các nhà thơ Việt-nam kia đã dành cả một tập thơ dài hơi cho một đầu-đề mà các thi-nhân Trung-quốc thường ngâm vịnh, trữ-tác vèn-vện trong phạm-vi một vài bài nhỏ hoặc vừa chừng mà thôi. Nguyên-cớ bởi vì đâu ? Ta có thể cho rằng các tập thơ ấy đích-thực có phần-chiếu phần nào chế-độ hậu-cung của chúa Trịnh, nhất là từ đời Trịnh Giang về sau, các chúa càng chơi-bời dâm-dật, theo như một tập hồi-ức về xứ Bắc-kỳ (3) trong đó tác-giả là giáo-sĩ Saint-Phalles cho biết thì trong cung-viện chúa Trịnh hồi bấy giờ số phi-tần lên đến ba bốn trăm. Trong *Việt-nam phong-sử* 越南風史, nhà nho Tiều-cao Nguyễn Văn Mạ lại chép : «Đời nhà Lê, thường tuyển mỹ-nữ vào hầu trong cung nhiều đến hàng trăm, có người suốt đời không được vua vờihỏi ! Cho nên

(1) Xem *Văn-học Việt-nam*; Văn-học thời Lê-mạt Nguyễn sơ — Phần *Giảng văn và Phụ-lục*.

(2) Xem Nguyễn Trọng-Thuật dịch *Thượng kinh kỷ-sự* của Lê Hữu-Trác trong Nam-phong, từ tập XII trở đi

(3) Năm 1753 giáo-sĩ Saint Phalles có đệ lên Viên Tông Thanh-tra Silhouette nước Pháp một tập hồi-ức về xứ Bắc-kỳ.

trong cung đương-thời có những thi-khúc gọi là « đại-thạch », tiếng hát nào nuốt và ai-oán ». Và như sách *Hodng-Lê nhất-thống chí* đã chẳng từng phen tác-cảnh những nàng phi Đặng Thị-Huệ, Dương Ngọc-Hoan đó hay sao ? Nhưng kỳ thực thì hiểu như thế vẫn là chưa gồm đủ. Tất-nhiên còn thấy lý-do ở thân-thể tác-giả và thời-thế nữa. Nguyễn Gia-Thiều, Vũ Trinh, Nguyễn Huy-Lượng, Nguyễn Hữu-Chính, Đặng Trần-Thường hoặc giả họ là những nhà nho từng bon-chen đau khổ giữa cái xã-hội tràn đầy mục-nát, hoặc giả họ là hạng nhà nho sống trong một thời-cuộc chông-chênh, hoặc là hạng nhà nho chán-chường vì cảnh sống chen ép giữa kèm cặp của phong-kiến khắt-khe phủ-phàng. Cho nên bên câu chuyện bi-thương não-lòng của người cung-nữ thời-dại nó cũng là truyện lòng cho tất cả những ai sầu khổ vì gồm đủ sắc, tài mà số kiếp truân-chuyên, tất-nhiên bấy nhiêu tác-phẩm kia còn chung mang-cả cái hồi-quang suy-trầm của nhà nho từ cá-nhân đến đoàn-thể, cái suy-trầm mà Lê Quý-Đôn bặc danh-nho bác-học uy-tín nhất của thế-kỷ XVIII — từng nói với ta rằng : « Từ năm Đoàn-khánh (1) (1505) trở về sau, lời thanh-ngệ rất là suy-đổi, thói ủy-mị lại càng thâm-tệ ; người làm quan thời ít giữ thói thanh-liêm, lễ-nhượng, chốn triều-dình thời không nghe thấy lời gián-chánh trực-ngôn, gặp việc thì chỉ đua nịnh mong cho được cầu miễn, thấy cơn nguy thì bán nước đi để thoát thân ; hiện là danh-nho mà cũng điềm-nhiên nhận lấy cái sủng-lộc bất-nghĩa, nào là làm ra câu thơ bài hát để tán-tụng khoe-mé lẫn nhau, sĩ-tập bại-hoại đến thế là cùng ; đó lại là một thời biến, tệ-tập không thể nói được (2) ». Lời của Lê Quý-Đôn càng soi sáng sự tìm hiểu, giúp ta vững tin rằng bên dưới nỗi lòng « khâm kha bất bình » của người cung-phi bạc-mệnh trong thi-văn cung oán đương-thời, ắt hẳn còn hàm-ân cả một cuộc đời chìm nổi, cả lòng đòi-đoạn bức-rút của nhà nho, của giai-tầng sĩ-phu bi-thương đau xót và khát-khao bám víu địa-vị đẳng-cấp mình, cái nỗi lòng một giai-tầng sa-dà trong cảnh nghiêng-đổ liên-tiếp của xã-hội Việt-nam hạ-bán thế-kỷ XVIII.

Trước khi chấm-dứt tiêu-mục này, tưởng cũng nên nói qua rằng những

(1) là niên-hiệu vua Lê Uy-Mục.

(2) Lê Quý-Đôn, *Kiến-văn tiểu-lục*, Nguyễn Hữu-Tiến dịch, Nam-phong, số 32.

cảnh-ngộ từ bên trên vẫn là gần-gũi với vô vàn cảnh-tình diễn-tả trong thơ-văn cung oán lịch-dại Trung-hoa, nhất là Đường thi, Minh thi. Ôn-như hầu Nguyễn Gia-Thiều khi sáng-tác *Cung oán ngâm khúc* — có lẽ cũng như các danh-sĩ khác cùng thế-hệ viết cung oán thi — tất-nhiên đã từng ngâm-ngợi đến loại thơ này nó là nguồn gốc, là kho thi-liệu để tác-giả vay mượn mà phô-tình diễn-ý, và giúp thêm cảm-hứng mà đúc chuốt thành ra khúc mới. Ta không lấy làm lạ về lối bút-pháp văn-phong ấy, vì xưa kia các nhà văn-thơ toàn đều là ở trong phái sĩ-phu học rộng, nhớ nhiều, làm văn-chương theo chủ-trương « tập cổ » hay thu nhặt những nguyên-liệu sẵn có trong kinh-truyện danh-văn cũ, rồi đổi đi, xếp lại, thêm-thắt ý mình làm thành một bài có mạch-lạc riêng. Về trường-hợp Ôn-như hầu, với ngón bút-pháp này, tác-giả đã xử-dụng như thế nào và đã thành-công ra sao, từng đưa về những điều gì công-hiến mới lạ làm giàu văn-chương xưa, ấy là những đối-tượng nghiên-cứu trong đề-mục *Nghệ-thuật trong Văn-chương Cung-oán ngâm khúc* sau này.

C. PHÂN-TÍCH NỘI-DUNG KHÚC NGÂM VÀ CÁC ĐẠI-Ý

Trong cảnh tiêu-phòng lạnh-lẻo nơi cung-cấm, ngọn gió mùa thu hiu-hắt càng làm cho nỗi buồn của người cung-nữ thêm hắt-hiu thê-thiết. Nàng lưỡng lự cho duyên-phận mình, oán trách « tạo-hóa đa đoan » và ngùi thương lẽ « má đào bạc mệnh » (*Lung* : 1.8).

Nàng chạnh nhớ lại thân-thể mình ngày xưa (câu 9-192). Từ dạo còn khuê-nữ, nàng là một trang giai-nhân xuất-sắc hơn bao nhiêu người đẹp cỏ kim, cái sắc đẹp khiến « Tây-Thị mất vía, Hằng-nga giết mình ». Không phải có bấy nhiêu thôi, cái sắc đẹp nàng đến cả cỏ cây phải say đắm, chim cá phải si-mê (câu 9-20). Đã thế, nàng còn là một tài-nữ, gồm đủ các ngón thơ, vẽ, cờ, rượu, đàn, sáo, ca-vũ, mà ngón nào cũng vượt bỏ biết bao tài-hoa của các tao-nhân kim cổ (câu 21-28). Cho nên, danh tiếng vang lừng trong cả nước, người khuê-nữ điềm-nhiên mặc cho ong bướm xôn-xao cửa ngoài, nàng lạnh-lùng treo cao giá ngọc, và dinh-ninh tin nơi tương-lai rực-rỡ huy-hoàng của mình (câu 29-44).

Người khuê-nữ sực suy-tưởng lại, muốn thoát vòng tục-lụy (câu

45-48). Đời người như giấc mộng, nhân-sự chẳng ra chi, đầu đó đều như đã sắp sẵn từ trước theo một định-mệnh khắc-khe (câu 49-52). Con người dù phấn-đấu, chống-chỏi cho đến mấy rồi vẫn không sao thoát khỏi vòng số-mệnh, và kiếp người là khổ, lúc sinh ra đời đã theo cùng tiếng khóc, cái tiếng khóc bi-thương vì những sự được, thua, mất, còn..., vì câu chuyện phù-hoa của cõi nhân-sinh đảo cùng thì cũng chỉ là hai chữ mộng-huyền, vì kiếp người chẳng qua vẫn là câu chuyện cánh bèo, bọt nước lênh-dênh ở bến Mê (câu 53-72). Huống nữa, đời người với bao nhiêu cơ-nghiệp hiên-vinh phú-quí chung-quì cũng biến-di sa-dà, tình cuộc lại thì không ngoài cảnh-trạng điều-linh tàn phế dưới bóng nắng chiều nhạt, vang dậy tiếng côn-trùng hư-ảo (câu 73-92). Điều ấy đâu có riêng chi kiếp người, đến côn-trùng, mộc-thạch, cầm-ngư, sông núi cũng linh-lạc nghiêng-ngửa trong lớp lớp tang-thương phong-trần, vì có sinh là có diệt, có doanh là có hư, mà đời nhân-thế vẫn không ngoài cái tan-nát dưới năm cỏ khâu xanh rì (câu 93-104). Đời là mộng-ảo, là trầm-luân, âu là tuyệt-diệt trần-duyên, tìm niềm vui trong thú yên-hà, bầu bạn cùng trăng gió, lấy minh-mẫn của đạo-lý rọi đường tu-dưỡng để thoát-ly ra khỏi cuộc đời tục-lụy (105-116).

Nàng những toan đi tu. Nhưng định-mệnh đâu có buông tha, mà trời nào cho phép, nàng rồi phải theo lễ âm-dương mà lấy chồng, và sống như mọi người đời. Đó là túc-trái chăng? hay đó là tiền-nhân, hậu-quả xưa kia dun-dũi nên chăng? Và nàng đành chờ xem « lỵ đào giữa chợ » con tạo sẽ đưa-đầy « vào tay ai »? (câu 117-132).

May đâu duyên-phận dun-dũi cho nàng làm cung-phi. Nơi chốn cung-nội, cuộc đời nàng tràn đầy hạnh-phúc, lòng yêu - chuộng của nhà vua đối với riêng nàng, nàng thật không hề ngờ tới. Trong đêm đặc sủng, cùng nhà vua ân-ái mây-mưa, nàng sung-sướng ngày-ngất và đẻ-mé, nàng đã tỏ bày, thổ-lộ tất cả nỗi niềm thỏa-mãn cực-độ kia một cách gay-gắt và xót-xa. Xiêm-nghe rập-rờn phát-phơ trong gió trắng, sinh-ca vang lừng, mùi xạ băng-khuông, châu-ngọc phôi-phới, cung - đàn thánh-thốt, tiêu-trúc ni-non tấu-hợp với cái no-nê của da thịt, gây thành một cảm-giác say-sưa, nó làm đắm chìm tất cả các giác-quan. Nàng càng may-mắn trong cái địa-vị đặc-sủng, nàng càng hân-hoan đến kiêu-hãnh, nàng đã tự-đắc một cách khó chịu tột bực. *Sớm*

hôm được gần-gui mình rờng, khi trong trướng gấm, khi ngoài Tây-uuyên, khi trên gác Lâm-xuân, nàng luôn luôn được nhà vua mến-chuộng, nuông-chiêu. Đặc-biệt nhất là chính nhà vua đã cùng nàng thê-nguyên lứa đôi trăm tuổi trong đêm thất-tịch. Ân sủng dường ấy, hạnh-phúc dường ấy, nàng như thỏa-mãn đến tuyệt-đối, và cho mình không ồng phận gái thuyên-quyên duyên may cá nước, trăm năm buộc chắc giải đồng, trong khi biết bao trang giai-nhà xấu-số đành mai-một trong đời tâm-tối, nơi nội cỏ hoa ngàn (câu 133-192).

Nhưng con tạo vốn đa-đoan, và thế-sự vô thường, bỗng dưng cuộc đời hiện-tại gối chiếc chẵn đơn của nàng lại quá bẽ-bàng, lâm-ly (câu 193-344).

Nàng thật không ngờ hạnh-phúc chóng tàn rơi, đột-ngột là thế! Hoa phai, nhị rã là bướm ong lìa, tình đấng vương-giả đối với nàng chẳng qua chỉ là cảnh ong bướm với cảnh hoa một sáng xuân tươi. Nàng bực - bội, tức giận đến trách móc nặng-nề. Nếu trước kia nỗi vui của nàng hã-hê đến cực-độ, thì giờ đây với nỗi buồn sụp-đổ gay-gắt kia, nàng đã nói lên bằng một giọng mỉa-mai, cay-đắng đến trần-tráo, ra giọng của một người đàn-bà hạ-cấp bất ngờ bị tình-phụ. Trong những cảnh cung-cấm mùa thu thê-lương sương gió hắt-hiu, tâm-hồn nàng vẫn tạo-rực, bấn - khoăn đứng ngồi không yên, ràng thỉnh-thoảng bức-rút mà nấc lên một vài tiếng kêu gào than-oán, phẫn-nộ. Cũng là cung-cấm như ngày xưa, cũng gió sương ngày xưa, ngày nay sao lạnh-lẽo cô-liêu đến thế này, đến gối loan chẵn cù, thấy đều tê lạnh như tuyết đóng giá đông, cũng là đêm mà nay sao vắng lặng đến trống-trải làm cho cõi lòng nàng hiu-hắt ngụi lạnh, đến tịch - tịch cả mùi hương, thâm-u cả bóng đèn, làm cho nàng càng đau khổ đay-nghiến dữ-đội, nàng tưởng chừng như hung-hăng muốn chồm lên đập đổ cả thành sấu đồn-đập vậy bực tư bề tâm-tư (câu 193-244).

(Còn tiếp)

Giáo-sư PHẠM VĂN ĐIỀU





HOA THU

ĐOÀN THÊM

(TẶNG THI-SĨ ĐÌNH-HÙNG)

« Vàng sắp rơi trong mắt sầu vô hạn,
 « Còn đâu màu tó lại bóng chiều xa,
 « Và đâu non còn một áng mây ngà
 « Vẫn xây đắp muôn lâu sơn biếc cũ. »

(trích bài « Trở bước quê tình »
 của ĐÌNH-HÙNG)



Sống giữa thời nguyên-tử.
 Hồn mơ cảnh Thuần Nghiêu ;
 Châm sinh vài thế-kỷ,
 Ngàn dặm bóng cô-liêu.

Xa mã đường tranh đấu.
 Tơ lòng gửi nhận thừa
 Về chân mây dĩ-vãng,
 Văng vẳng tiếng người xưa

Ngơ ngác tìm thanh khí,
 Hưng vong gió cuốn cờ ;
 Non sông làm cát bụi,
 Mỗi bước, gặp nàng thơ.

Xuân-tiết hoa không bướm,
 Thu-phong liễu nhớ oanh,
 Tình thương gieo hạt móc
 Thành thót đổ tâm thành.



ĐÃ quen nàng từ thuở tóc xanh, khi mắt và lòng đầy ánh trăng thanh, mới manh cũng lắm : nào Tiên-Điền, nào Hugo, Lý-Bạch, những mong đấng hỏa bén hương tình.

NHUNG đường lối cũ theo đà thế-hệ, xô đẩy đua tranh. Sách trăm pho chỉ nhớ chữ lợi danh, xa cỏ hoa vị giống ruồi vùn-trình, khi thăng giáng, lúc nhục vinh, đâu cười khóc vẫn tục-tình sôi nổi.

CŨNG có lúc tâm sầu tự hỏi : theo gót người, lạc lối phù-hoa, tâm ước thanh nhàn, thân mài bốn ba ? Hội xiêm y phảng phất bóng yên hà, bên các đài sơn phấn lộng tiên-ga, hồn lữ-khách không nhà, mong, nhớ, tiếc...

KHÌ hồi tưởng mỹ-nhân năm trước, lại động rung thềm ước bặt lòng. Mơ nhị đào, Thôi-Hộ nhán đông-phong, ghép đôi vãn, nét bút luống ngạo ngục ; sợi tơ tình chưa thêu nổi gấm nhung, đâu dám kết dải đồng ràng buộc ?



CHỢT giông tố phũ-phàng tung đại-cuộc, trời tối sầm, ma quỷ loạn âm dương. Tan tác cỏ cây và sập đồ ngai vàng, đất chuyền sấm vang, hồn sông núi bàng hoàng trong khói lửa...

THÀNH dĩ-vãng, cuồng-phong phá cửa, màn sương-lai vén mở chân mây. Bóng ác ba màu đã khuất phương Tây, sát-khí vẫn ngập đầy non nước. Người với quỷ chờ phen thua đượ, chuyện mất còn, họa phước vẫn dang dài...

★

GIỌT mưa đã ngót cùng nước mắt, gió tạm yên như lòng bát kinh hoàng. Dưới ánh mây quang, dừng bước bên đường, biết còn chi trong cảnh tan hoang?

CƠN vũ bão đã lật tường lay móng, phá xiềng xích ngục tù thành-kiến, dứt kỷ-cương, giải phóng yêu ma, phá phách lâu đài ngọc nghề, đập vùi bao tầng lớp anh-hoa.

SÀU, mộng, nhớ nhung, tiếng dục-vọng náo nùng tha thiết, những rạo rục mê ly sôi trào nhiệt-huyết, những lá rụng hoa rơi một mùa tuyết nguyệt, trận gió lốc toại bời càn quét cả u-tình uân-khúc lẫn miếu đường thành quách nguy nga, khi sủng găm chân núi Tản, máu nhuộm nước sông Đà.

MÁT nhà, mát cửa, mát nửa sơn-hà. Mát những tình thương mấy chục năm qua, những hình ảnh, những âm ba không trở lại...

★

CÒN chi nữa?

CÒN lăm liệt Hoành-Sơn một dải, cho dân-tộc muôn năm trường-tại, với quốc-hồn, bị thái vẫn quang-minh, bên lũy tre ngà rạng ánh sử xanh.

CÒN cuộc tuần-hoàn, khi Bén-Hải lúc Sông Gianh, chuyện Xuân Thu Nam Bắc phân tranh, cánh Trường-Dục trống thành rung trận-thế...

CÒN núi đỏ đồng vàng lo bảo vệ, nước vắn đục chia đôi dòng huyết lệ, vãng giọng Đỗ-Quyên, lạc hồn Thục-Đế, tan mộng bướm giệt minh cơn hưng phế : nên hoa xuân-rụng, bóng thiều qua, mà chưa thể yêu nhau...

★

SONG nụ thắm vườn xưa vẫn đợi nở bông đầu, tránh lửa hè và qua trận mưa ngâu : yên bão lòng, tiêu tán đám mây sầu, lộng sóng thu, trăng tỏ đáy hồ sâu, tới thanh-tĩnh dễ tương cầu tương ứng.

TRÊN đóa môi hồng, say hương quên vị đắng. Tóc anh chưa bạc, thân nàng trong trắng, quý tuyết băng hơn vạn-thặng công hầu ; tay nắm tay, giang-sơn chung gánh, tâm-sự chia bầu ; theo nhận vắn vương mây, nhìn sao rắc ngọc châu, miệng trao thơ, ý hợp tâm đầu, lũng thưng tới quỳnh-lâu nguyệt-điện...

D.T.





LONG-VÂN-HẦU

TRU'ONG-TIEN-BÀO
(MIỀN NAM ĐOC TRU'ONG-TÁN-BỦ'U)
(1752-1827)

NGUYỄN-TRIỆU

Ông Trương-Tiến-Khương và bà cụ là Trần-thị-Nghĩa sanh-trưởng tại ngọn Cái Da, thuộc làng Hưng-Lễ (nay là Hiệp-Hưng, tổng Bào-Phước, cũ-lao Bào, tỉnh Bến-Tre) (1). Hai cụ sanh-hạ được 7 người con, vừa trai, vừa gái; Trương-Tiến-Bào (2) là con thứ ba.

Nhà cụ ở gần Rạch Ba-la (Rạch Cái-Mít đi vào Sơn-Đốc) nhưng chòi ruộng thì ở xa cách đó chừng một cây số. Tại đây có cái gò cao, tục gọi là « Gò ông Diển », gọi như thế là vì cụ Khương còn một tên riêng nữa là « Ông Diển ».

Hồi đó, vào tháng 10 năm Đinh-vị (1787), một buổi tối, cả nhà đang truyện trò, bỗng nghe tiếng người gọi cửa. Ba người khách lạ, quần áo lem-luốc, ra dáng đói mệt, xin vào nghỉ đờ một đêm.

Thương người lỡ bước, nhà họ Trương dọn chỗ cho khách nằm nghỉ và lo nấu cơm đãi. Trong khi chờ cơm chưa chín, ông cụ Khương

lần la hỏi thăm tới lai-lịch của khách. Khách lạ mặt thưa rằng mình là người miền Trung, vô buồn bán ở Mỹ-Lông (3) không may gặp phải khi chúa Nguyễn-Ánh đang đánh nhau với Tây-sơn ở vùng đó, thuyền buôn bị đốt phá mất cả nên ba người phải xuống ghe nhỏ để chạy trốn tới đây, rồi chạy vô làng Tân-Hào (4), đoạn băng xuống cửa bể Ba-tri để lần hồi kiếm đường quá-giang về xứ; nhưng vì e lạc vào ngọn Giồng-Trôm (5) cứ ôm mãi tay mặt thành ra lạc vào ngọn Rạch-Cùm. (6) Đã lỡ rồi, họ cứ càn rừng nhắm hướng mà đi, vừa đến cái gò trước kia, may thấy ánh sáng ngọn đèn nên mới đến đây đề xin tá-túc.

Rạng ngày, bọn họ ngỏ lời với chủ nhà xin ở lại để giúp việc... Ông cụ họ Trương bèn cho bọn họ ra cả ngoài chòi ruộng ở với người con thứ ba là Tiến-Bào.

Vốn dầy ở giữa rừng sâu, có rất nhiều cạp, nên cũng như những người khác, Tiến-Bào rất giỏi võ. Lúc này Tiến-Bào đã 36 tuổi, tánh-tình trầm-tĩnh, cử-chỉ đoan-trang, lại thêm có sức mạnh, vóc to, nên được khách lạ kiêng nể.

Thấy bà người khách lạ ra dáng người nọ nhà và xem chừng vô-nghệ cũng tình-thông nên Tiến-Bào cũng đem lòng kính-phục...

Vì không thể giấu mãi được chân-tướng mình và coi tình-thế thì không thể ở lâu mãi được nên khách lạ phải nói thật, tỏ cho Tiến-Bào hay rằng người trẻ tuổi đó tức là chúa Phúc-Ánh còn hai người kia là quan hộ-giá. (7)

Đến khi ba người xin kiếu-từ ông cụ họ Trương đề ra đi thì Tiến-Bào cũng xin phép mẹ cha đề theo phò Chúa. Bốn người ngồi thuyền thẳng xuống Lòng-Ổng rồi ra sông Hàm-Luông.

Cả bọn đương thông thả bơi mái chèo chuyện vãn trên mặt sông cái thì bỗng trông thấy xa xa có bóng cờ Tây-Sơn, vì hồi đó chiến-thuyền của Tây-Sơn thường vãn qua lại, lên xuống đề tuần-tiểu.



Bài vị thờ Long vân Hầu
Trương-Tấn-Bửu



Nền nhà cũ của Cụ Trương-
Tấn-Khương, tại Cái Da (nơi chúa
Nguyễn-phúc-Ánh tới xin tá-túc).



Miếu Chòi Mòi (Gò Ông Diển). Xưa là nơi
Trương-Tấn-Bửu cùng chúa Nguyễn-Phúc-Ánh làm ruộng
trong khi lánh nạn. Nay tại nơi đây có Miếu thờ bà Chúa Xứ.

Sấn gặp một cái xẻo đất ở bên bờ sông, thuyền Nguyễn-Ánh liền lúi ngay vào đây và đây lại là một cái ụ ghe tên gọi « Ụ Rạch » mà người đương thời gọi là « Ụ ông Việc », có túp nhà lá trên mé ụ của ông Trần-văn-Hạc, làm cai-việc trong làng.

Chắc hẳn hai người đã quen biết nhau nên Trương-Tiến-Bảo tỏ thiệt hết nguồn cơn cùng ông Hạc... Sợ lộ chuyện nên phải đợi để cho binh-thuyền Tây-Sơn chạy xa rồi, ông Hạc mới bảo cả bốn người xuống ghe rồi băng qua Cồn-Đất là một cù-lao nổi giữa sông Hàm-Luông ngang nhà cai-việc Hạc.

Ở đó, Chúa Phúc-Ánh rất yên thân và lại còn được lợi là cứ ngồi trên cây cao, có thể nhìn xa mà quan-sát được khắp bốn mặt, song chỉ hiềm nỗi bị búp lầy bốn mặt khó đi lại nên ông Hạc cứ phải kê vai công (công-kênh) chúa lên, sấn bước, vì Hạc khỏe mạnh phi-thường và lại quen lợi bùn và nước (8).

Đến lúc đã đói lắm, ông Hạc bèn dỡ những gói cơm nắm và mắm sồng đem theo thết khách và lại còn hái một thứ trái cây chua-chua, chát-chát, mời khách dùng. Chúa Nguyễn ăn xong, lấy làm ngon miệng lắm, hỏi tên là trái gì? Hạc nói đó là « trái bần »! Chúa cho tên ấy xấu và bảo nên gọi là trái « thủy-liều ».

Từ đó, cứ sáng đưa Chúa Phúc-Ánh ra cù-lao, đến gần tối lại rước về nhà, ngày nào cũng như ngày nấy mà cai-việc Trần-văn-Hạc đã phò giúp Chúa Nguyễn trong lúc này.

Còn Trấn-Bửu thì có sứ-mạng riêng tới lui khắp miền này, lấy ý-nghĩa « tấc đất lá rau » khuyên dân làng ra phò vua giúp nước. Không bao lâu, quân nghĩa-dũng hưởng-ứng theo ra đầu quân như nước tràn, mây nhóm ở cõi Ngao-châu (9).

Thuyền bè đã sấn, lương-thực đã nhiều, một mặt Phúc-Ánh sai Nguyễn-Đức-Xuyên sang Gò-công dụ hàng Võ-Tánh, một mặt chúa tới thẳng tới Vàm-Nao (10) để hợp binh trừ giặc.

Nhờ có đóng lược và được Chúa yêu dấu nên sau khi Nguyễn-Ánh tới Vàm-Nao, Tiến-bảo được phong làm Khâm-Sai Đốc-chiến Cai-cơ và được theo đuôi việc binh-nhung dưới trướng hậu-quân Tôn-thất Hội. Bảo được phong tước Long Văn Hầu. (11)

Tháng 6 năm Canh-tuất (1790) Trương-Tiến-Bảo được thiên làm Hậu-quân hậu-chỉ chánh trướng-chỉ rồi không bao lâu lại đổi qua Tiền-quân.

Sau khi đã lập thêm được nhiều chiến-công, tháng 2 năm Đinh-tỵ (1797), Tiến-Bảo được thăng làm tiền-quân phó-tướng cùng một lượt với Huỳnh-quang-Hậu, Phan-tấn-Huỳnh.

Năm Kỷ-vị (1799), Nguyễn-Ánh cử đại binh ra đánh Quy-nhon, tháng 6. Trương vâng lệnh Tiền-quân Nguyễn-văn-Thành cùng các chi ở Tiền-quân dinh đánh phá được quân địch tại An-giá và Bàu-Xấu (12).

Tuy thành Quy-nhon đã lấy được nhưng thấy thế quân Tây-Sơn còn mạnh lắm chưa thể tiến ngay ra mặt Bắc được nên vua Nguyễn giao thành cho hậu-quân Võ-Tánh và Ngô Tùng-Châu giữ rồi hạ lệnh ban-sư về Gia-Định.

Năm Canh-thân (1800), nghe tin hậu-quân Võ-Tánh bị vây khốn ở Bình-Định, vua Nguyễn lại cử đại-binh đi đánh giải vây.

Tháng 5, vừa ra tới Xuân-dài (Phước-Yên), Trương-Tiến-Bảo cùng Lê-Chất và Nguyễn-Đình-Đắc, theo lệnh Tiền-quân Thành, phân binh làm 3 đạo, công phá quân Tây-sơn tại Xích-Thồ và Thanh-kỳ (13) rồi lấy được Hội-An. Tướng Tây-sơn là Đê-dốc Tuấn và Phạm-văn-Điền chạy về cố-thủ ở La-Hai (14). Tiền-quân Thành lại chia quân hai mặt đánh dồn vào, bắt được Đại-Đê-dốc Đào-công-Ciễn, lấy được rất nhiều cờ, trống và khí-giới của quân địch. Được tin thắng trận này, vua Nguyễn thưởng cho các tướng-sĩ của Tiền-quân Thành 3.000 quan-tiền.

Sau trận Hà-Nha-Lãnh ở phía Nam Thị-dá-son, Trương-Tiến-Bảo bị bệnh, Trần-công-Tín đến thay.

Tháng 7 năm Nhâm-tuất, Gia-long nguyên-niên (1802), Trương-Tiến-Bảo được thăng Chưởng-Dinh, vẫn giữ chức Tiền-quân phó-tướng và cai-quản đạo quân thú tại Bắc-thành.

Tháng 9 năm sau, nhân có bọn giặc « Tề nguy hải phi » (15) đem hơn 100 chiến-thuyền quấy phá từ Văn-Đồn (thuộc tỉnh Quảng-Yên) đến Kinh-Môn (thuộc Hải-dương), Trương phó-tướng cùng bọn Nguyễn-dinh-Đắc, Nguyễn-văn-Xuân, Phan-tấn-Huỳnh, Đặng-trần-Thường đem quân đánh đuổi. Nhờ có thổ-hào ủng-hộ và giúp sức nên quan quân giết được rất



MỘT GIẢI-THUYẾT VỀ TRUYỆN

TẮM CÁM

(Tiếp theo V.H.N.S. số 42)

NGUYỄN KHẮC NGŨ

II.— So sánh truyện «Hai nàng Hu-lé và Dong» của Chàm với truyện «Tắm Cám» của ta

XEM truyện trên của Chàm ta thấy gần giống truyện Tắm Cám của ta, duy chỉ có một số điểm khác nhau về chi-tiết :

1) Tên Hu-lé và Dong của Chàm có nghĩa như Trấu và Cám, ta có thể gọi là truyện Trấu Cám, tên truyện tuy hơi khác nhau nhưng cả hai đều cùng ở một nguồn «thóc gạo» mà ra.

2) Truyện Chàm nói là Hu-lé là con đẻ và Dong là con nuôi, truyện Việt-Nam viết Tắm là con chính và Cám là con riêng.

3) Truyện Chàm nói Hu-lé ăn cắp cá của Dong khi nàng bị rét ngồi kín ở một chỗ còn truyện Việt-nam, bản thì nói là Tắm bắt Cám lột xương hồ lấy hoa súng để ăn cắp cá, bản thì lại viết là Tắm đánh lừa Cám bảo là đầu lằm phải hụp xuống mà gọi. Trong khi lặn xuống thì Tắm lấy trộm cá. Truyện Chàm viết là lúc về Dong có bốn con cá diếc và một con cá bống, nàng đưa cho mẹ bốn con cá diếc và giữ lại một con bống để nuôi, trong truyện Việt-nam lại kể là trong giỏ chỉ còn có một con bống mà thôi.

4) Truyện Chàm nói là năm mơ thấy con cá về báo mộng, còn truyện Việt-nam lại viết là có một vị thần hiện lên bảo thế.

Truyện Chàm viết là tìm khúc cá còn lại đem chôn ở bên đường. Truyện Việt-nam lại nói rõ là cho con gà năm gạo rồi gà bới đám xương cho. Cám lấy xương ấy bỏ vào bốn cái lọ nhỏ chôn ở bốn chân giòng.

5) Truyện Chàm viết là một năm sau, Dong ra thăm mộ cá thì thấy chiếc hài. Truyện Việt-nam lại nói là ba tháng mười ngày sau, đào bốn cái lọ chôn ở chân giòng lên thì thấy quần áo và một đôi hài. Nàng đi hài ra đồng bị ướt đem phơi ở bờ giậu thì bị con cò tha đi mất một.

6) Truyện Chàm viết là nhà vua kén vợ còn truyện Việt-nam lại nói là Hoàng-tử tuyển hoàng hậu-tương lai.

7) Truyện Chàm viết là bà mẹ trước thì đem trộn thóc và đậu rồi rải xuống cỏ mà bắt Dong nhặt. Sau đó bà ta lại thất hứa bắt nàng gỡ thêm cả một búi tơ rồi mới cho đi. Trong khi đó truyện cổ Việt-nam chỉ có ghi là bắt chọn gạo và đậu mà thôi.

8) Trong truyện Chàm lúc tìm Dong về bà mẹ nói là về ăn mừng nhà mới, còn ở truyện Việt-nam thì nói là về giỗ cha.

9) Truyện Chàm nói là đi hái dứa và phải chặt hết cả vườn dứa Dong mới chết, còn ở truyện Việt-nam thì bảo là đi hái cau về cúng bố và chặt có một cây để xuống ao thôi. Sau đó truyện Chàm nói Dong hóa ra con rùa, còn truyện Việt-nam bảo hóa ra hoa sen.

Ngoài những khác biệt về chi-tiết trên, hai truyện Chàm và Việt-nam giống nhau lắm nhất là từ đoạn bà già được thị rơi vào thùng đến lúc làm mâm bằng xác Hu-lé (hay Cám) đem về biếu bà mẹ.

III.— Truyện «TẮM CÁM» đối với «Cờ-tích» các nước trên thế-giới

RẤT nhiều nước trên thế-giới đã có những cổ-tích tương-tự như truyện «Tắm Cám» của ta.

Với những phương tiện ít ỏi tôi chỉ có thể nêu ra các nước sau :

Trung-hoa (1), Ai-Lao, Chàm, Cao-mên, Ấn-độ, Ba-tư, Anh, Pháp và Đức đã có truyện này ghi trên giấy trắng mực đen rồi.

(1) Theo Demiéville viết trong kỹ-yếu của trường Viễn-đông bác-cổ (BEFEO) quyển XXI trang 277) thì truyện Tắm Cám không thấy có ở Trung-hoa. Đó là một nhầm lẫn lớn vì sự thực thì ở Trung-hoa cũng có truyện này. Trong cuốn *Famous Chinese short stories* do Lâm-ngữ-Đường (Lin-Yu-Tang) viết lại bằng Anh-ngữ (The Pocket Library xuất-bản năm 1954 in ở New-york, Hoa-kỳ), có truyện này với tên Cinderella (giống như tên truyện Lọ-lem ở Anh-quốc). Trước khi vào truyện trước-tác-gia có ghi rõ là truyện này tìm thấy ở Yuyang Tszuo do Tuan Ch'eng-shih viết, ông này chết từ năm 863. Ông Tuan được nghe chuyện này do người bố già ở Yungchou (nay thuộc Quảng-tây) kể lại.

(Nên nhớ là ở Tây-phương thì năm 1588, Des Perriers mới viết truyện này trong cuốn *Nouvelles récréations et jeux devis*).

Đa số các nước trên đây đều cho là truyện ấy chính là của nước họ và phủ-nhận những thuyết ảnh hưởng ngoại-bang. Nhưng đó chỉ vì tự-ái dân-tộc mà họ nhận như vậy còn sự thật thì tất truyện đó phải bắt nguồn từ một nước rồi truyền sang nước khác.

Song đến ngày nay ta khó lòng mà tìm ra xuất-xứ của nó.

Ở nước ta có người bảo rằng truyện Tấm Cám chính là một-truyện có thực, tả lại đời đời Ý-lan vương-phi. Nhưng người ta chưa viện đủ được những tài-liệu để chính-xác hóa vấn-đề này.

Ngày nay dựa vào tính-chất của các cổ-tích Chàm và Việt tôi xin nêu giả-thuyết sau :

IV.— Giả-thuyết về truyện Tấm Cám

TRƯỚC hết ta xét qua đặc-tính của các truyện cổ Việt và Chàm.

a) Đặc-tính của truyện Việt-Nam.

— Việt-Nam chịu ảnh-hưởng nhiều của nền luân-lý đông-phương nên việc tôn kính thần thánh là một điều tối quan-trọng. Không ai dám đem thần thánh ra để đùa, để lừa dối thiên hạ.

— Việt-Nam thấm nhuần luân-lý đạo Phật nên lòng nhân-ái là một nét cần-thiết cho con người.

— Ở Việt-Nam, đạo Phật thịnh-hành nên triết-lý Phật-giáo được đem nghiệm đúng trong mọi hành-động. Kẻ ác sẽ bị trời phạt, người hiền sẽ được trời ban hạnh-phúc.

Những nhân-vật điển-hình trong các truyện cổ Việt-nam thường theo đúng truyền-thống đó vì cổ-tích của ta đều mang tính-chất đạo đức có mục-đích giáo-dục.

b) Đặc-tính của truyện cổ Chiêm-Thành.

Khác với Việt-nam, xét các truyện cổ Chàm ta thấy :

— Các truyện này thường không kiêng-nể thần thánh, các nhân vật trong truyện dám đùa cả với thần thánh, đánh lừa cả thần thánh

Thí dụ : Chà-lúc, Chà-lắc và ngay trong truyện Hu-lé và Dong trên (Dong đã nói dối là có lời Phật dạy để đánh lừa Hu-lé).

— Cốt truyện không theo đúng triết-lý Phật-giáo, kẻ hiền bị khổ đau người ác lại sung-sướng.

— Nhân-vật điển-hình không có đủ « các nét » của con người kiểu-mẫu của luân-lý đông phương.

Thí dụ : Truyện *Nai-krao-chaó-phó*, truyện ông thần-lửa.

c) Đặt vấn-đề :

Vì tính chất đặc-biệt của các cổ-tích là rất hay thay đổi, cùng một truyện mỗi nước đổi đi một ít cho hợp với tập-quán, phong-tục của họ, nên sự khác biệt ở những chi-tiết trong truyện Chàm và Việt-nam coi như không đáng kể. Như thế thì phần còn lại ta coi như giống nhau ; và ta không thể bảo là hai nước cùng nảy ra cổ-tích đó và không nước nào mượn của nước nào, giữa lúc các ảnh-hưởng văn-hóa khác ta không thể nào phủ-nhận được.

Vậy thì chỉ có hai điểm đặt ra :

Ta mượn của Chàm hay Chàm mượn của ta.

Song xét trong câu chuyện ta thấy : Tấm (hay Dong) là nhân-vật điển-hình cho người hiền. Ấy thế mà người hiền sau khi được trở về làm hoàng-hậu đã :

1) Nói dối là có lời Phật dạy để đánh lừa Cám hay (Hu-lé) để cho chết bỏng.

Hành-động này khiến người hiền mắc năm lỗi :

- Nói dối.
- Đánh lừa.
- Bất kính đối với đức Phật.
- Trả thù.
- Độc ác, bất nhân.

2) Đem xác Cám làm mắm và gửi về biếu mẹ.

Cử-chỉ này đã khiến Tấm không xứng là nhân-vật điển-hình của người hiền vì các tính :

- Dã man (đem làm mắm, trả thù cả xác chết).
- Trả thù cả bề trên (mẹ ghẻ trong truyện Việt-nam hay mẹ nuôi trong truyện Chàm).
- Lừa dối cả bà mẹ để bà này phải ăn thịt cả con.

Với những điều kể trên Tấm không thể là nhân-vật điển-hình trong cổ-tích Việt-nam.

Nhưng nhân-vật ấy hợp với tính-chất của cổ-tích Chàm.

Như vậy :

— Muốn cổ-tích Việt-nam vẫn giữ được tính-chất truyền-thống của nó.

— Muốn truyện cổ Việt-nam còn giữ được mục-đích cao-quý, mục-đích giáo-dục quần-chúng của nó.

— Muốn cho người ngoại-quốc khỏi hiểu lầm lòng nhân-ái muốn đời sắn có của dân-tộc Việt-nam mà nhân-vật điển-hình trong truyện Tấm Cám đã làm trái lại.

Ta phải nhận là :

Truyện Tấm Cám chính là của Chiêm-thành mà các tổ-tiên ta, sau những lần chinh-phục đất đó, đã được nghe họ kể, rồi các cụ thấy truyện ly-kỳ đã thay đổi ít nhiều cho phù-hợp với phong-tục và tập-quán của ta và đem truyền lại cho con cháu.

Dần dà truyện đó thành truyện cổ Việt-nam.

Thiết-tưởng giả-thuyết này cũng không có gì phi lý lắm.

NGUYỄN KHẮC NGŨ



THI-CA

VỊNH HUYỀN-TRẦN CÔNG-CHỨA

Nam-tiến nhờ ai rấn bước xa,
Lạc-Hồng nổi tiếng gái Đông-A.
Lý Ô dựng đất thu về nước,
Chiêm-Việt từ đây họp một nhà.
Lá ngọc tiếc chi đời phấn đại,
Giá vàng không thẹn khách quần-thoa.
Đến nay đi lại vùng Hương Ngự,
Còn nhớ công ơn của một bà.

Thanh-Trai PHẠM-VĂN-HANH
(Cử-nhân Hán-Học)



QUI HẠC LÀ GÌ ?

(Tiếp theo V.H.N.S. số 43)

TU-TRAI-THI

B. — KỶ-THOẠI VỀ HẠC

1. — Đại-nam nhất thống chí : Hạc đen ở Na-sơn. Na-sơn ở thôn Quần-ngọc, huyện Nông-cống tỉnh Thanh-Hóa, trên đỉnh núi có chùa xưa tục danh là Tiên-am 仙菴, phía tả có động thâm-u. Thuở nhà Trần, có một tiều-phu ẩn cư ở đấy, người ta gọi Hoàng-Mỹ Tiên-sinh 黄眉先生.

Khi Hồ-hán-Thương đi săn bắn núi ấy gặp tiều-phu vừa đi vừa hát :

Na chỉ sơn hữu thạch toàn ngoan,
Thảo thương thương, yên minh mịch, thủy sần sần
Triều hà ngô khứ, mộ hà ngô hoàn.
Hữu y hà chế ky, hữu bội hà nhân lan.
Thốt bôi thanh hề bình hiệu chương.
Điền hộ lục hề châm tình than.
Nhậm tha triều thị, nhậm tha xa mã,
Tri trần bát đáo thử giang san.
U thảo Tống-triều cung kiếm,

(1) Đạo dẫn : thuật Đạo-gia dưỡng-sinh : thử ra hấp vô, ngửa lên cúi xuống, tay chân co vô thẳng ra, để cho khi huyết sung túc hân thể nhẹ nhàng.

Cổ khâu Tấn-đại y quan.

Vương, Tạ phong lưu, Tiêu, Tào sự nghiệp,
Toán vãng cổ lai kim khanh tướng, thạch triện đài man.
Tranh như ngã trạo đầu nhất giác, hồng nhật tam can.

TẠM DỊCH :

Núi Na-son đá dựng nghênh ngang,
Cây xanh xanh, khói mờ mịn, nước trẻ tràn.
Sớm ta đi vậy, chiều ta phản hoàn.
Cổ áo bằng lá sừng, có chuỗi bằng hoa lan.
Cửa màu xanh vậy dăng man thúy-ái, (1)
Ruộng sắc lục vậy gối thác tình-quang (2).
Giang san này không hề có gió bụi,
Mặc ai danh lợi, mặc ai giàu sang.

Cổ u-ân là Tống triều cung kiếm,
Gò cổ khâu là Tấn-đại y quan.
Sự nghiệp như Tiêu, Tào, (3)

Phong lưu như Vương, Tạ. (4)

Xưa nay khanh tướng đều là rêu mọc bia tàn.

Đầu bằng ta nhóm đầu thức dậy, mặt trời đã ba can.

Hán-Thương nghe tiều ca như vậy, tự nói đó là hiền-sĩ ở ẩn, bèn khiến Thị-thần đi theo vào động, thấy nơi vách có đề hai khúc ca : khúc ca Ái-miền (tra ngũ) và khúc Ái-kỳ (tra đánh cờ). Thị-thần dùng lời xin mời tiều-phu theo về.

Tiều-phu không bằng lòng nói :

— Nghiêm-tử-Lăng (5) không lấy chức Gián-nghị ở Đông-

(1) Thúy ái : mặt trời chiếu vào núi có màu xanh biếc sáng tươi.

(2) Tình-quang : trời thanh tịnh quang-đăng.

(3) Tiêu là Tiêu-Hà, Tào là Tào-Tham, hai tướng quốc đời nhà Hán.

(4) Vương Tạ là hai họ có danh vọng nhất ở đời nhà Tấn, như Vương-Đôn, Vương-Đạo, Vương-hy-Chi, Vương-huy-Chi ; Tạ-An, Tạ-Huyền, Tạ-linh-Vận, Tạ-huệ-Liên v.v... Sách Tàu có câu : Vương, Tạ, Đào, Nguyễn, Phú qui phong lưu (Họ Vương, họ Tạ, họ Đào, họ Nguyễn giàu sang phong lưu).

(5) Nghiêm-Quang tự là Tử-Lăng người đời Đông-Hán, bạn học với Hán Quang-Vũ. Khi Quang-Vũ làm vua, Tử-Lăng đổi tên họ ở ẩn. Quang-Vũ mời về phong làm Gián-nghị Đại-phu. Tử-Lăng có từ, trở về cây ruộng ở Phú-Xuân và câu cá ở Đồng-Giang.

Đồ (1) mà đổi cái thú yên ba (khói sóng) sông Đồng-lại. Khương-bá-Duy (2) không vì họa-đồ của Thiên Tử (3) mà làm như cái cảnh sơn-thủy Bành-thành.

Sứ-thần về tàu, Hán-Thương bảo đi mời một lần nữa, khiến đem theo xe an-xa ép mời cho được. Nhưng sứ-thần, đến núi thì thấy cửa động rêu mọc phủ cả, gai góc lấp mất đường đi, chỉ thấy trên vách có đề hai câu thơ :

Kỳ-la hải khẩu ngâm hôn đoan,
Cao-vọng sơn đầu khách tứ sầu.

TẠM DỊCH :

Cửa biển kỳ-la hôn sẫm dút,
Đầu non Cao-vọng khách đeo sầu.

Sứ-thần về kể lại, Hán-Thương cả giận, khiến người đến đốt núi ấy, thì chỉ thấy con hạc đen từ trong núi bay bổng lên liệng múa giữa không-trung, mà không thấy dấu-tích tiều-phu đâu cả.

Như vậy, có phải hạc đen ấy là hóa thân của tiều-phu, mà tiều-phu ấy tức là tiên-nhơn ở núi ấy ?

2 — Đào-khẩn liệt-truyện : Đào-khẩn người đời Tấn ở Tầm-dương, làm chức Chinh-tây Đại-tướng-quân. Khi về đình gian bà mẹ, làm lều bên mộ mẹ, có hai người khách đến phúng-điếu, dung nghi kỳ vĩ, Khẩn biết đó là không phải người thường, giấy lát hai người từ khứ, hóa ra hai con hạc bay bổng lên trời.

3 — Liệt-tiên-truyện : Vương-tử-Kiều người đời Đông-Hán, ưa thời ống sanh, mà tiếng sanh giống như chim phụng gáy. Bữa nọ Kiêu bảo người nhà rằng : « Sau khi ra đi, đến ngày 7 tháng 7 nên đón ta ở đầu núi Hậu-thị ». Ngày ấy đến đón, thấy Kiêu cởi hạc trắng cất tay từ giã người đời rồi đi luôn.

4 — Thuật-dị-ký : Tuân-Hoàn binh sinh ân-cư tịch - cốc, thường đi đông-du, nghỉ đỗ trên lầu Hoàng-hạc ở Giang-hạ, bữa ấy Hoàn trông

(1) Đông-Đồ : kinh-đô đời Đông-Hán ở đất Lạc-dương.

(2-3) Khương-Quang tự Bá-Duy ở Bành-thành. Khi Hoàn - Đế nhà Hán cho vời ông và Từ-Trĩ, hai người không đến. Sau vua đến Bành-thành kiến thợ đến nhà ông để họa hình, nhưng ông thác bệnh trùm mền không cho thấy mặt.

thấy phía tây - nam có vật bay từ trên tiêu-hán lần xuống, khi bay gần đến thì thấy có người khách cỡi hạc xuống đậu bên ngõ, khách mặc đồ vũ-y hồng-thường (áo lông quần đỏ) đi thẳng vào lầu, hai bên chủ khách đối tọa chuyện trò vui-vẻ; khi từ khứ, khách lại cỡi hạc phi thẳng.

II.— DANH-TỪ VÀ ĐIỀN-TÍCH VỀ QUY HẠC

A) Danh-từ về quy

— Quy linh 龜齡 : Tuổi rùa. Rùa thường sống ngoài trăm tuổi, nên dùng chữ qui linh vì người được trường-thọ. (Từ-nguyên).

— Qui sông 龜床 : Giường rùa. Có một người già ở phương nam đem con rùa kê dưới chân giường hơn 10 năm. Khi người ấy chết, đời giường đi ehở khác mà rùa vẫn còn sống (Từ-nguyên).

— Qui tức 龜息 : Rùa thở. Viên-thiên-Cương xem tướng Lý, Kiệu, Cương nói : Kiệu khi ngủ thở hơi ra lỗ tai, đó gọi là « qui tức » chắc được đại quý và thượng thọ. (Chi-điền-lục).

— Qui lịch 龜曆 : Đời Đường nước Việt-Thường ta đem cống con thần-qui ngàn tuổi, trên lưng có dấu chữ Khoa-đầu, ghi từ khi trời đất khai tịch trở lại. Vua Đường-Nghiêu mạng sao lục lại làm ra lịch thơ, gọi là qui lịch. (Bắc-sử).

— Qui ngôn 龜言 : Rùa biết nói. Thuở Tôn-Quyền (Vua nước Ngô đời Tam-Quốc) huyện Vĩnh-Khương có người gặp một rùa lớn, bèn trói đem về. Rùa nói : « Ta đi chơi không lựa thời, nên bị người bắt ». Người ấy nghe rùa nói, lấy làm lạ, định đem dâng Vua Ngô. Khi đem đi tới Việt lý trời tối, cột thuyền dưới gốc cây dâu lớn. Nửa đêm, nghe trong cây dâu ấy kêu hỏi rùa rằng : « Nguyên-Tự (tên riêng con rùa) vì sao mắc nạn như thế ? » Rùa đáp : « Ta đi không lựa ngày, nay phải bị người bắt nấu, nhưng mặc dầu nấu hết cây củi ở Nam-son cũng không làm sao cho chín rục được thịt ta. Cây dâu nói lại rằng : « Ở Ngô có Gia-cát-Khác người học uyên-bác, nếu nó cho đi tìm bợn ta (cây dâu tự xưng) để làm khốn khổ nhà ngươi, thì nhà ngươi có kế chi thoát nạn ? » Rùa nói : người chớ nhiều lời.

Khi người dâng rùa đến đô kiến-nghiệp, Tôn-Quyền bảo đem rùa nấu, nấu mãi hết vụn xe củi mà rùa vẫn như thường. Gia-cát-Khác thấy vậy, bảo lấy cây dâu già đun nấu cho chín. Khi ấy người dâng rùa

cũng thuật lại câu nói của rùa bữa trước, Tôn-Quyền khiến đốn dâu đem nấu thịt rùa liền chính rục. (Thủy-kinh-Chú).

— Qui khách 龜客 : Khách rùa. Tần Bồ-Kiên niên-hiệu kiến-nguyên thứ 12, dân huyện Cao-lục đào giếng được một con rùa lớn 2 thước 6 tấc, trên lưng có chữ bát quái. Bồ-kiên lấy đá xây ao để nuôi, 16 năm rùa chết. Kiến lấy cốt rùa để bói hỏi sự cát hung, gọi là qui-khách (Trần-Thư).

B) Danh từ về hạc

Hạc phát 鶴髮 : Tóc hạc. Người già đầu tóc bạc trắng như lông chim hạc, nên gọi hạc-phát (Từ-nguyên)

Hạc toán 鶴算 : Tuổi hạc. Hạc thường sống trên 1000 năm nên dùng tuổi hạc chúc thọ cho người (Từ-nguyên).

Hạc tốt 鶴漆 : Vẽ hạc. Người có bịnh phong, nơi đầu gối sưng to, mà nơi vẽ và ống chân teo nhỏ lại, gọi là hạc-tốt. (Từ-nguyên).

Hạc ngữ 鶴語 : Hạc nói. Mùa đông niên-hiệu Thái-Khương thứ, 2 (Đời Tùy, 281) bị đại tuyết, (tuyết sa nhiều) có người ở Nam-Châu thấy hai con hạc trắng ở dưới cầu nói với nhau rằng : năm nay khi trời lạnh, không thua gì năm vua Nghiêu nhà Đường băng. (Từ-nguyên).

Hạc thơ 鶴書 : Thơ hạc. Thơ hạc là thơ của vua đi mời ăn-sĩ. Trong thơ có in đầu con hạc. Khổng-nhã-Khuê có câu : hạc thơ phó lững 鶴書赴隴 : Thơ hạc đưa đến chốn gò đồng. (Bắc-sử)

Hạc tri dạ bán 鶴知夜半 : hạc biết nửa đêm. Thi sĩ có nói : hạc thường đến nửa đêm thì kêu lên, cho nên Hoài-nam-Tử bảo : Gà biết đêm gần sáng, hạc biết khi nửa đêm, hạc kêu tiếng nghe xa ngoài tám, chín dặm.

Hạc lập kê quần 鶴立雞群 : Hạc đứng trong bầy gà. Ý nói người hào-kiệt có khác hơn chúng nhân. Kê-Thiệu, con Kê-Khương, khi đến Lạc-ấp có người nói với Vương-Nhung rằng : đứng trong đám đông người, thấy Kê-Thiệu hiêu ngang như con đã hạc đứng trong bầy gà. (Tấn-thơ)

Cầm hạc tự tùy 琴鶴自隨 : đem cầm, hạc đi theo. Triệu-Biện người đời Tống khi ra làm chủ-sứ đất Thục đem theo một đàn cầm, một con hạc, nên đời sau dùng danh từ này tặng cho ông quan thanh-bạch phong-lưu. (Tống-sử)

C.— THI-CA VỀ HẠC

Và sau hết xin nhắc lại bài thi kiệt-tác của Thôi-Hạo vịnh lầu Hoàng-hạc mà đời sau thi nhân đã lựa đề đầu trong trong quyền thi thất-ngôn Đường-luật :

昔人已乘黃鶴去
 Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
 此地空餘黃鶴樓
 Thử địa không dư Hoàng-Hạc lâu.
 黃鶴一去不復返,
 Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
 白雲千載空悠悠.
 Bạch vân thiên tải không du du,
 晴川歷歷漢陽樹
 Tình xuyên lịch lịch Hán-dương thụ,
 芳草萋萋鸚鵡洲.
 Phương thảo thê thê Anh-Vũ châu,
 日暮鄉關何處是
 Nhật mộ hương quan hà xứ thị?
 煙波江上使人愁
 Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

TẠM DỊCH:

Người xưa cỡi hạc đi đâu?
 Mà nay Hoàng-hạc còn lâu đứng kia.
 Hạc đi, đi mãi chẳng về,
 Ngàn thu mây trắng vẫn che mặt mũi.
 Cỏ thơm Anh-vũ tươi màu,
 Hán-dương cây cối dật ngầu bên sông.
 Trời chiều làng xóm xa trông,
 Trên sông khói sóng chạnh lòng sầu tư!

Bên Việt-Nam ta cũng có những câu thơ tiêu-sái nhân nhả mà không quên hạc là bạn thân, thích thú của mình:

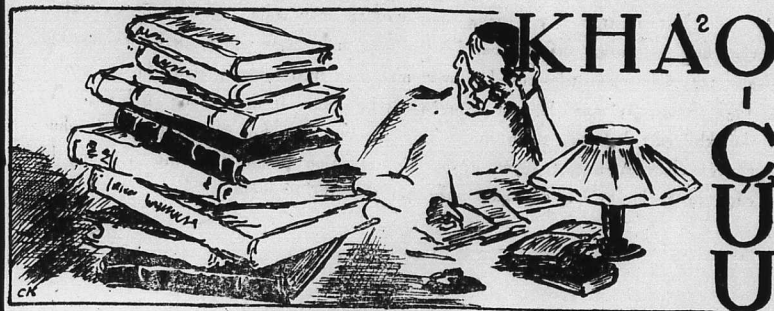
Nghêu ngao vui thú yên hà,
 Mai là bạn cũ, hạc là người quen.

(Vô danh)

Thôi thôi danh lợi đã vira,
 Lên máy xuống hạc ta chờ bạn ta.

(Mai-son Nguyễn-thượng-Hiền)

TU. TRAI-THỊ



THÂN-THỂ VÀ THI-CA CỦA MỘT NHÀ NHO CẬN-ĐẠI

DOẢN-UẦN

(Tiếp theo V.H.N.S. số 42)

TÔ-NAM

Nguyễn-đình-Diệm soạn thuật

KHÔI PHỤC TỈNH THÀNH

SAU khi tỉnh thành thất thủ, Tổng-đốc Lê-phúc-Bảo 黎福寶 và quan Bó-Chánh Phạm-phúc-Thiệu 范福紹 bị giặc bắt sống, riêng có ông tạm lánh ở thôn Long-Hồ 龍湖村, được toàn thể dân chúng trong thôn yêu mến, người giúp lương thực, kẻ đi do thám tin-tức bên ngoài, rồi hào-khiết các nơi bí-mật kéo đến lập được một đoàn nghĩa-dũng, có đủ khí-giới, chỉ còn đợi dịp khôi-phục tỉnh thành. Thế rồi ngày 17 tháng 7, thám thính được tin quân giặc không phòng bị, đương đêm ông kéo đoàn nghĩa-dũng đột-kích vào thành, tiếng reo hò, tiếng súng nổ liên-tiếp, làm cho quân giặc hoang-mang, xô nhau chạy trốn, chỉ trong giây lát chiếm được tỉnh thành, và bắt sống được Trấn-Thủ Hoàng-văn-Thông 黃文通 và phó-trưởng Trần-khắc-Doãn 陳克允, cùng một số tù-binh, và tất cả lương-thực khí giới!

Xét ra trận này : riêng ông chỉ có mấy trăm nghĩa-dũng, vì khéo vận dụng trí mưu, xuất kỳ bất ý, làm cho mấy ngàn quân địch, chẳng kịp gỡ tay. Các quan trấn-thủ khi mở mắt ra, mới hay mình đã bị trói ! Trận thắng này quả là một chuyện rất kỳ khôi, ít thấy trong lịch-sử. Vì thế khi triều-đình tiếp nhận được tin, liền hạ dụ cho ông được khôi phục nguyên chức Án-sát, (nguyên trước kia, vì tình thành thất thủ nên ông bị cách lưu), lúc ấy ông có ngâm mấy bài thơ đề kỷ-niệm :

其 一

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 跋 | 涉 | 風 | 塵 | 聞 | 月 | 秋 |
| 省 | 臣 | 不 | 職 | 罪 | 當 | 誅 |
| 山 | 川 | 如 | 爲 | 伸 | 孤 | 憤 |
| 短 | 劍 | 終 | 景 | 逆 | 賊 | 頭 |

I.— PHIÊN-AM

Bại thiệp phong trần duyệt nguyệt thu,
Tinh thần bất chức, tội đương tru !
Sơn xuyên như vị thân cô phẫn,
Đoàn kiếm chung điều nghịch tặc đầu.

I.— DỊCH-NGHĨA

Gió bụi xông pha trải bấy nay,
Tinh thần bỏ chức tội sao đây ?
Non sông đã muốn tiêu nguồn hận,
Nghịch tặc đầu rơi phải có ngày !

其 二

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 龍 | 江 | 之 | 上 | 振 | 秋 | 風 |
| 擊 | 鼓 | 舟 | 船 | 月 | 照 | 中 |
| 半 | 夜 | 空 | 林 | 齊 | 義 | 勇 |
| 一 | 杯 | 寒 | 酒 | 洒 | 英 | 雄 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 幸 | 生 | 己 | 自 | 甘 | 前 | 罪 |
| 不 | 死 | 何 | 當 | 白 | 寸 | 衷 |
| 寄 | 語 | 民 | 軍 | 應 | 弩 | 力 |
| 立 | 將 | 賊 | 首 | 獻 | 行 | 宮 |

2.— PHIÊN-ÂM :

Long giang chi thượng chán thu phong,
Bề cò chu thuyền nguyệt chiếu trung.
Bán dạ không lâm tề nghĩa dũng,
Nhất bôi hàn tửu sái anh hùng.
Hạnh sinh dĩ tự cam tiền tội,
Bất tử hà đương bạch tởn trung ?
Ký ngữ dân quân ưng nỗ lực,
Lập tương tặc thủ hiển hành cung !

2.— DỊCH NGHĨA :

Cửu-long mặt nước cuốn thu phong,
Chiêng trống thuyền ghe dưới nguyệt dong.
Rừng rậm nửa đêm vang nghĩa-dũng,
Rượu thơm một chén cam muôn tội !
Sống thừa biết đã cam muôn tội,
Chết hột mong gì dãi tẩm trung.
Nào hỏi quân dân mau gắng sức,
Chém đầu nghịch tặc hiển hành cung !

THƠ CỦA CÁC BẠN Ở KINH-THÀNH.

Khi ông ở Vĩnh-Long, đường giao-thông bị nghẽn, kinh-thành không nhận được tin gì. Các bạn thân ai cũng lo rằng ông đã tử trận ; tấm lòng thương nhớ hiển hiện trên các vần thơ. Sau khi tái-hội, ông mới ghi vào thi-tập, vậy xin sao dịch dưới đây :

I. — THƠ CỦA QUAN LẠI-BỘ THƯỢNG-THU
HÀ-TÔN.QUYỀN HIỆU LÀ TÔN-TRAI

吏部尚書何尊權別號巽齊

其 一

| | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|
| 風 | 塵 | 無 | 定 | 重 | 山 | 外 |
| 蓬 | 矢 | 相 | 期 | 十 | 載 | 初 |
| 三 | 月 | 烟 | 花 | 從 | 此 | 別 |
| 孤 | 城 | 烽 | 火 | 欲 | 何 | 如 |
| 死 | 生 | 不 | 數 | 黃 | 金 | 帶 |
| 存 | 沒 | 空 | 驚 | 裏 | 蜡 | 書 |
| 爲 | 信 | 故 | 人 | 還 | 自 | 信 |
| 徘徊 | 撫 | 劍 | 讀 | 複 | 直 | |

1 — PHIÊN ÂM

Phong trần vô định trùng sơn ngoại,
Bồng thi tương kỳ thập tải sơ.
Tam nguyệt yên hoa từng thử biệt,
Cô thành phong hỏa dục hà như ?
Tử sinh bất sở hoàng kim đới,
Tồn một không kinh khóa lập thư.
Vị tín cố nhân hoàn tự tín,
Bồi hồi phủ kiểm đọc Nương-Thư.

1 — DỊCH NGHĨA

Phiêu bạt gió mây trên vạn dặm,
Hẹn hò cung kiếm trước mười năm.
Mùa hoa vắng mặt ngay từ đó,
Ngọn lửa cô thành muốn hỏi thăm.
Sinh tử đám mây đất ngọc nạm,
Mắt còn riêng hoàng lá thư cầm.
Tin mình há nhẽ không tin bạn,
Đọc sách Nương-Thư vỗ kiếm cầm!

其 二

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 書 | 劍 | 無 | 端 | 獨 | 倚 | 樓 |
| 懷 | 人 | 不 | 見 | 使 | 人 | 愁 |
| 數 | 聲 | 霜 | 信 | 驚 | 鴻 | 雁 |
| 五 | 夜 | 寒 | 光 | 認 | 斗 | 牛 |
| 明 | 月 | 初 | 升 | 當 | 古 | 塞 |
| 白 | 雲 | 一 | 往 | 到 | 滄 | 洲 |
| 迢 | 迢 | 路 | 遠 | 知 | 何 | 似 |
| 應 | 覺 | 黃 | 花 | 耐 | 素 | 秋 |

2. — PHIÊN-ÂM

Thư kiểm vô đoan độc ý lâu,
Hoài nhân bất kiến sử nhân sầu.
Sở thanh sương tín kinh hồng nhận,
Ngũ dạ hàn quang nhận đầu ngư.
Minh nguyệt sơ thăng đương cổ tái,
Bạch vân nhất vãng đảo thương châu.

Thiều thiều lộ viễn tri hà tự,
Ứng giác hoàng hoa nại tổ đầu.

2. — DỊCH-NGHĨA

Thư kiểm bàng khuông đứng tựa lâu,
Nhớ ai chẳng thấy đề ta sầu,
Sương gieo hoàng vĩa tin hồng nhận,
Đêm vắng gai người bóng đầu ngư.
Kìa mảnh giăng thanh soi cổ tái,
Nọ làn mây bạc ruồi Thương-Châu.
Phương giờ thăm thăm ai sao đó,
Tin chắc hoa vàng vẩn ngọc đầu!

其三

Khi được tin ông đã về Hà-Tiên

Tổn-Trai tiên sinh lại gửi 1 bài

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 幸 | 哉 | 天 | 為 | 全 | 君 | 子 |
| 甚 | 矣 | 心 | 猶 | 信 | 故 | 人 |
| 力 | 盡 | 空 | 餘 | 雙 | 淚 | 眼 |
| 城 | 存 | 仍 | 有 | 百 | 年 | 身 |
| 江 | 山 | 漠 | 漠 | 渾 | 如 | 舊 |
| 月 | 霧 | 漫 | 漫 | 幾 | 認 | 真 |
| 珍 | 重 | 黃 | 花 | 前 | 日 | 詠 |
| 醉 | 吟 | 不 | 覺 | 起 | 精 | 神 |

3.— PHIÊN ÂM

Hạnh tai thiên vị toàn quân tử,
Thộm hĩ tâm do tín cố nhân.
Lực tận không dư song lệ nhãn,
Thành tồn nhưng hữu bách niên thân.
Giang sơn mịch mịch hồn như cụ
Nguyệt lộ man man kỷ nhật chân.
Trân trọng hoàng hoa tiên nhật vịnh ?
Túy ngâm bất giác khởi tinh thần.

3.— DỊCH NGHĨA

May thay, giờ tựa người quân tử,
Rất mực lòng tin bởi cố nhân.
Sức hết hai hàng chưa hết lệ,
Thành còn trăm tuổi vẫn còn thân.
Bao la sông núi nào thay mặt,
Mơ mịt phong sương khó nhận chân.
Bài phú hoàng hoa năm trước gửi,
Ngâm lên lại thấy nổi tinh thần.

BÀI CỦA QUAN LỄ-BỘ LANG-TRUNG

NGÔ-THẾ-VINH 吳世榮

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|-----|
| 一 | 去 | 風 | 流 | 經 | 別 | 雨 |
| 幾 | 回 | 心 | 事 | 阻 | 停 | 雲 |
| 低 | 向 | 對 | 酒 | 祇 | 相 | 問 |
| 多 | 少 | 同 | 盟 | 可 | 勿 | 勤 |
| 書 | 劍 | 無 | 才 | 堪 | 笑 | 我 |
| 桑 | 蓬 | 此 | 志 | 獨 | 疑 | 君 |
| 月 | 明 | 今 | 夜 | 渾 | 如 | 昨 |
| 誰 | 挽 | 天 | 河 | 洗 | 暮 | 氛 ? |

PHIÊN-ÂM

Nhất khứ phong lưu kinh biệt vũ,
Kỷ hồi tâm sự trở đình vân.
Đê hồi đối tửu chi tương vấn,
Đa thiều đồng minh khả vật càn.
Thư kiếm vô tài kham tiếu ngã,
Tang bồng thử chí độc nghi quàn,
Nguyệt minh kim dạ hồn như tặc,
Thùy văn thiên hà, tày mộ phần ?

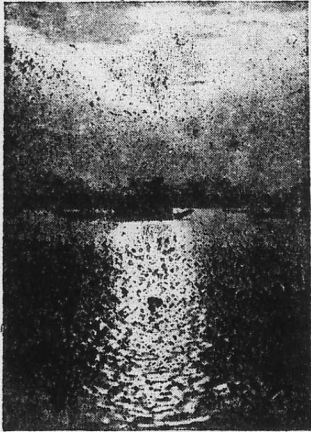
DỊCH-NGHĨA

Tháng ngày gió rười đã bao độ,
Tâm sự mây che trải lấm bụi.
Nhắc chén bâng khuâng toan tự hỏi,
Nhớ người cần mẫn nhẽ nào khi.
Kiếm cung kếm sức cười ta nhĩ,
Hò hải ngữ ai chứ bác thì,
Chị nguyệt vẫn còn phong độ cũ,
Thiên hà mượn tày khói đen đi ?

(Còn-tiếp)

TÔ-NAM





THĂNG-CẢNH CỔ-ĐỒ

HỒ TỊNH-TÂM

BỮU CẦM

Giảng-sư Trường Đại-học
Văn-khoa Sài-gòn

DU - khách đến Huế, sau khi đã dạo thuyền sông Hương, trèo lên đỉnh Ngự, đi xem Đại-Nội và lăng-tâm đế-vương rồi, tưởng cũng không nên bỏ qua một thắng-tích nên thơ của chốn cổ-đô là hồ Tịnh-tâm.

Nếu đến viếng hồ Tịnh vào một ngày mùa hạ, khách còn được thưởng-thức vẻ diễm-lệ dịu-dàng và mùi hương đượm nồng mà thanh-khiết của một giếng hoa cao-quý đã được dân-tộc Việt-nam ca-tụng bằng câu ca-dao sau đây :

*Nhị vàng, bông trắng, lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

Dù không phải là một thi-nhân, khách cũng cảm thấy lòng xao-xuyến, muốn tìm những lời thanh-tạo văn-vẻ để diễn-tả cái cảnh vừa thiên-nhiên vừa nhân-tạo tuyệt-mỹ trước mắt mình.

Kìa, màu rêu lục phong trên mái cũ, nền xưa, màu xanh thắm của lá cây, màu xanh nhạt của da trời, màu xanh biếc của nước hồ pha lẫn nhau một cách rất điều-hòa, khéo-léo. Giữa bức tranh thiên-nhiên có một màu xanh dịu như nhung ấy, còn điểm thêm vào những đóa sen hồng, những hoa cần đỏ rực-rỡ xinh tươi.

Bóng dáng người xưa như phảng-phất đâu đây. Khách tưởng chừng vẫn nghe tiếng đọc sách, ngâm thơ của các ông hoàng thi-sĩ, hiếu-học và cũng đa-tình, vọng lên từ sau những phiến đá chập-chồng hay sau mấy gốc cây già-cổ. Và trên cầu xưa, nơi bến cũ, như còn thấp-thoáng những tà áo cung-nhân.

Đứng ngắm cảnh đẹp và suy-nghĩ về cuộc bề-dâu, có lẽ khách không khỏi băn-khuâng tự hỏi : « Hồ này có từ bao giờ ? »

Vậy kẻ viết bài này xin kê rõ lai-lịch hồ Tịnh-tâm, hầu làm thỏa-mãn một phần nào tính hiếu-cổ của du-khách.

Đầu triều Gia-long (1802-1819), người ta ngăn một khúc sông và mở rộng ra để làm thành hồ này, gọi là hồ *Kỳ-tế* 既濟池. Giữa hồ có hai bãi đất, trên đó dựng hai gian nhà làm kho chứa hỏa-dược, diêm-tiêu.

Năm Minh-mạng thứ 19 (1838), hai kho chứa thuốc súng nói trên được dời đi nơi khác, hồ *Kỳ-tế* được đổi tên là hồ *Tịnh-tâm* 淨心湖 hoặc *Bắc-hồ* 北湖. Từ phía hồ xây thành cao bằng gạch, bốn mặt thành trở bốn cửa : *Hạ-huân môn* 夏薰門 (hướng Nam), *Xuân-quang môn* 春光門 (hướng Đông), *Thu-nguyệt môn* 秋月門 (hướng Tây), *Đông-hy môn* 冬曠門 (hướng Bắc).

Giữa hồ có ba hòn đảo nhỏ là *Bồng-lai* 蓬萊, *Phượng trượng* 方丈 và *Doanh châu* 瀛洲, đặt theo tên ba hòn tiên-đảo trong thần-thoại Trung-hoa.

Trên đảo Bồng-lai dựng *Bồng-doanh điện* 蓬瀛殿, mái lợp bằng thứ ngói cổ màu vàng, chung quanh điện có lan-can. Phía đông điện Bồng-doanh là *Thanh tâm tạ* 清心榭, phía tây là *Trùng luyện lâu* 澄練樓; trước cửa điện, về phía nam, là *Bồng-doanh kiều* 蓬瀛橋; phía bắc đảo Bồng-lai có *Hồng-cử kiều* 紅梁橋.

Trên đảo Phượng-trượng dựng *Nam-huân các* 南薰閣. Đó là một cái gác hai tầng, mái cũng lợp bằng thứ ngói màu vàng và bốn phía cũng có xây lan-can. Chung quanh gác Nam-huân còn có : *Thiên-nhiên đường* 天然堂 (phía đông), *Dưỡng-tính hiên* 養性軒 (phía tây), *Tịnh-tâm lâu* 淨心樓 (phía bắc). Trước gác Nam-huân có cái cửa đẹp gọi

là Bích-tảo môn 碧藻門, thông với Bích-tảo kiều 碧藻橋.

Khoảng giữa hai đảo Bồng-lai và Phương-trượng là Tứ-đạt đình 四達亭, nơi những đầu cầu gặp nhau: về phía nam là Hồng-cử kiều, về phía bắc là Bích-tảo kiều. Một cái đập, tên là Kim-oanh đê 金鶯堤, chạy dài từ đông sang tây, từ cửa Xuân-quang đến cửa Thu-nguyệt.

Đảo Doanh-châu nằm về hướng nam, trước nhà Khúc-tạ 曲榭, kè Bạch-tần kiều 白蘋橋.

Những cầu có nhiều tên thi-vị như trên, ngày xưa, đều làm bằng gỗ, có mái lợp ngói. Còn hai bên bờ đập Kim-oanh thì trồng toàn lệ-liểu, trúc vàng.

Cảnh hồ Tịnh-tâm lúc đầu đẹp như thế, cho nên các vua Minh-mạng, Thiệu-trị đều có thơ ca-tụng. Trong bộ Ngự chế thi tập 御製詩集 của vua Minh-mạng thơ có tả Bắc hồ thập cảnh 北湖十景 (mười cảnh đẹp của hồ Tịnh-tâm):

1°) Oanh-đê xuân sắc 鶯堤春色 (đập Kim-oanh giữa mùa xuân);

2°) Khúc-tạ hà phong 曲榭荷風 (gió thoảng hương sen vào nhà Khúc-tạ);

3°) Tịnh-hồ minh nguyệt 淨湖明月 (trăng sáng trên hồ Tịnh-tâm);

4°) Trúc kính thừa lương 竹徑乘涼 (hứng gió mát trên con đường tắt có trồng tre);

5°) Thủy tạ quan ngư 水榭觀魚 (xem cá nơi nhà Thủy-tạ);

6°) Hồ lâu yên vũ 湖樓烟雨 (lầu-dài giữa hồ trong mưa mù);

7°) Kinh sà thượng liên 輕槎賞蓮 (chống chiếc bè nhỏ đi xem hoa sen);

8°) Nam-huân lâm thắng 南薰覽勝 (ngồi ở gác Nam-huân ngắm xem các cảnh đẹp).

9°) Trùng-luyện vân diểu 澄練晚眺 (buổi chiều ngồi ở lầu Trùng-luyện trông ra xa);

10°) Tam châu hiều cảnh 三洲曉景 (Cảnh ba hòn tiên-đảo buổi bình-minh).

Vua Triệu-trị đã liệt hồ Tịnh-tâm vào một trong hai mươi thắng-cảnh của Thần-Kinh, và có làm bài thơ khắc vào bảng đồng, nhan-đề Tịnh-hồ hạ hưng 淨湖夏興, tả lòng cảm-hứng của nhà vua khi đến chơi hồ Tịnh-tâm giữa một buổi chiều hè tịch-mịch.

Như trên là tả cảnh hồ Tịnh-tâm ngày trước, còn ngày nay phong-cảnh ở đó kém xưa nhiều. Bây giờ, những đình, tạ, lầu, đài phần nhiều đã đổ nát; mấy dịp cầu ván cũng bị hư-hỏng, không còn nguyên vẹn như xưa.

Tuy vậy, sen trong hồ đến mùa vẫn nở đều, và mặc dầu hồ Tịnh-tâm hiện nay bày ra cái cảnh hoang-phế, tiêu-sơ, nhưng không mất vẻ đẹp: cái đẹp cô-kính của một di-tích điêu-tàn, thích-hợp với những du-khách có tâm-hồn thi-sĩ (1).

BỮU CẨM

THI - CA

LẠI QUA Ô-CẤP

(Cap Saint-Jacques)

Trái ngọt ba thu lại tới đây,
Năm kia Ô.Cấp khác ngày nay.
Trước còn Pháp đóng vai trò đế,
Giờ đã mình lên địa-vị thầy,
Non nước xanh trong lòng xiết cảm,
Cỏ hoa tươi thắm cảnh càng say.
Chủ-quyền vốn sẵn thiên thư định,
Ngắm cuộc vẫn xoay chắc những ngày...

THỦY-THIÊN

(1) Bài này viết theo các tài-liệu sau đây:

— Đại Nam nhất thống chí 大南一統志, bản in đời Duy-tân, q.1, tờ 33b — 34a.

— Nguyễn Đình-Hòe et L. Cadière, Quelques coins de la citadelle de Hué, trong B.A.V.H., 1922, tr. 189 — 198.

Thi ca

TA NHỚ'

Á-NAM

Không biết vì đâu ta nhớ nhưng ?
Ngọn ngang trăm mối rối bên lòng.
Câu cười tiếng nói như điên dại,
Lúc đứng khi đi lưỡng sượng sùng.
Đêm suốt năm canh trần trọc trống,
Ngày thâu sáu khắc ngân-ngơ trống.
Đường xa thăm-thẳm càng mang-mác.
Không biết vì đâu ta nhớ nhưng ?



Nhớ khi đất lở trời long,
Cùng ai nâng gánh non sông nặng nề.
Mà nay nẻo cách đường chia.
Nào ai hôm sớm đi về với ta ?

Nhớ khi đất khách làng xa,
Với ai chia cảnh phồn-hoa thanh-nhàn.

Mà nay phố vắng chợ tàn,
Nào ai mưa nắng lo toan với mình ?
Nhớ khi tơ liễu buông mảnh,
Ngày xuân cùng cọn chèo quỳnh hiển mai ;
Mà nay én lẽ oanh loi,
Cùng ai say lĩnh cho người nổi lòng ?
Nhớ khi ngọn gió tan nồng.



Đêm hè cùng ngắm trăng lồng hiền nam ;
Mà nay chia rẽ tiền phàm,
Lấy ai trò-truyện cho cam chút tình ?
Đêm thu lốm đốm lửa huỳnh,
Cùng ai nhớ lúc tơ tình vấn vương.
Mà nay hiu hắt gió vàng,
Lấy ai tỏ nỗi đoạn tràng với ta ?
Đêm đông lác đác sương sa,
Cùng ai nhớ lúc chân hoa ấm nồng ;
Mà nay lặng-lẽ buồng không,
Lấy ai chung gối lạnh lòng với nhau ?



Đường đời gió Mĩ mưa Âu,
Nhớ ai xuôi ngược óm bầu nhiệt tằm.
Cuộc đời cát bụi tung lằm,
Nhớ ai rút ruột con tằm nhả tơ ?
Trò đời rồi một cuộc cờ,
Nhớ ai lều cỏ đứng chờ Ngọa-Long ?
Lửa đời bốc ngọn bình hung,
Nhớ ai chiếc đảo anh hùng hãm thân,
Sóng đời tràn trụa bất nhân,
Nhớ ai Tề, Lỗ bán-khoản cứu đời.
Máu đời gươm giáo tanh hôi,
Nhớ ai bỏ sống ham mùi từ bi.



Khi ngày vắng, lúc canh khuya,
Nào khi ngắm đọc, nào khi nói cười,
Bảng khung ngắm cảnh trông đời,
Nghĩ ai thêm nhớ, nhớ ai thêm buồn !!!
Bụi hồng mờ-mịt kiền-khôn,
Thanh cao họa cỡi tám-hồn biết nhau.
Nhớ ai, ai những dấu dấu ???



Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHAI

TẤM GƯƠNG CHI-SĨ

Truyện bốn danh-nhân:
Phan-Bội-Châu, Phan-Châu-Trình,
Nguyễn-Đình-Chiều, Nguyễn-thời-Học,
nhân buổi họp Miếu-Đoàn nói về «Gương
Chi-sĩ»

Khêu tỏ ngọn bạch lập,
Chúng ta hãy cùng nhau.
Gây lại đỉnh trầm nhạ,
Độc chí-sĩ thanh-cao.

★

Bến Ngự mờ mờ tỏ,
Pháng-phát mảnh hồn bay.
Sào-Nam chim Việt đở,
Vạn thuở vẫn đáng cay.

Pho vong-quốc không mờ,
Lời thiết-thạch còn tro:
«Bát canh hòa lẫn máu,
Đáng trời thấu lòng cho».

★

Chói lóa sao Hi-Mã,
Cỏ cây còn bi-thương.
Lăn-lóc cùng chí cả,
Khi lia xa cố-hương.

Tình yêu thấm đất nước,
Thân phó mặc mắt còn.

«Và trời khi lữ bước,
Gian-nau là sự con».

★

Mù tit cả đôi mắt,
Ai vẫn gìn thanh-tao.
Giúp Trương-Công kẻ-sách,
Danh Đờ-Chiêu mưu thao.

Nước trong rìa ruột sạch,
Cầu danh-lợi chi sòn.
«Nước chung rày đã mất,
Đất riêng có sao đành!»

★

Yên-Báy mịt sát khi,
Người Lâm-Thao hận tràn.
Cùng bao nhiêu đồng-chí,
Tiếng tung-hỏ còn vang.
«Tranh đấu sắt cùng máu,
Không thành-công, thành nhân».
Mạnh-mẽ lời tuyên-cáo,
Ngặt-ngặt khí nhân-dân.

★

Ôi! anh-hùng chí-sĩ,
Ôi! sự-nghiệp hùng-vĩ.
Đáng để muôn đời sau,
Trên sử xanh tịch-lũy.
Ôi! biết bao là kẻ,
Quyết non sông tổ vơ.
Há phải một vài người,
Gương hy-sinh vô kể.

Tôi cúi đầu chung hết,
Trước muốn hồn kẻ chết,
Vì chúng-loại, đáng lên :
Lòng kính yêu bất-diệt.

Bút-trạch NGUYỄN-VĂN-HAU

ĐÀ-LẠT HỮU CẢM

Cõi tục mà ra có cảnh tiên,
Đâu bằng Đà-lạt chốn cao-nguyên.
Lâu dài đất thượng chừng bao nóc ?
Hoa cỏ trời xuân chiếm một miền.
Nắng tựa ngày đông không phải nón,
Đêm dù tháng hạ vẫn cần chiên.
Ai ơi ! trí-sĩ vui từng cúc,
Đây cũng thanh-sơn, cũng bặc-tuyền.

HỌA BẠI THƠ TRÊN

Cho hay Đà-lạt cảnh thần tiên,
Gồm cả đào-nguyên lẫn lý-nguyên (1).
Tị-loạn (2) xưa nay từng mấy lớp,
Thừa-lượng mưa gió khác bao miền.
Chứa xuân hoa đã đưa chào khách,
Giữa hạ ta nào có bỏ chiên,
Hồ hỡi ! có chi than thở mãi ?
Thông reo, thác rạo, thú lâm-tuyền.

THÙY-THIÊN

(1) Lý-nguyên tức là « trại hằm » nơi trồng toàn cây mận, ở hai bên bờ dòng nước.

(2) Xưa nay mỗi khi có loạn, những người giàu có ở Sài-gon cùng các tỉnh thường lên tạm trú trên Đà-lạt.

MỸ-NƯỞNG TRƯƠNG-CHI

HỒNG-THIÊN nữ-sĩ

Những đêm thanh vắng, thoảng nghe tiếng hát ru em từ xa đưa lại, trầm bổng, du-duơng như những câu :

Cô Mỹ-Nương vốn ở lầu tây,
Con quan Thừa-Tướng ngày rày cô lại cầm cung.
Anh Trương-Chi dò chờ bên sông,
Giò đưa tiếng hát tới phòng cô Mỹ-Nương.
Cô Mỹ-Nương hồ nghe tiếng hát thì thương,
Hồ trông thấy mặt anh chàng thì cô lại chê...

ta có thể tưởng-tượng thấy một giai-nhân đài-các phong-lưu, quen sống nơi lầu son gác tía với một tâm-hồn uỷ-mị, đa-cảm, đa-sầu, tuổi xuân của cô ví như đóa hoa hàm-tiểu, đang chờ đợi chúa xuân tô hương điểm nhị, tấm lòng trong trắng ngày-thơ đang rung động với nhựa sống cuộc đời, thì từ đâu đem lại cho cô những điệu nhạc êm-ái say sưa, làm cho cô phải mê-mệt nhớ nhung, đến khi gặp được Trương-Chi cô lại chê xấu, cho đến nỗi Trương-Chi phải uất-hận tương-tư mà chết ; chết mà khối tình u-uất không tan, phải chờ những giọt nước mắt thương đau của Mỹ-Nương mới tiêu-tan được.

Đến đây, chẳng ai khỏi ngậm-ngùi xót thương cho người tình chung bạc mệnh, mà oán thay trẻ tạo khắt-khe, đã sinh ra một con người tài-hoa nghệ-sĩ ; có trái tim trong như ngọc, trắng như ngà, lại ẩn trong một thân hình xấu-xí, th những kẻ phàm-phu tục-tử quen sống với những phù-hoa lộng-lẫy, làm sao hiểu thấu được những tâm hồn thanh-cao ấy.

Xét kỹ thì từ xưa tới nay, lan thom thường ở nơi thâm-sơn cùng cốc, ngọc quý thường ở đồng than, những bậc anh-hùng tài giỏi thường ở lầu tranh, áo vải cũng như chàng Trương-Chi đây. Đời chỉ là cuộc đua chen thử thách, nếu Trương-Chi và Mỹ-Nương được xứng duyên đẹp lứa, thì ngày nay đâu có câu truyện lý-ký bi-đát và một tình chung-thủy lưu mãi nghìn thu.

MỸ-NƯỞNG TRƯƠNG-CHI

Đêm thu bóng nguyệt tròn xoay,
Sương thu hiu hắt liễu bay ngang mảnh.
Lầu thơ vắng vẻ đêm thanh,

Bong ai tha thướt bên cành phù-dung.
Làn môi như đặt chỉ hồng,
Mắt trong trong suốt như dòng nước thu.
Tóc huyền buông tỏa phát phơ,
Sắc đào hoa cũng nhường thua vẻ người.
Sen vàng khi dạo hiên mai,
Khi buồn thương cúc, khi vui dạo đàn.
Cầm-thị riêng thú thanh-nhân,
Xa trông mây nước trắng vàng nhuộm sóng.
Thuyền ai thấp-thoảng cánh buồm,
Gió đưa tiếng hát nẻo-nùng về đầu.
Tiếng sao trong suốt đoành châu,
Nhẹ như gió thoảng qua lầu mỹ-nhân.
Cao như tận đỉnh hải-vân,
Mau như thác đổ ầm ầm đầu non.
Tiếng cang đồng-vọng véo-von,
Ru lòng trinh-nữ đắm hẳn tỉnh say.
Vân-vơ sầu muộn đêm ngày,
Lược gương biếng chải, héo gầy mặt hoa.
Tơ vò đôi-đoạn xốt-xa,
Nhớ ai, ai biết, ai mà hỏi ai ?
Phòng khê cửa đóng then cài,
Đêm đêm mơ tưởng bóng người Ngự-Lang.
Thân mai ngày một vơ-vàng,
Mẹ chạ xem thấy lòng càng chẳng yên.
Nhà quan Tề-Tướng uy-nghiêm,
Danh-sư chẳng thiếu bạc tiền kẻ chi.
Bệnh sao thay đổi lạ kỳ,
Nói xàm con tỉnh con mê bàng hoàng.
Phu-nhân thấy sự khác thường,
Tỉ-tê mới hỏi tỏ tường đầu đuôi.
Truyền quân đạo khắp mọi nơi,
Tìm ra tiếng hát bóng người năm qua.

(Còn tiếp)

HỒNG-THIÊN nữ-sĩ

TRUNG-THU VỌNG-NGUYỆT

Vàng-vặc trăng thu chiếu giữa trời.
Trăng tròn chỉ có một rằm thôi.
Chinh-phu du-tử tình lai-láng, (1)
Mặc-khách tao-nhân bút vẽ-vời.
Cung Quảng huy-hoàng soi xuống khắp,
Trần-gian ước-vọng nhắc lên chơi.
Xuân-thu hỏi nguyệt chùng bao trái,
Mà tám gương trong vẫn sáng ngời.

ĐÀO-THỊ VĂN-KHANH

CHƠI QUÊ

Ai có về quê chơi với ta ?
Đây riêng phong thổ nước non nhà.
Xóm tre người họp, đồng phiên chợ,
Đường đất trâu đi, lổm ỏ gà.
Thóc giãi nông sân, vàng thặng nắng,
Bim leo cọc giậu, tím buồng hoa.
Có về, mới biết quê là thú,
Muốn dứt tình đi, dứt khó ra !

ĐÔNG-XUYÊN

(1) Hoặc xin đổi là :

«Chinh-phu du-tử lòng tha-thiết» (T.T.K.)

CÁNH ĐỒNG

VŨ-ĐỨC-TRINH

Cánh đồng đất ải mênh mang,
Chờ mong nước tới đổi sang đất màu,
Rộng kho nhớ kẻ đan gầu ;
Những người xếp ải có cầu Trời mưa ?

Cánh đồng mạ rất xanh tươi
Được ai chăm sóc gấp mười đồng không.
Sau này lúa tốt giỗ bông ;
Nhờ Trời, lúa chín trả công ai làm.

Hương đồng bát ngát, thơm tho,
Quần theo sóng lúa nhỏ to, chòn vòn.
Đón chào sương kép, mưa đơn,
Cánh đồng lúa giỗ mang ơn phúc Trời.

Cánh đồng lúa chín lên hương ;
Gió chiều thổi mát, vấn vương nhẹ nhàng.
Lòng Trời mở rộng thênh thang ;
Biết dân nghĩ đến mùa màng, Trời vui.

THE RICE PADDY

By VŨ-ĐỨC-TRINH

The immense field of brittle clods¹
Expects the water to come and change them into fertile soil.
A dry rice field remembers the one who plaits bamboo scoops².
Do the men who set clods to be dried up pray Heaven to rain?

A field of very green and fresh rice seedlings
Is taken care of by someone tenfold more than a bare field.
Later on luxuriant rice plants will flower ;
Thanks to Heaven, ripe ears will reward someone who worked.

The unconfined, fragrant scene of the field
Whirls round, following small and great waves of rice shoots, rambles,
Welcomes and greets double dew, simple rain.
The field of flowering rice plants carries Heaven's benefits and blessings.

The field of ripe rice ears exhales up its scent ;
The evening wind, blowing coolly, lightly entangles itself.
The Heart of Heaven is extensively opened ;
Knowing the people think about the harvest, Heaven is glad.

1. Brittle clods: Clods heaped on one another in high rows and left to be dried up.
2. Bambo scoops: Implements used by the farmers to carry water from a river or canal into a rice field in order to irrigate it.



LƯỢC-SỬ
CUỘC NAM-TIẾN
CỦA DÂN-TỘC
VIỆT-NAM

(Tiếp theo V.H.N.S. số 43)

TU-NGUYỄN

CUỘC NAM-TIẾN
VỀ ĐỜI HẬU-LÊ (1428-1527)

TUY rằng nhà Hồ lấy thêm được ít đất của Chiêm-Thành (Quảng-Nam và Quảng-Nghĩa), song chưa kịp tổ-chức hoàn-toàn sự cai-trị và cuộc di-dân, thì nhà Minh bên Tàu, đã mượn cớ «phù Trần diệt Hồ», đem quân tới xâm-lược nước ta (1413). Vua Chiêm là Ba-dịch. Lại nhân dịp đó chiếm lấy 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, và còn tiến sát đến biên-thủy Hoá-châu để cướp phá.

Sau khi nhà Hậu-Lê đánh đuổi quân Minh về Tàu (1428), nhà vua còn mãi lo việc nội-trị, chưa nghĩ đến việc binh Chiêm. Đến năm 1444-1445, vua Chiêm là Bi-Cai lại vào cướp phá Hoá-Châu. Vua Lê Nhân-tôn quyết-tâm diều-phạt, sai hai ông Lê-Phụ và Lê-Khả đem binh vào đánh thành Đồ-Bàn, bắt được vua Chiêm và cả hoàng-gia, cùng thu được rất nhiều voi, ngựa, khi-giới. Đối với vua Chiêm, vua Nhân-tôn đối-xử rất tử-tế, song bắt phải về ở đất Việt, cho lập vua Chiêm khác lên thay, nhưng không chiếm thêm đất đai.

Nước Chiêm-Thành chịu thần-phục nước ta vài chục năm, rồi đến năm Canh-thìn (1470), vua Chiêm là Trà-Toàn muốn bắt chước Chế-Bồng-Nga hồi xưa, một mặt cho người đi cầu-viện phả Minh bên Tàu, một mặt tự-xuất 10 vạn quân (kiếm đủ thủy bộ tượng mã) vào cướp phá Hoá-Châu. Vị tướng trấn-thủ ở đó là Phạm-văn-Hiền, liều bề không cảm-cụ nổi, phải giữ thế-thủ và đưa thư cáo-cấp về triều-đình. Được tin, vua Lê-Thánh-Tôn, một vị anh-quân bậc nhất đời Hậu-Lê, quyết chí giải-quyết dứt khoát việc binh Chiêm, nghĩa là làm cho nước Chiêm-Thành hiếu-chiến không thể quấy nhiễu nước Đại-Việt ta được nữa. Ngài quyết-định thân-chinh và mở rộng thêm đường nam-tiến. Ngài ra lệnh lựa chọn hoàng-đình từ 18 tuổi trở lên phải xung quân-ngũ và được cấp-tốc thao-luyện; đồng-thời lại cho xây gấp các kho lương-thực ở những miền gần đất Chiêm-Thành.

Để phòng yêr mặt bắc, vua Thánh-Tôn cho sứ sang Tàu báo trước cho triều Minh rõ quyết-định binh Chiêm, mục-đích để chấm dứt sự quấy-nhiều của Trà-Toàn. Rồi ngài cử đại-binh hơn 20 vạn quân đi chinh-phạt Chiêm-Thành.

Ngài cử Thái-sư Đinh-Liệt và Thái-bảo Lê-Niệm đem 10 vạn quân tiên-phong đi trước, còn ngài tự đem đại-quân gồm 15 vạn người tiến theo sau.

Khi quân ta vào tới Thuận-Hóa, ngài cho đóng quân lại để luyện-tập và sai người lên sang vẽ bản-đồ Chiêm-Thành để biết rõ những nơi hiểm-yếu. Đồng thời, ngài lại tự-thảo một bản «*Binh-Chiêm sách*», lời văn rất đanh thép hùng-tráng, để báo-cáo cho tướng-sĩ quân-dân biết rõ lý-do cuộc nam-chinh. Sau ngài cho tiến quân đóng ở cửa Đại-Áp và cửa Tiểu-Áp (thuộc miền Quảng-Nam).

Trà-Toàn đem toàn-lực ra chống-cự, ra lệnh cho em đem 5000 quân cưỡi voi đánh úp quân Việt, còn đại-quân sẽ tấn-công sau. Lúc này, phần lớn quân Chiêm đóng ở phía bắc Quảng-Nghĩa. Vua Thánh-Tôn bèn cho thi-hành một chiến-lược rất lợi-hại, một sai tướng Lê-hy-Cát và Lê-Thế đem hơn 500 binh thuyền và 3 vạn quân vượt bể lên vào cửa Sa-Kỳ (Quảng-Nghĩa), xây đắp đồn lũy, cốt chặn đường về của địch-quân; đồng-thời lại ra lệnh cho tướng-quân Nguyễn-đức-Trung kéo ngầm binh-sĩ theo đường núi mà vào nội-địa nước Chiêm. Còn nhà vua tự đem hơn 1000 chiến thuyền và 7 vạn quân ra biển, trung cờ Thiên-tử, đóng trống tiến vào trận-địa. Địch-

quân thấy lực-lượng quân Việt hùng-dũng lạ thường, đâm hoảng-sợ, và vội rút chạy về Đò-Bàn. Khi quân Chiêm chạy tới núi Mạc-Nô (phía tây cửa Sa-Kỳ), thì vừa gặp quân của Lê-Hy-Cát xông ra chặn đường, đánh cho đại-bại. Quân địch đương bị đánh phá tới bờ, lại gặp đại-quân của vua Thánh-Tôn dồn tới, đánh ráo riết ở bến Thái-Cần (Quảng-nghĩa), nên bị đại-bại.

Trà-Toàn kinh hãi vô cùng vội cho sứ sang xin hàng; song le, thấy thái-độ của Trà-toàn vẫn mập-mờ xảo-trá, vua không nghe, kéo đại-quân tiến đánh lấy cửa Thị-Nại (Bình-định) vào ngày 27 tháng giêng năm Tân-mão (1471), rồi đến ngày 29, tới thành Đò-Bàn, xiết chặt vòng vây kinh-thành. Thành này bị hạ một cách dễ-dàng, 4 vạn quân Chiêm bị giết; 3 vạn quân bị bắt. Trà-Toàn và cả hoàng-gia cũng đều bị bắt, nhưng vua Thánh-Tôn căn-dẫn quân sĩ phải đối-đãi tử-tế với vua Chiêm và cho được làm nhà ở gần cung-điện mà ở.

Sau cuộc đại-thắng này, quân ta một phần đóng lại ở Chiêm-Thành, chứ không rút về như trước nữa. Biên-thùy của nước ta từ miền Thuận-Hóa được chuyển xa 700 cây số về phía nam, tới Đèo Cả (1), giữa Phú-Yên và Khánh-Hóa bây giờ. Đề ghi rõ biên-cương mới, vua Thánh-Tôn cho dựng tấm bia ở rặng núi gọi là Thạch-bi-sơn (thuộc phủ Tuy-Hòa, tỉnh Phú-Yên). Bia này đến giờ vẫn còn, nhưng rêu phủ đá mòn, không trông rõ chữ nữa.

Được tin Trà-Toàn bị bắt sống, một tướng Chiêm là Bồ-Tri-Tri chạy vào Phan-Lung (Phan-Rang), giữ được chừng một phần năm đất Chiêm cũ, tự xưng là Chiêm-Thành vương, sai sứ xưng thần và triều-cống nước ta. Vua Thánh-Tôn ưng-thuận vì có dụng-ý muốn làm cho nước Chiêm-Thành không còn đường quấy rối nước ta nữa, nhà vua chia một phần đất cho Bồ-Tri-Tri, còn bao nhiêu chia làm hai nước nhỏ là Nam-Phan và Hòa-Anh, trao cho Trà-Toại (em Trà-Toàn) và một thân-vương cai-trị đề ràng buộc lẫn nhau.

Riêng đất Đò-Bàn, Đại-Chiêm và Cồ-Lũy, vua Thánh-Tôn cho sáp-nhập vào bản-đồ nước Đại-Việt, đặt làm đạo Quảng-Nam. Nhà vua chia đạo này làm 3 phủ, 9 huyện, (2) sai lập các sở đồn-diên để cho dân nghèo

(1) Người Pháp quen gọi là Varella.

(2) Ba phủ chín huyện đó là:

a) Phủ Thăng-hoa thống 3 huyện: Lê-giang, Hy-giang, Hà đông,

b) Phủ Tư-nghĩa thống 3 huyện là: Nghĩa-giang, Bình-đương, Mộ-hoa (nay là Quảng-Nghĩa).

c) Phủ Hoài-Nhân thống 3 huyện: Bồng-sơn, Phù-Ly, Tuy-Viễn (nay Bình-Định).

miền Bắc vào khai-khẩn. Năm 1488, nhà vua sai Tham-Chính Quảng-Nam là Phạm-bá-Tôn chọn dân-đinh (từ 15 tuổi trở lên) xem aith ông-minh hiếu-học, cho làm sinh-đồ, rồi dạy cho học-hành và lễ-nghĩa.

Về đời Hậu-Lê, còn có dân xứ Lão-qua (Ai-Lao) và Bồn-man (Trần-ninh) ý-thể núi non hiểm-trở cũng hay quấy phá biên-cương. Vua Thánh-Tôn đã có lần phải thân-chinh hoặc sai tướng đi đánh dẹp và hàng-phục được họ. Sau cùng (1480), nhà vua phải tiêu-trừ xứ Bồn-Man, sáp-nhập vào nước Đại-Việt, đặt tên là phủ Trần-Ninh, chia làm 7 huyện và đặt quan lại ở đó để giám-trị.

Nói tóm lại, dưới triều Hậu-Lê, thanh-thế nước ta rất lừng-lẫy. Lớn như nước Tàu phải kiêng nể, nhỏ như các nước Chiêm-Thành, Lão-qua, Bồn-Man, Chân-Lạp, Tiêm-la, Diến-Điện đều phải kính sợ, hoặc cắt đất xin triều-cống, hoặc giao-hảo rất là thân-thiện.

CUỘC NAM-TIẾN VỀ ĐỜI NGUYỄN

A— CHỨA NGUYỄN LẬP THÊM BỐN TỈNH MIỀN NAM TRUNG-VIỆT

Nhà Hậu-Lê hưng-thịnh được ngót một trăm năm (1428-1504), rồi từ đầu thế-kỷ thứ XVI, bắt đầu suy-nhược. Trải qua nhiều cuộc biến-chuyển, nước ta chịu nổi thống-khổ về cuộc Nam-Bắc phân-tranh giữa hai dòng họ Nguyễn và Trịnh. Về sau, đất nước bị chia xẻ làm hai, lấy sông Gianh (1) làm giới-hạn (1672): miền Bắc về tay chúa Trịnh và miền Nam về tay chúa Nguyễn. Riêng ở miền Nam, chúa Nguyễn, ngoài việc phủ Lê diệt Trịnh, vẫn tìm cơ-hội thuận-tiện để mở rộng đường Nam-tiến cho dân.

Đầu tiên, Nguyễn-Hoàng được Trịnh-Kiểm cử vào trấn-thủ đất Thuận-Hóa (1558) và sau lại kiêm-lĩnh trấn-thủ cả đất Quảng-Nam (1570). Muốn mở rộng thêm bờ cõi, chúa Nguyễn-Hoàng cử ông Lương-văn-Chánh làm Trấn-biên quan, tìm cách đẩy lui quân Chiêm-Thành và chiêu-mộ lương-dân đến di-cư ở Phú-Yên.

Năm Tân-hợi (1611), vì quân Chiêm mưu-phản, chúa Nguyễn cử viên chủ-sự Văn-Phong đi đánh dẹp, lấy đất lập ra phủ Phú-Yên, chia ra làm hai huyện Đồng-Xuân và Tuy-Hòa, sau giao cho Văn-Phong lưu-thủ tại đó.

Đến năm Kỷ-tị (1629), về đời chúa Sãi Nguyễn-phúc-Nguyên, Văn-Phong cùng với quân Chiêm làm phản, chúa Sãi bèn sai Phò-Mã tức Phó-

(1) Sông Gianh hay là Linh-Giang (Linh Thủy) thuộc tỉnh Quảng-Bình

tướng Nguyễn-phúc-Vinh đem quân đánh dẹp. Nguyễn-phúc-Vinh sau được chúa Nguyễn trọng-dụng, giao-phó cho việc lập đồn-lũy, tổ-chức dinh Trấn-Biên (sau đổi là dinh Phú-Yên). Khi trấn-thủ ở đó, ông nhờ bà vợ chính-thất, tức công-chúa Ngọc-Liên (con gái lớn của chúa Sãi) giúp sức rất đắc-lực trong việc xây-dựng và mở-mang đất-đai.

Năm Quý-tị (1653), vua Chiêm là Bà-Thấm đem quân vào quấy nhiễu đất Phú-Yên, chúa Hiền là Nguyễn-phúc-Tần bèn sai viên Cai-Cơ Hùng-Lộc sang đánh dẹp. Yếu thế, Bà-Thấm phải dâng thư xin hàng. Chúa Nguyễn bèn phân-dịnh để từ sông Phan-Lang trở vào cho vua Chiêm cai-trị; còn từ sông đó trở ra đặt làm phủ Diên-Khánh (tức Khánh-Hòa ngày nay).

Năm 1693, vua Chiêm là Bà-Tranh lại không chịu tiến cống. Chúa Nguyễn-phúc-Chu bèn sai Nguyễn-hữu-Kính đem quân vào cảnh-giác vua Chiêm, đổi đất Chiêm-Thành làm Thuần-phủ, phong cho thần-tử của vua Chiêm là Tả-trà-Viên và Kế-bà-Tử giữ chức Khâm-Lý và cho 3 con của Bà-Ấn (thần-thuộc với vua Chiêm) làm Đề-đốc, Đề-lĩnh và Cai-phủ tại đó. Chúa Nguyễn lại khuyến bọn họ vận y-phục theo kiểu người Nam và cho về phủ-dụ dân Chiêm.

Đến năm 1697, chúa Nguyễn lấy thêm đất Phan-Lý (Phan-Ri) và Phan-lang (Phan-Rang), đổi làm hai huyện Yên-Phúc và Hoà-Đa, rồi đặt doanh Bình-thuận để trấn-thủ.

Từ đó Chiêm-Thành sáp-nhập hẳn vào nước ta. Dân Chiêm còn sót lại ở Bình-Thuận dần dần đồng hóa theo người Việt-Nam.

Như vậy, chúa Nguyễn đã lập được 4 tỉnh Phú-Yên, Khánh-Hòa Ninh-Thuận (Phan-Rang) và Bình-Thuận ngày nay, và bước nam-tiến của dân ta đã đi hết miền Trung-Việt, giáp tới miền Nam-Việt (tức đất Thủy-Chân-Lạp ngày xưa).

B — CHÚA NGUYỄN MỞ ĐẤT NAM-VIỆT VÀ ĐẤT CHÂN-LẠP

CHÚA Nguyễn sau khi đã kiểm-tính được hết lãnh-thổ nước Chiêm-Thành, bèn tính đến việc mở rộng bờ cõi về phía nước Chân-Lạp. Nước Chân-Lạp (tức là Cao-Miên ngày nay) nguyên là thuộc-quốc của nước Phù-Nam khi xưa, ở vào miền trung-lưu sông Cửu-Lông, có lắm sông ngòi và nhiều ruộng đất phi nhiều. Còn nước ta hồi đó, dân tình đói khổ luôn vì ruộng đất ít và hay mất mùa, lại còn khổ vì Nam-Bắc chiến-tranh nữa.

Dù đã di-cư ở trên toàn cõi Trung-Việt, đường mưu-sinh vẫn thấy eo hẹp thiếu thốn, nên dân ta nhiều người bỏ xứ mà đi, rủ nhau vào Nam

khai-khẩn ruộng nương, mỗi khi gặp cơ hội thuận-tiện. Cơ-hội này đã tới vào năm 1620, khi vua Chân-Lạp là Chei Chetta II xin cưới con gái thứ Chúa Sãi Nguyễn-phúc-Nguyên là Công-chúa Ngọc-Vạn về lập làm hoàng-hậu nước Chân-Lạp. Hai bên giao-hiểu với nhau rất thân-thiện. Vua Chei Chetta II rất quý nể công-chúa Ngọc-Vạn, và theo lời thỉnh cầu tha-thiết của công-chúa vào năm 1623, vua ưng thuận để người Việt-Nam thành-lập một doanh-diền đầu tiên tại Nam-Việt, ở Mối-Xui, tức Mô-Xoài, gần Bà-Rịa ngày nay.

Sau khi vua Chei Chetta II mất, trong nước sinh ra nội-biến vì có sự tranh-chấp ngôi vua. Theo lời cầu-cứu của triều-dinh Chân-Lạp, chúa Hiền Nguyễn-phúc-Tần (1648-1687) can-thiệp, đem quân sang giúp để tái-lập trật-tự và an-ninh. Vị bạo-chúa Chân-Lạp là Nặc-ông-Chân (1642-1659) bị bắt năm 1658, sau lại được trả tự do ngay, nhận xin triều-cống và thuận nhường Biên-Hóa cho nước ta.

Năm 1674, nước Chân-Lạp lại có nội loạn. Có người Nặc-ông-Đài đi cầu-viện nước Tiêm-La (tức là Thái-Lan ngày nay) để đánh nhà vua là Nặc-ông-Non, chúa Hiền đem binh sang cứu-viện, dẹp xong được nội-biến, phong cho Nặc-ông-Thu thuộc về giòng chính làm Chfnh-quốc-vương đóng-đó ở Long-Úc (Oudong), nhưng bắt phải nhường Thủy-Chân-Lạp (tức Nam-Việt ngày nay) cho Nặc-ông-Non đóng-đó ở Sài-Còn (Sài-gòn). Từ đó, hằng năm Ông-Thu và Ông-Non xin triều-cống nước ta.

Năm 1679, có bọn người Minh, là Dương-ngạn-Địch và Hoàng-Tiến không thần-phục nhà Thanh, từ Trung-quốc đem 300 người và 50 chiếc thuyền sang ta, xin làm tôi chúa Nguyễn. Chúa Hiền vì muốn khai-khẩn đất Chân-Lạp, nên cho bọn họ vào làm ăn ở đất Đông-Phổ (Gia-Định) Lộc-Dã (Biên-Hóa), Mỹ-Thọ (Định-Tương). Về sau, các người Tây-Phương, người Nhật-Bản, người Chà-Và tới đó buôn bán đông lắm.

Năm 1698, Nặc-ông-Non mất. Chúa Nguyễn bèn đặt kinh-lược ở Thủy-Chân-Lạp, sai Nguyễn-hữu-Kính (1) làm Kinh-lược tại đó, chia đất Đông-Phổ ra làm doanh, huyện, lấy xứ Đông-Nãi đặt làm huyện Phúc.

1) Ông Nguyễn hữu Kính tức Cảnh là con thứ hai của vị danh tướng Chương võ hầu Nguyễn hữu Dật, thuở nhỏ từng theo cha đi đánh giặc. Ông là một bậc tướng tài, thao lược hơn người. Khởi thủy, công việc mở mang đất Thủy Chân Lạp (Nam Việt) đều ở tay ông xếp đặt.

Long (nay là Biên-Hòa), và xứ Sài - Côn làm huyện Tân - Bình (nay là Gia-Định). Ông lập doanh Trấn-Biên (tức Biên-Hòa) và doanh Phiên-Trấn (tức Gia - Định) cùng đặt đồn canh giữ mọi nơi. Ông còn chiêu mộ những dân nghèo ở Trung-Việt vào, đặt thành xã thôn, cho khai-khẩn ruộng nương và lập ra sở đình-diền. Những người Tàu ngụ tại Trấn-Biên (Biên-Hòa) và tại Phiên-trấn (Gia - Định) lập thành xã Thanh-hà và xã Minh-hương. Họ đều thuộc sở bộ nước ta.

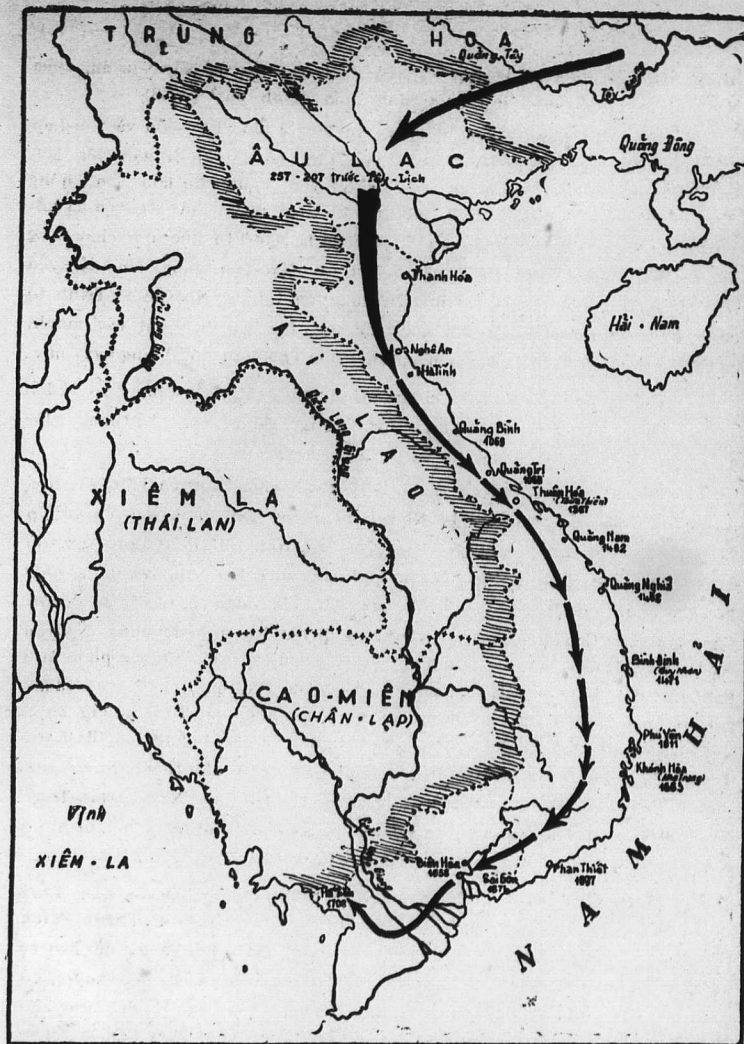
Hồi bấy giờ, một người khách Quảng-Đông là Mạc - Cửu không thần-phục nhà Thanh, cũng sang lập-nghiệp ở Chân-Lạp (1708). Mạc-Cửu chiêu-mộ lưu-dân, lập thành 7 xã-thôn, đặt tên là đất Hà-Tiên. Năm Giáp-ngọ (1714), Mạc-Cửu thấy thế nước ta mạnh, bèn dâng cả ruộng đất đã khai-khẩn xin thuộc về chúa Nguyễn và được phong chức Tổng-trấn Hà-Tiên. Khi Mạc-Cửu mất, con là Mạc-Thiên-Tử lên thay và tiếp-tục công cuộc mở mang đất Hà-tiên.

Năm 1699, vua Chân-Lạp là Nặc-Ông-Thu dấy binh chống nước ta, nhưng sau cũng bị thua, lại xin hàng và theo lệ triều cống như cũ.

Năm 1705, Chân-lạp có nội-loạn. Nặc-Ông-Thâm (con Nặc-Ông-Thu) cùng em rề là Nặc-Ông-Yêm tranh-chấp ngôi vua và khởi binh đánh nhau. Ông-Thâm viện quân Xiêm-La (tức Thái-Lan) về giúp mình, còn Ông-Yêm sang cầu-cứu chúa Nguyễn ở Gia-Định. Rút cục, Ông-Thâm bị thua còn Ông-Yêm nhờ chúa Nguyễn giúp sức đánh tan được quân Xiêm-La, và được lập làm vua nước Chân-Lạp. Từ đó, Ông-Thâm nương náu ở Xiêm-La, thỉnh thoảng lại đem quân về đánh Ông-Yêm.

Năm 1736, Ông-Yêm mất; con là Nặc-Ông-Tha lên kế-vị. Mười hai năm sau (1747), Ông-Thâm ở Xiêm-La lại cử binh về đánh đuổi Ông-Tha và chiếm ngôi vua. Ông-Tha phải chạy trốn sang Gia-Định. Được ít lâu, Ông-Thâm mất, các con bèn tranh ngôi vua và khởi loạn. Nhân dịp này, chúa Nguyễn (Võ-Vương) đem quân đánh giúp cho Ông-Tha về nước làm vua. Mấy tháng sau, Ông-Tha lại bị con thứ hai của Ông-Thâm là Nặc-Nguyên đem binh Xiêm-La về đánh đuổi. Một lần nữa, Ông-Tha lại phải chạy sang Gia-Định rồi mất.

Nặc-Nguyên làm vua Chân-Lạp, bèn thông sứ với Chúa Trịnh ở



Bản đồ Cuộc Nam-Tiến của dân-tộc Việt-Nam qua các thời-đại
VĂN-HÓA — SỐ 44

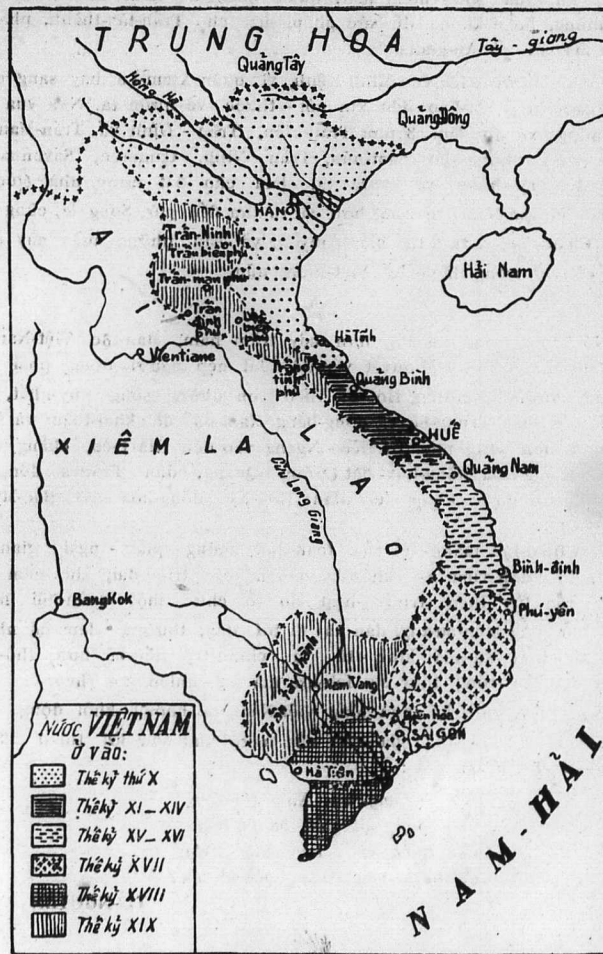
Bắc Hà, và lập mưu đánh chúa Nguyễn. Biết dã-tâm của Nặc-Nguyên, chúa Nguyễn sai Nguyễn-cư-Trình đem binh sang chinh phạt (1753).

Năm 1755, Nặc-Nguyên bị thua, xin dâng 2 phủ Tầm-Bôn và Lôi-Lạp để chuộc tội. Năm 1759, Nặc-Nguyên mất. Chủ họ là Nặc-Nhuận lên làm giám-quốc, cử người sang xin chúa Nguyễn phong cho làm vua, không may lại bị con rể là Nặc-Hình giết đi và cướp ngôi. Chúa Nguyễn là Võ-Vương lại đem binh giúp cho con Nặc-Nhuận là Nặc-Tôn (lúc đó chạy sang ở nhờ Mạc-Thiên-Tử tại Hà Tiên). Để tạ ơn Nặc-Tôn dâng chúa Nguyễn đất Tầm-phong-long. Chúa sai ông Trương-phúc-Du và Nguyễn-cư-Trình tổ chức việc cai-trị miền đó. Nhân cơ-hội này, hai ông bèn đặt các doanh, các đạo ở các tỉnh Vĩnh-Long, Sa-đéc, Châu Đốc, Trà-Vinh, Sóc-Trang ngày nay.

Thế là các chúa Nguyễn đã thôn tính xong đất Thủy-Chân-Lạp và lập ra sáu tỉnh Biên-Hòa, Gia-Định, Định-Tường, Vĩnh-Long, An-Giang, Hà-Tiên, ăn vào toàn-cảnh đất Nam-Việt ngày nay.

Về sau, khi Võ-Vương mất (1765), vận chúa Nguyễn bắt đầu suy. Anh em Tây-Sơn dấy binh ở Qui-Nhơn, đê chống với chúa Nguyễn và lập ra nhà Nguyễn Tây-Sơn (1788-1802). Nguyễn-Vương Nguyễn-Phúc-Ánh tìm cách khôi-phục đất nước, diệt-tan quân-đội nhà Tây-Sơn, và thống-nhất lại giang-sơn (1802), rồi lên ngôi vua, đặt niên-hiệu là Gia-Long. Nước Chân-lạp (tức Cao-Miêu), trước vẫn chịu quyền bảo-hộ của chúa Nguyễn như trên đã nói), sau lại thần-phục nước Xiêm-La., khi Nguyễn-phúc-Ánh thất-thủ đất Gia-Định (1782); nhưng đến năm Đinh-mão (1807), vua Chân-lạp là Nặc-ông-Chân (con Nặc-ông-Ấn và cháu nội Nặc-Tôn) không chịu quyền bảo-hộ của Xiêm-La nữa, xin thần phục và triều-cống vua Gia-Long. Theo sớ tâu của Tả-quân Lê-văn-Dnyệt, nhà vua cho xây thành Nam-Vang. Phnom-Penh) và thành La-Lêm (Lovea Em), rồi sai Nguyễn-văn-Thụy đem 1.000 quân ở lại bảo-hộ nước Chân-Lạp, giữ cho nước này khỏi bị nước Xiêm-La súi-giục những người phản-đối vua Chân-Lạp gây nội-loạn.

Dưới triều vua Minh-Mệnh (1820-1840), quân Xiêm-La vẫn sang quấy nhiễu nước Chân-Lạp. Nhà vua lại sai tướng-quân Trương-Minh Giảng và tham-tán Lê-Đại-Cương lập đồn ở gần Nam-Vang để bảo-vệ an-ninh cho nước đó. Năm Giáp-ngọ (1831), Nặc-Ông-Chân mất không có con trai. Theo lời tâu của Trương-minh-Giảng, vua Minh-Mệnh ưng cho lập người con gái của Ông-Chân là Ang-Mey làm quận chúa (gọi là Ngọc-Vân công-chúa), đổi nước Chân-Lạp làm Trấn-Tây-thành chia ra làm 32



Bản đồ Nước Việt-Nam qua các thời-đại

phủ và 2 huyện, bỏ quan văn võ để coi mọi việc quân dân. Nhưng về sau đến khi vua Minh-Mệnh mất, quan quân ta, hoặc làm nhiều việc tham nhũng, hoặc không đủ sức phòng-ngự cho Trấn-tây-thành, phải bỏ đất này mà rút về An-giang.

Cũng dưới triều vua Minh-Mệnh, vì quân Xiêm-La hay sang quấy nhiễu, các xứ ở Ai-Lao đều xin nội - thuộc về nước ta. Nhà vua bèn chia những xứ đó làm 3 phủ Trấn-Biên, Trấn - Định và Trấn-Man. Vì thế, đại khái những đất Sầm-nưa, Trấn - Ninh, Cammon, Savannakhet bây giờ đều nội-thuộc về nước ta, làm cho đất nước nhà (lúc đó quốc-hiệu là Đại-Nam) to rộng hơn cả từ xưa đến giờ. Song le, cũng gần như ở Chân-Lạp, vì thời-thế biến-chuyển, về sau những miền này cũng không còn ở trong lãnh-thổ Việt-Nam nữa.



Nói tóm, trong khoảng hơn bảy trăm năm, dân-tộc Việt-Nam, vì lý-do sinh-tồn, muốn giải-quyết vấn-đề đất hẹp người đông phải dần bước trên đường nam-tiến. Họ đã theo con đường sống duy-nhất, men theo giải bờ biển Trung-bộ và đồng-bằng Nam-bộ để khai-thác và Việt hóa những non sông mới từ Đèo - Ngang vào đến Hà-Tiên, chẳng khác gì « dân Trung-Hoa đồng-hóa đất Lưỡng - Quảng, dân Frances đồng-hóa người Gaulois ở nước Pháp, hay dân Hoa-Kỳ đồng-hóa đất Bắc-Mỹ ở Tân thế-giới ».

Do tiềm-lực mãnh-liệt của toàn-dân không quân - ngại gian-nan khó nhọc, do chính-sách rất khôn-khéo của các triều-đại, khi mềm dẻo thì cứng rắn tùy theo trường-hợp, do tổ-chức một quân-đội hùng-mạnh để mở rộng biên-cương, dân ta đi tới đâu, thường đem lại những tổ-chức xã - hội, văn-hóa kinh - tế và chính-trị tiến-bộ hơn thổ-dân, khiến họ lần lần trông thấy sự ích-lợi mà tự - nhiên noi theo.

Ngày nay, nhìn lại non sông Việt-Nam, ta không khỏi động lòng nhớ đến công-phu khai-thác gian-nan của người xưa như lời thi-sĩ Trúc Khê Ngô-văn-Triệu đã nói :

*Bắc từ Lạng-Sơn, Nam Hà-Tiên,
Non sông một giải, ba kỳ liền.
Con Hồng cháu Lạc cùng cu-tụ,
Con cháu còn chăng nhớ tổ-tiên?*

TU-NGUYỄN



CUỘC NAM-TIẾN CỦA DÂN-TỘC VIỆT-NAM HAY SỰ THÀNH-LẬP ĐẤT NƯỚC VIỆT-NAM QUA CÁC THỜI-ĐẠI

(2879 trước Tây-lịch đến 1860)

| Niên-kỷ và triều-đại | Những lãnh-thổ hoặc thêm hoặc mất qua các thời-đại |
|--|--|
| Từ thế - kỷ thứ XXIX đến thế-kỷ thứ III trước Tây-lịch. (Đời Hồng-Bàng) | Bắc-Việt ngày nay (không kể vùng Cao-Bằng) + Miền Bắc Trung - Việt ngày nay (Thanh-Hóa, Nghệ-An, Hà-Tĩnh), |
| Về thế-kỷ thứ III trước Tây-lịch. (Đời nhà Thục) | Bắc-Việt ngày nay, gồm cả vùng Cao-Bằng (đất của nhà Thục) + Miền Bắc Trung-Việt ngày nay. |
| Từ thế-kỷ thứ III đến thế-kỷ thứ II trước Tây-lịch. (Đời nhà Triệu) | Bắc-Việt ngày nay + Miền Bắc Trung-Việt ngày nay + Nam-Hải và Quế-Lam (Quảng-Đông và Quảng-Tây ngày nay). |
| Từ thế-kỷ thứ II trước Tây-lịch đến thế-kỷ thứ III sau Tây-lịch. (Thời Bắc-thuộc) | Giao Chi (châu-thổ Bắc-Việt) + Cửu-Chân (Thanh-Hóa) + Nhật-Nam (Nghệ-An và Hà-Tĩnh). |
| Từ thế-kỷ thứ III đến thế-kỷ thứ XI (Thời Bắc thuộc và dưới triều Đinh, Lê, Lý) | Bắc-Việt ngày nay + Miền Bắc Trung-Việt ngày nay. |

| | |
|--|--|
| Niên.kỷ và thời-đại | Những lãnh-thổ hoặc thêm hoặc mất qua các thời-đại |
| Về thế-kỷ thứ XI (Đời nhà Lý) | Bắc-Việt ngày nay + Miền Bắc Trung-Việt ngày nay + Quảng-Bình và Quảng-Trị (do Lý-thường-Kiệt đã chiếm cứ 3 châu của Chiêm-thành năm 1069). |
| Về thế-kỷ thứ XIV (Đời nhà Trần) | Bắc-Việt ngày nay + Miền Bắc Trung-Việt ngày nay + Quảng-Bình và Quảng-Trị + Thuận-Hóa (do vua Chăm đem 2 châu dâng vua Trần Anh-tôn năm 1307). |
| Về thế-kỷ thứ XV (Đời nhà Hồ và nhà Hậu-Lê). | Bắc-Việt ngày nay + Miền Bắc Trung-Việt ngày nay + Quảng-Bình và Quảng-Trị + Thuận-Hóa + Quảng-Nam và Quảng-Nghĩa (do Hồ-quý-Ly chiếm cứ năm 1402) + Bình-Định (do Lê-Thánh-Tôn chiếm-cứ năm 1470). |
| Về thế-kỷ thứ XVII và thứ XVIII (Thời các chúa Nguyễn) | Bắc-Việt ngày nay + Miền Bắc Trung-Việt + Quảng-Bình và Quảng-Trị + Thuận-Hóa + Quảng-Nam và Quảng-Nghĩa + Bình-Định + Phú-Yên (1611) + Khánh-Hòa (1653) + Ninh-Thuận và Bình-Thuận (1697) + Lãnh-thổ Thủy-Chân-Lạp (tức Lạc-tĩnh tại Nam-Việt) : Biên-Hòa (1658), Sắt-gòn (1674), Hà-Tiên (1708)... |
| Về tiền-bán thế-kỷ thứ XIX (Đời Nguyễn-sơ) | Bắc-Việt, Trung-Việt và Nam-Việt ngày nay + Trấn-Tây-Thành (tức Cao-Miên, đất bảo-hộ lập vào năm 1834) + Sầm-Nửa, Trấn-Ninh, Cam-mon và Savannakhét (đất của Ai-lao) nội-thuộc nước ta dưới triều vua Minh-Mệnh (1820-1840). |
| Về hậu-bán thế-kỷ thứ XIX (Đời nhà Nguyễn vào năm 1860) | Bắc-Việt, Trung-Việt và Nam-Việt ngày nay. |



LÃO-TỬ

ĐẠO-ĐỨC-KINH

QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

(Tiếp theo V.H.N.S. số 43)

NGHIÊM TOÀN dịch thuật

XLVI

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 常 | 得 | 足 | 禍 | 道 | 馬 | 天 | |
| 足 | 故 | 咎 | 莫 | 戎 | 以 | 下 | 四 |
| 矣 | 知 | 莫 | 大 | 馬 | 糞 | 有 | 十 |
| | 足 | 大 | 於 | 生 | 天 | 道 | 六 |
| | 之 | 於 | 不 | 於 | 下 | 卻 | 章 |
| | 足 | 欲 | 知 | 郊 | 無 | 走 | |

DỊCH ÂM

TỨ THẬP-LỤC CHƯƠNG

Thiên hạ hữu đạo, khước tẩu mã dĩ phần; thiên hạ vô đạo, nhung mã sinh ư giao. Họa mạc đại ư bất tri túc; cứu mạc đại ư dục đắc. Cổ tri túc chi túc, thường túc kỳ.

DỊCH NGHĨA

CHƯƠNG BỐN-MƯƠI SÁU.

Thiên hạ có đạo, thà ngựa chạy khỏe về để lòm ruộng; thiên hạ không có đạo, ngựa trận sinh ra ở cánh đồng ngoài châu thành.

Tại vạ lớn không gì bằng không biết đủ; lỗi lớn không gì bằng muốn được. Cho nên cái đủ «biết đủ» là hàng đủ vậy.

CHÚ GIẢI

Chữ và câu khác nhau tùy theo các bản:

Khước tẩu mã dĩ phần 卻走馬以糶: Bản Phó Dịch đổi chữ phần 糶 chép là chữ bá 播 (nghĩa là gieo ra, vung ra như bá chủng 播種: gieo hạt giống). Đời xưa, hai chữ dùng thông với nhau.

Trong bản của Chu Hy, Ngô Trùng, dưới chữ phần 糶 còn có chữ xa 車.

Nhung mã sinh ư giao 戎馬生於郊: Dưới câu này, trong các bản của Hà-thượng công và Phó Dịch đều có thêm câu: *Tội mạc đại ư khả dục* 罪莫大於可欲. La Chấn-Ngọc rằng: Bốn bản Cảnh-long, Ngự-chú, Đôn-hoàng, Cảnh-phúc đều có câu ấy. Nhưng xét ra nghĩa câu ấy không khỏi trùng với nghĩa câu: *Cứu mạc đại ư dục đắc* 咎莫大於欲得 ở sau.

Họa mạc đại ư bất tri túc, cứu mạc đại ư dục đắc 禍莫大於不知足咎莫大於欲得: hai chữ đại 大, bản Phó Dịch đổi ra chữ thâm 愔 (nghĩa như chữ thống 痛: 1° đau đớn; 2° đau xót; 3° quá lắm).

La Chấn-Ngọc rằng: Bản Đôn-hoàng chép là chữ thâm 愔.

Ngoài ra, các bản còn có nhiều câu, nhiều chữ khác nhau, song không quan-hệ đến ý nghĩa toàn chương, nên không cần chép đủ.

Khước 卻: (Thông với chữ 却, tục viết là 却; khác với chữ khích 卻. Bây giờ hai chữ dùng thông với nhau).

1° lui, lui về.

2° dừng lại.

3° từ chối không nhận; trả lại.

4° nghĩa như chữ khu 驅: ruồi ngựa (đánh ngựa chạy nhanh), tỷ dụ như trong câu: «*khước kỳ kỳ dĩ chuyên vận hề, dâng lư loa dĩ trì trực* 卻騏驎以轉運兮騰駿羸以馳逐: ruồi ngựa kỳ kỳ để chuyên chở chừ, cưỡi con lừa, con la để rong theo». — Sở-cử, Mãn-mệnh (theo Cao Hanh).

Tẩu mã 走馬: ngựa tốt; khỏe, chạy nhanh, có thể dùng để báo tin trong quân, hay dùng làm ngựa đua (ngựa chạy thi), ngựa trận.

Phần 糶: 1° vớt bỏ, trừ bỏ.

2° phân (về chất do hậu môn động vật bài tiết).

3° rắc phân, bón phân ở ruộng để bồi dưỡng cho cây lúa mới mọc.

4° làm ruộng; sửa soạn, cây bừa ruộng đất để trồng tía. Tỷ-dụ cả hai nghĩa 3° và 4° như trong câu: «*Hung niên phần kỳ điền nhi bất túc* 凶年糶其田而不足: năm mất mùa không đủ cái chi phí làm ruộng, bón ruộng» — Mạnh-tử: Đằng-Văn-Công, thiên trên, Chương III.

Nhung mã 戎馬: Tức là chiến mã 戎馬: ngựa trận, ngựa dùng về việc quân, ngựa dùng cỡi ra trận để đánh nhau.

Giao 郊 : đất ở ngoài ấp ; cõi đất ở ngoài thành.

Thiên hạ hữu đạo, khước tâu mã dĩ phản, thiên hạ vô đạo, nhưng mã sinh ư giao.

Thiên hạ có đạo nghĩa là người người tự biết đủ, tự biết dừng, không tham cầu cái ở bên ngoài mà chỉ lo sửa sang cái ở bên trong, vì thế cho nên ngựa khỏe mới thả, mới xua về để chăm lo việc bên phân làm ruộng.

Trái lại thiên hạ không có đạo nghĩa là người người đều ham muốn, mưu cầu không biết chán ; tâm hồn bên trong không hề nuôi, sửa ; chỉ lo đuổi theo cái bên ngoài như hình, sắc, danh, lợi, do vậy xảy ra tranh giành xung-đột mà ngựa chiến sinh nở đầy rẫy nơi đồng nội ngoài thành.

Hoặc cũng có thể hiểu là trong buổi thiên hạ có đạo, muôn dân đều hưởng thái bình, không rầy động can qua, ngựa khỏe không dùng vào việc binh mà đem dùng vào việc vun bón, cấy bừa ; trái lại lúc thiên hạ không có đạo là lúc đồng nội biến thành chiến địa. Vì những trận đánh nhau xảy ra liên tiếp, trong quân, ngựa đực đã hết phải dùng đến cả ngựa cái, cho nên mới bảo : ngựa trận sản sinh (1) ngoài nội. Chữ *nhung* 戎 cho ta thấy là vật dùng trong quân đội ; chữ *sinh* 生 cho ta thấy dùng ngựa cái là truyền thực ; chữ *giao* 郊 cho ta thấy tại hạ chiến tranh khốc-liệt vô cùng (Phỏng theo Cao Hanh).

Lại cũng có thể hiểu thêm : ông Vua có đạo ít dùng giáp binh ở bên ngoài, và ngăn cấm sự dâm dật kiêu xa ở bên trong, trên không chuộng việc đem ngựa rong ruổi chốn chiến trường, dưới dân không lấy ngựa chuyên chở những đồ vật mỹ lệ phù hoa, tất cả lực lượng dưới trên chỉ dồn vào một việc đồng áng và vun bón (theo lối cắt nghĩa đời cổ).

Quả vậy, lúc nước nhà có đạo, ít không có tranh chiến ; dân lại thuần lương cần kiệm, họ chăm chăm đem ngựa đua, ngựa trận lui về dùng vào việc nông tác ; ngược lại, lúc nước nhà không có đạo, ít binh liên hạ

(1) — Chữ *sinh* 生 đây ý nói : Ngựa cái đẻ con. *Nhung mã* 戎馬 là chủ từ, *sinh* 生 là động từ. Tuy không có bổ túc từ trực tiếp, nhưng Cao Hanh đã giải thích rằng ; *sinh* 生 là sản cầu 產物 nghĩa là đẻ ra ngựa non vừa mới lớn, mạnh.*

kết, người ta mong mỗi ngựa cái sinh ngựa non để dùng vào việc chiến trận, vì thế mới nói : ngựa trận sinh ở ngoài đồng.

Ở 1 ngoài đồng ngựa trận đẻ ngựa non, ấy là chứng có quân giặc đã đến chân thành, tại vậy mất nước hiện ra thực cấp bách và rõ rệt.

Họa 禍 : tai vạ ; hại ; thần không ban phúc ; việc có hại gọi là họa ; làm điều hại cho người, cho vật, cũng gọi là họa.

Cửu 咎 : 1°) xấu. — tai ương.
2°) lỗi.

Họa mạc đạt ư bất tri túc ; cửu mạc đạt ư dục đắc ; cố tri túc chi túc, thường túc hỹ.

Hỏi tại vạ diệt thân, tan nhà, mất nước bởi đâu mà tới ? chính do bởi : một là « không biết tự lấy làm đủ », vì không biết đủ nên mới muốn xâm lăng của kẻ khác ; hai là « muốn được », muốn được nên mới tham cầu không chán ; nhân vậy gây thành tai vạ, lỗi làm lớn cho nước, cho nhà và cho chính thân mình.

Về phương-diện này, trong việc trị quốc cũng như trong việc tu thân, phạm đã không biết tự đủ và muốn được nhiều, ắt càng được càng mong được thêm, trên giốc nhân dục không bến không bờ, làm sao tránh khỏi tai ương ; duy chỉ có cái đủ của người biết đủ mới thực là hằng đủ.

ĐẠI Ý KIỂM TÔNG BÌNH

Đại ý chương này thu lại trong hai chữ *Biết đủ*, nhân khởi đầu, bằng nhận xét : nước có đạo, đem lính làm dân ; nước vô đạo bắt dân làm lính ; rồi tiếp xuống cắt nghĩa bằng lý do : ham muốn thành yêu thích, yêu thích thành lấy được, lấy được thành có làm của riêng mà gây nên ghét ghen, xâu xé, chiến tranh tàn-sát, lỗi làm họa hại thâm-khốc vô cùng.

Đương thời Xuân-thu Chiến-quốc, cảnh tượng phân-bội, chém giết, tranh giành, bao nhiêu tai vạ binh đao liên nối không thôi, chẳng qua đều do bệnh « không biết tự đủ » của con người ; Lão-tử xúc cảm phát ra lời khuyên cáo thế nhân ; chân-lý : « không biết đủ nên vẫn lấy làm chưa đủ dẫu cho đã có đủ rồi » và « chỉ cái đủ của kẻ biết tự đủ mới là đủ đều, luôn », thực đã hiển nhiên và đáng cho ta suy nghĩ.



VẤN-ĐỀ CHỮ « QUỐC-NGŨ TRUNG-HOA »

HAY

VẤN-ĐỀ PHIÊN-ÂM HOA-NGŨ

CUỐI THẾ-KỶ XVI VÀ ĐẦU THẾ-KỶ XVII

(Tiếp theo V.H.N.S. số 43)

L.M. NGUYỄN-KHẮC-XUYÊN

Tại Phi-luật-tân, chúng ta cũng thấy ấn-hành những sách Hoa-ngữ. Có thể kê-khai vài ba cuốn, như bộ tự-điền Trung-hoa Y-pha-nho của Pedro, Dòng Tên, năm 1604; cuốn Ngữ-vựng Hoa-ngữ của Miguel de Benavides, Dòng Đa-minh, cũng vào thời-kỳ này; bộ tự-điền Hoa-ngữ theo mẫu-tự Y-pha-nho với các thanh riêng-biệt trong Hoa-ngữ (*Diccionario de la lengua chineho segun l'orden de l'alfabeto espanol y las intonadas chinehas*). Sau cùng, vào năm 1641, giáo-sĩ Semedo cho phát-hành hai bộ tự-điền Hoa-Bồ và Bồ-Hoa.



Chúng tôi không được tham-khảo tới những bộ sách trên kia, nhưng theo thiên ý chúng tôi, thì không thể bỏ qua không nói đến một công-việc căn-bản làm nền-tảng cho sự phiên-âm Hoa-ngữ.

Chúng ta được biết rằng, năm 1668, giáo-sĩ Valignano đã gửi về Rôma một tập nhỏ nhan-đề là « Đại-tây tự-mẫu ». Có lẽ tập này chỉ là tập đầu tiên dùng phương-pháp cổ-truyền của Trung-quốc để in chữ Âu-châu. Còn việc phân loại chữ Hán theo mẫu-tự latin, trước đã do các thừa-sai đầu tiên trên đất Tàu khởi xướng, nay đã được giáo-sĩ Trigault hoàn-tất.

Thật vậy, năm 1626, ngài đã cho phát-hành tại Hán-khẩu một bộ sách gồm ba quyển nhan-đề « Âm-vận kinh ». Đây không phải là cuốn tự-điền, cũng không hẳn là cuốn ngữ vựng, nhưng theo nhan-đề bộ sách, đây là quyển xếp đặt các âm-vận Hoa-ngữ theo mẫu-tự latin.

Toàn bộ âm-vận-kinh gồm 699 tờ giấy nhỏ, khổ 16x26. Dự-luận thời đó đã sôi nổi khi bộ sách ra đời. Công việc thật tỉ-mỉ, thực-hiện rất có phương-pháp và khoa-học. Ngay đến việc điều-khiển thợ khắc cũng đã là một việc vĩ-dại và đòi hỏi nhiều công-phu cũng như thời-giờ. Nếu chúng ta nhớ lại phương-pháp in thời xưa tại Trung-quốc, nghĩa là khắc trên tấm gỗ, thì ở đây không phải chỉ khắc chữ Hán mà thôi, nhưng còn phải khắc bên cạnh chữ nho những thứ chữ « mọi rợ » hay chữ Hán phiên-âm theo mẫu-tự latin. Phải cầm tới bộ sách này trong tay thì mới nhận thấy công-trình lớn lao. Pfister đã viết khi phê-bình bộ sách: « Khi tác-phẩm này ra đời, nho-gia Trung-quốc đã có một cảm-giác như cảm-giác sùng-sốt » (L. Pfister, *Notices biographiques et bibliographiques*, trong « Variétés sinologues, No 59 et 60 », t. I: tk. XVI và XVII; t. II: tk. XVIII, Shanghai, 1932). Hiện nay pho sách này còn giữ được trong Bảo-tàng-viện ARSI với số-hiệu Sin. II, 127.

Đề có một ý-niệm sơ-lược về cách-thức thành-lập các âm-vận, chúng tôi thử cắt nghĩa một vài trang trong bộ sách đó.

Tác-giả đã dùng 15 chữ đồng-âm mà tác-giả gọi là « đồng-minh tự-phụ 同鳴字父 ». Đó là những chữ sau đây: c, ch, k, p, t, j, v, f, g, l, m, n, s, x, h. Còn 5 nguyên-âm mà tác-giả gọi là « tự-minh nguyên-mẫu 自鳴元母 », đó là: a, e, i, o, u. Như vậy chỉ có 20 chữ trong mẫu-tự chứ không 24 hay 29. Người ta nhận thấy không có những chữ b, q, r, d và đ như trong mẫu-tự quốc-ngữ Việt-nam. Trái lại, có dùng hai chữ j và f.

Hơn nữa trong 15 đồng-âm, có mấy đồng-âm đọc theo hai lối hay hai giọng: có lẽ cứng và mềm, đó là C và °C; CH và °CH; K và °K;

P và °P; T °T. Ký-hiệu như chữ c nhỏ đặt ở bên trái và bên trên chữ chính, đó là một dấu dùng trong tiếng Hy-lạp để chỉ cách đọc « cứng » (Esprit rude).

Từ từ 8 hạ tới 13 thượng, tác-giả đã xếp và lắp những chữ nguyên-âm vào những chữ đồng-âm. Chúng ta thấy những nguyên-âm một chữ và tam hay tứ trùng-âm sau đây :

A E I O U

ai, ao, am, an, eu; em, en, ia, ie, io; iu, iñ, im, oa, oc; ua, ue, ui, uo, ul; um, un, eao, eam, iai; iao, iam, ieu, ien, iue; ium, iun, oai, oei, oam; uan, uem, uen, uon, iuen; oan, oen, uai, uei, uam.

Nếu chúng ta nhân con số 15 với 50 thì chúng ta sẽ được 750 chữ. Vì như chúng tôi đã nói ở trên, bên cạnh thứ chữ phiên-âm theo mẫu-tự latin đều có kèm chữ Hán.

Những trang trên hoàn-toàn chưa có dấu hay ký-hiệu ghi các thanh. Từ từ 16 hạ tới 29 thượng, tác-giả lắp 20 chữ đồng-âm vào 50 nguyên-âm và trùng-âm, nhưng với 5 dấu hay thanh. Ở đây có dùng tới những ký-hiệu như chúng ta đã thấy sáng-kiến từ Ricci và Cattaneo, nghĩa là :

| | |
|------------------|---|
| Bình đoán thanh | — |
| Bình tràng thanh | ^ |
| Thượng thanh | ∖ |
| Khứ thanh | / |
| Nhập thanh | v |

Thực ra, theo danh-từ riêng của Trigault, trong bộ « âm-vận-kinh » thì cứ theo thứ tự là :

| | | |
|--------|---|---|
| Thanh | 清 | — |
| Trọc | 濁 | ^ |
| Thượng | 上 | ∖ |
| Khứ | 去 | / |
| Nhập | 入 | v |

Riêng về hai chữ O và U, chúng ta còn nhận thấy mấy đặc-điểm khác. Trên chữ O có đánh thêm dấu ° và °. Như vậy không rõ ba chữ O, 〇 và 〇 có thể tương-đương với chữ O, Ó và Ơ của chúng ta không ?

Chữ U cũng có mấy dấu khác, phức-tạp hơn, đó là :

Ū, Ū và Ū;
 Ū, Ū và Ū;
 Û, Û và Û;
 Ū, Ū và Ū;
 Ū, Ū và Ū;

Mấy từ-dụ chúng tôi vụng-về trình-bày trên đây, không những đã cho ta thấy cố-gắng và ý-chí phiên-âm Hoa-ngữ của giáo-sĩ Trigault, mà còn biểu-lộ hiển-nhiên những vấn-đề chung cho cả Việt-ngữ, một thứ tiếng độc-vận như tiếng Trung-quốc. Bộ « âm-vận-kinh » thật có thể được gọi là nền-tảng cho công-cuộc phiên-âm Hoa-ngữ. Cho nên, có lẽ chúng ta sẽ không lầm, khi chúng ta gán cho hai giáo-sĩ Ricci và Trigault, nhất là Ricci cái huy-hiệu là những người sáng-chế ra Hoa-ngữ phiên-âm.



Cũng như trong bài bàn về Nhật-ngữ phiên-âm hay romaji, chúng tôi đã thử tìm hiểu phần ảnh-hưởng có thể được của chữ « quốc-ngữ » Nhật đối với sự thành lập chữ quốc-ngữ Việt-nam, ở đây chúng tôi cũng muốn làm một công-cuộc tương-tự.

Nếu theo ý-kiến của một tác-giả có uy-thế, cuốn tự-điển Bồ-Hoa của Ricci đã là mẫu cho cuốn tự-điển Bồ-Nhật 1595 (H. Bernard, *Les adaptations chinoises d'ouvrages européens*, 1945, tr. 316, chú 100), thì biết đâu bộ Bồ-Hoa kia cũng đã là khuôn-mẫu cho cuốn tự-điển Bồ-Việt của giáo-sĩ Atoniô Barbosa mà cha Đắc-Lộ đã nói tới trong bài tựa của cuốn tự-điển Việt-la-Bồ của ngài (1651) ?

Đặc-biệt hơn cả và trội hơn cả công-việc phiên-âm Nhật-ngữ, ở đây, trong sự dùng mẫu-tự latin để viết chữ Tàu, người ta đã sáng-chế ra những ký-hiệu riêng để ghi các thanh. Mặc dầu những kẻ sáng-lập ra nó. Ricci Trigault, đã không tiếp-tục viết các sách giáo-lý cũng như khoa-học bằng thứ tiếng Trung-hoa phiên-âm ý (riêng Ricci sau này chỉ chuyên-chú và viết sách bằng Hán-tự, như trong cước-chú ở trên chúng tôi đã nói), nhưng sự nghiệp của các ngài vẫn còn tồn-tại. Và biết đâu đã ảnh-hưởng

tới công cuộc của các giáo-sĩ hoạt-động trong lãnh-thổ nước Việt, nhất là đối với cha Đắc-lộ?

Thực vậy, chúng ta đã biết thời-kỳ giáo-sĩ Đắc-lộ lưu lại tại Maçao lâu nhất, 10 năm trời, đó là từ 1630 tới 1640. Trong thời-kỳ này, ngài có nói là đã học tiếng Tàu, nhưng không kết-quả là bao, vì ngài không bao giờ diễn-đạt dễ-dãi trong một bài trường-hoai, tuy ngài có nghe và hiểu, như chúng tôi đã đề-cập tới. Trong những năm ấy, không rõ ngài đã có biết và tham-khảo tới những tác-phẩm trên kia không? Nếu chủ-trương rằng không thì cũng không được. Chúng ta biết là cuốn tự-điền của Ricci đã được truyền tay chép lại rất nhiều cho tới thế-kỷ XVIII và đã là mẫu cho cuốn Bồ - Nhật 1595, lại nữa bộ của Trigault đã phát-hành tại Hán - khẩu năm 1626 và ngay năm sau lại tục-bản. Vậy không có lý-do nào chủ-trương là cha Đắc-lộ đã không học hay đọc tới chúng. Nói tới cha Đắc-lộ thì cũng phải nói tới lớp trước ngài đã có biết tới chúng. Nhưng nói rằng có, thì lấy bằng-chứng ở đâu?

Thực vậy cho tới bây giờ, theo những khảo-cứu của chúng tôi, chúng tôi không hề gặp một bằng-chứng nào xác-đáng để quyết sự ảnh-hưởng kia. Điều hiển-nhiên là giáo-sĩ Đắc-lộ chỉ kể tới ba vị đã có công trong việc học-hỏi Việt-ngữ và thành-lập chữ quốc-ngữ. Nhưng những hồ-sơ và văn-kiện của những vị này, nhất là Gaspar d'Amaral và Barbosa, hiện nay đã thất-lạc. Ngoài ra, ngài không hề nói gì tới công-cuộc phiên-âm Hoa-ngữ hay Nhật-ngữ. Nếu có thì ngài chỉ nói tới sự ngài học hai thứ tiếng đó thôi.



Đề kết-luận về bài này, chúng tôi có thể ghi nhớ mấy niên-hiệu chính trong những bước đầu của việc thành-lập Hoa-ngữ phiên-âm. Đó là:

Trước 1589, hai giáo-sĩ Ruggieri và Ricci đã biên-soạn cuốn tự-điền Bồ - Hoa đầu tiên, trong đó đã có thứ chữ quốc-ngữ Trung-hoa sơ-thủy, nghĩa là chưa hoàn-toàn.

Năm 1598 trong cuộc hành trình từ Bắc-kinh xuôi Linhsing, Ricci và Cattaneo đã khám phá ra cách-thức ghi các thanh trong Hoa-ngữ. Và các ngài đã khởi-thào một tập ngữ-vựng bằng Hoa-ngữ phiên-âm đầy đủ, nghĩa là có các ký-hiệu ấn-định các thanh.

Cả công-việc thành-lập các văn cũng như ghi các thanh, giáo-sĩ Trigault năm 1626 đã hoàn-tất trong « âm-vận-kinh » vĩ-dại.

Riêng đối với chúng tôi, có một vấn-đề chúng tôi thắc-mắc và đã nhiều phen đem ra bàn hỏi, nhưng chưa được giải-pháp xác-đáng, đó là vấn-đề các ký-hiệu hay các dấu trong quốc-ngữ. Chúng tôi tự hỏi ai là người đầu tiên đã phân-biệt những giọng bổng trầm trong tiếng nói Việt-nam? Và ai là người đầu tiên đã nghĩ ra những dấu để ghi lấy nó? Người ta trả lời: giáo-sĩ Đắc-lộ chứ còn ai. Vâng, dĩ-nhiên là ngài, vì trước ngài, không có tài-liệu nào cả.

Nhưng bây giờ chúng tôi được biết và là điều mà việc phiên-âm Nhật-ngữ không đem lại giải-quyết cho chúng ta, chúng tôi được biết rằng, không những sự thành lập chữ quốc-ngữ đã nằm trong hoàn-cảnh chung mà chính sự ghép vận, và nhất là ghi các thanh đã được khảo-cứu và thực-hiện trong Hoa-ngữ phiên-âm cuối thế-kỷ XVI và đầu thế-kỷ XVII. Nói như vậy không phải là làm giảm giá-trị và phần sáng-tác riêng biệt của cha Đắc-lộ, nhưng chỉ đào sâu về một vấn-đề, vấn đề nguồn-gốc xa-xăm của việc thành-lập chữ quốc-ngữ.

NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN

THI - CA

TẾT CỘNG-HÒA

*Việt-Nam mở cuốn sử oai-hùng,
Nền Cộng-Hòa xây tại Á-Đông.
Hăm-sáu tháng mười ngày nước mới,
Muôn-ngàn người một tấm lòng chung.
Khơi nguồn thống-nhất Trung, Nam, Bắc,
Vạch lối bài trừ Cộng, Thực, Phong.
Quốc-khánh năm, năm ghi thắng-lợi,
Gấm hoa tươi đẹp nước non Hồng.*

TÉ - XUYỀN



CÔNG-NGHIỆP GIÁO-DỤC

CỦA

KHÔNG PHU-TỬ

(Tiếp theo V.H.N.S. số 43)

HOÀI-NAM
BĂNG-MỘNG-LÂN

biên-khảo

2. — HOÀN THÀNH NHÂN CÁCH

Ta biết rằng Đạo của Phu-Tử chủ-trương dạy người ta phải luôn luôn giữ lấy niềm vui, không nên lo sợ buồn rầu. Cái gì mà người đời vui, mình cũng vui theo, xong đó rồi thôi không bận bịu chi cả. Người quân tử phải « *Tùy cảm nhi ứng, tùy ngộ nhi an*, nghĩa là gặp cái gì cảm đến thì ứng cảm ngay, gặp cảnh ngộ nào cũng vui được ». « *Vô nhập nhi bất tư đắc yên* — không vào cảnh ngộ nào mà mình không có cái thú ». Không lo được lo mất, bao giờ cũng có cái vui tự-nhiên, thật là một cuộc đời rất thú-vị.

Cho nên Phu-Tử chủ-trương ngoài cái Học Dĩ Chí Dụng ra, chúng ta còn phải trau giồi lấy nhân-cách của mình nữa, ngộ hầu để được vui trong lòng, và làm cho tư-tướng, trí hiểu biết của mình được càng ngày càng tinh-tiến. Ngài thường nói rằng : « *Cổ chi học giả vi kỷ, kim chi học giả vi nhân*. — Ngày xưa đi học là vì mình, ngày này đi học là vì người ».

— Vì mình đây không phải là mưu ích lợi vật-chất cho riêng mình, mà có nghĩa là, vì học-vấn, tư-tướng, tài-năng của mình còn thua kém, nên phải lo học để làm cho đạo-đức, tài-năng của mình được thông-đạt hơn.

— Còn vì người, là cái học khoe khoang chạy theo địa-vị. Học như vậy thì theo Phu-Tử, nhân-cách của mình sẽ đi dần xuống con đường nô-lệ. Trong những học-trò của Phu-Tử, ngài cho thầy Nhan-Hồi là người hiểu học và tư cách được hoàn toàn nhất, nên khi Ai-Công hỏi người hiểu học, thì ngài trả lời ngay : « *Hữu Nhan-Hồi giả hiểu học, bất thiên nô, bất nhị quá bất hạnh doãn mệnh tử hỹ, kim giả tắc vô, vị văn hiểu học giả giả* — Có anh Nhan-Hồi là người hiểu học, không giận lây tới người khác, không chịu lỗi hai lần, không may chết yếu, đến nay thì không, chưa thấy người nào là hiểu học cả.

Trong hơn ba nghìn học trò, ngài chỉ cho có một mình thầy Nhan-Hồi là người hiểu học, tại sao như vậy? Chúng ta thử tìm hiểu. Tại vì thầy Nhan-Hồi có hai điều tốt.

1. — Bất thiên nô. Người ta ở đời, thường có có cái giận thì lại giận lây đến người khác, nghĩa là giận cá thì chém thớt, nhưng thầy Nhan thì không thế, giận ai thì chỉ giận một người thôi.

2. — Bất nhị quá. Người ta cũng thường có tính, khi có lỗi lại không nhận là có lỗi, hay có khi biết lại không chịu sửa chữa, không những làm điều lỗi hai lần, mà có thể phạm tới 5, 7 lần hay trọn cả đời. Nhưng thầy Nhan thì không, có lỗi biết ngay, tìm cách sửa chữa và không bao giờ tái-phạm. Thế cho nên Phu-Tử mới khen Nhan-Hồi là người hiểu học. Và cái học của Nhan-Hồi cũng chính là cái học để hoàn thành nhân-cách.

Phu-Tử cũng thường khuyên thầy Tử-Hạ, vì thầy Tử-Hạ là một người học-trò khá mà phương-pháp của thầy có thiên về mặt danh lợi, nên ngài nói rằng : « *Này anh, anh phải chăm-chỉ làm cho nên một người Nho bằng quân-tử, chứ đừng làm một hạng Nho bằng tiểu-nhân*. » (1).

Cũng là Nho, tại sao Phu-Tử lại gọi là quân-tử nho và tiểu-nhân nho : Ta biết rằng nhà Nho cũng có hai hạng :

1. — Một hạng người chỉ lo làm nhân-cách được tốt đẹp, không cầu hư danh, cốt lo đua tranh với thánh-nhân mà không chịu hòa theo thế-tục, chú-trọng về đạo-đức, kiện-toàn tài-năng. Hạng người này gọi là Quân-Tử Nho

(1) *Nhữ vi quân-tử nho, vô vi tiểu-nhân nho*.

2.— Còn hạng người chuộng danh-lợi, quên phần thực-dụng, hòa theo thế-tục, bỏ đạo thánh hiền, ý tài mà quên đạo đức, nhân nghĩa, hạng người này gọi là *Tiêu-Nhân Nho*.

Nhà Nho sợ dĩ phải chịu oan tiếng xấu, cũng chỉ vì *Quân-Tử Nho* quá ít ỏi, mà hạng *Tiêu-Nhân Nho* lại quá nhiều. Mặc dù thầy *Tử-Hạo* đã là một người đạo-đức cũng khá cao, mà *Phu-Tử* còn dạy « *Vô vi tiêu-nhân nho* », vậy còn hạng người kém hơn nữa sẽ thế nào ?

Lời dạy-báo của *Phu-Tử* trên đây chính là những tư-tưởng để chúng ta hoàn thành nhân-cách.

Đành rằng *Phu-Tử* chủ *Học Dĩ Chí Dụng*, nhưng muốn thi thố được tài năng, ta phải có nhân-cách, nếu không thì cái học đó không có ích gì cả.

Như thế ta đủ thấy rằng *Phu-Tử* cho sự giáo-dục là nuôi-dưỡng cái nhân-cách, để ứng-dụng vào xã-hội được thực-diện hơn.

Theo mục-dịch *Học Dĩ Chí Dụng*, cho nên sự học không có giới-hạn vào văn-chương, mà còn chú-trọng vào phương-diện hành-vi sinh-hoạt.

Phu-Tử thường nói rằng : « Người đi học, vào thì hiểu, ra thì dễ, cần mà tin, yêu mến mọi người mà thân-cận người có nhân, làm những điều ấy rồi có thừa sức mới học văn (1) (*Luận-ngữ* — *Học-nhi*) — Chữ Văn, ý *Phu-Tử* là gồm cả lục-nghe : Lễ, Nhạc, Xạ, Ngự, Thư, Số, tức là cái nghệ-thuật của người ta thực-hành ở đời vậy. Như thế công việc hoàn-thành nhân-cách là tất cả công-trình học-tập, nên sách *Luận-Ngữ* nói : « *Tử dĩ từ giáo, văn, hành, Trung, Tín* — *Khổng-Tử* lấy 4 điều làm chương-trình giáo-hóa. »

Văn-chương, thực-hành, trung-nghĩa và tín-nhiệm, thì 3 điều *Hành, Trung, Tín* thuộc về phương diện nhân-sinh hành-vi, đại-biểu cho nhân-cách của một người khi ra đời làm việc.

3. — TÌM TÒI CHÂN-LÝ

Mục-dịch giáo-dục của *Phu-Tử* nhằm ba mục-dịch : học dĩ chí dụng, hoàn-thành nhân-cách và tìm-tòi chân-lý.

(1) *Đệ tử nhập tắc hiểu, xuất tắc dễ, cần nhi tin, phẩm ái chúng nhi thân nhân, hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn.*

Nhưng trong phần này ta thấy rất quan-trọng trong công-nghiệp giáo-dục của *Phu-Tử*.

Như ta đã biết, *Phu-Tử* phản-đối cái học vi-nhân, nghĩa là cái học làm tiêu-nhân nho, mà chú-trọng đến cái học làm quân-tử nho, nghĩa là học để mà tìm-tòi ra chân-lý, hiểu được thế nào là vũ-trụ, nhân-sinh — Chân-lý ở đây có nghĩa là « ĐẠO » cho nên ngay đầu sách *Đại-học* có câu « *Đại học chi đạo* » — Cái đạo của bậc đại-học, vậy Đại-học có nghĩa là thế nào ?

— Đại-học tức là cái học quán-triệt thủy chung, hiểu thấu Nhân, Trí, Đức, Dũng...

— Và Đạo ở đây có nghĩa là tìm được chân-lý, thực-hành đúng phương pháp và tìm được đường lối đến bậc Đại-học.

— Và muốn vào được bậc đại-học, tất nhiên ta phải có 3 căn-bản chính là « *Minh minh đức, Thân Dân, Chí u chi thiện* ».

Và ngay trong sách *Trung-Dụng* có viết : « *Thiên mệnh chi vị tinh, suất tinh chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo* — Trời phú cho gọi là tính, theo tính gọi là đạo, sửa đạo gọi là giáo ».

Trời phú tính cho ta, tất cho ta cái đức sáng để hiểu được : « *Hiếu Đễ, Tín...* » Ta cố làm cho sáng cái đức sáng của ta để hiểu rõ người, vật và cho đến chí thiện mới thôi.

Chí thiện là cái cùng cực của đạo, chúng ta phải theo cái bản-tính thuần-nhất của trời phú cho mà sửa đạo và lập giáo.

Tóm lại ý *Phu-Tử* cho rằng sửa sang lại đạo-lý tức là giáo-dục. Chà thế mà *Phu-Tử* đã mô-tả cái lòng yêu đạo một cách nhiệt-thành. Ngài cho là trong Đạo có những cái vui, cái thú vô cùng, hễ ai đã được nghe một lần rồi, thì dầu chết cũng không cho là uống, nên ngài nói rằng : « *Triều văn đạo, tịch tử khả hỷ* — Sớm nghe Đạo lý, tối chết có thể được vậy (*Lý Nhân IV*).

Ngài cũng còn nói rằng : « *Sĩ chí u đạo, nhi sĩ ác y, ác thực giả vị tức dĩ nghị giả* — Kẻ sĩ đã đề chí vào đạo-lý, mà còn hồ-thẹn về áo xấu, ăn đơn sơ, thì không đủ để bàn đạo-lý vậy ».

Tóm lại cái mục-dịch tối quan-trọng của *Phu-tử* là cần phải lấy sự học làm đầu. *Phu-Tử* nói : « Người đi học, vào thì phải hiểu, ra thì dễ, cần mà tin, yêu-mến mọi người mà thân cận với người nhân, làm được

những điều ấy rồi có thì giờ mới học văn. Vì theo như trên đây thì cái đạo của Phu-Tử thật là cao-siêu. Ông Tử-Tư tóm tắt đạo của Phu-Tử như sau : « *Quân-tử chi đạo, tạo doan hồ phu phụ, cập kỳ chi giả, sát hồ thiên địa* » — Đạo người quân-tử lập mới đầu ở những điều nhỏ mọn tầm-thường của những người thất-phu thất-phụ biết được, làm được, mà lên đến cùng cực, thì xét rõ việc trời đất (Trung-Dung).

Đạo thật là giản-dĩ, mà cũng thật là cao-siêu, bao quát cả vũ-trụ, ngoài không có cái gì lớn hơn và trong không có gì nhỏ hơn.

Đạo cũng rất hay, nhưng ai đã là người theo học, phải thành-thực, nếu không thành-thực thì dù rằng ĐẠO có hay chừng nào cũng vô-ích. Không-Tử nói rằng : « *Nhân năng hoàng đạo, phi đạo hoàng nhân* » — Người có thể mở rộng đạo, chứ Đạo không thể mở rộng người. (Luận-Ngữ — Vệ Linh-Công XV).

Người thì có cái biết, Đạo thì vô vi, nhờ cái biết cho nên người mới làm cho Đạo rộng lớn ra. Vì Đạo lập ra cái cùng-cực của con người, mà con người là cái công-cụ của Đạo, cho nên Đạo và người không bao giờ lìa xa nhau. Muốn đến được chỗ cao-siêu đó, ta phải dụng-lực đem cái đạo thể ở trong mình làm sáng rõ ra. Muốn vậy ta phải học như thiết như tha như trác như ma.

Do đó, ta có thể tóm-tắt lại cả cái mục-dịch của sự học trong công-nghiệp giáo-dục của Phu-Tử là nhằm ba mục-dịch :

HỌC DĨ CHÍ DỤNG
HOÀN-THÀNH NHÂN-CÁCH
TÌM-TÒI CHÂN-LÝ

Ba mục-dịch nhất-trí này, có thể nói là cả hệ-thống giáo-dục hoàn bị vậy.

IV. — NỘI-DUNG GIÁO-DỤC

Mục-dịch giáo-dục của Phu-Tử là cải-tạo nhân-tính con người, dạy người biết giữ đạo thánh hiền, biết xử kỷ tiếp vật, và cái học của Phu-Tử còn nhằm ba mục-dịch mà tôi vừa dẫn ở trên, nên cái nội-dung giáo-dục của Phu-Tử rất phong phú như : Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc, Xuân-Thu và Lục-Nghệ. Đó là những bộ-môn để giáo hóa con người.

Tuy nhiên mục-dịch chính vẫn là đào tạo con người thành con người có đạo-dức. Trong sách Luận-ngữ có nói : « Phu-Tử có 4 điều dạy chính : Văn, Hành, Trung, Tín ». Trong 4 điều này lấy phần lục-nghệ làm trung-tâm. Vì lục-nghệ chính là nguyên-tắc của nội-dung giáo-dục.

Phu-Tử rất chú trọng vào kinh Thi, kinh Thư. Sách Không-Tử Gia Ngữ, thiên Đệ-tứ bành XII có chép rằng : « *Không-Tử chi thi giáo giả, tiên chi dĩ Thi Thư, nhi đạo chi dĩ hiếu lễ, thuyết chi dĩ nhân nghĩa, quan chi dĩ lễ nhạc, nhiên hậu thành chi dĩ văn đức* » — Cách dạy người của Phu-Tử, trước hết dùng Thi Thư mà dạy, rồi lấy hiếu lễ mà đạo dẫn người ta, lấy nhân nghĩa mà giảng-dụ, lấy lễ nhạc mà khiến người ta xem xét, sau cùng mới lấy văn lý đức mà làm cho nên người.

Như vậy nội-dung giáo-dục của Phu-Tử trước hết gồm có Kinh Thi, Kinh Thư dùng để mở mang trí-thức con người, rồi lấy hiếu lễ, lễ, nhạc mà nuôi dưỡng tâm-tính con người, sau cùng mới lấy văn-chương đạo-dức mà chau chuốt con người.

Nhằm cái mục-dịch ấy nên Phu-Tử rất chú-trọng ở sự học Thi học Lễ và học Nhạc.

Phu-Tử thường nói rằng : « *Bất học Thi vô dĩ ngôn... bất học Lễ vô dĩ lập* — Không học Thi không lấy gì mà nói... không học Lễ không lấy gì mà đứng.. » Nghĩa là không học Thi thì lý lẽ không thông, tinh-thần giao-dộng, không học lễ, phẩm-tiết không rõ, lòng không kiên-nhẫn, thì không thể nào đứng vững được. Học Thi, học Lễ, học Nhạc cốt để sửa tâm-tính con người — Vì thế nên ngài nói rằng : « *Hung ư Thi, lập ư Lễ, thành ư Nhạc* » — Hung khởi cái ý-chí là ở Thi, sửa sang nhân-cách là ở Lễ, điều-hòa tinh-cảm cho hoàn-toàn là ở Nhạc (Luận-ngữ — Thái-Bá VII).

Trên đây chúng ta đã thấy qua những bộ-môn dùng làm chương-trình giáo-dục, và bây giờ chúng ta sẽ tìm xem nội-dung của các bộ-môn đó thế nào.

Trước hết ta xét kinh Thi — *Kinh Thi* là một tập ghi-chép nhiều bài ca-đao từ thượng-cổ đến đời Bình-Vương nhà Chu.

Đọc kinh Thi, ta biết được tinh-tinh, phong-tục, chính-trị các đời và các nước chư-hầu ở nước Tàu.

Học kinh Thi có thể nuôi dưỡng được tinh-tinh, mở mang được trí-thức, nên Phu-Tử nói rằng : *Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ*

quần, khủ dĩ oán. Nhữ chi sự phụ, viễn chi sự quán, đa thức ư điều thú thảo mộc chi danh — Đọc kinh Thi có thể cảm phát được ý-chí, biết được điều hay dở, hòa-hợp được mà không lưu - đãng, bày tỏ được cái sâu mà không giận, trong nhà biết cách thờ cha, ra ngoài biết cách thờ vua, biết nhiều những giống chim muông cây cỏ ».

Khổng Phu-Tử còn nói rằng: « Thi tam bách nhất ngôn dĩ tế chi viết: tư vô tà — Ba trăm bài trong kinh Thi, lấy một lời nói là nói trùm cả là: không nghĩ bậy (Luận ngữ — Vi chính II).

Kinh Thư là bộ sách chép những điển, mô, huấn, cáo, thệ, mệnh của vua tôi dạy bảo khuyên răn nhau, từ đời vua Nghiêu vua Thuấn cho đến đời Đông-Chu. Đọc kinh Thư ta biết được cái tính thật thà và phương-pháp viết văn của người xưa.

Những việc làm trong kinh Thư, tư-tướng là dạy người ta lấy hai chữ « Chấp Trung » làm chính. (1).

Kinh Dịch tuy là một quyển sách dùng để bói toán nhưng còn là sách Lý-học, giải-thích sự biến-hóa của vũ-trụ. Quyển sách này cũng còn chứa một triết lý về chính-trị và xã-hội, đọc sách này ta biết được cách trị-dân xử-thế.

Khổng-Tử nói: « Phù dịch khai vật, thành vụ, mạo thiên hạ chi đạo, như tư nhi dĩ. Thi cổ thánh nhân dĩ thông thiên-hạ chi chí, dĩ định thiên hạ chi nghiệp, dĩ đoán thiên hạ chi nghi — Dịch là để mở ra muôn vật, thành được mọi việc, trùm lên trên cái đạo của thiên-hạ, có thế mà thôi. Nên thánh-nhân dùng đạo dịch để thông được cái chí-khí của thiên-hạ, đoán được cái ngờ của thiên hạ... »

Kinh Lễ là một bộ sách chép những lễ-nghi để đào-tạo con người thành những con người có tình-cảm tốt, để biết giữ trật-tự trên dưới, tiết-chế tình dục. Do đó Kinh Lễ có mục-dịch làm cho con người hiểu rõ được những điều, Nhân, Nghĩa, Lễ, Trung, Tín, Hiếu, Đễ...

Kinh Nhạc bây giờ không còn nữa, nhưng ngày xưa thánh-nhân cho rằng Nhạc với lòng người cảm-hóa lẫn nhau, khi vui trong người thì tiếng nhạc nghe cõi mở, thì buồn thì tiếng nhạc bi ai. Thánh-nhân cũng còn cho rằng nhạc có

(1). — Chấp trung 執中, nghĩa là giữ đạo trung, không thái quá mà cũng không kém quá.

thể cảm-hóa được người, tiếng nhạc hiền lành, thánh thiện có thể làm cho lòng người trở lên thánh thiện. Vì vậy cho nên thánh-nhân mới chế ra nhạc để dạy người.

Kinh Xuân-Thu là một bộ sử biên-niên chép những chuyện ở nước Lỗ, từ Lỗ Ân-Công đến Lỗ Ai-Công. Sách này cũng chép cả việc nhà Chu và việc các nước chư-hầu nữa. Sách chứa một nội-dung có tính cách bình-luận thời-sự, vạch đường ngay chính cho người cảm quyền-chính.

Ngoài những phần tinh-thần kể trên, người đi học còn phải tinh thông phần vận-dộng sinh-hoạt nữa, họ phải học thêm như, tập bản (Xạ), cưỡi ngựa (Ngự), học viết, vẽ (Thư), số học, tính toán (Số).

Tổng kết lại, ta thấy rằng nội-dung giáo-dục của Khổng Phu-Tử có một lập-trường rõ-rệt là học lấy thực-dụng, ngõ hầu trị được thiên-hạ, giữ-gìn được trật-tự trong xã-hội.

(Còn tiếp)

HOÀI-NAM ĐẶNG-MỘNG-LÂN

biên-khoá



THẺ-LỆ MUA TẠP-CHÍ

Mỗi số (Tu-nhân) : 12\$ — 1 năm (10 số) : 120\$
Mỗi số (Công-sở) : 24\$ — 1 năm (10 số) : 240\$

Gửi báo-đảm, mỗi số tính thêm 7\$00

Ở ngoại-quốc, xin gửi thêm cước-phí.

* Mua dài hạn V.H.N.S., xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về 0. GIÁM-ĐỐC NHÀ VĂN-HÓA (số 266, Đường Công-lý, Sài-gòn).

* Bài soạn đăng tạp-chí, xin gửi về 0. CHỦ-BÚT VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN (số 266, Đường Công-lý, Sài-gòn).

* Bài của các bạn gửi đến tòa soạn, nếu không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.

GIÁO DỤC



GIÁO-DỤC CĂN-BẢN VÀ GIÁO-DỤC TRÁNG-NIÊN (UNESCO)

TƯƠNG-LAI CỦA GIÁO-DỤC TRÁNG-NIÊN

(Tiếp theo V.H.N.S. số 43)

Bài của ROBERT PEERS

Dịch giả THIÊN-PHƯỚC

Trong mọi hoàn-cảnh, đàn - ông cũng như đàn-bà, với tư-cách cá-nhân cũng như hội-viên đoàn thể, đều cần đến giáo-dục trấng-niên. Phần đông, chính đến lúc tuổi lão thành người ta mới bắt đầu quan-tâm tới các vấn đề chính-trị cao-siêu và, nếu tuổi trung-bình của các sinh-viên trấng-niên đã tăng lên, ở Anh-quốc cũng như ở nhiều nước khác, chắc-chắn phần lớn là vì họ không còn ham-thích các hoạt-động mà họ đã mê-say cuồng-nhiệt trong mấy năm đầu của thời trấng-niên. Một khi học-vấn căn-bản đã có, và nghề-nghiệp chuyên-môn đã được huấn-luyện chu-đáo, phần đông các thanh-niên lần-lượt bị bận-rộn về việc cưới-hỏi, việc tạo-lập gia-đình và nuôi nấng con cái. Về vấn-đề này cũng như về các vấn-đề cơ-cấu xã-hội rộng-rãi hơn, hệ thống giáo-dục của chúng ta chỉ chú-trọng đến khía cạnh thực-tiến và vụ-lợi của đời sống gia-

đình nhiều hơn hết; chúng ta đã dùng biết bao nhiêu phương-tiện để dạy nữ-công, dưỡng-nhi, trang hoàng nhà cửa, lập vườn v.v.. Nhưng đối với các khía-cạnh của đời sống gia-đình ít bậc-lộ hơn như tình-nghĩa vợ chồng, tình-nghĩa cha con, giáo-dục trẻ thơ, như các yếu-tố tâm-lý cấu-tạo và phá-hoại gia-đình và do đó có ảnh-hưởng lớn đối với tiền-đò của giống-nòi — chúng ta lại không có gì khá dĩ gọi là đáng kể để cung-ứng cho họ. Thường khi người ta phó mặc cho các chuyên-viên hướng-đạo hôn-nhân muốn làm gì thì làm, để cứu-vãn các gia-đình sắp tan-rã, được chừng nào hay chừng ấy. Tuy-nhiên, đó là những vấn-đề cần được cứu-xét tường-tận, có lợi cho sự trau-giồi văn-hóa tổng-quát cũng như cho sự điều-hành của xã-hội rộng lớn, chứ không riêng gì cho một quốc-gia.

Đó mới chỉ là một thí-dụ về các vấn-đề quan-hệ đến thanh trấng-niên. Các vấn-đề ấy từ trước tới nay đều bị xao-lãng thay vì phải được đem ra làm nội-dung cho công cuộc giáo-dục bổ-túc kéo dài trong suốt thời-kỳ trấng-niên để bậc thang đưa con người đến ngưỡng cửa học-vấn của tuổi lão-thành.

Chắc có người sẽ nói rằng trấng-niên không còn đủ sức để theo đuổi những môn-học ở trình-độ cao-dâng và họ cũng không còn tham-vọng hay ý-chí để tiến-bước trên đường học-vấn trong lúc, phải đi làm việc để nuôi thân.

Hiện nay ta chỉ có thể quả-quyết được rằng số người có khả-năng để tiếp-tục sự học thực ra còn nhiều hơn con số đã ghi-nhận được và người ta dự-đoán con số ấy sẽ tăng lên mãi với tính-cách làm thay đổi bộ-mặt của xã-hội ngày nay.

Vả lại, họ đâu phải là những người duy-nhút để thừa-hưởng sự phát-triển kiến-thức của họ, vì họ sẽ thiết-lập những trung-tâm ảnh-hưởng mới khả-dĩ cải-thiện tư-cách và hành-động của những người xung quanh.

Điều này không có nghĩa là giáo-dục trấng-niên ngày mai chỉ tiếp-tục giúp ích một nhóm người tương-đối nhỏ hẹp, một khi nền giáo-huấn đã được cải-thiện cho con-trẻ. Nếu ta coi giáo-dục trấng-niên, ngoài mục-dịch hoàn-bị giường máy xã-hội còn phải lo lợi-dụng các giờ nghỉ, thì tầm hoạt-động của nó sẽ rộng lớn vô cùng. Giáo-dục trấng-niên phải chú-trọng đến phẩm-chất của cuộc đời trong xã-hội. Mặc dù trình-độ sinh-hoạt đã cao, thì giờ nghỉ-ngơi đã nói rộng, chúng ta vẫn còn ngao-ngán vì cuộc đời quá tầm-thường, và không có gì quyến-rũ. Ngày nay, nghệ-thuật chính-trị không còn là độc-quyền của một hạng người ưu-thế, vì giờ nghỉ đã tăng nhiều,

mọi người đều có thể tiến lên để tham-chính được... Cũng nhờ đó, nghệ-thuật không còn là thứ tiêu-khiến cao sang dành riêng cho những người dư ăn dư để nữa.

Giáo-dục tráng-niên có thể góp sức biến-đổi thì-giờ bị bỏ đi thành những trò giải-trí phong-phú; và những trò giải-trí ấy có thể phát-lộ nhiều tài-năng bất ngờ, khả dĩ tấp-diềm thêm cho đời sống của đồng-bào xinh tươi. Anh công-nhân có tâm-hồn thi-sĩ, có khiếu làm văn, anh thợ có biệt-tài chơi nhạc, vẽ tranh, điêu-khắc, hay diễn-xuất sân-khấu tài-tử cũng như các bạn láng-giềng góp công kiến-tạo các làng xóm nhộp-nhúa, ta không thể coi đó là những rường-hợp lẽ-tẻ nổi-bậ trên một bức tranh lạnh nhạt, mà phải kể họ là các người tiên-phong xây-dựng xã-hội mới của ngày mai, nếu ta có ý-chí và thương-tiện để thực-hiện.

Giáo-dục tráng-niên còn có một nhiệm-vụ khác nữa, cũng để thoả - mãn nhu cầu của đời sống tráng-niên. Khoa-học tiến-bộ thần-tốc, ngày càng đem lại nhiều phương-pháp và kỹ-thuật mới, nên bắt buộc, những người kẻ mình đã được huấn-luyện hoàn-bị trong một thời gian lâu rồi cũng phải trau-giồi lại kiến-thức của mình thì mới mong theo kịp đà tiến-hóa của nghề-nghiệp. Đó là biện-chứng độc-nhứt để kéo dài thời-kỳ huấn-luyện chuyên-môn cho tráng-niên mãi đến khi trọng tuổ.

Đó là một công việc quan-trọng nhưng câu-thức, không làm giảm phần nào hiệu-lực của thuyết đề-xướng giáo-dục tráng-niên phải có nhiệm-vụ chánh-yếu là giúp phương-tiện cho tráng-niên đi sâu vào địa-hạt bao la của văn-hóa tổng-quát và của khoa-học nhân-bản để bù lại sự huấn-luyện chuyên môn khắt-khe, gò bó tầm mắt con người, và để đưa họ đến một đời sống thiện mỹ hơn.

MỤC-ĐÍCH VÀ PHƯƠNG-TIỆN.

Thiên khảo-luận này đã cho chúng ta thấy rằng trải qua nhiều thế-kỷ, người ta mới đi đến chỗ quan-niệm giáo-dục tráng-niên như một yếu-tố cần thiết và thường-xuyên của các xã-hội tiến-bộ: thật vậy nhờ kiến-thức tăng gia, các xã-hội này tiến hóa không ngừng; muốn và tìm được thế quân bình-muốn tiến-bộ được vững chắc, người ta ngày càng phát-huy kiến-thức giữa các dân-chúng tráng-niên và tinh-luyện khả-năng thích-nghị của họ vào những

hoàn cảnh luôn luôn đổi mới. Lần đầu tiên, nhờ ánh-sáng của các tiến-bộ khác trong ngành giáo-huấn, ngày nay ta mới phân-biệt được mục-đích thực-tế của giáo-dục tráng-niên, nghĩa là mục-đích mà chỉ riêng một mình nó mới đủ khả năng đạt tới được. Bây giờ chúng ta biết rõ nhiều về khả-năng và kỹ-thuật của giáo-dục tráng-niên về cách sắp đặt để phổ-biến giáo-dục cho tráng-niên, do sáng-kiến của tư-nhân cũng như của chính-quyền nhưng khắp nơi đều thiếu phương-tiện để thi hành các tiến-bộ cần thiết.

Chí như Anh-quốc là một nước bấy-lâu nay được nhiều xứ khác bắt chước, mà trong mấy năm gần đây vẫn giữ ngân-khoản của giáo-dục tráng-niên đứng yên một chỗ, trong lúc đó lại tăng ngân-khoản của nền giáo-huấn kỹ-thuật lên bội phần. Điều này tất nhiên làm giảm hoạt-động của giáo-dục tráng-niên rất nhiều và công-trình thực-hiện được cũng kém phần tốt đẹp, vì chúng ta ở vào thời-kỳ lạm-phát, tất cả các chi-phí đều lên giá. Và lại, nếu không muốn giảm số hoạt-trường thì phải rút ngắn thời-gian trung-bình của các lớp học. Để bù-lại, người ta đã tăng lệ-phí ký-danh của sinh-viên, thế mà cũng không đủ để trả tiền thù-lao cho giáo-sư, vì giá sinh-hoạt cứ lên mãi. Nếu quả thật như vậy thì chính-sách này kém sáng-suốt không thể tả. Dù đứng trên phương-diện vụ-lợi đi nữa, muốn phát-triển giáo-huấn kỹ-thuật cũng phải phát-triển văn-hóa tổng-quát đi kèm cho các tráng-niên. Vì, nếu không có như thế, sự thiếu kiến-thức và khả-năng thích-nghị của con người sẽ làm tê-liệt và đờ-vờ hết các thắng-lợi về kỹ-thuật. Trên một bình-diện cao hơn, ta có thể tự hỏi cái tiến-bộ kỹ-thuật không-lẽ này để làm gì, nếu không phải để xây-dựng một xã-hội căn-cứ trên các nguyên-liệu tinh-thần, tâm-linh cũng như vật-chất? Vậy mà chính-quyền Anh-quốc, mỗi năm dám chi-dụng bạc triệu về giáo-dục kỹ-thuật và còn trừ-tính tăng ngân-khoản này lên nữa, trong lúc đó, ngân-khoản dùng để phổ-biến văn-hóa tổng-quát cho tráng-niên, kể chung các trường đại-học và các tổ-chức tư-nhân, không lên tới 400.000 Anh-kim mỗi năm.

Ở các nơi khác, tình-trạng không kích-lệ gì hơn Anh-quốc, nhiều khi còn tệ hơn là khác. Ở vài xứ, ý-niệm công-hiến văn-hóa tổng-quát chỉ mới bắt đầu du-nhập; ở chỗ khác người ta còn kè hoạt-động này thuộc về lãnh- vực khai thác của tư-nhân, mà các khoản chi-phí phải được trang-trải bằng học-phí của tráng-niên. Trong khu-vực bao-la của thế-giới kém mở-mang, các nguồn-lợi còn không đủ để đầy lui nạn mù chữ, thì đừng hòng nói đến

những việc gì khác. Nay đã đến lúc mà các quốc-gia, nhất là các nước có nhiều ảnh-hưởng, cần phải nỗ-lực chống nạn đốt-nát bằng các biện-pháp mà họ đang xử dụng để chuẩn-bị một cuộc thế-giới chiến-tranh tàn-phá nền văn-minh của nhân-loại. Nếu lấy sự đòi hỏi học-vấn của dân-chúng để đo trình-độ đốt-nát của họ, thì bất cứ một nước nào trên thế-giới cũng chưa thể mãn-nguyện với trình-độ văn-hóa quần-chúng được.

Hần là giáo-dục tráng-niên phải được tổ-chức với nhiều trình-độ khác nhau, tùy theo nhu-cầu, ở cấp-bực quốc-gia cũng như quốc-tế. Vai-trò của các trường đại-học về vấn-đề này, đã làm sôi-nổi nhiều cuộc đàm-luận, từ vài năm nay. Rốt cuộc, giải-pháp rất giản-dị và trực-tiếp. Các trường đại-học, với tư-cách là cơ-sở giáo-huấn, có nhiệm-vụ chính-yếu là cung-cấp học-vấn cao-đẳng thuộc các ngành chuyên-môn của họ. Người ta không thể đòi hỏi các giáo-sư đại-học giảng-huấn giúp các tổ-chức bên-lề đại-học, những môn không thuộc phạm-vi chương-trình của nhà trường. Nếu các viện đại-học có thử đảm-nhiệm các công việc ngoài sở-trường của họ, như chúng ta được thấy ở vài nơi không có thiết-lập cơ-sở giáo-dục tráng-niên, thì công việc không đem lại kết-quả mong muốn. Về những hoạt-động giải-trí mà người ta thường lăm-lẫn với giáo-dục tráng-niên, thì chính-quyền học-vụ sở-tại phải ra công đảm-nhiệm; còn như địa-phương nào không có chính-quyền học-vụ thì các hội-đồng đại-biểu địa-phương có thể thay thế khá đặc-lực: đó là trường-hợp của xứ Úc-đại-lợi. Ngoài ra, các hội phước-thiện và chính-quyền học-vụ địa-phương cũng có thể cộng-tác với các trường đại-học để mở những lớp có trình-độ hơi kém hơn trình-độ đại-học thật sự.

Nhưng, hệ-thống giáo-huấn trong xứ càng thỏa-mãn nhu-cầu của dân-chúng bao nhiêu thì tráng-niên càng hướng về các trường đại-học bấy nhiêu để bồi-bổ thêm những môn sở-thích của họ. Chính các trường đại-học mới có thể cung-cấp đủ số giáo-sư cần-thiết; và mới có đủ khả-năng để mở những diễn-đàn tự-do cho tất cả mọi người tranh-luận khách-quan các vấn-đề tín-ngưỡng cùng các vấn-đề thuộc phạm-vi giáo-dục tráng-niên — với điều-kiện là các mối liên-lạc giữa chính-quyền và các trường đại-học được đặt trên căn-bản hoàn-toàn tự-do. Nhưng trận chiến-tranh giành tự-do cho nền đại-học vẫn còn đang tiếp-diễn và ở vài xứ chỉ mới bắt đầu. Chỉ đứng ngoài vòng trường đại-học, chúng ta mới thuận-thế để theo dõi trận-chiến đó, và sự thắng-lợi của chúng ta sẽ đảm-bảo cho quyền tự-quyết của ngành giáo-huấn đại-học trong toàn-thế.

Các trường đại-học, nhất là các trường tân-tiến, rất kém về mặt sư-phạm. Vì quá bận tâm tới vấn-đề thi-cử, người ta cố giảng sao cho thật dễ hiểu, nhưng không ngờ phương-pháp đó lại bóp chết mối cảm-hứng của học-viên, mà sự chung-đụng khắc-khe giữa kiến-thức và kinh-nghiệm với trí tưởng-tượng hiểu-kỳ có thể phát-sinh được dễ-dàng. Khi để ban giảng-huấn tham-gia giáo-dục tráng-niên, các trường đại-học sẽ thấy có lợi nhiều, nhất là trong lãnh-vực văn-hóa tổng-quát — gồm các khoa nhân-học, xã-hội học và khoa-học thuần-tuý — vì các khóa ấy ngày càng bị bỏ rơi trong bóng-tối ở các trường đại-học để nhường chỗ cho kỹ-thuật-học và huấn-luyện nghề-nghiệp. Phải chăng đây là cơ-hội duy-nhất để hoàn lại cho các trường đại-học cái nhiệm-vụ chính-yếu của nó là phát-huy học-vấn tổng-quát và cao-siêu mà cứu-cánh là thỏa-mãn con người toàn-diện chứ không phải chỉ để giúp họ tiến bước trên nấc thang nghề-nghiệp mà thôi.

Nếu thất-độ của trường đại-học và các chính-phủ không chịu thay đổi thì tài-nguyên và nhân-lực phục-vụ giáo-dục tráng-niên sẽ còn khiếm-khuyết mãi. Thật vậy, bao giờ người ta còn coi giáo-huấn bên-lề đại-học như một hoạt-động giản-dị phụ-thuộc các trường đại-học, hay quá lăm như một hoạt-động bề-túc nhiệm-vụ chính của các trường ấy, thì kết-quả tương-đối vẫn còn nghèo-nàn và phần văn-hóa tổng-quát luôn luôn vẫn bị phần huấn-luyện nghề-nghiệp lấn át. Và nếu các phương-tiện sẵn có không đủ để cung-phụng nhu-cầu, thì các nhu-cầu liệt vào hạng ít quan-trọng phải bị hy-sinh. Vì thế ngân-khoản về giáo-dục tráng-niên phải được đưa lên nhiều, và phần dành cho văn-hóa khái-quát phải được triệ-t-đề bảo-vệ chống với những đòi hỏi khuếch-trương giáo-dục ngoại học-đường có tính-cách nghề-nghiệp và kỹ-thuật. Tổ-chức các lớp bên-lề đại-học gồm hai ban riêng-biệt, mỗi ban phụ-trách một trong hai nhiệm-vụ trên kia.

Thật không quá đáng chút nào, khi ta quả-quyết điều này: nếu các trường đại-học không mạnh dạn hướng về giáo-dục tráng-niên ngày càng nhiều đòi hỏi, thì ta đừng hòng nghĩ đến một nền dân chủ sáng-suốt và, có lẽ, một chánh-thê độc-tài, dưới hình-thức này hay hình thức khác, nay mai sẽ là giải-pháp duy-nhất cho nhân-loại.

Nhưng kinh-nghiệm cho ta thấy rằng nếu chỉ có các trường đại-học mới đủ quyền sáng-khởi, thì có-độc, chúng không tài nào xây-dựng nổi một

hệ-thống giáo-dục tráng-niên cho toàn xứ được. Nhiệm-vụ chính của chúng là giảng-huấn, viện-trợ và đào tạo giáo-sư. Cũng chỉ có các trường đại-học mới được trang-bị đầy đủ để nghiên-cứu các vấn-đề và các phương-pháp của giáo-dục tráng-niên. Chúng có thể mở đường bằng cách tổ-chức những trung-tâm kiểu-mẫu, phát-triển công việc chạy đều và khai-thác những kinh-nghiệm mới; nhưng không có trường đại-học nào có đủ phương-tiện để đảm-nhiệm hết các công việc giáo-dục tráng-niên, chỉ trừ trường-hợp nó có một cơ-sở giáo-dục tráng-niên hẳn hoi, đầy-dủ tiện-nghi cư-trú cho nhiều người để họ có thì giờ nghiên-cứu và suy nghiệm, để các nhóm học-viên đủ mọi ngành có cơ-hội gặp nhau và tình thầy trò được siết-chặt, khuyến-kích đôi bên.

Tuy nhiên, muốn thành-công mỹ-mãn, các trường đại-học phải theo một lối tổ-chức rộng-rãi hơn nữa. Giáo-dục tráng-niên tất nhiên là một hoạt-động đột-phát; nó bao gồm đủ thứ vấn-đề và đủ ngành hoạt-động; do đó ta không nên phổ-biến nó theo một chương-trình quá cứng-rắn và quá phân-loại. Ta cũng không thể gò bó nó trong giới-hạn của các chương-trình chính-thức vì nó luôn phải ứng-đáp nhu-cầu của học-viên, mỗi ngày mỗi thêm phức-tạp. Một đặc-điểm vô cùng quý giá của giáo-dục tráng-niên là các học-viên tự tổ-chức lấy chương-trình học-tập; đó cũng là một lối tập-tành sử-dụng quyền công-dân. Cách tổ-chức rộng-rãi đó dĩ-nhiên phải tùy-thuộc hoàn-cảnh xã-hội ở từng nơi. Ở Anh-quốc có vô số đoàn-thể — cái thì quốc-gia, cái thì quốc-tế — kêu-gào thiết-lập giáo-dục cho tráng-niên. Nếu các đoàn-thể ấy liên-kết với nhau theo từng khu-vực thì tiếng chuông của chúng sẽ vang lên mạnh-mẽ hơn, và sẽ có đủ điều-kiện hơn để hoàn-bị các công việc nghiên-cứu; thật vậy, thời-kỳ sống cô-độc đã qua rồi; một tổ-chức riêng rẽ không thể tự-túc để thỏa-mãn hết mọi nhu-cầu được nữa. Ở vài xứ khác, các tổ-chức hiện-hữu cần phải hoạt-động sát với sở-thích của học-viên hơn và phải có một thái-độ dân-chủ hơn ngày nay. Còn ở những xứ mới bắt đầu thiết-lập cơ-sở, thì ta có thể đặt ra các hội giáo-dục bình-dân, không có màu sắc chính-trị, không có tinh-thần phân-chia đẳng-cấp, thích-ứng với điều-kiện riêng-biệt của từng địa-phương. Các hiệp-hội ấy phải góp sức để gọi lên những nguyện-vọng của dân-chúng trên đường học-vấn, khám-phá và chuyển-đạt những nhu-cầu của họ qua các cơ-quan chuyên-môn, thúc-đẩy việc thỏa-mãn các nhu-cầu đó và gây nên một luồng dư-luận nhấn-mạnh tánh-cách hệ-trọng của một nền văn-hóa tổng-quát đối với tráng-niên, cũng như tánh-cách khần-thiết của một cơ-cấu huấn-luyện chuyên-môn.

Giáo-dục tráng-niên phải mang nhiều hình-thức và gồm nhiều trình-độ. Tuy-nhiên, phải thật mềm dẻo; những sáng-kiến khiếm-tốn lẽ tẻ có thể phát-sinh nhiều công trình thực-hiện vĩ-đại. Trong xã-hội mà kiến-thức càng lên cao, thì khả-năng tinh-thần và đạo-đức của cá-nhân càng tỏ ra cần-thiết; vậy ta có thể quả-quyết rằng, trong nền giáo-dục tráng-niên tương-lai quan-trọng nhất là những học-vấn cao-đẳng mà chỉ các trường đại-học mới đủ tư-cách và khả-năng để phát-triển. Các học-vấn đó cần có một khuôn khổ cơ-sở đúng với câu « Giáo-dục là công việc của tinh-thần. Nhưng ta không thể phổ-biến giáo-dục mà không đem lại cho tinh-thần đó một thể-xác và không đem lại cho thể-xác đó một bộ-xương ». Lời tuyên-bổ này thật xác-đáng đối với giáo-dục tráng-niên cũng như đối với giáo-dục thanh-niên vậy.

Giáo-dục tráng-niên kéo dài và nối-tiếp giáo-dục học-đường. Nó chia ra nhiều cấp-bậc tương-ứng với nhiều sở-thích và nhiều năng-lực của người thụ-huấn. Văn-hóa và văn-minh càng tiến, giáo-dục tráng-niên càng biến thành giáo-dục người trí-thức, người có cấp-bằng đại-học cũng như người đã thôi học sớm để tìm kế sanh-nhai. Một vài cơ-quan thích-nghi đã bắt đầu thành-hình sau nhiều thử-thách và nhiều khó-khăn về tài-chánh; ta có thể hy-vọng rằng đến thời kỳ minh-triệt và phóng-dạt hơn những cơ-quan ấy sẽ trưởng-thành và đông-đúc thêm để đảm-nhiệm đặc-lực vai trò của trung-tâm đại-học cao cả. Ông Lord Haldane, một nhà giáo-dục tráng-niên nhiệt-thành, cách nay ba mươi năm, trong cơn hy-vọng tràn-ngập, sau khi chiến-tranh chấm-dứt, đã nhắc lại nkững biến-cổ xảy ra ở vài nơi và có trình một báo-cáo của thời-đó, kết-luận như thế này: « Các biến-cổ đã qua và các thí-nghiệm đang tiến hành rải-rác khắp nơi trong xứ đã báo-hiệu nay mai sắp xuất-hiện, ở tất cả các vùng quan-trọng một thứ trung-tâm cộng-đồng gọi là một lò luyện trí-thức của ngày mai; nếu được sát-nhập vào các trường đại-học, nó sẽ trở thành một yếu-tố của trường đại-học ở tương-lai ». Liên-tương đến đức tin tươi-sáng đó, ông Haldane có viết: « Nguyên-tắc chung của chúng ta là đức tin ở ảnh-hưởng của các trường đại-học đối với nền dân-chủ. Dĩ-nhiên chúng ta không thể tin trọn ở đấy. Nhiều giai-đoạn khác của hoạt-động trí-thức như tín-ngưỡng, tình yêu vẻ đẹp chẳng hạn, cũng quan-trọng lắm, nhưng chúng ta nghĩ rằng, một khi tinh-thần được giải-thoát khỏi cảnh u-minh đối-nát, con người sẽ có thể vượt qua mấy giai-đoạn ấy một cách dễ-dàng. »

Đức tin và hy-vọng đó dường như đã xuống dốc, nhưng chúng ta ước mong đám mây mờ chỉ bay thoáng qua mà thôi, vì chúng ta nhất thiết phải chinh-phục lại ánh sáng huy-hoàng của đức tin và hy-vọng, nếu không thì chúng ta sẽ chết mất với danh-nghĩa dân-chủ.

AI đã từng nghiên-cứu sự phát-triển của giáo-dục tráng-niên ở xứ này hay ở xứ khác, và đặc-biệt nhất là ở Anh-Quốc — cũng đều nhận thấy dân-chúng rất thèm-khát học-vấn, rất minh-mẫn trong việc hấp-thụ, phán-đoán và luyện-tập các đức-tính và tài-năng của trí-tuệ để góp phần tô-diêm đời sống xã-hội thêm tươi-đẹp, nhưng ai cũng đều nhận thấy rằng họ không được tự-do phê-diễn toàn vẹn thiên-tư của họ chỉ vì họ bị ảnh-hưởng của hoàn-cảnh bất-lợi, những lý-tưởng quốc-gia giả-tạo, những sai-lầm của các lãnh-tự chính-trị kém sáng-suốt. Hướng về một tương-lai tự-do dân-chủ hơn, chúng ta phải nhìn-nhận rằng các chánh-quyền đều cụ thể thực-hiện được nguyện-vọng của dân-chúng bằng cách cung-cấp cho họ các phương-tiện cần-thiết.

THIỆN-PHƯỚC dịch-thuật

THI-CA

MỪNG BẠN THI HỒNG

Cái cạm hư-danh đã thoát rời,
Thạ hồ vùng-vẫy kiếp làm trai.
Học pha non nước nên cao giá,
Đời trải gian truân mới lắm tài.
Khế-hội mở mang nhiều truyện thú,
Anh-hùng ngang dọc chán nghề chơi.
Văn-chương sự-nghiệp truyền muôn thuở,
Thua được xưa nay một trận cười.

Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHÁI



ÍT KHÁM PHÁ QUAN TRỌNG

CỦA KHOA-HỌC VỀ HAI VẤN-ĐỀ

« SỐNG VÀ CHẾT »

THÙY-NHÂN biên-khoá

Thực không còn tìm đâu ra những vấn-đề quan trọng hơn, bí-hiềm hơn và cũng cũ-kỹ hơn hai vấn-đề này.

Các truyền-thuyết, các di-tích của người xưa dù cho ta thấy tự trong dĩ-vãng xa xăm mù mịt, nhân-loại đã từng băn-khoăn, khắc-khoải về cái nguồn gốc của mình. Do đấy, đã phát sinh bao nhiêu truyện huyền hoặc, nó là những câu trả lời vụng dại, hiện nay đã bị khoa-học quét sạch. Còn các đạo-giáo, các hệ-thống tư-tưởng sán-lạn, đã tìm cách cắt nghĩa nó bằng những lý-thuyết về đấng Thượng-Đế, tạo-hóa của muôn loài, về cái Hồn-Mang nguyên thủy, về cái Bản-Thể huyền-bí, v.v.. Những lời cắt nghĩa này cao-siêu, ở trên cả khoa-học, nhưng tiếc thay chính cái tính-chất cao-siêu ấy chỉ làm cho nhân-loại thần phục, tín tưởng mà không mấy hài lòng.

Còn khoa học? Tự khi theo thuyết Biến-Hình (transformisme) của Darwin, Lamarck..., khoa-học đã từ bỏ những lý-thuyết của đạo-giáo, triết-học để lần theo một lối khác, tưởng chừng như sẽ thoát khỏi chỗ bế-tắc: con người không

VĂN-HÓA — SỐ 44

bắt buộc phải tự con người mà ra, nhưng có thể tự giống khí, hay một giống gì khác, tự một con cá hay một con rắn cũng không phải là sự không thể được, nếu ta lần trở lên mãi cái chuỗi biến cái kế tiếp. Nhưng, dù rằng thuyết biến hình có được áp dụng một cách rộng rãi đến thế thì cũng vẫn ở trong một công lệ: sinh-vật chỉ do sinh-vật mà ra. Như thế thì cái nghĩa được tạo ra của cái nhóm lừa hui hắt đầu tiên nó đã phân biệt sinh-vật với các cấu tử vô tri của nó? Dù rằng sinh-vật đầu tiên trên trái đất này chỉ là một tế-bào chẳng nữa?

Rồi đến cái chết? Ai là người chẳng có lúc phải ngẫm nghĩ về sự phi lý của cái chết, nó đột ngột đến chấm dứt một sự nội-trường liên-miên, một dòng hoạt-động không ngừng. Để trở về thành vật-chất, vô tri vô giác, mà thôi ư? Không lẽ những cuộc sống oanh-liệt, những công phi thường của cá nhân đột nhiên tiêu-tan không còn để lại một chút gì ngoài cái dư vang của những hành động ấy trong đám con cháu về sau? Có nhân xưa kia chất-phác là thế, mà cũng không bao giờ chịu thừa nhận rằng chết là hết nên ta mới còn tìm thấy những vết-tích lễ vật dâng cho kẻ chết ngay trong tục lệ của người xưa.

Đối với vấn-đề này, khoa-học cũng cố gắng tìm hiểu cái thế-giới bên kia, cái nói không một ai đã đến mà còn trở lại. Khoa-học không phủ nhận cũng không xác-nhận các lời giảng-dạy của đạo-giáo, nhưng nhất quyết coi đây là một nghi-vấn cho đến ngày nào có thể xét nghiệm một cách cụ-thể.

Vậy thử hỏi khoa-học đã biết những gì về cái sống?

Dưới đây tôi sẽ xin trình bày cùng các bạn một số phát-minh kỳ lạ của khoa-học về hai vấn-đề này. Nhưng tôi cũng xin nói ngay là chưa cởi mở được những nỗi băn-khoăn của chúng ta. Nhưng theo thiên ý, những sự đảo-lộn nó đem lại cho chúng ta trong quan-niệm về sống và chết tưởng cũng đáng kể là những bước tiến men dần đến sự thật vậy.

SỰ SỐNG

Như trên đã nói, ta đề mặc cho các nhà khảo-cổ đi ngược dòng thời-gian tìm kiếm các di-tích hàng vạn thế-hệ về trước, để tìm ra những mối liên-lạc giữa ta và các sinh-vật đầu tiên. Ta hãy tạm tin rằng có một sự sống đơn giản mở đầu cho kỷ-nguyên sinh-vật trên trái đất này. Hiện nay, ta thấy không có một sự sống nào đơn-giản hơn những tế-bào. Chúng có một cuộc sống riêng biệt, trong khi vẫn là cấu-tử của cơ-thể mọi sinh-vật lớn hơn. Cũng nhiều khi một sinh-vật chỉ là một tế-bào duy nhất mà thôi, chẳng hạn một số các vi-trùng.

Chúng có những lối sinh-trưởng đặc-biệt, nhưng cũng vẫn có sinh-tử không khác gì những sinh-vật lớn hơn là mấy.

Cho tới ngày tìm ra các tinh-độc (virus).

Tinh-độc là một thứ « siêu vi-trùng », cực kỳ nhỏ bé, tới nỗi ta khó lòng tưởng-tượng được đúng cái độ nhỏ ghê-gớm của nó. Chúng có nhiều loại, to nhỏ khác nhau, trong đó nhỏ nhất là loại tinh-độc gây ra bệnh của tủy sống (poliomyélite) đo được 1/100.000.000 của một mét, nghĩa là phải 5 vạn con nối đuôi nhau mới bằng được đường kính của một chấm trong bài này. Chúng tuy nhỏ bé, nhưng reo-rắc cho ta không biết bao nhiêu bệnh, nhiều bệnh rất hiểm nghèo: cảm, cúm, sởi, quai bị, thủy đậu, đậu mùa, sốt định kỳ, bệnh dại v.v.. loài-vật cũng bị chúng gây ra những bệnh như sốt rét ở lỗ móm, bệnh dại của trâu bò, chim chóc v.v.. cho chí cây cỏ cũng không thoát, vì chúng mà mắc một loạt các thứ bệnh mệnh danh là « khảm bệnh » (mosaïque).

Từ thời Pasteur đưa ra thuyết vi-trùng, không một ai nghi-ngờ thuyết ấy, nhưng người ta không khỏi băn-khoăn về nhiều thứ bệnh mà không làm cách nào tóm được những vật gây ra bệnh. Người ta chỉ chứng-kiến những sự tàn-phá ghê-gớm của chúng trên cơ-thể sinh-vật, mà đặc-biệt là chỉ ở trên những cơ-thể ấy mà thôi: Trong khi các thứ vi-trùng khác có thể cấy được để xét-nghiệm thì các tinh-độc lại chỉ trông vào các tế-bào để mà sống. Do đấy, người ta đã tạm kết-luận rằng chúng thuộc một loại kí-sinh-trùng của tế-bào.

Năm 1892, nhà bác-học Ivanowsky nghiên-cứu về khảm-bệnh của cây thuốc lá đã thử dùng thứ bình lọc bằng sứ rất mịn để lọc. Bình đó gạn lại được các thứ vi-trùng, thế mà nhựa cây đã lọc vẫn mang nọc bệnh như thường. Cuộc khảo-cứu khó-khăn và chậm-chạp, tuy thế vẫn tiếp-tục cho đến 40 năm sau, tức 1935, một nhà bác-học người Mỹ là Stanley mới đạt một kết-quả làm chấn-động giới bác-học trên hoàn-cầu; ông đã kết-tinh (crystalliser) được thứ tinh-độc này.

Các nhà bác-học xôn-xao bàn-tán, và đưa ra bao nhiêu giả-thuyết về những cực tinh-thể nhỏ li ti của Stanley.

Sau khi phân-chất chúng, người ta càng phân-vấn, không hiểu đây là một tử-vật (corps inerte) hay là một sinh-vật? Hầu hết chúng đều chỉ gồm hai hóa-chất: chất pô-tê-in (protéine) và chất át-xít nuc-lê-ic (acide nucléique), ngoài ra, có thêm một vài chất khác nhưng rất ít. Hai chất chính thay đổi tỷ-lệ tùy từng thứ tinh-độc. Một khi chúng là những chất hóa-học thuần túy, kết-tinh lại được

như muối, thì ta dễ nghi rằng đây là những chất do tế-bào thải ra và riêng nó không có sự sống.

Nhưng trái lại, các nhà bác-học lại tìm thấy rằng chúng có một đời sống riêng, bên cạnh những bộ-phận của cơ-thể bị chúng gây bệnh; nhất là chúng lại cũng có một nhịp sinh-sản rất đều đặn, mà sinh-sản tức là có một đặc-tính cốt yếu của sinh-vật rồi.

Như vậy, phải chăng chúng chính là cái hình-thức « sống » tối thô-sơ, cái cầu bắc ngang giữa hai thế-giới vật-chất không sống và có sống trên mặt đất này?

Dưới đây, các bạn sẽ được chứng kiến một cuộc thí-nghiệm khiến ta càng tin thêm rằng kết-luận này là đúng, nhưng xin kể tiếp cho có thứ tự.

Từ ngày máy hiển-vi điện-tử được phát minh, với những bội-giác cực kỳ mạnh mẽ (100.000 lần), gấp 30 lần những kính hiển-vi dùng ánh sáng thường, loại tốt nhất, người ta đã « nhìn » thấy hình thù của những quái vật cực nhỏ này. Bức hình đầu tiên chụp được về tinh-độc của khảm-bệnh thuốc lá đã có từ năm 1939 của hai nhà bác học Kauscho và Ruska. Rồi tiếp đến các thứ tinh-độc khác cũng dần dần lọt vào tầm mắt của điện-tử. Nhưng máy này cũng không giúp ta hiểu cho lắm về tinh-độc, ngoại trừ cho ta biết hình dáng của chúng cũng rất khác nhau, thứ tròn, thứ dài, thứ thành sợi, thứ vuông, thứ đa diện v.v.. Còn như xét-nghiệm chúng khi đang hoành-hành trong tế-bào bệnh nhân thì không sao làm nổi, vì máy điện-tử chỉ cho phép xem những vật trong chỗ chân không, tức là vật ấy phải hoàn-toàn khô và cực-kỳ mỏng để cho điện-tử có thể thấu qua được.

Kể thì khó thực nhưng không phải vô phương. Không dùng cách xét-nghiệm trực-tiếp thì họ dùng lối gián-tiếp, và ghi được rằng các tinh-độc này hoạt-động một cách cực-kỳ oái-oăm: chúng có thể « thu hình ngũ yên » hàng bao nhiêu lâu cũng được vì thế khó biết đích-xác khi nào chúng có mặt. Thường khi nó chung sống hòa-hòa bên cạnh các tế-bào từ thế-hệ này sang thế-hệ khác, để rồi đột-nhiên, tất vì một duyên cớ nào đấy, chúng bỗng vùng dậy hoạt-động tàn-phá mạnh mẽ cơ-thể sinh-vật. Khi ấy thì các tế-bào bị chúng cướp mất những chất gì cần cho chúng để sinh-sôi nảy-nở. Bác-sĩ Burnett lại dùng hai loại tinh-độc của bệnh cúm, khác hẳn nhau, cùng cấy vào trong một cái phôi (embryon) trứng gà. Cách ít lâu, bác-sĩ lấy ra được một thứ tinh-độc « lai », có những đặc-tính của loài nọ lẫn của loài kia. Cái tính cách di-truyền trong những sinh-vật quá đơn sơ

như tinh-độc bắt ta phải nghi rằng trong khi sinh sản, chúng tự phân ra thành « từng mảnh » để rồi lại chập lại thành những tinh-độc mới, do đây những mảnh của tinh-độc loại nọ ghép vào với mảnh của tinh-độc loại kia đã đem lại cho tinh-độc con những tính-chất của cả hai loại.

Nếu dự đoán trên đây mà đúng thì ta có thể làm cái việc « chắp mảnh » này được chăng? Đó là một câu hỏi mà hai nhà bác-học Heinz L. Fraenkel Conrat và Robley Williams, dưới sự điều-khien của bác-sĩ Wendel M. Stanley, (người đã kết-tinh được tinh-độc hồi 1935 và đã từng được giải-thưởng Nobel) đã trả lời trong một cuộc thí-nghiệm rất ngoạn-mục.

Trước hết, nhóm bác-sĩ này coi mô tinh-độc của mình như một số hóa-chất và đem ra phân thành hai hóa-chất cấu-từ là pô-tê-in và át-xi nuc-lê-ic, cả hai đều là những vật *trơ trơ không sống không chết*, như bất cứ một hóa chất nào khác. Bây giờ họ đem hai hóa-chất ấy hòa vào trong một dung dịch át-xít rất loãng, và theo tỷ-lệ 1/10. Thì này lạ, lập-tức dung dịch ấy trở nên đục y hệt như một dung dịch chứa đựng tinh-độc. Chỉ vài phút sau thôi là dung dịch ấy đã trở nên một chất có thể làm độc một cách ghê gớm. Đưa vào máy hiển-vi điện-tử thì rành-rành đã lại xuất-hiện những con tinh-độc sống thực.

Như vậy phải chăng có một cuộc hóa-hợp đã tạo được ra sự sống?

Và một lần nữa, tinh-độc có phải là cầu bắc ngang giữa vật không sống và vật có sống không?

TINH-ĐỘC VÀ THUYẾT BIẾN HÌNH

Chúng ta ai cũng đã rõ, theo thuyết biến hình của Darwin và Lamarck, sinh-vật tự thích ứng với hoàn-cảnh mà thay đổi từ thể-chất đến tinh-thần. Sự thay đổi này không đột-ngột mà tiệm-tiến, từ thế-hệ này đến thế-hệ khác, liên tục không ngắt, mỗi thế-hệ giữ được những sự biến-cải của tổ-tiên truyền lại và tự mình cũng thay đổi tí chút để rồi lại truyền tất cả cái mô biến-cải đã có và mới có ấy cho con cháu, như thế mãi mãi. Đây là luật biến-hóa *đặc-tinh của sinh-vật*.

Các thế-hệ, như vậy, giống như những hạt trong một chuỗi, có một mối liên-lạc mật-thiết với nhau: tính cách di-truyền (hérédité).

Đi sâu mãi vào vấn đề nổi giới, người ta đã lần lần tìm đến cái vật « chứa đựng » những đặc-tính di-truyền tự thể-hệ sinh-vật này đến thể-hệ sinh-vật khác, đó là những sợi « chromosome ».

Ta đã biết là cơ-thể của sinh-vật, như của con người chẳng hạn gồm có bao nhiêu tỷ tế-bào. Mỗi tế-bào là một chút sủu chất hữu-cơ, gọi là nguyên sinh-chất (protoplasme). Về phương-diện hóa-học thì người ta biết là chúng gồm các đơn-chất chính : các-bon, hýt-rô, ôc-xy, nít-tơ, lưu-huỳnh, phốt-pho và một chút ít một chất phụ như : cal-ci, nhân ngôn, sắt, ma-nhê-si v.v... Nhưng đặc-điểm của nó là sống : chúng tự dinh dưỡng, trưởng-thành, bài-tiết, sinh-sản và chết : tuy nhỏ bé cực kỳ (khoảng vài phần triệu của một mét) mà chúng cũng có đời sống như những sinh-vật lớn mà chúng cấu-tạo thành. Chúng cũng phân loại khác nhau, chẳng khác gì giống người nọ khác giống người kia, và tế-bào loại này khác tế-bào loại khác trong cùng một cơ-thể. Ta cũng không nên tưởng là chúng bắt buộc phải nhỏ như thế tất cả ; hạt máu lớn tự 5 đến 7 phần triệu của một mét, hạt trứng trong buồng trứng của đàn bà tới 150 phần triệu mét, nhiều tế-bào lớn của tủy sống có đuôi dài ra tự tủy đến tận đầu tay chân, đó là đường gân, lại nữa, trứng gà trứng vịt hay trứng đà điểu chẳng hạn, tuy lớn như thế mà thực ra chỉ là một tế-bào khổng lồ mà thôi. Tất cả, chúng giống nhau ở chỗ riêng tự mình có một đời sống, và là cấu-từ đơn-giản nhất của sinh-vật.

Tự ngoài vào trong người ta thấy mỗi tế-bào thường làm gồm một lần màng ngoài (có thể tế-bào thiếu không có màng), trong đến nguyên-sinh-chất, ở giữa là một cái nhân. Cái nhân là một bộ-phận đáng ta lưu-ý hơn cả vì nó chứa đựng sự bí-mật của lối truyền giống. Một khi tế-bào không có nhân nữa thì đây là triệu-chứng già yếu hay tật bệnh.

Nhân có màng nhân, trong là một chất lỏng gọi là nhân trấp (sue nucléaire) và trong nhân trấp ấy là những sợi ngoằn-ngoèo tên gọi nhiễm-thể (chromosome). Chính trên cái nhiễm-thể này có những chuỗi hạt « gen » (gène), mỗi gen chứa đựng một đặc-tính của sinh-vật.

Đến đây ta không khỏi nhận thấy một sự kỳ-diệu : Mỗi sinh-vật đều được xây-dựng như những tòa nhà chứ không được đúc như những pho tượng. Sự sai-biệt ở chỗ này : Hình thù pho tượng đã được ấn-định do cái khuôn

ở bên ngoài. Vật dùng để đúc bị áp-lực đẩy ra từ phía, gặp đến cái khuôn thì dừng lại, và do đấy bắt hình theo khuôn. Trái lại, các tòa nhà thì không có một cái khuôn nào cả. Nó được dần dần xây-dựng, tương như là vô tổ-chức, nhưng kỳ thực, vẫn theo một kế-hoạch, một hình-dáng cố-định trong trí óc nhà kiến-trúc. Nói một cách khác, ý-chí nhà kiến-trúc tuy vô hình nhưng chính là cái khuôn vững chắc và vô cùng linh-động của các tòa nhà vậy.

Cơ-thể sinh-vật cũng vậy, nó không có khuôn, mà vẫn được tạo nên theo những mẫu mực nhất định, thế tất phải có một ý-chí thượng-đăng điều-khiển sự cấu-tạo này.

Mỗi người chúng ta bắt đầu vào đời dưới hình-thức rất đơn-giản : một hạt trứng của người mẹ đã gặp một tinh-trùng của người cha. Hai vật ấy nhỏ bé nhỏ tới nỗi tất cả các tinh-trùng và các nhiễm-thể đã tạo nên tổng số dân-cư trên thế-giới này góp lại chỉ vừa bằng... một viên thuốc nhức đầu. Nếu ta nhìn ngay quanh ta cũng đã thấy mỗi người một dáng, mỗi người một vẻ và mỗi người một tính, thì ta có thể tưởng-tượng ra sự phức-tạp cực-kỳ của các vật nhỏ bé kia nó đã tạo nên hàng mấy tỷ người mà chẳng ai giống hẳn ai hết.

Hạt trứng là một tế-bào, nó đã thụ tinh trưởng-thành và tự-phân ra. Mỗi tế-bào đã « nhận được chỉ-thị » phải thích-ứng vào một việc riêng nào trong cơ-thể : tế-bào này thì sẽ tạo ra thịt, tế-bào kia ra gân, tế-bào khác ra xương, ra máu v.v.. Nhưng tất cả đều mang trong mình một ý-chí duy nhất là tạo nên cái hình-thù nhất định, với những đặc-tính nhất định, cho cái toàn-thể là con người. Cái « ý-chí duy nhất » ấy chính đã được các nhiễm-thể và các gen nói trên cụ-thể hóa, vì vậy trong tất cả các tế-bào của cùng một cơ-thể đều có những nhiễm-thể và gen giống hệt nhau.

Tất cả mọi sự bí-mật về việc nổi giới đều quy tụ ở trong những hạt gen. Mà những hạt gen là gì? Các nhà bác-học đã tìm thấy : chúng giống các tinh-độc về nhiều phương diện, cả về công-thức hóa-học của nó nữa : nó cũng gồm hai chất chính là át-xít nuc-lê-ic và pô-tê-in.

Trong hai chất này, riêng át-xít nuc-lê-ic quan-trọng hơn cả : chính nó chỉ-huy sự đồng-hóa và sự biến-hóa trong tế-bào, chính nó chỉ-huy việc truyền lại các đặc-tính ở trong gen, chính nó là bộ máy tạo ra chất pô-tê-in kia vậy.

Hiệu-lực bất-ngờ của DNA

Át-xít nưc-lê-ic thường được gọi tắt là chất DNA (acide désoxyribonu-cléique). Tự năm 1928 nhà bác-học Anh-Cát-Lợi Fred Griffith đã làm một cuộc thí-nghiệm lạ lùng sau đây:

Ông chuyên nghiên-cứu phé-viêm-khuẩn (pneumocoque). Vi-trùng này có nhiều loại, khác nhau về công thức hóa-học của những chiếc vỏ bọc, và độc-tính của chúng cũng ở các vỏ bọc ấy. Ông thấy sau khi nuôi chúng trong các ống cây của phòng thí-nghiệm, nhiều khi chúng bị mất các vỏ bọc và trở nên hoàn toàn vô hại; nói một cách khác, chúng không còn khí-giói đề làm hại ai nữa, và chúng sinh-sản ra những con khác cũng đều vô hại như thế cả. Một hôm ông đem loại vi-trùng đã hết độc này và xác chết của những con vi-trùng còn có vỏ, cùng cấy vào trong một con chuột. Theo lý đương nhiên thì chỉ có những con vi-trùng lành sinh-sản thôi, còn những con độc thì chết rồi không còn làm hại chi nữa, con chuột tất không việc gì. Không dè con chuột bị làm độc đến chết, và trong xác chết của nó thấy vô vàn những con phé-viêm-khuẩn sống và độc. Như thế chỉ có một kết-luận là: những con vi-trùng chết đã để tan ra trong máu chuột một chất gì bí-mật, chất ấy một khi nhập vào những con vi-trùng lành và sống đã làm chúng thay đổi và biến chúng thành giống vi-trùng độc như những con đã chết. Cái chất gì kỳ lạ đã đem đặc-tính độc của xác chết sang cho vật sống kia?

Mười bảy năm sau người ta mới trả lời được: đó là chất DNA vậy. Ta không rõ nên không thấy chi là lạ lắm, nhưng đối với các nhà bác-học thì đây là một thành-công cực-kỳ quan-trọng: con người, lần đầu tiên, đã gây ra một sự sậu biến (mutation) của sinh-vật theo ý muốn.

Thực vậy, vấn-đề di-truyền đã bắt đầu được nghiên-cứu có phương-pháp từ một thế-kỷ nay, từ ngày vị thầy cả Gregor Mendel xét-nghiệm định-luật di-truyền ở một loài đậu (pois de senteur), nhưng các nhà bác-học vẫn tự cảm thấy như bất-lực trước cái thành-trì vô hình của những định-luật ấy. Họ biết định luật đề dựa vào đấy mà đoán trước những cuộc ghép loại này lại với loại khác, chứ không làm sao biến đổi được một giống.

Với những tiến-bộ nguyên-tử, người ta đã dùng vật phóng-xạ để làm biến cải các nhiễm-thê và các gen, nhưng kết-quả chỉ là những quái vật, vì họ không sao lường trước được sự biến cải của nhiễm-thê và gen trước luồng phóng xạ thì sao định được sự biến-cải của giống đem thí-nghiệm?

Họ cũng từng làm thay đổi các điều-kiện sinh sống của sinh-vật, nhất là của cây cỏ, để tạo ra những giống mới, nhưng đây cũng lại chỉ là một cách bắt buộc cây cỏ tự thích ứng cấp tốc phần nào, với điều-kiện sinh sống mới, chứ không phải là chính tự tay ta thay đổi hẳn giống của nó.

Còn như biến-cải sinh vật bằng đủ mọi cách trên một cơ-thể thì sự thay đổi ấy chỉ hiệu-nghiệm trong có mỗi một thế-hệ thôi: Thí dụ ta có bắt một đôi mèo cắt tai chúng đi, thì khi đẻ ra những con con cũng có tai như thường. Cho dù ta cắt mãi, thì những con mèo sinh ra, đời thứ bao nhiêu cũng vẫn không vì thế mà cụt tai. Vì sự cắt tai có thay đổi chỉ đến các nhiễm-thê và các gen của chúng đâu?

Sự thành-công của ô. Fred Griffith tuy-nhiên mới ở loại sinh-trùng hạ đẳng, có một đời sống cực-kỳ đơn-giản. Chẳng hay chất DNA kia có hiệu-lực gì ở những sinh-vật thượng đẳng chăng?

Một cuộc thí-nghiệm mới đây đã trả lời câu hỏi này.

Ngày 28 tháng 6 năm 1956 giáo-sư Jacques Benoit (Pháp) tiêm nhiều liều DNA cho một tá vịt con mà ông ta đã mua của bà Flamencourt, tại Meung sur Loire. Đây là một loại vịt lai hai loại khác: loại Pékin và loại Khaki.

Ngày tháng trôi qua không có gì xảy ra. Cho đến mùa xuân thì này lạ: trong 12 con đó chỉ còn có 3 con là giữ được giống Pékin, còn 9 con kia biến thành một loài vịt khác hẳn, trắng tuyền với những đặc tính chưa hề thấy bao giờ. Người ta đặt tên là loại vịt Bạch-Tuyết.

Những con vịt tuyệt đẹp này vậy chưa cho ta tin ở kết quả: nó có giữ được những đặc-tính ấy ở các con cháu nó không? Hay lại chỉ là thay đổi ở nơi chúng mà thôi?

Ba tháng sau, ba mươi hai chiếc trứng của chúng nở: trong đó có được 26 con đúng giống Bạch-Tuyết. Thế một loại vịt mới được tạo ra và đặc-tính trong các gen của chúng đã thực sự thay đổi vậy.

Thế là chắc chắn ta có thể tin được rằng chính chất DNA tàng trữ tất cả bí-mật của sự sống. Chính nó đã thay mặt đáng tạo-hóa gây ra thiên hình vạn trạng của thế-giói sinh vật trên trái đất này, chính nó đã biến-hóa chất vô sinh thành vật hữu sinh, tuy chính nó cũng chỉ là một hóa-chất không hơn không kém.

Ta chưa có thể biết trước được cuộc thí-nghiệm này sẽ đưa ta đi đến tận đâu. Nó có cho ta cái quyền hành tối hậu là tạo nên sinh-vật chăng? Hay các quyền tự ý thay đổi các sinh-vật, tạo nên những siêu-nhân chăng hạn?

Dấu sao thì nó cũng sẽ đặt nhân-loại trước một câu hỏi cực kỳ khó, giải: Con người sau khi bị chất DNA làm biến-cải, có còn là con người « trước » không? Sở dĩ ta vẫn là ta, dù rằng ta có bị đau ốm, già yếu hay bị thương tích thì ta vẫn không hề thay đổi, tất cả các đặc-tính của ta đều y nguyên, về tinh-thần cũng như thể-chất, nó vẫn cố-định ngay từ trong mỗi tế-bào của ta. Nay chất DNA làm ta thay đổi từ những cấu-từ ấy trở đi, cho đến toàn thể, thì cái « ta » sau và trước không còn là một nữa, có thể gọi là hai khác hẳn nhau, nối tiếp nhau trong cùng một mạch sống, thì kẻ sau có còn được hưởng những quyền-lợi hay chịu những hậu-quả của kẻ trước hay không? Rồi lại còn vấn-đề nối giới nữa, người con bị « biến-cải » bằng DNA sẽ không hẳn là con của người cha hay mẹ nữa, con người như vậy sẽ bị cắt đứt liên-lạc giữa mình với mình, và giữa mình với con cháu, không hiểu rồi ra tâm-trạng của họ sẽ ra sao?

Nhưng đây là vấn-đề tương lai, còn khoa-học thì bao giờ cũng vẫn cứ tiến, không gì cản nổi, cho rằng hậu-quả có tai hại đến đâu. Theo thánh thư thì há chẳng một phần vì tính tò mò mà người đàn bà đầu tiên trên trái đất đã phạm tội ấu-phái trái cấm đấy ư? Mà tính tò mò thì có bao giờ tiêu-diệt, nó là nguyên-động-lực bắt ta phải cứ đi tới mãi, tới mãi, ít ra cũng là để ... biết, nếu không mong thủ lợi. (Trừ phi những thế-hệ sau này biết xử-dụng chất DNA mà đi hẳn tính tò mò đi thì không kể.)

Trở lại vấn-đề nguồn gốc sinh-vật, ta phải nhận rằng có lẽ bậc vĩ-nhân là Pasteur đã không hoàn toàn có lý, khi ông cho rằng một sinh-vật không thể tự vật vô tri mà ra, thuyết tự-nhiên sinh (génération spontanée) đã bị ông đập tắt, thì nay nó lại ngời ngớt trở lại, vọt chất DNA kỳ lạ kia.

Thực vậy, cho rằng ta đã hàng ngày làm bao nhiêu cuộc thí-nghiệm trên khắp mặt đất, trong khắp các phòng thí-nghiệm, nhưng vẫn chưa hề có một lần nào phát sinh một sự ngẫu-nhiên kỳ-diệu tạo ra cái tia lửa đầu tiên của sự sống. Và do đấy, ta không thể tin được rằng sự ngẫu-nhiên ấy xưa kia đã có. Kết-luận ấy có vững chắc không?

Cái vấn đề ghê-gớm này đâu chỉ nằm trong cái khung của ít nhiều thế-hệ, của một vài ngàn năm tiến-bộ văn-minh khoa-học? Nó có cả một thời-gian dài kinh-khủng là tuổi trời đất này để giải-quyết: Hai nghìn triệu năm. Cái sự ngẫu-nhiên không thể có trong ít cuộc đời ta, đối với thời kỳ dài đằng đẵng ấy không còn phải là sự không thể có nữa mà trái lại, rất có thể. Vì thế, phần đông các nhà bác-học đều tin rằng: tuy sự cấu-tạo chất DNA cực-kỳ phức-tạp, nhưng trong dĩ-vãng thăm thẳm kia tất đã có một lần, những nguyên-tử cần-thiết đã được gặp nhau trong những điều-kiện thuận tiện để hợp thành chất DNA. Thế rồi, dưới sức chuyên-động của sóng biển (tho tin rằng sinh-vật đầu tiên phải sinh ở trong biển, rồi sau mới lên cạn) nó đã tạo ra hàng bao nhiêu tầng pô-tê-in nổi lều bều trên mặt trùng-dương. Thế rồi, một ngày kia, những phần tử DNA đột-nhiên hợp lại với chất pô-tê-in lấy nhày, không hình dáng ấy, và tự đây xuất-hiện những hạt giên thuần-khiết, những hạt sinh-vật sơ-dãng nhưng đã có những đức tính đặc-biệt của sinh-vật là tự sinh sản, và biết dùng các chất xung quanh để biến thành chính bản thân. Cái tế-bào đầu tiên ấy cứ lần lần biến-cải hoàn cảnh xung quanh, và cũng cứ lần lần tự thích-ứng với các điều-kiện sinh sống mới. Rồi bắt đầu sự tuyển lựa thiên-nhiên can thiệp vào, hủy đi những hình thái nào không bền vững, không thích-hợp hẳn với điều-kiện sinh sống, lọc lại những hình thái phù-hợp hơn cả để cho chúng tiếp tục phát-triển. Trong những điều-kiện khắt khe ấy, sinh-vật tiến những bước chập chùng nhưng kiên-quyết để lần hồi đi tới cái hình thức hiện tại của mọi sinh-vật, trong đó, thường đấng sinh-vật là con người cũng vẫn tiếp-tục tuân theo luật đào thải mà tiến hóa mãi.

Tuy nói thế ta cũng chớ nên tưởng rằng đã giải-quyết hẳn được vấn-đề. Đây chỉ là một giải-pháp có thể mà thôi. Riêng nhiều người vẫn không tin, cho rằng các tế-bào có thể ví như những tiếng nói. Tuy riêng chúng có đời sống cũng như mỗi tiếng nói có một ý nghĩa, nhưng một sinh-vật là một công trình sáng-tạo kỳ-diệu khác hẳn ý nghĩa sự sống của các cấu-từ, cũng như một câu thơ có một ý nghĩa riêng biệt, đâu có phải là tổng ý của các tiếng: chúng có là tế-bào súc-vật có thể ghép lên cơ thể con người được, mà con vật vẫn khác hẳn con người. Cũng vẫn những tiếng ấy trong câu thơ mà chỉ cần đổi chỗ của chúng là đủ làm cho câu thơ mất hẳn ý nghĩa.

Vậy một lần nữa, sự hiện-diện của một đấng tối cao là Tạo-Hóa, là Thượng-Đế, an bài mọi sự vẫn không tránh được: ta có thể tưởng tượng ra những chữ tự biến thành câu thơ mà không cần tài-nghệ của thi-sĩ chăng?

Cuộc tranh luận sẽ vẫn còn liên-miễn và chưa biết sẽ ra sao. Ta chỉ nên đánh dấu một bước tiến là: nắm được chất DNA, cái yếu-tố kỳ-dị chỉ huy sự sống trên trái đất này, khoa-học tất sẽ còn mở ra cho ta thấy nhiều cái bí-mật lạ lùng hơn nữa của sự sống.

(Còn tiếp)
THÚY-NHÂN
biên-khoá



TRU'Ò'NG-HIỆN CA

Yã-Học NGUYỄN-VĂN-TRUNG

và Trình-Nguyên NGUYỄN-HỮU-NGU
dịch và chú-giải

TIÊU-DẪN

Hoàng-đế Đường Huyền-Tông, họ tên thật là Lý-Long-Ki, đời sau hay gọi là Đường Minh-Hoàng (ở ngôi 43 năm, 713-756) là hoàng-đế thứ chín nhà Đường đã thống-trị Trung-quốc trong ba thế-kỷ VII, VIII và IX (618-907, cả thảy 289 năm). Lúc thiếu thời là một người anh-vũ và có tài-lực. Dưới triều-dại của ông, trong nước thăng-bình. Nhưng mấy năm sau cùng, ông đàm ra say mê Dương-Quý-Phi, lại tin dùng bọn Dương-Quốc-Trung (anh họ của Quý-Phi), Lý-Lâm-Phủ v.v., nên quốc-chính càng ngày càng suy-tệ.

Dương-Quý-Phi, tiểu-tự Ngọc-Hoàn, là một người đẹp vô-song, lại đĩnh-ngộ, sành âm-luật và giỏi hát múa. Ban đầu làm phi của Thọ-vương (con của Huyền-Tông), sau đó đi tu. Huyền-Tông đề ý đến nhan sắc hân hữu của nàng, triệu vào cung, cho làm nữ quan, lấy hiệu Thái-Chân để kỷ-niệm thời kỳ ngắn ngủi làm nữ đạo-sĩ.

Chẳng những Huyền-Tông ban cho nàng không biết bao nhiêu tặng-phẩm, say mê nàng đến mực quên lãng cả việc triều-chính, mà lại lớp thì phong tước, lớp thì cấp vô số tiền của cho cha mẹ và thân quyến của Quý-Phi. Ba chị em gái của nàng, cũng là người diễm-lệ thông minh, và hai

anh nàng, thấy đều sống một cuộc sống hào-hoa như vua chúa. Cách kinh-dô không bao xa, ở chân Lư-sơn, Huyền-Tông áp-ủ mỗi tình chênh-lệch trong Hoa-thanh-cung, thì họ cũng không kém cạnh gì, cho cất những biệt-thự tráng-lệ ở gần đó. Hễ hoàng-đế thiết yến, tất nhiên họ được mời đến dự; và hễ hoàng-đế du-hành, thì trong đoàn hộ-giá tất nhiên người ta thấy những cỗ xe ngựa lộng-lẫy của họ. Mọi người trong vòng thân quyến của họ đều được tham gia cuộc sanh-hoạt ở triều-đình, và những lúc ăn mặc rực rỡ đi ra vào hoàng-cung, trông họ thật chẳng khác nào trăm hoa lưu-động. Sau khi họ về, thì trên mặt nền vương vãi nào là thoa vàng trâm bạc, nào là hài thêu, nào là trần châu bảo ngọc. Già sử có kể nào hiếu-kỳ dám đánh bạo ghé mắt vào cỗ xe chở các vương-phi, các phu-nhân, thì mãi mấy hôm sao y cũng vẫn còn thấy thoang thoang mùi hương ngậy-ngất của họ (1).

Thuở ấy có An-Lộc-San, người Hồ, quê ở vùng Nhiệt-hà, là người rất thông-minh, thạo sáu thứ ngôn-ngữ, được cất làm Tiết-dộ-sứ, một mình quản-linh đến ba phiên trấn, được hoàng-đế và nhất là Dương-Quý-Phi rất mực tin mến. Y xin làm con nuôi của Quý-Phi để được phép ra vào cấm-uyền, mà khỏi ai dị-nghị, hoàng-đế cũng vui lòng ưng-thuận. Về sau có sự hiềm-khích với tể-tướng Dương-Quốc-Trung, là người thường tỏ ý ganh tị sự tin mến thái quá ấy, đã nhiều phen cáo-tố An-Lộc-San có ý nghịch-mưu, sớm muộn gì tất cũng làm phản, nhân đó An-Lộc-San sợ bị ám-hại vì tay người mà thanh-thế trùm cả thiên hạ ấy, nên ngày mùng 9 tháng XI âm-lịch (2) năm ất-vị (755), cử binh từ quận Ngự-dương (cách Trường-an 330 km về phía đông), tự xưng Hùng-Vú hoàng-đế, đặt quốc-hiệu là Yên (756), Sau khi đánh bại dễ-dàng binh triều-đình, khiến Huyền-Tông khiếp đảm, đang đêm bỏ chạy, y dẫn quân vào kinh-dô Trường-an (nay đổi tên là Tây-an), ngày 18 tháng VII dương-lịch, năm 756. Hơn một năm sau y bị con trai là Khánh-Tự hiệp với Lý-Tru-Nhi giết chết.

Lúc Huyền-Tông tị nạn, ngoài Dương-Quý-Phi ra lại thêm hai người chị và ông anh họ của nàng đi theo nữa. Rồi khỏi Trường-an ước 60 km, đến trạm Mã-ngôi, đoàn quân hộ-giá, phần bị hết lương-thực, phần bị quá khổ-sở sanh lòng căm-phẫn, bèn đồng lòng cự-tuyệt không chịu bước

(1) Riêng một đoạn này là dịch của TSUI CHI : A short history of Chinese civilisation (Trung-quốc văn-hóa sử đại-cương).

(2) Theo Cựu Đường thi. Song linh-mục Mathias Tchang trong cuốn « Synchronisme chinois » ghi : 1ère lune, tức là tháng giêng.

thêm một bước nào nữa. Đã thế họ cho rằng tể-tướng và Quí-Phi chính là đầu dây mối nhợ của loạn An-Lặc-San, nên dưới sự lãnh-đạo của Trần-Huyền-Lê, họ cùng nhau xúm giết Dương-Quốc-Trung, bêu bầu y trên ngọn giáo đem đến trước mặt Huyền-Tông. Liên đó, họ giết luôn cả hai chị của Dương-Quí-Phi. Huyền-Tông cố thuyết-phục cho họ người con thính-nộ, nhưng họ lại đòi thủ-cấp người cùng bậc nhất của hoàng-đế. Thế cùng, Huyền-Tông đành khiến hoạn-quan Cao-Lực-Sĩ dẫn nạng đi bắt cô bằng một dải lụa bạch để cho ai mang khỏi « hận-tình muôn thuở ».

Rồi quân-sĩ thỏa lòng mới chịu phò vua đi thêm 500 dặm nữa về phía tây-nam, đến cái xứ mà non cao nước thấp trải khắp nơi một cảnh-tượng hùng-vĩ, xứng đáng làm nơi nghỉ bước cho vua chúa đảo-vong : Ba-Thục (nay là tỉnh Tứ-Xuyên).

Cuối năm sau, khi thái-tử là Túc-Tông, đã tị-nạn vùng tây-bắc, nhờ có viện-binh ngoại-quốc mà dẹp được loạn, Huyền-Tông trở về kinh-đô, truyền vị cho Túc-Tông (ở ngôi 7 năm, 756-763) và được tôn là Thượng-hoàng thiên-đế.

Mối tình Huyền-Tông, Quí-Phi, dẫu có phần ly-kỳ đặc-biệt của một lứa đôi vương-giả, nhưng rồi cũng bị chìm trong quân-lãng, nếu không có ngòi bút tài-hoa của Bạch-Cư-Dị (772-846) tô-diêm cho thêm vị làm-li chưa sót.

Cùng với « Tì-bà hành », « Trường-hận ca » là bài thơ dài được truyền tụng nhất của thi-sử họ Bạch và ảnh-hưởng nhiều đến văn-chương nước ta; lấy hình-thức mà nói thì « Trường-hận ca » hay hơn « Tì-bà hành », nhưng chưa được truyền bá sâu rộng như « Tì-bà hành » nhờ một bản dịch gọi cảm.

NGUYỄN-VĂN

長恨歌

漢 皇 重 色 思 傾 國
御 宇 多 年 求 不 得
楊 家 有 女 初 長 成
養 在 深 閨 人 未 識

天 生 麗 質 難 自 棄
一 朝 選 在 君 王 側
四 眸 一 笑 百 媚 生
六 宮 粉 黛 無 顏 色

元 收 頭 得 流 雲 閣 行 薄 清 情 色 聲 取 去 中 庭 衣 錦 舊 柳 眉 垂 日 時 華 掃 新 老
前 人 播 不 和 蓄 劍 人 色 山 暮 心 斷 龍 能 立 死 靈 馬 依 矣 如 淚 開 落 秋 不 髮 蛾
馬 無 玉 救 相 風 登 少 日 蜀 菜 傷 腸 迴 不 泥 空 畫 信 皆 未 柳 不 花 葉 多 紅 白 青
眉 地 雀 面 淚 漫 紆 下 光 碧 朝 月 鈴 轉 璫 下 顏 顧 門 苑 榮 面 何 事 相 內 陪 弟 並
蛾 垂 金 掩 血 散 榮 山 無 木 朝 見 聞 地 崎 嶇 玉 相 都 池 笑 如 如 挑 梧 南 滿 子 阿
轉 鈿 翹 王 看 埃 樓 嶺 旗 江 主 宮 雨 旋 此 鬼 見 臣 望 來 淚 榮 此 風 雨 宮 葉 團 房
宛 花 翠 君 回 黃 雲 岫 旌 蜀 聖 行 夜 天 到 馬 不 若 東 歸 太 笑 對 暮 秋 西 落 梨 柳

池 脂 力 時 搖 宵 起 朝 眠 夜 人 身 夜 暮 土 戶 心 女 雲 間 竹 足 來 曲 生 行 止 里 何
清 凝 無 澤 步 春 高 平 閒 轉 千 一 侍 和 製 門 母 生 青 處 絲 不 地 衣 履 南 復 餘 泰
華 洗 婚 思 金 度 日 不 無 夜 三 在 婚 醉 皆 生 父 重 入 處 凝 看 動 羽 烟 西 行 百 無
浴 滑 起 承 顏 瓊 短 玉 宴 遊 麗 愛 成 罷 弟 彩 下 男 處 飄 舞 王 鼓 震 開 騎 搖 門 發
賜 木 扶 新 花 張 苦 君 侍 春 佳 寵 狀 雲 兄 光 天 生 高 風 漫 碧 葉 宛 城 萬 搖 都 不
寒 泉 兒 是 曾 榮 宵 此 歡 從 宮 千 履 樓 妹 博 今 重 宮 樂 樂 日 陽 破 重 乘 華 出 軍
暮 溫 停 始 雲 艾 春 從 承 春 後 三 登 玉 姊 可 遂 不 曉 仙 纈 畫 漁 鶯 九 千 翠 西 六

PHIÊN - ÂM

- 1.- Hán hoàng trọng sắc tư khuyh quốc,
Ngự vũ * đa niên cầu bất đắc.
Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành,
Dưỡng tại thâm khuê (1) nhân vị thức.
- 5.- Thiên sanh lệ chất nan tự khi :
Nhất triều tuyền tại quân vương trác.
Hồi mâu nhất tiêu, bách mị sanh,
Lục cung phần đại * vô nhan sắc.
- 9.- Xuân hàn tứ dục Hoa-thanh trì, *
Ôn tuyền thủy hoạt tây ngưng chí.
Thị nhi phù khí (2) kiêu vô lực.
Thĩ thị tán thừa ân trạch thì.
- 13.- Vân mấn hoa nhan kim bộ diêu *.
Phù dung trường * noãn độ xuân tiêu.
Xuân tiêu khổ đoán, nhật cao khí.
Tùng thử quân vương bất táo triều.
- 17.- Thừa hoan * thị yến vô nhân hạ,
Xuân tủng xuân du, dạ chuyên dạ.
Hậu cung * giai lệ tam thiên nhân,
Tam thiên sủng ái tại nhất thân.
Kim ốc * trang thành kiều thị dạ,
Ngọc lâu * yến bãi túy hoá xuân.
- 23.- Tỉ muội đệ huynh giai liệt thữ,
Khả liên quang thái sanh môn hộ ;
Toại linh thiên hạ phụ mẫu tâm
Bất trọng sanh nam, trọng sanh nữ.
- 27.- Li-cung * cao xư nhập thanh vân,
Tiên nhạc phong phiêu xư xư văn.
Hoãn ca mạn vũ ngưng ti trúc,
Tận nhật quân vương khan bất túc...
Ngư-dương * bề cồ động địa lai,
Kính phá Nghê-thường vũ y khúc. *

(1) Có bản chép : Xuân khuê.

(2) Còn đọc là : Khởi.

覺來舉舞千兩王茫絕長處霧縈去扇細堅見湖知殿時鳥枝盡期
睡堂飄衣閣帶君渺愛月寒塵深將一分細相寄心生語異理時絕易
新下飄羽淚春謝兩恩日人見未寄合合全會重兩長私比遠有無居
偏整袂裳冥枝睇容裏中望安物叙叙金似聞勤誓日人作為久編白
半不仙寬寂一凝音殿宮下長舊金一黃心人殷有七無願願地綿
馨冠吹似容花情別陽菜頭見將合留學教上列中月半天地長恨
雲花風猶玉斜含一點蓬回不惟細叙叙叙但天臨朝七夜在在天此

(772.846)

照服夜天重共年夢寒魄思竟電徧泉見山聞起子真是扁成使驚惻開
悄成長曙華與經入都魂轉勤如之黃不仙綴雲仙太差玉雙子魂排邁
思未初欲霜誰別來鴻致報殷奔求下皆有縹五多字參叩報天夢走迨
飛盡此河冷寒死曾士誠王士氣地落茫茫上無瓏約人鏡扇玉家裏枕屏
螢挑鐘星瓦余生不道精君方取入碧茫茫海虛玲緯一花西小漢帳推銀
殿燈遲耿耿翠卷魄印以感教雲天窮處聞在閣中有眉闌教道華衣箔
夕孤遲耿耿鶯鶯怨魂臨能為送排升上兩懸山樓其中雷金轉聞九攬珠



- 33.— *Cửu trùng * thành khuyết yên trần sanh,
Thiên thặng * vạn kỷ (3) tây nam hành.
Thủy hoa * điều điều hành phục chí,
Tây xuất đó môn bách dư lý, *
Lục quân * bất phát vô nại hà,
Uyển chuyển nga mi * mã tiền li. (= tử)*
- 39.— *Hoa diên * ủy địa vô nhân thân,
Thủy kiều kim tước ngọc tao đầu. *
Quân vương yểm diện cửu bất đắc,
Hồi khan huyết lụy tương hóa lưu.*
- 43.— *Hoàng ai tán mạn phong tiêu tác,
Vân sơn oanh vũ đặng Kiếm-các *.
Nga-mi * san hạ thiêu nhân hành,
Tinh kỳ vô quan nhật sắc bạc.*
- 47.— *Thục * giang thủy bích, Thục san thanh.
Thánh chúa triều triều mộ mộ tình :
Hành-cung * kiến nguyệt thương lâm sắc,
Dạ vũ vân linh trường đoan thanh.*
- 51.— *Thiên tuyền địa chuyển hồi long ngự *,
Đáo thử trừ trừ bất năng khứ.
Mã-ngột * pha hạ nề thờ trang,
Bất kiến ngọc nhan, không tử xú.*
- 55.— *Quân thần tương cố tận triêm y,
Đông vọng đó môn tín mã qui,
Quý lai; trị uyển giai y cựu :
Thất-dịch phủ dung, Vị-trương liêu. (= liểu)*
- 59.— *Phủ dung như điện, liêu như mi,
Đối thử như hà bất lụy thủy !
Xuân phong đào lý * hoa khai nhợt,
Thu vũ ngọc đồng * điệp lạc hừ.*
- 63.— *Tây cung nam nội * đa thu thảo,
Lạc điệp mãn giai hồng bất tảo
Lê viên đệ tử * bạch phát tán.
Tiêu phòng a giám thanh nga lão *.*

(3) Có bản chép : *vạn thặng.*

- 67.— *Tịch diện huỳnh phi tử thiêu nhiên,
Cổ đặng khiêu tạn, vị thành miên.
Tri tri chung cổ sơ trường dạ,
Cảnh cảnh tinh hà dục thụ thiên.*
- 71.— *Uyển ương ngổa * lân, sương hoa trọng,
Phi thủy khảm * hận, thủy dĩ cộng ?
Du du sanh tử biệt kinh niên,
Hồn phách bất tăng lai nhập mộng.*
- 75.— *Lãm-cùng đạo sĩ Hồng-dó khách *.
Năng dĩ tinh thành tri hồn phách,
Vị cảm quân vương triều chuyển tư,
Toại giao phương sĩ ân cần mịch,*
- 79.— *Bài văn ngự khí bốn như điện,
Thăng thiên nhập địa cầu chi biến :
Thượng cùng bích lạc, hạ hoàng tuyền, *
Lưỡng xít mang mang giai bất kiến.*
- 83.— *Hối văn hải thượng hữu tiên san,
San tại hư vô phiêu miểu (4) gian.
Lâu các linh lung, ngũ vân khí,
Kỳ trung ước ước đa tiền tử ; (= tử)
Trung hữu nhất nhân tự Thái-Chân,
Tuyết phu hoa mạo sám si thị.*
- 89.— *Kim khuyết tây tương (5) khẩu ngọc quynh,
Chuyển giao Tiêu-Ngọc báo Song-thành. *
Vân đạo Hán gia thiên tử sứ,
Cửu hoa trưởng * lý mộng hồn kinh.*
- 93.— *Lãm y thời chăm khí bồi hồi,
Chu bạc ngân bình (6) dĩ lý khai,
Vân kế bán thiên, tân thủy giác,
Hoa quan bất chỉnh, hạ đường lai.*

(4) Còn đọc trại là *phiêu diểu.*

(5) Cũng đọc trại là *sương.*

(6) Có bản chép : *ngân cầu.*

97.— Phong suy tiên mẹ phiêu phiêu cũ,
Do tỵ Nghệ-thường vũ y vũ.
Ngọc dung tịch mạc luy lan can :
Lê hoa nhất chi xuân đại vũ.

101.— Hàm tình ngưng thế tạ quán vương.
Nhất biệt âm dung lưỡng diêu mang.
Chiêu-đương điện * lý ân ái tuyết,
Bồng-lai * cung trung nhật nguyệt trường.

105.— Hồi đầu hạ vọng nhân hoàn xứ,
Bất kiến Trường-an *, kiến trần vụ.
Duy tương cự vật biểu thâm tình,
Điền hạp kim xa (?) kỳ tương khứ.

109.— Xa tru nhất cổ, hạp nhất thiên, (8)
Xa phách hoàng kim, hạp phân điện.
Đẫn giao tâm tỵ kim điền kiến :
Thiên thượng nhân gian hội tương kiến.

113.— Lâm biệt ân cần trọng kỳ từ, (= từ)
Tư trung hữu thế lưỡng tâm tri,
Thất nguyệt thối nhất Trường-sanh điện,*
Dạ bản vô nhân, tư ngữ thì :

117.— « Tại thiên nguyện tác dĩ dục điều,
« Tại địa nguyện vi liên lý chi. »
Thiên trường địa cửu hữu thì tận,
Thử hạp miên miên vô tuyết kỳ. (9)

BẠCH-CU-DỊ
(772-846)

(7) Còn đọc trại là : xoa, thoa.

(8) Còn đọc trại là phiến.

(9) Chúng tôi theo bản đăng trong quyển « Đường thi Tống từ tuyển » của Diệp-Sở-Sành do « Chính trung thư cục » phát hành vì nó là sách giáo-khoa (in lần đầu năm 1936, in lại lần sau cuối năm 1950).

NGHĨA

HẬN TÌNH MUỐN THUỞ

I.— PHÁ-ĐỀ (1.6)

- 1.— Vua Hán trọng sắc, mơ người đẹp nghiêng nước,
Thống-trị thiên-hạ đã lâu năm, cố tìm trang quốc-sắc mà không gặp.
Họ Dương có cô con gái vừa mới lớn lên
Bị nuôi giữ trong buồng kín, thành thử chưa được ai biết.
- 5.— Nhưng giai nhân trời sanh dễ gì bị bỏ quên,
Nên một sớm được chọn ngồi bên mình vua.
Mỗi lần quay đầu liếc con người mà cười, là nảy ra trăm vẻ kiều mi.
Má phấn mày lam ở sáu cung thành như nhạt mất cả nhan sắc.

II.— MỐI TÌNH VƯƠNG-GIẢ CHO ĐẾN NGÀY CÓ LOẠN (7.50)

a) Minh-Hoàng yêu Quí-Phi cách nào (7.30)

- 9.— Đến mùa xuân lạnh, vua cho nàng tắm ở ao Hoa-thanh ;
Nước: suối ấm tuôn chảy, gội sạch làn da trắng mịn như mỡ đông.
Con hầu nâng dậy, nàng eo lả như không đủ sức đứng lên.
Đó là lúc mới được hưởng ân-huệ của vua ban cho.
13. - Trên búi tóc mây của người mặt hoa, khẽ rung cành hoa bằng vàng.
Mùng nhuộm phủ-dung ẩm-áp ủ những đêm xuân của nàng.
Khẽ nổi đêm xuân quá ngắn, mặt trời vội lên cao.
Từ đó nhà vua không thị triều sớm nữa.
- 17.— Nào gây cuộc vui, nào dự yến hội, không bao giờ được nhàn rồi.
Toàn là những mùa xuân vui chơi, đêm này sang đêm khác vẫn thế.
Trong hậu cung, giai nhân cả thầy ba nghìn người,
Ba nghìn mối yêu đương từ nay chỉ trứ vào một mình nàng.
Trong nhà vàng, lúc trang-diễm xong, người mắng to hầu hạ suốt đêm.
Và trên lầu ngọc, khi tiệc tan, người say ôm ấp hoa xuân.
- 23.— Anh chị em thấy đều được vua chia đất.
Nghĩ mà mừng cho nhà cửa hàn vi, nay bỗng rộng rở,

Khiến cho khắp thiên hạ, lòng những kẻ làm cha mẹ
Đều hết chuộng sanh con trai, mà lại chuộng sanh con gái!

27.— Cái cung ở núi Li, cất nơi khá cao, đâm nóc lên mây biếc.
Khúc nhạc thần tiên theo gió đưa, đồng vọng khắp nơi.
Lời hát êm, điệu múa chậm khiến cho tiếng trúc tơ thong thả lại,
Suốt ngày vua xem mãi, mà vẫn thấy chưa đủ thỏa.

b.— *Minh-Hoàng lánh nạn và Quý-Phi bị bắt phải tự tử (31-50).*
Bỗng từ Ngự-dương, tiếng trống trận kinh-thiên động-địa vọng đến,
Làm giết mình tan rã khúc «Nghê thường vũ y».

33.— Bụi mù bốc lên ở cửa hoàng thành.
Nghìn xe muôn ngựa vùng chạy đi nẻo tây-nam.

Cờ thụy hoa phơ phất long lay, khi đi khi nghỉ.

Ra khỏi kinh-dô về hướng tây chừng hơn trăm dặm,
Quân sĩ thành linh không chịu đi nữa, còn biết làm sao.

Người đẹp mây ngai đành phải chết trước đoàn xe ngựa.

39.— Bao nhiêu đồ thủ sức rơi rụng xuống đất, không ai lược:

Nào lông đuôi chim trĩ, nào se se bằng vàng, nào trâm ngọc,

Vua chỉ còn nước giấu mặt, không phương gì cứu được.

Thàng hoặc có ngoảnh đầu trông lại, thì mắt tuôn giòng lệ pha máu.

43.— Bụi vàng tung bay, gió bụi hắt.

Lối đi lót gỗ thông lược quanh co, trèo lên đèo Kiếm-các.

Dưới chân núi Nga-mi chẳng mấy người qua lại.

Cờ xí nhạt màu, mặt trời phai thắm.

47.— Tới đất Thục, giữa vùng sông biếc, núi xanh,

Sớm sớm chiều chiều lúc nào vua cũng nghe hận tình vương vấn.

Ở hành cung dòm ra, thấy gương trắng sáng mà đau lòng,

Và những đêm mưa, nghe tiếng chuông ngân mà đứt ruột.

(Còn tiếp)

YÃ-MẠC và TRINH-NGUYỄN

dịch và chú-giải



A — TIN TRONG NƯỚC

1. — LỄ THÀNH-ĐẢN ĐỨC KHỔNG-TỬ TẠI SÀI-GÒN

Ngày 28-9-1959, hồi 8 giờ 30 sáng, tại Phòng Khánh-Tiết Tòa Đô-Chính Sài-gòn đã cử-hành Lễ Kỷ-niệm Thành-Đản Đức Khổng Phu-Tử do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục tổ-chức.

Đúng 6 giờ, Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, Đại-Diện Tổng-Thống tới chủ-tọa buổi lễ. Ngoài ra các Vị Bộ-Trưởng, Dân-Biểu Quốc-Hội, thân-hào, nhân-sĩ, đại-diện các đảng chính-trị, văn-hóa xã-hội, có một số đồng quan-khách Việt-Nam, ngoại-quốc nam nữ học-sinh tham-dự.

Sau phần nghi lễ, buổi lễ bắt đầu bằng một bài diễn-văn khai-mạc của Ông Giám-Đốc Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, (có đăng trong số này).

Tiếp đến là diễn-văn của Ông Phó Hội-Trưởng Hội Khổng-Học Việt-Nam nêu rõ nền đạo-lý Khổng-Học ảnh-hưởng mạnh mẽ ở Việt-Nam và kể sơ-lược tiêu-sử của Đức Khổng Phu-Tử.

Sau cùng là bức Thông-diệp của Tổng-Thống do Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục đọc trước chủ-tọa. (có đăng trong số này).

Buổi lễ đã cử-hành rất long-trọng.

— Cũng trong ngày này, tại các Viện, Nha thuộc Bộ và đồng-thời ở các tỉnh cũng đã tổ-chức buổi lễ Kỷ-niệm Đức Khổng Phu-Tử rất long trọng.

2. — TIỀN HỌC-BỔNG CỦA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC TRỢ-CẤP CHO CÁC SINH-VIÊN VIỆT-NAM DU-HỌC Ở NGOẠI-QUỐC TỪ 1954 ĐẾN 1959

Từ năm 1954 đến nay, Bộ Quốc-Gia Giáo-dục đã trợ-cấp học-bổng cho 665 sinh-viên du-học ở ngoại-quốc. Tổng-cộng số tiền trợ-cấp về học-bổng đã lên tới 15.284.276\$00 chia ra như sau :

| | |
|------------------------------|-------------|
| Niên-khóa 1954-1955. | 3.525.276\$ |
| Niên-khóa 1955-56 | 2.472.000\$ |
| Niên-khóa 1956-57 | 3.418.250\$ |
| Niên-khóa 1957-1958. | 2.868.750\$ |
| Niên-khóa 1958-1959. | 3.000.000\$ |

Trong số 665 sinh-viên được hưởng học-bổng có 511 sinh-viên cấp học-bổng toàn phần và 154 sinh-viên được cấp học-bổng bán-phần.

3. — NHA NGHI-LỄ PHỦ TỔNG-THỐNG VỪA PHÁT-HÀNH QUYỀN « DANH-SÁCH CÁC NHÂN-SĨ »

Nha Nghi-Lễ Phủ Tổng-Thống vừa phát-hành quyền « Danh-sách các nhân-sĩ » năm 1959.

Quyền sách này dày 130 trang gồm danh-sách các nhân-vật cao-cấp Việt-Nam và các nhân-vật thuộc các cơ-quan trực-thuộc Phủ Tổng-Thống và các Bộ.

Ngoài ra còn có danh-sách các vị Dân-Biểu Quốc-Hội Lập-Pháp Khóa I và các Nghị-viên Đô-Thành, các vị chức-sắc tôn-giáo, thành-phần ngoại-giao-đoàn, lãnh-sự-đoàn và các Tòa Đại-diện ngoại-quốc ở Việt-Nam.

Kèm theo danh-sách các nhân-sĩ kể trên còn có bản liệt-kê các lễ quốc-khánh của các nước bạn, các lễ chính-thức của Việt-Nam Cộng-Hòa trong năm 1959 và bản liệt-kê các quốc-gia đã có mối bang-giao chính-thức với Việt-Nam Cộng-Hòa.

4 — MỘT LUẬT-SƯ PHÁP ĐIỀU-TRA VỀ « PHỤ-NỮ VIỆT-NAM » CHO ĐÀI VÔ-TUYẾN TRUYỀN-THANH VÀ TRUYỀN-HÌNH PHÁP

Luật-sư Roger Bateau, người đã nhiều lần viết báo đề-cập đến Đông Nam-Á vừa được đài Vô-tuyến Truyền-thanh và Truyền-hình Pháp ủy-thác làm một thiên phóng-sự về phụ-nữ Việt-Nam.

Thiên phóng-sự sẽ nói đến nhiệm-vụ của phụ-nữ Việt-Nam trong gia-đình và ngoài xã-hội từ trước cho đến nay và đồng-thời cũng đề-cập đến những hoạt-động chánh-trị của giới nữ-lưu trong thời-đại mới của nước Việt-Nam.

Ông Roger Bateau đã tới Sài-gòn và ngày 25-9-59 ông đã hiện-hộ trước Tòa Thượng-Thẩm Sài-gòn cùng các Luật-sư Vương-Quang-Nhường và Vũ-Văn-Huyền về một vụ kiện bản-quyền tác-giả.

5. — TRƯỜNG SINH-NGŨ MỞ LỚP DẠY VIỆT-NGŨ CHO CÁC NGOẠI-KIỀU

Trường Sinh - ngữ trong khu Trường Đại-học Sư-phạm đã mở thêm ban Việt-ngữ dành riêng cho các ngoại-kiều theo học tiếng Việt. Đơn xin nhập học đã được thu-nhận tại Văn-phòng của nhà trường số 221 Đại lộ Cộng-Hòa Sài-gòn.

Trường Sinh-ngữ được thành-lập từ năm 1956, ngoài ban Việt-ngữ dành cho ngoại-kiều, còn có các ban Pháp-ngữ, Anh-ngữ, Đức-ngữ, I-Pha-Nho-ngữ, Nhật-ngữ và Hoa-ngữ.

Lớp dạy Việt-văn cho ngoại-kiều khai-giảng vào ngày 15-10-59 và giảng dạy mỗi tối từ 18 giờ đến 20 giờ. Khóa học sẽ kéo dài trong ba năm và học-phi mỗi tháng là 100 đồng.

6. — VIỆC PHÁT-HÀNH MỘT QUYỀN SÁCH CHUYÊN-KHOA THỐNG-KÊ BẢNG VIỆT-NGŨ VÀ ANH-NGŨ

Viện Quốc-Gia Hành-Chánh vừa phát-hành một quyền sách chuyên-khoa thống-kê mà tác-giả là ông Wayne W. Snyder nhân-viên trong Phái-đoàn cố-vấn Đại-Học đường Michigan, giáo-sư khoa thống-kê tại Viện Quốc-Gia Hành-Chánh từ năm 1956.

Sách này dài 706 trang, gồm những bài và đề thi bằng Anh-ngữ đối-chiếu với Việt-ngữ. Công cuộc phiên-dịch sách này do các ông Trần-Long và Nguyễn-Tiến-Hoanh đảm-nhận.

Về quyền « Phương-pháp Thống-kê » này, tác-giả đã mô-phỏng sự trình-bày của quyền « Applied général Statistics » của F.E. Croxton và D.J. Gowden

Không kể những bài giảng về thống-kê được Viện Quốc-Gia Hành-Chánh phát-hành trong những năm trước, quyền « Phương-pháp Thống-kê » là tác-phẩm đầu tiên bàn về khoa này được phát-hành bằng Việt-ngữ.

7.— MỘT CHUYÊN-VIÊN TỒ-CHỨC VĂN-HÓA LIÊN-HIỆP-QUỐC ĐẾN THĂM VIẾNG VIỆT-NAM

Ông Charles Madge, giáo-sư Khoa-học Xã-hội tại Đại-Học-Đường Birmin (Anh-Quốc), chuyên-viên Tồ-chức Văn-Hóa Liên-Hiệp-Quốc về giáo-dục căn-bản ở Ấn-Độ và Thái-Lan, đã từ Nam-Vang đến Saigon hồi 11 giờ sáng ngày 9-9-59 để thăm viếng Việt-Nam trong một tuần lễ.

Ông Charles Madge được ủy-thác sứ-mạng giúp-đỡ các chuyên-viên về giáo-dục căn-bản tại các quốc-gia Đông-Nam Á, cải-thiện cộng-cuộc bành-trướng kỹ-thuật phồng-định.

Chiều 9-9-59, ông Charles Madge cùng với các ông Silistrelli, quyền đại-diện Tồ-Chức Văn-Hóa Liên-Hiệp-Quốc ở Việt-Nam, và Nguyễn-Khắc-Kham, Tổng Thư-Ký Ủy-Hội Quốc-Gia Việt-Nam về Tồ-chức Văn-Hóa Liên-Hiệp-Quốc, đã hội-đàm với ông Nguyễn-Minh-Truyết, Chánh Văn-phòng phụ-trách Tồ-chức Văn-Hóa Liên-Hiệp-Quốc Sự-vụ tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, đại-diện ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục trong khi ông Bộ-Trưởng vắng mặt.

Kể đó, ông đến thăm viếng Nha Tổng Giám-Đốc Kế-Hoạch và đã được các ông Huỳnh-vân-Diêm, Tổng Giám-Đốc Kế-Hoạch và Nguyễn-Bích-Liên, Tổng Thư-Ký Ủy-Ban Quốc-Gia phát-triển cộng-đồng, tiếp đón.

8.— THÔNG-CÁO CỦA BAN TỒ-CHỨC « CUỘC THI TRÌNH-DIỄN THOẠI-KỊCH » VỀ GIẢI-THƯỞNG « VĂN-NGHỆ 1959 »

Nhân dịp Tết Cộng - Hòa 1959, Liên - Đoàn Công - Chức Cách-Mạng Quốc-gia, Văn-Đoàn Vi-Dân và Văn-Hóa Vụ phối hợp tổ-chức một « cuộc thi trình-diễn thoại kịch » và đặt 4 giải thưởng dành cho các Bạn Văn-Nghệ trong toàn-quốc tham-dự không phân-biệt Dân Quân Chính.

Giải « Văn-Nghệ 59 » gồm có :

— 1 giải thưởng cho Nam và một cho Nữ diễn-viên xuất-sắc nhất.

— 1 giải thưởng về đồng-đội cho Ban nào diễn-xuất đều nhất.

— 1 giải thưởng cho kịch-phẩm được diễn có ý-nghĩa nhất.

Ngày khóa sổ cuộc thi ấn-định vào ngày 1-10-59 và cuộc thi trình-diễn Văn-Nghệ bắt đầu từ ngày 17 đến 25-10-59 tại rạp Thống-Nhất Sài-gòn.

9.— MẤY CUỘC TRIỂN-LÂM TẠI SÀI-GÒN

* Sáng ngày 5-9-59 tại phòng Thông-Tin ở Đường Tự-Do, ông Trần-Chánh-Thành, Bộ-Trưởng Bộ Thông-Tin và Thanh-Niên đã khai-mạc cuộc triển-lãm hình-ảnh về Cộng-Hòa Liên-Bang Tây-Đức do Sứ-Quán Tây-Đức ở Sài-gòn tổ-chức.

Trong số nhiều tân-khách tham-dự cuộc lễ này, người ta nhận thấy sự hiện-diện của các nhân-viên Ngoại-giao đoàn và Lãnh-sự Đoàn, các đại-diện của các cơ-quan thông-tin Việt-Nam và Ngoại-Quốc và các đại-diện của các giới ở Thủ-Đô.

Những hình-ảnh trưng-bày rất khéo với những lời giải-thích của các nhân-viên trong Tòa Đặ-Sứ Liên-Bang Tây-Đức, đã giúp cho các tân-khách có được một ý-niệm rõ rệt về đời sống hiện nay ở Tây-Đức.

* Nhân một cuộc hội-hợp mới đây của Nghiệp-đoàn hội-họa Việt-Nam, một phòng triển-lãm thương-trực tại Sài-gòn đã được dự-trù thiết lập để trưng bày các họa-phẩm của các đoàn-viên Nghiệp-đoàn. Ngoài ra, nhân cuộc hội-hợp này, sáu ban phụ-trách về các ngành hội-họa, sơn mài, đồ gốm, trang-trì, quảng-cáo và kiến-trúc cũng đã được dự-định thành-lập.

Ban phụ-trách hội-họa, là một ban quan-trọng nhất có nhiệm-vụ nghiên-cứu việc phát-triển ngành hội-họa và việc tổ-chức triển-lãm các họa-phẩm ở trong nước và ngoại quốc.

Họa-sĩ Tú-Duyên, đã được bầu làm Trưởng-Ban Hội-Họa ; đồng thời ông Trần-văn-Nét cũng đã được cử làm Trưởng-Ban Sơn mài, ông Nguyễn-vân-Hiến, Trưởng ban đồ gốm, ông Nguyễn-ngọc-Kiên, Trưởng-Ban kiến-trúc, ông Nguyễn-văn-Tú, Trưởng-ban Hội-họa trang trí và ông Châu-quốc-Hóa, Trưởng-ban hội-họa quảng-cáo.

✱ Hằng năm Hội Văn-hóa Việt-Nam mở cuộc triển-lãm Hội-Họa và Điêu-khắc vào thượng tuần tháng 12 dương-lịch tại Phòng Triển-lãm Đô-Thành. Các Họa-sĩ và Điêu-khắc có ý-định tham-dự có thể đến liên-lạc với Ban Thường-Trực số 52 Phạm-Hồng-Thái, Sài-gòn.

Dưới đây là điều-kiện dự cuộc triển-lãm nói trên :

1.— Hội Văn-Hóa Việt-Nam toàn quyền lựa chọn tranh, tuy nhiên đề-tài tự-do.

2.— Số tranh tối-đa là 4 tấm, nhưng tổng-cộng không quá 2 thước vuông.

3.— Việc trưng-bày ở phòng Triển-lãm do ban tổ-chức toàn-quyền định đoạt theo kế-hoạch chung.

4.— Tranh dự triển-lãm sẽ gộp tại số 52 Phạm-Hồng-Thái, nhưng khi bế-mạc, họa-sĩ phải tự đem tranh không bán được về ngay sau lúc bế-mạc ; sau 24 tiếng đồng hồ, Hội Văn-hóa Việt-Nam không chịu trách-nhiệm về những tranh này.

5.— Số tiền bán tranh được sẽ được trích ra 15% bỏ vào ngân-khoản chi-phi và quỹ Hội Văn-hóa Việt-Nam.

6.— Hạn định ghi tên cuối cùng : 15-11-1959

Hạn định cuối cùng gộp tranh : 1-12-1959

✱ Dưới sự bảo-trợ của Hiệp-Hội Thái-Bình-Dương Tự-do, Phòng Triển-Lãm Họa-phẩm của Họa-sĩ Tả-Bạch-Đào đã được khai mạc hồi 16 giờ chiều 28-9-59 tại Phòng Thông-Tin Đô-Thành, (Sài-gòn).

Trong số rất đông nhân-vật đến dự lễ khai-mạc này, người ta nhận thấy có nhiều nhân-vật cao cấp Việt-Nam, các nhân-viên Ngoại-giao đoàn cùng đại-diện các Hội Văn-Nghệ, và đại-diện các giới Hoa-Kiều cùng đại-diện báo-chí Thủ-đô.

Ông Nguyễn-Khắc-Kham, Giám-Đốc Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-gia Giáo-dục, đại-diện Ông Bộ-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục, đã cất bảng khai-mạc Phòng triển-lãm. Kế đó, ông đọc một diễn-từ ngắn để giới-thiệu họa-sĩ Tả-Bạch-Đào. Họa-sĩ Tả-Bạch-Đào nguyên quán tỉnh Hồ-Nam và hiện nay có quốc-tịch Việt-Nam. Tốt nghiệp Trường Đại-Học Kwong Wah, họa-sĩ thuộc họa-phái cổ-truyền Trung-Hoa. Những họa-phẩm của họa-sĩ đượm một sắc thái Đông-phương rõ-rệt, và hàm-sức triết-lý Lão Trang rất khác với họa-phẩm cùng loại của các họa-sĩ Tây-phương.

Đề kết-luận, Ông Nguyễn-Khắc-Kham ngỏ lời ngợi khen họa-sĩ Tả-Bạch-Đào đã đóng góp vào công cuộc phát-huy giá-trị văn-hóa Á-Châu và tài bồi Văn-Nghệ Việt-Nam Cộng-Hòa.

10. — MẤY CUỘC DIỄN-THUYẾT VỀ VĂN-HÓA

✱ Sáng ngày 13-9-59, tại trường Văn-Khoa Đại-học Sài-gòn, dưới sự bảo-trợ của Mặt-Trận Bảo-Vệ Văn-Hóa Việt-Nam, kỹ giả Hiếu-Chân đã thuyết-trình về đề-tài « Óc châm-biếm và hài hước trong Văn-chương bình-dân Việt-Nam ».

Sau lời giới-thiệu của Bác-sĩ Lý-Trung-Dung, Chủ-tịch Mặt Trận Bảo-Vệ Tự-Do Văn-Hóa Việt-Nam, ông Hiếu-Chân liền nhập-đề. Trong suốt gần hai tiếng đồng hồ, diễn-giả đã chứng-minh rằng từ thời xưa, dân chúng Việt-Nam có rất nhiều óc châm biếm và hài hước.

Ông nêu ra nhiều tác-phẩm của các văn-gia Việt-Nam nổi tiếng và nhiều thi ca bình dân để phân tách óc hài hước trong văn-chương cổ-điển cũng như cận-đại của Việt-Nam.

Sau cuộc thuyết-trình được hoan nghinh nhiệt-liệt, đã có cuộc trao đổi ý-kiến giữa diễn-giả và các thính-giả.

✱ Dưới sự bảo-trợ của Hội Khoa-học Kỹ-thuật Việt-Nam, Dược-sư Đào-Trọng-Hiếu, hội-viên của Hội đã thuyết-trình tối 24-9-59 tại rạp Thống-Nhất về đề tài « Trước ngưỡng cửa trường Đại-học Dược-khoa ».

Sau lời giới-thiệu của ông Hà-Dương-Buru, Chủ-tịch Hội kể trên, ông Đào-Trọng-Hiếu bắt đầu thuyết trình. Ông nhấn mạnh về sứ-mệnh cao cả và những cảnh thăng trầm của các dược-sĩ và trình bày chương-trình học tại Trường Đại-học Dược-khoa, những cuộc thi cuối năm và tốt-nghiệp.

Ông giải-thích về bổn-phận của một dược-sĩ mới tốt nghiệp và các luật-lệ hành nghề dược-sĩ. Ông trình bày các hoạt-động tại một hiệu dược-phẩm để vạch rõ rằng cách thức thương-mại của nghề dược-sĩ chỉ có ở bên ngoài thôi và một dược-sĩ có bổn-phận và trách-nhiệm lớn lao về sức khỏe của dân chúng.

Đề kết-luận, ông Đào-Trọng-Hiếu nhấn mạnh rằng mục-đích buổi thuyết-trình nhằm chỉ-dẫn cho thanh-niên Việt-Nam có văn-bằng Tú-tài toàn phần rõ những viễn-ảnh của nghề dược-sĩ.

* Nhân dịp lễ kỷ-niệm Đức Không Phu-Tử, vào hồi 18 giờ 30 chiều thứ Sáu 2-10-59, tại giảng-đường Trường Đại-học Văn-Khoa (Sài-gòn) có một buổi diễn-thuyết và đề tài « *Căn-bản giáo-dục của Đức Không Phu Tử* ».

Diễn-giả là ông Nguyễn-Trác, Phó Hội-Trưởng Hội Không-Học Việt-Nam.

Buổi diễn-thuyết này được đặt dưới quyền chủ-tọa của Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Hiệu-Trưởng Viện Đại-Học Sài-gòn.

* Nhân lễ kỷ-niệm Đức Không-Tử hồi 16 giờ 30 hôm 25-9-59, Viện Đại-học Huế đã tổ-chức một buổi diễn-thuyết tại đại giảng-đường của Viện, do linh-mục Nguyễn-văn-Thích, Phó Hội-trưởng Hội CĐ-học Việt-Nam, thuyết-trình về đề-tài : « *Đạo-lý sách Trung-Dụng* ».

Đến dự buổi diễn-thuyết này có rất đông thính-giả, đa số thuộc thành phần trí-thức tại cố-đô.

Sau lời giới-thiệu của Linh-mục Cao-Văn-Luận, Hiệu-Trưởng Viện Đại-học Huế, diễn-giả đã thuyết-trình đề tài rất mạch lạc và được thính-giả nhiệt liệt hoan nghênh.

11.— GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Văn-Hóa nguyệt-san đã nhận được sách mới sau đây của các tác-giả hoặc của các nhà xuất-bản gửi tặng. Xin cảm-tạ nồng-hậu và ân-cần giới-thiệu với bạn đọc thân-mến :

— *Hoa lòng (1940-1942)* là một tập thơ gồm chừng 30 bài do thi-sĩ Hoàng-Thanh sáng-tác. Từ điệu nhẹ nhàng và lưu-loát, cách trình bày sáng sủa, tranh bìa do họa-sĩ Hoàng-văn-Vui vẽ. — Sách dày 64 trang, giá bán 25\$.

— *Văn-phạm và luyện-dịch Anh-văn* (gồm có phần chữa các bài tập) giá bán 22\$, và *Ngữ-vựng Anh-văn* (gồm có phần toát-yếu về văn-phạm) giá bán 15\$, do giáo-sư Lê-bá-Kông biên-soạn cho học sinh lớp đệ-thất bậc Trung-học đệ-nhất-cấp, và do nhà Xiên-Hồng xuất-bản. Cả hai cuốn trên đây đều được chính-thức công-nhận để dùng kèm với cuốn *L'Anglais vivant* (Classe de sixième).

— *Trau giết nhân-cách* do Giáo-sư Nguyễn-văn-Đang, nguyên Đổng-Lý Văn-Phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-dục trước-tác. Soạn cuốn sách quý-giá này, tác-giả có ý-dịnh mong bỏ-khuyết cho môn đức-dục tại gia-đình và học-đường. Sách gồm 84 đề-mục, bình-giảng và hướng-dẫn bạn thiếu-niên suy-nghĩ,

nghiên-ngẫm, tìm hiểu sâu rộng về cách trau-giỏi học-văn, ý-chí, đức-tính, thân-thể, v.v., tóm lại nhắc nhớ các bạn nhiệm-vụ trau-giỏi nhân-cách và cải-tạo tinh-thần. Ngoài ra, tác-giả chú-ý giải-thích ít nhiều từ-ngữ Hán-Việt, dẫn-giải những thành-ngữ, tục-ngữ, ca-dao, châm-ngôn, cùng là điển-tích thông-thường, những câu và đoạn văn trích trong văn-học Việt-Nam và ngoại-quốc, ngõ hầu giúp các bạn thiếu-niên về phương diện trau-giỏi Việt-văn.

Thực là một cuốn sách rất cần thiết cho học-sinh Trung-học phổ-thông và chuyên-khoa, cho toàn-thể nam-nữ thanh-niên muốn có một quan-niệm xác-đáng trên trường đời. Sách dày 204 trang, do tác-giả xuất-hản, giá bán 45\$.

— *Vietnamese English dictionary* của giáo-sư Nguyễn-Đình-Hòa B.A. (Union), M.A. & Ph.D. (New-York), nguyên khoa-trưởng Đại-Học Văn-khoa. Sách dày 570 trang do nhà xuất-bản Bình-Minh phát hành, rất ích lợi cho việc dịch Việt-văn ra Anh-văn.

B. — TIN NGOÀI NƯỚC

1.— VIỆT-NAM THAM-DỰ TRIỂN-LÂM QUỐC-TẾ TIÊU CÔNG-NGHỆ TẠI LUÂN-ĐÔN

Ngày 3-9-1959, nhân lễ khai-mạc chính thức Triển-lâm Quốc-tế Tiêu công-ngệ tại Luân-Đôn, gian hàng Việt-Nam đã được các quan khách Anh và Ngoại-giao đoàn rất đặc biệt lưu tâm. Dưới sự hướng-dẫn của ông Phan-Văn-Thinh, Xứ-lý Thường-Vụ Đại-sứ quán Việt-Nam và các nhân-viên phụ trách, các quan khách đã xem-xét tỉ-mỉ các sản-phẩm sơn mài, đồ mây đan, thêu, gỗ chạm v.v...

Hàng triển-lâm do Trung-tâm Khuếch-trương Tiêu công-ngệ gửi sang, và bao trùm tất cả các ngành thủ-công ở Việt-Nam. Nhân dịp này Tòa Đại-sứ Việt-Nam tại Luân Đôn đã cho ấn-hành một sổ tài-liệu chú-giải, gồm có tranh ảnh các mỹ-phẩm tiêu công-ngệ, cùng danh-sách các nhà sản-xuất tại Việt-Nam, để giúp cho các thương-gia hoặc tư-nhân biết thêm về các khả-năng phong phú của ta trong lãnh-vực này, và có thể liên-lạc trực-tiếp với các hãng Việt-Nam, hoặc Trung-tâm Khuếch-trương Tiêu công-ngệ.

Triển lãm năm nay gồm có trên 100 gian hàng trong đó có 12 nước Âu Á-Phi tham dự — và tiếp tục tới ngày 19 tháng 9 mới bế-mạc.

2.- MỘT PHẢI-ĐOÀN BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC ĐI QUAN-SÁT Ở HOA-KỲ

Một phái-đoàn gồm 6 nhân-viên thuộc Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã lên phi-cơ từ-giã Sài-gòn ngày 13.9.59 để qua Hoa-Kỳ quan-sát trong 6 tuần lễ về sự tổ-chức nền giáo-dục ở Hoa-Kỳ.

Phái-đoàn đặt dưới sự hướng-dẫn của Ông Trần-Văn-Thuận, Đồng-Lý Văn-phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục gồm các đoàn-viên kể sau :

Ô.Ô. Trương-Công-Cừu, Khoa-Trưởng trường Đại-Học Sư-Phạm.

— Bửu-Trí, Giám-Đốc Nha Trung-Học.

— Trương-Bửu-Diên, Chánh Sự-vụ Sở Ngoại-Viện.

— Trần-Trọng-Khiêm, Chánh Sự-vụ sở Kế-Hoạch và Thống-Kê.

Cô Nguyễn-thị-Hồng, công-cán Ủy-viên.

3.- HAI GIÁO-SƯ ĐẠI-HỌC ĐI NGHIÊN-CỨU Ở NHỰT-BỒN

Ngày 13.9.59, giáo-sư Lê-Văn-Thới, Khoa-Trưởng Trường Đại-Học Khoa-học Sài-gòn và ông Nguyễn-Văn-Hai, Giáo-sư khoa-học tại Viện Đại-Học Huế, đã đáp chuyến phi-cơ thường lệ của Công-Ty P.A.A. để qua Đông-Kinh nghiên-cứu và quan-sát sự tổ-chức các phòng thí-nghiệm khoa-học tại các trường học ở Nhựt-Bồn.

Cuộc du-hành này kéo dài từ 6 đến 8 tuần lễ, đặt dưới sự bảo-trợ của Cơ-quan Viện-trợ Kinh-tế Hoa-Kỳ.

4 - GIÁO-SƯ THEODOR HEUSS, CHỦ-TỊCH DANH DỰ HIỆP-HỘI QUỐC-TẾ TỰ-DO VĂN-HÓA

Ở Béc-lin, người ta loan tin giáo-sư Theodor Heuss, cựu Tổng-thống Liên-bang Đức, đã nhận chức chủ-tịch danh dự Hiệp-hội Quốc-tế Tự-do Văn-hóa.

Các vị chủ-tịch danh dự khác của Tổ-chức là ông Jacques Maritain (Pháp), Karl Jaspers (Đức), Salvador de Madariago (Tây-ban-nha), Reinhold Niebuhr (Mỹ) và Japanarayan (Ấn-độ).

Hiệp-hội đã được các văn-nhân và bác-học thế-giới tự-do thành lập tại Liên-bang Đức năm 1950.



文化月刊

GIÁ BÁN TOÀN-QUỐC { 1 số (tư-nhân) 12\$
1 số (công-sở) 24\$

GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN
Nghị-định số 332 Cab/Sg.
ngày 5-5-1952

In tại nhà in
BÌNH-MINH
149, Đ. Yên-Đỗ — Saigon